

Văn hữu

ĐẶC BIỆT ĐỀ CẬP
ĐẾN VẤN ĐỀ

MÊ TÍN
ĐOAN

NHỮNG BỘ MẶT THỰC MÊ TÍN —
TAM GIANG ★ THỦ PHÂN TÁCH
TRẠNG THÁI NHỮNG NGƯỜI MÊ TÍN —
CÔ **BÙI TUYẾT HỒNG** ★ BÁO CHÍ VỚI
VẤN ĐỀ MÊ TÍN DỊ ĐOAN — **SĨ TRUNG**
★ NHỮNG HÌNH THỨC VỀ CHIÊM BAO
GIẢI THÍCH THEO KHOA HỌC —
THƯỢNG SỸ ★ MỘT TỆ ĐOAN MÊ
TÍN MỚI DU NHẬP VÀO MIỀN NAM :
ĐỒNG BÓNG — **HUỲNH BỘI HOÀNG**
★ NHỮNG TỤC LẠ MÊ TÍN —
TOÀN ÁNH ★ PHƯỢNG —
TÔ KIỀU NGÂN ★ MƯA GIÓ TRÊN
ĐỒI — **TẠ TỴ** ★ CHUỘC NGÀI —
HOÀNG THU LAN ★ NHỮNG TIA CHÓP
ĐẦU NÚI XA — **HOÀNG MAI** ★ NGŨ
ĐẠI DƯƠNG — **DUY ANH** ★ MẶT
TRĂNG — **DIỆU MAI** ★ BỜ MÂY —
BÙI GIÁNG ★ KỶ NIỆM — **TUẤN HUY**

**NẠN CAO BỒI
BÊN KIA BỨC MÀN SẮT**

TÀI LIỆU SƯU TẦM CỦA
NGUYỄN NGU Í

V ă n H ữ u

DO VĂN HÓA VỤ BỘ THÔNG TIN ẤN HÀNH

Tòa soạn và Trị sự: 15 đại lộ Lê-Lợi, Saigon

Đ. T. : 25.902

Giám đốc: NGUYỄN DUY MIỄN

Phụ tá : HOÀNG TRỌNG MIỄN

Với sự cộng tác của Quý Bạn :

Phần đặc biệt
(Mê Tín Dị Đoan)

TAM GIANG
Cô BÙI TUYẾT HỒNG
SĨ TRUNG
THƯƠNG SỸ
TOÀN ÁNH
NGUYỄN VĂN TOÀN
HUỖNH BỘI HOÀNG
THY LỆ KHANH
NGUYỄN ÁI LỮ

Phần sáng tác

HOÀNG THU LAN
TÔ KIỀU NGÂN
TẠ TỴ
Cô HOÀNG MAI
TUẤN HUY
DIỆU MAI
BÙI GIẢNG
ĐỖ TẤN
DUY ANH
NHẤT SƠN QUANG HẪN
VÕ VI
HOÀNG LAN
ĐÌNH HÙNG

Phần tin tức và tài liệu : NGUYỄN NGU Í — NGUYỄN THANH
VĂN — NHỊ GIANG — HOÀNG TRỌNG
MIỄN — HÀM ANH — SĨ TRUNG

Phần ấn loát : Ấn quán NGUYỄN-BÁ-TÔNG
63, Bùi-thị-Xuân — Saigon
Điện thoại : 24.225

Bài vở thư từ gửi cho : HÀ SĨ-TRUNG

Tiền bạc bưu phiếu gửi cho : NGUYỄN CỬU VINH

MỤC LỤC

— <i>Bạn đọc viết</i>	VĂN HỮU	trang III
— <i>Tại sao cần đề cập đến vấn đề Mê Tín Dị Đoan?</i>	—	1

PHẦN THỨ NHẤT (Đặc biệt về Mê Tín Dị Đoan)

— <i>Những bộ mặt thực Mê tín</i>	TAM GIANG	5
— <i>Thử phân tách trạng thái những người Mê tín</i>	CÓ BÙI TUYẾT HỒNG	14
— <i>Báo chí với vấn đề Mê tín dị đoan</i>	SĨ TRUNG	19
— <i>Một tệ đoan mê tín mới du nhập vào miền Nam : Đồng Bông</i>	HUYỄN BỘI HOÀNG	25
— <i>Những hình thức về chiêm bao dưới mắt các nhà tâm lý học và y học</i>	THƯỢNG SỸ	31
— <i>Những tục lạ Mê tín dị đoan</i>	TOÀN ÁNH	37
— <i>Nạn phù thủy ở Tây phương</i>	THY LỆ KHANH	51
— <i>Lễ cầu mát</i>	NGUYỄN VĂN TOÁN	55

PHẦN THỨ HAI (Sáng tác)

— <i>Chuộc ngải</i>	HOÀNG THU LAN	61
— <i>Bờ mây</i>	BÙI GIANG	72
— <i>Phượng</i>	TÔ KIỀU NGÂN	73
— <i>Lỗi xuân</i>	ĐỖ TẤN	80
— <i>Mật ong (khoa học thường thức)</i>	DUY ANH	81
— <i>Kỷ niệm</i>	TUẤN HUY	85
— <i>Có lái đỏ</i>	NHẤT SƠN Q. HÀN	91
— <i>Ngũ đại dương</i>	DIỆU MAI	97
— <i>Những tia chớp đầu núi xa</i>	CÓ HOÀNG MAI	111
— <i>Mưa gió trên đồi</i>	TẠ TỰ	127

PHẦN THỨ BA (tín tức và tài liệu văn hóa)

Gió Đông .. Gió Tây... — Trên đường thám hiểm không gian (trang 155) — Nạn cao bồi bên kia bức màn sắt (trang 161) — Điềm sách : đọc « Nhạc đế » của Đoàn Thêm (trang 172) — Thư mục tháng 7-1969 — Hộp thơ tòa soạn.

CÙNG NHỮNG BÀI VUI LẠ Ở RẢI RÁC KHẮP NƠI
TRONG NHỮNG TRANG LẺ

Bạn đọc viết

Trong Văn-Hữu số 6, chúng tôi có đăng một loạt ý kiến xây dựng Quỹ Văn Hóa Tín Dụng của các nhà văn và độc giả. Kỳ này chúng tôi tiếp tục trích đăng ý kiến của các nhà văn và độc giả bốn phương gửi thư về tòa soạn tỏ bày cảm tưởng. Chúng tôi rất mong các nhà xuất bản, nhà phát hành sách, báo, các nhà văn và độc giả tiếp tục gửi về tòa soạn Văn-Hữu những ý kiến để góp phần xây dựng Quỹ Văn Hóa Tín Dụng, một công tác văn hóa trọng đại mà mọi người đã và đang mong mỗi sớm thành tựu. Sau đây là ý kiến của các bạn :



« Mong Quỹ Văn Hóa Tín Dụng sớm thành lập ».— ... «*Thêm một lẽ nữa. Nếu văn nghệ thiếu nền tảng kinh tế, nếu tác phẩm thiếu phương tiện ấn loát và xuất bản, thì một cá nhân hoặc một nhóm kỹ giả, văn nghệ sĩ, dù có năng lực và có thừa thiện chí, cũng chỉ là con số không, trong xã hội, trong lịch trình tiến hóa mai sau. Việc thành lập « quỹ văn hóa » nếu được thực hiện đúng mức sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến việc nâng cao hiểu biết và kiến thức của quần chúng »...*

Ý kiến chúng tôi : «*Quỹ Văn Hóa Tín Dụng » ước gì được sớm thành lập, được điều khiển trong mục đích phục vụ văn nghệ và dân sinh, được mọi người ủng hộ để có một cơ sở tài chánh vững vàng »...*

Giáo sư NGUYỄN KHOA — Tác giả các sách giáo khoa

« Hoan nghênh ».— ... «*Đã từ lâu, tôi vẫn mong mỗi có một tổ chức kinh tế nào rộng lớn giúp cho các nhà văn Việt-Nam có thể dễ hết tâm lực, và thì giờ vào công việc văn nghệ, mà không phải như bây giờ và như bao giờ chịu làm than vì những vấn đề vật chất cấp bách hàng ngày. Bởi vì tôi vẫn chủ trương rằng nếu được đầy đủ — chứ chưa nói là thừa thãi — về vật chất, nhà văn sẽ sáng tác dồi dào hơn và gom góp được vào nền văn học xứ sở theo như ý nguyện của mình, nên, tôi rất hoan nghênh sáng kiến tổ chức Quỹ Văn Hóa Tín Dụng »...*

TRIỀU ĐẦU — Saigon

« Một việc làm cần kíp cho thực trạng văn nghệ ».— ... «*Việc lập Quỹ Văn Hóa Tín Dụng, một vấn đề khá cần thiết và hữu ích cho toàn thể văn nghệ sĩ. Tôi nhận thấy trong suốt năm năm qua, trong nước không có một tác phẩm nào có giá trị, nhất là về địa hạt sáng tác.*

Nếu lập được Quỹ Văn Hóa Tín Dụng trong lúc này thật là kịp thời. Thực trạng văn nghệ nước ta đòi hỏi phải có như vậy. Tôi mong ý kiến của quý tòa soạn về vấn đề trên được toàn thể mọi người hưởng ứng và sớm thành lập để giúp đỡ một phần nào cho giới văn nghệ sĩ »...

LÊ THÀNH NHÂN — Tùỵ-Hóa — Phú-Yên

« Vui mừng ».—... « Tôi rất vui mừng thấy quý tạp chí cổ động thành lập « Quỹ Văn Hóa Tín Dụng ». Tôi thiết tha mong ước sáng kiến này chóng thành tựu, hầu giúp ích cho anh chị em văn nghệ sĩ »...

TẾ XUYỀN — Thị-Nghè — Gia-định

« Một tác giả nóng ruột ».— ... « Tôi đã viết xong một tác phẩm văn chương, nhan đề là « Đời Trăng Thu » từ năm 1950, và đã trình Hội đồng kiểm duyệt Huế, đã được Hội đồng kiểm duyệt đóng dấu và cho số ngày kiểm duyệt hồi năm 1952 — Đến nay đã gần 10 năm mà chưa xuất bản được vì không có đủ phương tiện — Nghe tin quý tạp chí sắp tổ chức « quỹ tín dụng văn hóa » tôi đã thuê đánh máy lại 5 tập cho rõ ràng sạch sẽ, đề xin gửi vào quý Nguyệt San 1 tập bản thảo đề xin nâng đỡ »...

Ó. TRƯƠNG NHƯ TẤN

Số 56 đường Nguyễn-Hiệu — Huế — (Thành nội)

« Nên tổ chức lại mục thi ca trong Văn - Hữu ».— ... « Nhận thấy, Văn Hữu rất xuất sắc về văn, nhưng thơ lại kém sút nhiều. Ông ạ, thơ phải trang trải được những gì của hôm nay, của con người đang cầu tiến của chúng ta. Bởi vậy, cái gì xưa cũ, khuôn sáo, chúng ta phải xem như một sự chán chường. Những câu sáo cũ, âm thanh chẳng gọi lên một xúc cảm nào phong phú và hợp thời đại đỉnh cả. Tôi thành thực mong ông, tổ chức lại mục thi ca, là phải làm thế nào cho Văn Hữu chúng ta phải có một lập trường về thơ thật hùng hồn, vững chãi »...

TRẦN HỮU NGŨ — Nguyễn-Công-Trứ — Huế

« Hoan nghênh cuộc thi Truyện ngắn ».— ... « Sự thấu nhận những cây bút mới của quý báo, quả là một niềm an ủi lớn, sửa soạn một chỗ ngồi trong tương lai trên văn đàn, cũng như mở rộng cửa ngõ văn chương dân tộc. Cuộc thi Truyện ngắn hằng tháng của quý báo thật bổ ích. Tôi mong sao nó sẽ được mãi vững bền để những cây bút mới có đất tốt mà dụng võ, học hỏi thêm. Tôi sẽ không ngại tài hèn gửi đến quý tòa soạn một sáng tác mới đề gọi là góp phần đóng góp »...

Ông VĂN BÌNH-TUY — 107 Yzat Darlac

Tại sao cần đề cập đến vấn đề mê tín ?

Mê tín là một trạng thái tín ngưỡng mù quáng, sai lạc trước huyền bí, hay nói một cách tổng quát hơn, mê tín là đặt sự tôn sùng kính bái vào những vật hoặc người và tin có những phép tắc quyền lực mà sự thực người và vật ấy không có. Nguyên do là bởi thiếu sáng suốt, yếu bóng vía, và trình độ văn hóa thấp kém.

Con người ở giai đoạn bán khai cũng như dưới thời kỳ phong kiến – và ngay như dưới thời đại nguyên tử – đa số sống trong không khí mê muội và thiếu ý thức. Họ dễ là nạn nhân của tệ đoan tinh thần này.

Người lợi dụng lòng tin dễ dãi, mơ hồ của dân chúng để làm kế sinh nhai, tức là bọn buôn thần, bán thánh, biến tôn giáo ra thành các hình thức dị đoan, mê hoặc thiên hạ. Ví như Đạo Giáo của Lão-Tử, từ Trung-quốc du nhập qua Việt-Nam, đã hóa thành bùa phép cho một nhóm thuật sĩ, thầy pháp dùng ngón kiếm ăn.

Đạo Phật từ Ấn-Độ truyền sang cũng bị một hạng người lợi dụng bày ra những trò cúng bái để trục lợi. Tinh thần cao siêu của Lão giáo và Phật giáo đã bị hiểu lầm và phản bội. Tín ngưỡng hóa thành trò mê tín cho những kẻ nhẹ dạ, ít học thức.

Sự lạm dụng tôn giáo và mê hoặc dân chúng để lôi cuốn họ vào con đường dị đoan, tà thuật ngay dưới thời phong kiến, cũng đã có những đạo

luật (Hồng-Đức, Gia-Long) để nghiêm trị bọn đội lốt hành đạo mà truyền bá mê tín, như là phạt tù, đánh trượng, lưu đày.

Cho đến ngày nay, nạn đồng bóng ở nước ta đã gây nên trong dân chúng, nhất là đối với phụ nữ, những hậu quả thật là đáng sợ. Gần đây, có thêm những kẻ tự xưng là Đức Thầy, ông Đạo, cậu Trạng, xuất hiện làm điều tiền tri, chữa bệnh, và lôi cuốn những người dễ tin vào vòng mê hoặc, cuồng tín.

Các tệ đoan ấy cũng như những trò bói toán bịp bợm, đều là những hình thức ngu dân, thúc đẩy các lớp người thiếu ý thức vào một thứ « mê hồn trận » sa ngã tinh thần, kéo lùi con người ở kỷ nguyên nguyên tử trở lại về thời tiền sử.

Về mặt kinh tế, những số tiền biến thành hương khói, vàng mã, lễ vật cúng quảy cho các hình tượng huyền hoặc, hằng năm tính có hàng mấy chục triệu bạc tiêu phí cho mê tín. Ngoài ra, trên mặt *luân lý và xã hội* biết bao hạnh phúc tan vỡ, bao nhiêu gia đình gây đổ, vợ chồng chia rẽ vì sự mê tín, bói số, đồng bóng ?

Ngày nay, mê tín còn lan đến địa hạt *chính trị*. Chủ nghĩa độc tài dùng kỹ thuật tuyên truyền như một thứ pháp thuật để siêu hóa một lãnh tụ phạm tục thành một vị thần thánh, biến dân chúng thành lớp người cuồng tín, và sử dụng họ như những lá bài vô danh để thực hiện những mục đích bất chính của chủ nghĩa và thần tượng. Thế kỷ ta tự hào chế được bom nguyên tử, nhưng mắc phải tệ đoan mê tín dưới một hình thức có lẽ thoát bộ hơn khi nào cả. Gây mê tín về mặt chính trị cũng như mê tín phù phép, chỉ là những hành động ngu dân và lạc hậu cần phải diệt trừ.

Vấn đề mê tín là một vấn đề xã hội nghiêm trọng. Nếu *TÍN NGƯỠNG* là điều cần thiết để hướng thượng con người trong cuộc sống, thì trái lại, *MÊ TÍN CHÍNH THẬT LÀ THUỐC PHIỀN TINH THẦN* làm đạo lạc tâm hồn, một căn bệnh nguy hiểm và dễ truyền nhiễm.

Phần đặc biệt của *VĂN HỮU* số này, chúng tôi đề cập đến *MÊ TÍN*, *DỊ ĐẠO* để cùng các bạn nhận định về nguy cơ của vấn đề.

VĂN HỮU

Phần thứ nhất

Phần đặc biệt Mê Tín Dị Đoan của Văn Hữu số 7 này được hoàn thành với sự cộng tác của các bạn : Sĩ Trung — Tam Giang — Thượng Sĩ — Toan Ánh — Bùi Tuyết Hồng — Nguyễn Văn Toán — Huỳnh Bội Hoàng và Thy Lệ Khanh.

TAM GIANG

Những bộ mặt thực mê tín

NGUỒI ta nói rằng khí hậu nóng nực ở miền nhiệt đới thường ảnh hưởng đến não cân con người tại đây, dễ làm cho tâm trí uể oải, trầm tư. Thiên nhiên sầm uất, trời xanh nắng sáng quanh năm khiến cho con người hay mơ màng, thả tâm hồn vào cõi mộng lung.

Theo nhận xét khoa học thì hoàn cảnh địa lý có quan hệ đặc biệt đến sinh hoạt tinh thần của người ta, nhất là đối với những đầu óc còn nặng tư tưởng thần quyền, còn mang nhiều dấu vết mơ hồ huyền hoặc của thế giới ma thuật, đa thần, thời cổ.

Khoảng đất mới miền Nam Việt-Nam, theo quan niệm trên đây, là địa bàn thuận tiện cho sự phát sinh, nảy nở của những thần tượng lạ lùng, những tư tưởng kỳ dị, có khi muốn khoác lấy cái áo tín ngưỡng thần bí để dễ bề phổ cập lôi cuốn những tâm hồn cả tin.

Những hiện tượng huyền hoặc diễn ra ở trên đất này cũng đã khá nhiều. Ở đây chúng tôi chỉ nêu lên các hiện trạng tiêu biểu, có tính cách phổ biến trong dân chúng.

LỜI SẤM TIỀN TRI CỦA MỘT ĐỨC THẦY

TRƯỚC chiến tranh thế giới thứ hai, vào thời kỳ tình hình ở Đông-Dương sắp xáo trộn vì cuộc bành trướng vũ lực của quân đội Nhật-Bản theo chủ trương Đại đông Á, thì ở miền

nam Việt-Nam, từ các vùng đồng ruộng Hậu giang dân chúng bàn tán về một số câu về có tính cách tiên tri như là lời sấm. Dư luận đồn đãi rằng sắp có một bậc đạo đức, một vị Thầy lãnh sứ mạng thiêng liêng của Trời Phật xuất hiện trên đất Việt để cứu nhân độ thế. Có người còn quả quyết được thần linh báo trước cho biết ngày giờ vị tiên tri kia ra đời. Một không khí bí mật, sùng bái bao trùm lấy thần tượng đã gieo vào óc những người chất phác, dễ tin một tâm trạng nhiệt thành chờ đợi, ủng hộ. Nhiều câu sấm nửa hư, nửa thực liên tiếp truyền miệng đi, đã có một số người tự xưng là đệ tử bậc chân nhân sắp ra mắt thế gian, chỉ còn đợi ngày giờ theo đúng thiên mệnh, là xuất hiện cứu đời. Rồi có tin loan trước cho hay là đúng giờ ngọ ngày tháng đó, sẽ có một tiếng sấm nổ, núi Thất sơn sẽ nứt ra một tấm bia ghi rõ danh hiệu đức Thầy thế thiên hành đạo. Nhiều người tin thật, nhất là những dân quê thật thà, và đến đúng giờ ngày nói trước, quả nhiên có một tiếng nổ lớn rồi trên núi miền tây lời ra một tấm bia ghi tên họ vị Thầy đã thành thần tượng tôn sùng, mê tín của một lớp người ở ruộng.

Ít ai ngờ rằng trước đó ba hôm, có hai đệ tử của Thầy đang đem lên khiêng tấm bia tiên tri kia lên chôn ở trên ngọn núi với một trái mìn, rồi giật cho nổ ầm lên đúng theo lời sấm đã loan truyền trước. Chính một trong số đệ tử qui hóa của Thầy về sau này tiết lộ sự sắp đặt dàn cảnh bí mật trước của nhà tiên tri.

Tin Thầy xuất thế qua hiện tượng thần kỳ trên đây truyền đi rất lạ, số người sẵn sàng tin chuyện huyền cơ lại tán rộng thêm lên, các thuộc hạ của Thầy theo dật thêm tấm màn màu nhiệm phủ lên thần tượng vị giáo chủ của họ. Người ta đồn và tin rằng Thầy là bậc chân nhân của Trời sai xuống có phép tác thần thông, khi ẩn khi hiện, có phép tàng hình, đạn bắn không trúng, gươm đâm không thủng, đôi mắt trông suốt hàng ngàn dặm, đoán biết mọi việc sắp xảy ra, có tài chữa trị mọi bệnh bằng nước lạnh và thần chú.

Ở miền đồng ruộng hậu giang, người ta tấp nập kéo nhau đến xin Thầy chữa bệnh. Ghe xuồng chở « con công đệ tử » đến chỗ Thầy « hành đạo » như chầy hội, tiền bạc, lễ vật mang đến dâng Thầy vô số. Tay chân môn đệ của Thầy do đó mà tăng thêm đông, và có cả một bộ tham mưu lo việc

quảng cáo rầm rộ cho Thầy. Rồi chẳng bao lâu tên Thầy được tin đồn nhắc đến một cách kính cẩn, bí mật, xem là một bậc siêu phàm, bất tử. Mỗi lời Thầy nói ra được tin đồn cuồng nhiệt tuân theo răm rắp, tin rằng tin đồn của Thầy cũng bất khả xâm phạm, súng bắn không chết, gươm chém không đứt. Gặp lúc hiểm nguy, nếu kêu tên Thầy lên, thì sẽ được Thầy hiện ra cứu, vì họ tin là Thầy có mặt ở khắp mọi nơi, biết đặng vân giá võ, biến hóa, xuất quỷ nhập thần, không khác nào các vị chân tu đắc đạo trong truyện kiếm hiệp Tàu ngày xưa.

Tâm trạng trên đây xâm nhập nhiều người mê tin Thầy, và đất miền Nam đã chứng kiến các cảnh hy sinh cuồng tín của một số con công đệ tử của Thầy vào khoảng thời gian 1945-46. Các môn đệ hầu hạ quanh Thầy khoác lớp y phục như xiêm giáp, mũ măng của kẻ làm trò hát bội, và cũng mang các khí giới như trong tuồng cổ, xưng danh hiệu của các nhân vật truyện Tàu, như Tiết-đinh-San, Phàn-lê-Huê, Uất-tri-Cung, Lý-nguyên-Bá v. v... Họ tin theo lời Thầy dạy rằng tiền kiếp của họ là các danh tướng có phù phép thời trước, ngày nay hiện thân để bảo vệ Thầy mà thi hành sứ mạng thiêng liêng của Ngọc-Hoàng giao phó. Những môn đệ các cấp dưới, phần đông là dân quê dốt nát, tối tăm, lại càng nhiệt thành tin hơn nữa.

Thế rồi, vào hồi khói lửa loạn lạc, trước những miếng súng khắc lửa của đối phương, các đám môn đệ của Thầy cứ tả xống hữu đột, lẫn xả mình vào, tự tin là có phép tắc của Thầy bảo vệ cho bất khả xâm phạm, tay cầm gươm, miếng doc thần chú, hô kêu tên Thầy, họ xông lên đánh nhau. Cho đến khi thấy đạn không kiêng nể gì quyền phép thiêng liêng của Thầy, vô số môn đệ theo nhau ngã gục trong vũng máu, bấy giờ họ mới chịu vất chân lên cõ mà chạy bay theo Thầy: Song họ cũng vẫn cứ tin rằng các môn đệ của Thầy mặc dầu đã « thăng », song không thể chết được, vì đã nghĩ đến Thầy trong khi lâm nạn, thì linh hồn được thăng thiên bất tử. Cũng như họ vẫn tin rằng Thầy không bao giờ chết, mà vắng mặt trên trần thế, là vì gặp thời không thuận tiện thì Thầy ẩn lánh vào cõi u minh, rồi lại sẽ xuất hiện cứu nhân độ thế. Một vài câu sấm hư hư thực thực được tung ra để các thuộc hạ trực tiếp của Thầy giữ lòng mê tin dần dần phai nhạt của những người chất phác đối với thần tượng giáo chủ mà thực tế đã

lần lượt phơi trần bộ mặt thật của kẻ tiên tri giả, dùng sự cuồng tín của đám đông môn hạ nhiệt thành để phục vụ cho một số ít kẻ gian manh xây dựng tài sản và uy thế riêng.

KẾT TINH THÁNH THAI : RASPOUTINE NAM - VIỆT

TRƯỚC nhà tiên tri sấm ký trên đây, vào khoảng năm 1935, tại Nam-Việt xuất hiện một sư tổ lời cuốn khá nhiều cô gái bỏ nhà theo thầy học đạo.

Chủ trương của vị sư tổ này, tự xưng là theo một ngành đặc biệt của Phật giáo, mở một đường lối tu hành mới, và danh tiếng của nhà sư đã lừng lẫy một thời.

Nhà sư này không tu chùa hay lên núi ở, mà lập ngay bản doanh tại một vùng ngoại ô ở Gia-Định, với một số nữ đệ tử còn trong trắng, thường gọi giáo chủ là thánh sư. Thánh sư ở một gian nhà lớn chính giữa còn các nữ đệ tử thì mỗi người ở một phòng riêng bao vây chung quanh thánh sư, y như lối tổ chức tam cung lục viện của hoàng đế ngày xưa. Các nữ đệ tử một khi theo thánh sư tầm đạo, cũng phải thí phát, khoác sắc phục nâu sồng, và đem hết của cải dâng cúng cho Thánh sư sử dụng.

Kỷ luật tổ chức của Thánh sư bắt buộc các nữ đệ tử ngày ngày phải làm việc như người thường, để lấy lợi tức góp vào chùa Thánh sư, và hề dẽ xuất gia học đạo rồi thì phải hoàn toàn đặt dưới sự chi phối của Thánh sư. Và Thánh sư đã dạy rằng : muốn đắc đạo thành thánh, thành phật thì phải thông cảm với đấng Chí tôn qua người Thánh sư. Rồi mỗi đêm, Thánh sư ăn mặc y phục có vẻ tiên phong đạo cốt, đến phòng riêng của mỗi nữ đệ tử để hành đạo thông cảm, mà gọi theo danh từ của Thánh sư, là kết tinh thánh thai cho môn đệ.

Thánh sư thay mặt đấng Tối Cao Vô Hình mà thông cảm liên tục với các nữ đệ tử đến đôi lần có vào tu đạo Thánh sư chẳng bao lâu thì đạt thành công quả, khai hoa nở nhụy ra Thánh sư con.

Lối tu hành đặc biệt của Thánh sư bị báo chí hồi bấy giờ (1936) phơi trần lên mặt giấy. Thánh sư — tức là Sư Muôn — phải dời một số nữ đệ tử ôm trống đi ẩn. Các cô gái nhẹ dạ bị Thánh sư cho nuốt tiên đơn, đâm ra « đi thời cũng dở, ở không xong », sau khi bị dư luận sôi nổi kết án, phải lần lượt rời bỏ Thánh sư mà hoàn tục, cắt đứt đường tu hành thông cảm với nhà Sư hồ mang Raspoutine Nam-Việt.

ÔNG ĐẠO CẦU TỰ

ĐẤT Mỹ-Tho có một khu đất như hòn cù lao, nằm trên sông Cửu-Long, cách đây mấy năm, một hôm bỗng phát sinh ra một ông đạo. Các bà muôn con hay sinh nở hiếm hoi gọi tên là ông đạo cầu tự.

Ông đạo cầu tự nguyên là một nông dân xuất thân, người cao lớn, khỏe mạnh, đang cày sâu cuốc bẫm, bỗng một hôm chạy từ ngoài đồng về nhà, hai mắt sòng sọc, mặt đỏ ửng, miệng lảm bảm :

— Ai biết ta đây... ai biết ta đây...

Hàng xóm, vợ con ban đầu tưởng anh chàng nổi cơn điên, song nghe có người bảo là có lẽ thần thánh gì nhập vào anh ta rồi cũng nên, rồi có người đốt nhang lên vái anh ta, thế là hôm sau nhiều người đồn rằng có đạo xuất hiện. Đạo làm lỉ ỉ nó, thỉnh thoảng hét lên như các nhân vật trong hát tuồng, khi tự xưng là Triệu-Tử-Long, lúc Quan-Bình, và tuyên bố rằng ai muốn cầu tự thì đạo sẽ giúp cho.

Một ngôi đền dựng lên ở góc vườn chuối của đạo, khói hương nghi ngút do các bà hiếm con nghe đồn kéo nhau đến cầu xin. Tiền bạc của các bà cúng khá nhiều, chẳng mấy chốc có liền mấy gian nhà gạch mọc lên để cho ông đạo thờ cúng.

Người đàn bà nào muốn cầu tự thì phải đến ở ngôi đền thờ của đạo ngủ lại một vài hôm sau khi đã tắm rửa sạch sẽ, để tiếp đón thánh thai. Khu vườn của ông Đạo bỗng chốc biến thành một phòng ngủ lớn với các mái chõl lớn nhỏ của các bà đến cầu tự dựng lên, để nằm chờ tới lượt mình. Vì ba, bốn ngôi nhà gạch của ông Đạo mới xây lên với tiền bạc của nữ đệ tử cũng không đủ chứa số phụ nữ nhiệt thành đến xin xỏ.

Tấn tuồng cầu tự diễn ra như sau đây, theo lời kể lại của các bà đã kinh nghiệm bản thân :

— Tắm gội rồi, phải mặc bộ quần áo mới tinh để nhập phòng cầu tự, người đàn bà được ông Đạo ban cho một hũn thuốc gọi là linh đơn, để uống vào cho thêm tin tưởng. Khi vào phòng rồi, cửa đóng lại kín mít, người đàn bà một mình giữa bốn vách tường dày, trước một bàn thờ lủa đầy hương nồng, nằm trên giường lót đệm đợi chờ. Trong khi chấp chờ, rạo rức vì hũn thuốc linh đơn, thì người đàn bà mơ màng thấy từ phía sau bàn thờ hiện ra một trang thiếu tú, vận sắc phục như võ tướng tuồng cổ, trông như tướng nhà trời hiện xuống, từ từ đến gần giường. Thế rồi người đàn bà mê man đi trong giây phút tiếp nhận thánh thai, và đến lúc tỉnh dậy thì không còn thấy ai nữa.

Mười bà không con, sau khi đến cầu tự cùng ông Đạo trở về, có đến chín bà thấy bụng mình to lẫn ra. Trước kết quả hiển nhiên đó, tiếng đồn ông đạo linh thiêng truyền đi xa, rất lắm bà ở các nơi lặn lội tìm kiếm đến cầu tự.

Công việc gieo thánh thai của ông đạo đang được các bà hoan nghênh đặc biệt, và khu vực hành đạo đang tiếp tục phát triển cơ sở lớn lao, thì bỗng dưng một cái, có tin rằng ông đạo đã bị nhà chức trách bắt tại trận đang truyền chủng cho một phụ nữ cầu tự.

Tấn tuồng đã diễn ra lớp lang như sau :

— Ông đốc phủ A. ở hậu giang có một người vợ đẹp, vợ chồng ăn ở với nhau đã mấy năm mà vẫn không con. Bà vợ đi khắp đền chùa cúng bái để xin bề trên lấy một mụn con, nhưng ngày tháng qua mà bụng vẫn không thấy lớn. Ông chồng đi khám bác sĩ mới hay rằng không bao giờ mình có thể truyền giống sinh con được vì hậu quả bệnh tình trong thời trẻ trung chơi bời. Tuy vậy, ông chồng hầu không cho vợ hay, vì không muốn cho người đàn bà phải hoàn toàn tuyệt vọng là không bao giờ được làm mẹ. Nhưng ông vẫn chiều vợ cho đi lễ bái đó đây, ôm ấp hy vọng ngày kia sẽ có con bằng bề trên tay. Bà vợ nghe đồn ông đạo cầu tự ở Mỹ-Tho rất linh nghiệm, một hôm sắm sang lễ vật đến tận nơi.

Cũng như các bà không con khác đến đây lễ, bà đốc

phủ A. phải ở lại một đêm tại chùa, tắm rửa sạch sẽ để nằm mộng đón rước thánh thai. Đến lúc bà vợ trở về nhà, ông chồng cũng tưởng như những lần đi cầu tự khác, chẳng qua chỉ là một hình thức an ủi, nuôi nấng hy vọng cho các bà thôi. Nào dè, một tháng sau, bà vợ hơn hử báo tin mừng cho chồng bà có lẽ Thánh thần đã thương tình nghe đến lời khấn nguyện chân thành của vợ chồng bà. Ông phủ ngờ vực, thắc mắc nhìn cái bụng vợ mỗi ngày một lớn lên, sau đêm nằm ngủ lại cầu tự ở đền ông đạo. Y học đã chứng nhận là không thể nào có con được nữa, ông phủ đâm ra ngờ giấc mộng kết tinh thánh thai của vợ. Căn vặn hỏi, bà vợ cứ thực tình thuật lại cho chồng mọi việc đã xảy ra trong đêm hôm ấy : nào uống linh đơn của ông đạo trao cho sau khi tắm rửa sạch sẽ, nào mơ màng thấy một vị thần tướng tuấn tú, xiêm giáp oai phong, từ sau làn khói trầm tỏa ra, tiến lại sát giường bà, rồi... rồi bà thấy đẻ đẻ chìm đi trong hai tay của vị thần trong mộng. Ông phủ phân tích, cân nhắc từng đoạn của vợ kể lại và nhất quyết không tin là có thần thánh hiện ra ngủ với vợ mình. Nhưng ông vẫn lặng yên, như bao nhiêu người chồng bị cấm sừng yên lặng, và nghĩ kế lột trần sự thực việc kết tinh thánh thai của bà vợ dễ tin. Ông phủ lên Saigon thuê một cô gái giang hồ ngoài 30, giả làm vợ một tư chức xuống Mỹ cầu tự ở đền ông đạo, rồi sai thuộc hạ đóng vai người nhà đi theo.

Thế rồi đúng vào đêm ông đạo làm lễ cho cô gái giả dạng tiếp đón thánh thai, ông đốc phủ mang súng lục cùng đám bộ hạ nai nịt đến nơi bố trí rình nấp quanh đền, gần dãy phòng cầu tự. Vào lúc nửa đêm, bỗng nghe có tiếng la hoảng của đàn bà vang lên giữa im lặng của khu đền. Ông phủ cùng bộ hạ ủa về phía phòng cầu tự, có tiếng kêu, tổng cửa vào, thấy rõ trước mắt : cô gái giang hồ đang cố hết sức níu kéo áo giáp của một người đàn ông lực lưỡng, ăn mặc như là kép tuồng. Trước mấy ngọn đèn bấm xĩa thẳng vào mặt với họng súng của ông phủ đe dọa, anh chàng riu riu đưa tay lên không ai khác hơn là ông đạo cầu tự.

Sau một hồi khám xét và qua các lời thú nhận của ông đạo, ông phủ đã khám phá ra rằng ở mỗi gian buồng cho các bà cầu tự đều có một bàn thờ và dưới bàn thờ có một đường hầm bí mật ẩn thông đến phòng ngủ riêng của ông

đạo. Trên vách phòng này treo nhiều bộ xiêm giáp hát bội, để ông đạo vận vào người, đóng vai Tiết-đinh-San hay Lữ-Bổ hiện thân để nhập phòng các bà cầu tự. Mỗi đêm, tùy theo thân chủ ít hay nhiều mà ông đạo đóng vai thiên tướng, ở dưới bàn thờ chui lên để kết tinh thánh thai cho các bà. Viên linh đơn cho các bà uống là một thứ thuốc kích thích tinh dục và làm cho nửa mê nửa tỉnh, để các bà ngỡ là mình nằm mộng khi mơ màng thấy thần giáng hạ ban ơn mưa móc.

Ông đạo cầu tự bị tóm cổ liền ngay sau khi bị ông đốc phủ mọc sừng lột mặt nạ. Tính ra từ khi lập cái am nhỏ cho đến lúc xây cất đền nhà lớn, ông đạo đã nhận không biết bao nhiêu là tiền bạc của các bà đến lễ, và số các bà cầu tự nằm mộng trong tay đạo có hàng trăm. Nghĩa là có hàng trăm ông chồng bị ông đạo cầm sừng, và số con cầu tự của ông đạo gieo giống cũng có hàng chục tá.

VỊ THẦN SINH DỤC

AI ở Saigon, mỗi lần đi qua ngôi chùa nhập cảnh đầy màu sắc Ấn-độ ở con đường đua thẳng vào vườn Bờ-Rô, cũng thấy lắm bà, lắm cô xúm xít khấn vái, lễ lạy một khúc đá dựng đứng ở chính giữa cửa đua lên đền. Số con công, đệ tử của nơi này hầu hết là phụ nữ Việt, nhất là vào độ ở Saigon có các sông đánh bạc công khai, người ta tấp nập kéo nhau đến xin ơn phước.

Trong chùa có nhiều hình tượng lạ lùng, người nhiều tay, voi nhiều vòi v. v... và đặc biệt hơn hết là trên bàn thờ giữa ngày đêm đèn hương nghi ngút, thấy đặt một vật tượng trưng cho sự sáng tạo của phụ nữ, chữ phạn gọi là *yoni*. Bên ngoài, ngay dưới bệ thờ, giữa một sân vuông có rào giây xiềng sắt chung quanh, là hình vật bằng trụ đá tượng trưng cho sinh thực khí của nam giới, chữ phạn gọi là *linga*.

Các cô, các bà thường ngày mang hoa, hương, đến đặt lên đầu *linga* và bày lễ vật quanh trụ đá này, để quí lạy, cầu xin. Ngày rằm, mồng một thì phụ nữ chen chúc nhau đến lễ tấp nập chẳng khác nào ở Lăng Ông. Chủ nhân ngôi chùa này là Ấn kiều, và số lợi tức của bà tánh cúng vào tổng cộng khá nhiều, nên vừa đây đã xây lại hoàn toàn mới mẻ.

Các bà, các cô người Việt đến đây lễ, tin rằng Bà và Ông ở chùa này thiêng lắm. Ai có tò mò hỏi đến thì chị em cũng không rõ là Bà nào, và Ông nào, sự tích ra sao. Họ có vẽ chân thành đến van vái, ve vuốt trụ đá tượng trưng cho đấng linh thiêng vô hình sừng sững ở giữa đền.

Không hiểu khi biết ra rằng cột trụ đá mà chị em vẫn nhiệt thành lễ lạy, trọng vọng tin kính kia, chỉ là hình tượng tiêu biểu cụ thể của cơ quan sinh dục đàn ông — thì chị em mới nghĩ ra làm sao đây ?

TAM GIANG

CON MA NHÀ CHÚ-HỎA

NGUỜI giàu nhất nước Việt-nam, không ai qua được Chú Hỏa (Huì-Bôn-Hoa). Nhiều đường xá nhà cửa, dinh thự, chợ búa, nhà thương hiện nay ở đô thành đều của Chú Hỏa dâng tặng cho Chính phủ. Câu chuyện con ma nhà Chú Hỏa, đã mấy mươi năm qua rồi, người đời vẫn còn nhắc nhở như một chuyện thần thoại. Người ta đồn rằng: Chú Hỏa sinh được một gái hương sắc tuyệt vời, gia đình cực hơn trăng mộng. Nhưng, hồng nhan bạc mệnh, cô gái vừa đúng trăng tròn lễ thì qua đời để thương tiếc lại cho người thân yêu. Chú Hỏa quá quyến luyến con, nên không đành vùi xác con dưới lòng đất lạnh, bèn ướp xác trong một cái hòm kiến có đựng thủy tinh và quàn lại một căn phòng trên tầng lầu chót. Xác người con gái đồng trinh nằm trong hòm kiến như đang ngủ một giấc dài. Mỗi buổi có người đưa đến một mâm cơm thịnh soạn. Nhưng có điều đặc biệt là người hầu cơm ấy không được ngó thẳng vào bàn thờ trước cái hòm mà phải đi thụt lùi, nếu không sẽ bị cô gái bề cổ tức khắt hoặc thề lưỡi nhất. Độ một tiếng sau thì dọn cơm xuống, lạ thay những thức ăn đều sạch bách không còn thừa một chút gì trong chén đĩa. Có người sợ quá không dám kéo dài việc hầu hạ một con tinh kinh khủng ấy. Chú Hỏa lại phải thay người hầu luôn. Thanh danh của Chú Hỏa đã lầy lừng càng được lầy lừng hơn nhờ câu chuyện con Tinh đó. Sự thật chung quanh câu chuyện ma quái ấy được phát giác:

— Một người hy sinh triệt để cho gia đình Chú Hỏa là anh ba Q. để lộ sự bí mật kia, vì đã đến lúc Chú Hỏa không cần tuyên truyền nữa. Anh ba Q. cứ việc nằm lì ở một góc phòng cạnh cái quan tài ghê lẫm rồi cứ đến cử cơm là dậy ăn no say, hút á phiện đã đời và làm một vài động tác ma quái nhất người hầu cơm. Câu chuyện có thể mà người đời đã hết lời đồn đãi gia đình Chú Hỏa và con tinh hiện hình (!)

N. A. L.

BÙI TUYẾT HỒNG

Thờ phân tách trạng thái những người mê tín

*Nguyên lý dị đoan thì có một,
mà quan niệm thì muôn vàn...*

CÓ một vài tác giả ngoại quốc, nghiên cứu về phong tục ở các xứ Á-Châu, có một vài du khách đến quan sát Viễn-Đông đã hấp tấp phủ nhận một cách rất nông cạn về tính cách tín ngưỡng thiên nhiên của dân tộc Việt. Họ lầm tưởng rằng, sự sống của dân ta, phần đông đều hướng về duy vật. Sự thật thì khác hẳn. Dân tộc ta thật là sùng đạo. Nhưng có điều mà ta cần phải đặc biệt lưu ý, là sự định nghĩa của đạo giáo. Tiếng này bao hàm nhiều sắc thái, nhiều cấp bậc. Nếu ta nhận định rằng đạo giáo là sự tin tưởng ở một đấng Tối Cao, tận thiện và tận mỹ, hiện diện ở khắp mọi nơi, là tượng trưng của lòng vị tha bác ái, thì thật ra, theo quan niệm này đa số người Việt không tín ngưỡng, vì có mấy ai am hiểu được định nghĩa của «Đấng Tối Cao» người duy nhất đã tạo ra muôn sự vật từ thuở tạo thiên lập địa, theo thuyết lý của Thiên-Chúa giáo.

Căn bản đạo giáo của người Việt là Đa thần. Hầu hết tất cả lớp bình dân đều không có ý niệm có một đấng Thượng Đế duy nhất tuyệt đối, mà tôn thờ vô số thần thánh mà họ tưởng tượng là linh hiển và oai quyền. Những tín ngưỡng mơ hồ ấy, không dựa vào một căn bản khả dĩ nào, mà dần dần lại biến thành những thói quen trở nên sự dị

doan mê tín dễ rồi tiềm tàng một cách truyền cừu trong tâm hồn người dân Việt chất phác nơi thị tứ cũng như ở đồng quê. Bởi thế nếu ta chú ý mà thử nghiên cứu vấn đề tín ngưỡng của đa số dân ta thì ta phải công nhận rằng, những thần linh mà họ chiêm ngưỡng tôn thờ, đều mơ hồ, vô cá tính. Có thể nói là không có một thuyết giáo nào cho đứng đắn, mà tất cả đều do ở sự tưởng tượng huyền hoặc, mộng mị gây nên. Người Việt tin tưởng một cách thờ ơ bất thiết. Hay nếu có một vài ý thức trong sự tín ngưỡng của họ, thì họ lại diễn tả một cách sai lạc bằng những sự cúng quảy lễ bái nhằm nhĩ mà chung qui chỉ vì một mục đích rất thực tế: hoặc giả họ muốn cầu tự đẻ nối giống, hoặc cầu xin cho một người thân chóng khỏi bệnh, hay mong được thương lộ bình an... và còn bao nhiêu thứ nữa. Do đó mà ý nghĩa của đạo giáo đối với hầu hết xã hội bình dân ở Việt-Nam, bị sai lệch đi rất nhiều. Thật vậy, hiện nay trong thâm tâm của một số người ít học thức, họ đinh ninh rằng xác nhận sự tín ngưỡng của một đạo giáo, là phải cúng tế lễ thần, vì rằng nguyện vọng, hay mục đích có thể thành tựu hay không, là do những lễ vật có dồi dào hay những lời cầu xin có nỉ non tha thiết hay không. Đối với phần đông dân Việt, nghi thức là một việc tối quan trọng. Cho nên khi ta nhận thấy trong dân gian có nhiều tế tự rất phức tạp được lưu hành, những tế lễ rầm rĩ mà sự cầu nguyện mặc niệm là những chi tiết không đáng kể... Nói đến tế lễ, mỗi người dân Việt chúng ta ai mà không biết ít ra cũng vài chục lối khác nhau.

Mà nếu ta suy tầm kỹ, thì sẽ thấy rằng tất cả những lễ nghi cúng bái ở xứ ta phần lớn đều do nguồn gốc ở Trung-Hoa mà ra cả. Như tục gói bánh ú, đã được di truyền từ thế kỷ thứ tư trước Tây lịch kỷ nguyên. Sử chép rằng có ông Khuất-Nguyên nước Sở, khuyên vua bằng cách viết quyền sách Ly-Tao, nhưng nguyện vọng không thành, đành trầm mình ở sông Mịch-La. Dân chúng vốn yêu mến tài đức ông, nghe tin ông tự vẫn, bèn gói bánh ú có cạnh thật nhọn, đem đồ xuống sông Mịch-La, hi vọng rằng do đó mà cá sẽ không có thể ăn tử thi của người trung thần, vì đã bị thương trót nuốt phải những cạnh nhọn của các bánh ú. Đến ngày nay, cứ mỗi khi lễ Đoan-Ngọ vào mùa năm tháng năm, ta lại thấy trên các nẻo đường, các chợ, đầy dẫy những gian hàng bánh ú mà

người Việt theo mê tín, tự thấy bắt buộc phải lập lại phong tục ấy, thì thánh thần mới che chở suốt năm cho. Cũng như, trong những nhà ở đồng quê ta thấy treo lủng lẳng từ ngoài cửa chính, những bó cây cỏ, ý của họ là trừ tà ma bệnh tật vào nhà. Nhưng chính thật những cây cỏ nói trên, có chứa một vị thuốc, mà ngày xưa người Trung-Hoa ở những miền Thượng-Du thường hay dùng để nấu nước uống hay tắm rửa, vào những khi xấu trời thường hay có bệnh truyền nhiễm. Ấy là ta chưa kể hăng tá sự cúng bái dị đoan vô ý thức khác, như : đốt vàng bạc cho những người quá vãng bên kia thế giới có tiền tiêu, hay rút xâm trước những tượng thần để dự đoán sự thành công hay thất bại của một việc làm. Người Việt-Nam và người Tàu còn chế biến ra một phương pháp để cảm cách với những người thân quá cố bằng cách lên thiếp, ngồi đồng... Kể từ ngày xưa, cũng không thoát khỏi những tín ngưỡng dị đoan, nhiều thí sinh, trước khi ra ứng thí, phải đến đền Trấn-Vũ ở Hà-Nội, để cầu xin thần Văn-Xương cho được bằng hồ đề danh. Các nhà nho ta, thường dùng phép bói tiên đề xương họa thi văn, và gần đây, một số người còn tin ở phép linh động của bàn xoay hay miếng gỗ hình trái tim (cầu cơ) để thỉnh cầu những linh hồn quá cố về dạy bảo thăm nom thân quyến ở trần gian... Đó là chưa kể đến những bọn phương thuyết hay dùng phép thần tiên để trị bệnh, đem những pháp thuật phù chú truyền bá mọi nơi, biến sự tin tưởng Đạo giáo của Lão-Tử thành một thứ phương thuật, tha hồ cho những bọn gian tà lợi dụng để vu dân hoặc thế.

Trong các sự dị đoan quỷ thần của dân chúng Việt-Nam, thông thường hơn cả, là sự sùng bái các *thần tự nhiên*. Từ một nông dân chốn thôn dã, đến một thương gia nơi thị tứ, ai nấy cũng cung kính thờ các thần biển cả, hang sâu, núi thẳm. Ngay đến những hòn đá trơ trọi bên cạnh nhà, hay cây cỏ thụ trước cổng chùa, họ cũng gán cho những tính cách thần thoại, để rồi kết cục tự thấy có bồn phận phải cúng kiến để cầu an... Thật ra, nếu đem phân tách trạng thái của sự mê tín ấy, thì ta thấy lý luận của nhà văn hào PASCAL không xa xôi mấy : « đó là sự sợ hãi hốt hoảng của con người đứng trước những hiện tượng vĩ đại của vũ trụ » (*l'Homme et les deux infinis*). Trước cảnh trời cao, bề rộng, rùng rùng, mây ngàn,

họ đâm ra khiếp phục, tự thấy mình bé nhỏ li ti, như gợn bụi, như mây lông, lững lơ không bám vào đâu được, do đó mà họ nhân cách hóa núi cao, rừng thâm và gán vào đấy những tính cách thần thoại oai quyền để tôn thờ.

Tóm lại, cái trạng thái đạo giáo ở nước ta ngày nay, chỉ là một mớ mê tín nhảm nhí, làm sai lạc cả ý nghĩa của Lão-Tử, nguyên là một thuyết yếm thế gốc ở triết lý huyền tịch và lấy thanh tịnh vô vi làm chủ đích người đời. Nếu ta suy luận một cách mông mênh hơn nữa và nếu dựa vào những lý thuyết về siêu hình, thì ta nhận thấy rằng những sự mê tín nói trên chỉ là hậu quả của muôn vàn quan niệm về Trời, hay Vũ Trụ.

Nhưng nếu ta quan niệm rằng đạo giáo là một sự tin tưởng tuyệt đối ở một thế giới siêu việt, có ảnh hưởng lớn lao đến cuộc sống hằng ngày của dân chúng ở trần gian, thì ta phải nhìn nhận dân Việt đã tiến đến một trình độ rất cao về tín ngưỡng.

Quả nhiên ta có thể nói rằng người Việt sống trong một thế giới *siêu tự nhiên* (*monde surnaturel*). Đâu đâu họ cũng có thể nhận định ảnh hưởng của *thế lực thần bí* (*puissance occulte*) chi phối và kèm tỏa cả đời họ, trong hạnh phúc cũng như trong đau khổ. Ta cứ thử quan sát bất kỳ một người Việt nào, ở vào bất cứ hạng nào trong xã hội, ta sẽ thấy rằng cái tin tưởng có một thế giới siêu phàm, ám ảnh họ rất nhiều, và gây ảnh hưởng không ít trong cuộc sống hằng ngày của họ... Từ một chị bán hàng rong với đôi gánh nặng trên vai, lững thững trên con đường trắng nhựa, từ bác nông phu tay lấm chân bùn với ruộng cả ao đầm, từ một quan lại hống hách uy quyền nơi công thự, cho đến lão tiều phu rách rưới lam lũ giữa rừng sâu, ai nấy cũng đều nhận định có một thế giới siêu phàm, mà những vị vương hay chúa tể là những quan tòa hiền linh sáng suốt, luôn luôn quan sát cử chỉ hành vi của họ, và những sự may rủi, vui buồn xảy đến cho họ chính là những thưởng phạt chánh đáng về những hành vi ấy. Nhất nhất mọi việc dầu con con, bất thường xảy ra trong đời sống hằng ngày của họ đều được xem như những báo hiệu hay những điềm chỉ báo của thánh thần. Một con nhện giăng tơ ngang cửa, một tiếng tắc lưởi của con thạch sùng, một ông sãi gặp ở giữa đường, thậm chí đến những tiếng củi nổ dòn lách tách khi đang

cháy, tiếng chuột rúc... đều được xem như là những điềm lành hoặc dữ, do luật siêu nhiên vô hình bảo ban.

Có người cho rằng đó là tiêu biểu tánh cách nhu nhược yếu hèn của con người sợ hãi trước hư vô. Điều ấy cũng có lẽ, nhưng có điều cần yếu là đa số người Việt, định ninh rằng họ đang sinh sống trong vòng kiểm tỏa của một thế giới siêu phàm. Họ gán những danh từ thần thoại cho những gốc cây già, hay những bụi trúc non trước cổng. Do đó mà nảy sinh sự cúng bái hương đèn. Rồi theo như đà lý luận trên, tất cả sự dị đoan mê tín khởi nguyên từ đó.



TÓM lại ta có thể nói rằng, sự tin tưởng là một điều kiện tự nhiên của cuộc sống người đời. Dầu ta có theo lý luận của đạo giáo siêu hình, hay ta có tán thành quan niệm thế giới siêu phàm, thiết tưởng sự tin tưởng nào cũng bổ ích. Người ta muốn sống vui, sống linh động cần phải có tin tưởng. Duy có điều thiết yếu là từ sự tin tưởng có ý thức đến sự mê tín cuồng tâm chỉ cách nhau có một làn kiếng mỏng. Có thể miếng kiếng mỏng phân biệt một cách rõ ràng hai sự kiện, nhưng cũng có thể ta nhìn lầm tin tưởng và mê tín qua làn kiếng mỏng. Tin tưởng khác nào như một món ăn gia vị hữu ích cho cuộc sống lạnh nhạt hằng ngày và người có tin tưởng tức là kẻ nhìn nhận kiếp sống của mình là có ý nghĩa. Kẻ không tin tưởng luôn luôn tự vật vã chất vấn về kiếp sống của mình, vì những hành động tư tưởng của mình không được tập trung vào một lý tưởng hay căn bản nào có thể lèo lái cuộc đời theo một phương hướng nhất định. Song nếu tin tưởng mà không sáng suốt, không suy luận thì lại đâm ra mê tín, dị đoan lắm khi lỗ bịch và vô ý thức tai hại.

BÙI TUYẾT HỒNG

Giáo sư triết học trường P. Kỳ

SĨ TRUNG

Báo chí với văn đề Mê tín dị đoan

THEO các nhà khảo cổ về phong tục tập quán của các dân tộc trên thế giới thì đặc biệt các dân tộc ở miền nhiệt đới thường mắc phải bệnh Mê Tín Dị Đoan, nhất là các nước hầy còn đang trong tình trạng thiếu mở mang, trình độ dân trí thấp kém. Đời xưa có những hiện tượng được cổ nhân sùng kính, khiếp sợ đến tột bậc như : thần gió thần mưa, thủy vương, sơn vương v.v... Mỗi khi có những hiện tượng thời khí lạ lùng của trời đất thì người ta cho đó là những sự trừng phạt, trả thù của các vị thánh thần, linh hiển. Có lẽ bởi quan niệm đó mà con người sống không có tự tin, ý chí, quyết định dứt khoát cho cuộc đời mình, nhất nhất việc gì xảy đến cũng đều do số mệnh, sự an bài của trời đất, quý thần. Sự kiện tinh thần đó có thể gây nên ảnh hưởng lớn lao đến trật tự xã hội và sự tiến triển của con người.

Mãi đến mấy thế kỷ gần đây, sự tin tưởng ấy được giảm bớt khi ánh sáng khoa học loé lên trong đời sống hằng ngày của người ta. Đặc biệt nhất là đến tận thế kỷ thứ XX này, thế kỷ của khoa học, nguyên tử, cái trạng thái tinh thần kia hầu như bị quên lãng trong dĩ vãng nếu không có người cho là lạc hậu dã man. Nơi nào luồng gió văn minh khoa học thổi qua, đời sống và thân phận của con người ở nơi đó cũng được thay đổi. Vấn đề Mê Tín Dị Đoan chỉ còn là câu chuyện cổ tích hay câu chuyện thượng du ; nói cho cùng thì đó chỉ còn là cái mĩa mai đối với những người hủ lậu thoái hoá mà thôi. Nhưng dù sao, phải thành thật nhận rằng, riêng trong đời sống tinh thần của đa số người dân Việt,

nạn mê tín dị đoan hầy còn khá mạnh, nó được duy trì và phát triển bởi những kẻ lý tài, bởi những công ty khai thác mỏ vàng trong thị hiếu của độc giả.

Ngoài quyền thứ tư mà xã hội ủy nhiệm cho, báo chí còn có cái thiên chức hướng dẫn và giáo dục khai tâm độc giả nữa. Có lẽ không cần phải dài giòng nữa, những công trình từ trước đến nay, những hoạt động tích cực của làng báo thế giới nói chung và Việt-Nam nói riêng đã chứng minh được công dụng vô giá của một tờ báo như thế nào rồi. Có một mối giây liên lạc mật thiết nào hơn, có một mối tình sâu sắc nào hơn giữa báo chí và độc giả. Trong tất cả mọi sự học hỏi ở ngoài đời bởi mắt thấy tai nghe, độc giả còn tìm hiểu ở báo chí một phần lớn nữa vì đó là một tấm gương phản ảnh mọi sinh hoạt vật chất ở xã hội và sinh hoạt tinh thần của cuộc đời. Người ta đã đặt nhiều uy tín ở báo chí và ngược lại báo chí gánh nặng trọng trách với độc giả.

Những công ty khai thác thị hiếu độc giả

NHUNG trong vườn hoa quý báu ấy, có những hoa dại, gai hoa mang đầy chất độc hiểm nghèo. Người ta bao lần dẩy sạch nó đi, nhưng vì không dẩy tận gốc rễ, hoa dại cứ đâm chồi nảy lộc và lại có phần tươi tốt hơn. Những cây độc thường trổ hoa đẹp hữu sắc vô hương nên người đời dễ bị quyến rũ, dễ bị lầm lạc.

Trong mọi hình thức khai thác thị hiếu của độc giả, một số người làm báo áp dụng hình thức khêu gợi tính tò mò của độc giả trên khía cạnh mê tín dị đoan. Có nhiều người lầm tưởng rằng họ làm như vậy là để giải trí độc giả một cách lành mạnh. Nhưng có phải giải trí lành mạnh không? Trên mặt báo, những chuyện hoang đường, huyền hoặc được thêu hoa dệt gấm cho nội dung trở nên thật rùng rợn, khiến độc giả khi đọc đến phải nổi da gà, dựng tóc gáy. Nào là chuyện con ma sông Hương, quỷ hút máu người, ma liệng đá nhà ông X, ma dấu con ông Z, những hiện tượng kỳ quái ở nơi này, những phép lạ màu nhiệm ở nơi kia v.v... Những câu chuyện ghê rợn

ấy được những cây bút chuyên nghiệp phóng đại, tiểu thuyết hóa. Ngay đối với những người sống theo trào lưu khoa học cũng phải lấy làm ngạc nhiên khi xem qua những câu chuyện ấy, hướng hồ những độc giả bình dân, trong đầu vốn sẵn có những hình ảnh ma quái, thần thánh, sẽ tin tưởng mãnh liệt vào uy lực của cái thế giới vô hình ; cuộc đời họ cũng tẻ nhạt đi rất nhiều theo sau những hiện tượng ma quái mà mình vừa đọc qua trên mặt báo.

Bên cạnh những câu truyện huyền hoặc hoang đường, một số báo còn nghĩ ra cách câu độc giả một cách tinh vi hơn : họ bày ra cuộc thi viết chuyện ma rừng rợn nhát, cách xem tướng cá nhân, tự coi chỉ tay, coi bói lấy, cách bói bài cào. Đặc biệt nhất và đang được thịnh hành nhất hiện nay là mục Tử Vi hằng ngày. Họ quảng cáo hết lời về mục Tử Vi này, như « *Quy kỳ mỗi ngày của các bạn. Tử vi đoán tâm tình, gia đạo bền mạnh của các bạn ngày hôm nay v. v...* ». Tên người phụ trách nghe qua cũng đủ khiếp đảm rồi, nào là : Thất-Sơn đạo nhân, Quý-Cốc tiên sư, Đại Đạo chơn Nhơn... Nguy hại thay, số đông độc giả dễ dãi sa chân vào bẫy của các nhà bói số « ký giả » tài danh này ! Hằng ngày, ngay sau khi mua một tờ báo họ dỡ trang ba ra xem vội vàng tuổi của mình trong mục tử vi ngày hôm đó. Số viết vui họ vui, viết có tin chẳng lành họ lo sợ vẻ mặt buồn tênh. Họ tỏ ra trung thành triệt để với mục tử vi hằng ngày, hằng tuần này. Các thầy tử vi « ký giả » bảo sao họ làm vậy, bảo không nên ra đường, đi chơi đêm họ râm rắp nghe theo chôn chân ở nhà. Tử Vi bảo hôm nay tâm tình vượng, có bạn tình tìm đến, họ thấy sáng khoái trong tâm hồn, ngong ngóng chờ tin yêu đến ! Họ xem tử vi cho mình, cho người yêu, cho chồng vợ con cái, cho mọi người thân yêu rồi lo sợ mừng vui lẫn lộn. Có một điều đặc biệt đáng chú ý là các thầy tử vi « ký giả » rất giỏi khoa tâm lý, làm thỏa mãn tâm tình của tuổi hoa niên, tuổi 20, 25 bao giờ cũng sẽ được yêu, đang yêu, chưa thêm sau một câu thông : « nhưng đừng vội quá sẽ thất bại, tuổi bạn còn dài cuộc đời bạn đang lên hương, lo gì không có người đề ý đến ». Cứ gần đầu tháng là các hạng tuổi đều được tin mừng : « sắp vượng tài, sắp có tiền, tâm tình vượng », và mỗi chiều thứ sáu, có xổ số kiến thiết là tử vi cho biết : « thứ sáu sẽ có hoành tài, tiền vô bất ngờ, thử thời vận đi... » Hoặc tuổi nào không có gì để nói thì tử vi viết : « Cuộc đời là bể khổ, thất bại là lẽ

thường có gì mà bạn phải khổ tâm, cố gắng lên sẽ vượt qua khỏi ». Trật làm sao được, với một câu đoán tử vi tổng quát như vậy, có ai vỗ ngực xưng mình là sướng nhất đời chưa hề bị khổ tâm đâu.

Xem tử vi, ngày nay, đang bành trướng mạnh mẽ hầu như là một phong trào. Đi đâu cũng nghe người ta bàn tán về tử vi. Có nhiều người lúc nào cũng có vẻ bơ phờ hốc hác bi quan yếm thế, nhìn cuộc đời với tư tưởng hắc ám, họ nhất định rằng cuộc sống của họ tạm bợ, nên cần phải gấp rút tận hưởng những thứ lạc thú ở đời. Hỏi ra mới biết họ bị khoa tử vi ám ảnh mãnh liệt, tử vi quyết đoán số mệnh của họ. Bên cạnh những tin đồn của tử vi, những thầy tử vi làm tiền trên báo chí, còn có một hạng người lợi dụng tử vi, bói bài xem tướng, coi chỉ tay để làm tình nỡ. Một hiện tượng kỳ quái mới vừa xảy ra, ít người biết hay nghĩ đến : làm tình bằng mê tín dị đoan. Những cô gái yếu lòng nhẹ dạ thích được biết tương lai của cuộc đời mình. Mỗi khi có ai đề nghị xem tay giúp, lấy tử vi hộ là các cô ân cần chia tay ra hoặc viết rành rẽ ngày sanh tháng đẻ, giờ ra chào đời... Các ông thầy tử vi, thầy bói ác ôn lợi dụng ngay dịp tốt nắm chặt lấy tay cô gái dậy thì mần mê, bóp nắn thỏa tình, kêu gọi cảm xúc của người con gái. Đồng thời hần nói nhảm nhí về số mệnh, tương lai của cô gái cốt làm cho cô gái lo sợ, bi quan về số mệnh ngắn ngủi của mình. Trong một lúc tinh thần bị giao động mãnh liệt, người con gái nhẹ dạ, yếu lòng, chán đời, buông trôi theo sự cò xát của cơ thể dễ rồi bị dúi dập dưới sự tàn bạo của thầy bói, thầy tử vi bịp bợm. Khoa làm tình trắng trợn này được phổ biến rộng rãi riêng trong giới lưu manh có khi cả trong giới có máu mặt, tiếng tăm ở thủ đô nữa.

Một đồng lõa : Sách kể chuyện ma

SONG song với nạn báo chí tiếp tay phát triển mê tín dị đoan trong giới độc giả, một khi giới sắc bén khác giúp cho tệ đoan mê tín hoành hành tư tưởng của quần chúng là : Sách kể chuyện ma. Người ta thường cho loại sách này là loại sách văn chương giải trí lành mạnh. Thiết tưởng đó không lành mạnh chút nào, nó có đủ mãnh lực phá hoại tư

tưởng của con người và ngăn chặn mức tiến bộ của xã hội cùng đi ngược lại trào lưu khoa học ngày nay. Đọc một chuyện ma, dù ít dù nhiều đọc giả cũng cảm thấy lạnh lạnh ở sau gáy, bất giác có tiếng động mạnh giữa đêm khuya cũng làm cho ta đánh thót, giật nảy mình. Nhìn ra đêm tối, tưởng chừng là thế giới vô hình của những nhân vật huyền hoặc kỳ quái trong truyện. Người đọc cứ mãi bị ám ảnh bởi con ma, thằng quỷ, cảm nghĩ rằng chung quanh mình đang sống có đầy dẫy ma quái. Từ sự nghĩ ngợi hoang mang, đọc giả đi dần đến sự sợ sệt, lúc nào cũng nghĩ : có ma, có quỷ.

Tư tưởng đen tối ấy luôn luôn theo đuổi những người yếu đuối. Mỗi khi bóng đêm dày đặc đồ xuống là con người rút vào trong nhà nhường đất rộng, trời cao cho ma, quỷ thành thần. Có đúng như vậy chăng, không ai dám quả quyết nhưng người đời cứ kể lể cho nhau nghe rồi cùng chung tâm bệnh *Sợ Ma*. Do đó mà mỗi khi có những hiện tượng kỳ quái của đất trời, người ta cho đó là ma phá, quỷ hành, thần quở rồi đèn nhang cúng vái. Lâu dần những thứ đó trở thành quen thuộc trong nếp sống tinh thần của đa số đồng bào.



TRƯỚC sự tiến hóa của loài người, vũ trụ ngày nay không còn là chuyện lạ nữa. Người ta thắng cả không gian : một vệ tinh nhân tạo bay vòng quanh quả đất trong khoảnh khắc, một hỏa tiễn có thể bay thẳng đến mặt trăng, mặt trời, nhiều cuộc khám phá quan trọng hằng nghìn thước dưới bề sâu v. v... Những chuyện hoang đường huyền hoặc không còn mãnh lực chế ngự đời sống của con người nữa. Tạo Hóa sinh ra con người, ban cho con người một bộ óc tinh vi để xét đoán, giải quyết những vấn đề phức tạp liên quan đến cuộc sống vật chất cũng như tinh thần. Chỉ có con người mới định đoạt được thân phận, số mệnh của mình mà thôi, ngoài ra không một hiện tượng, một sự an bài nào có thể quyết định được vận mạng của con người cả. Nếu chính mình không tranh đấu, không hoạt động để sinh tồn thì chờ ở đâu, ở ai duy trì sự sống cho mình được. Một người mất tự tin, lười hoạt động, bất lực với chính mình, luôn luôn đắm mình vào mê tín dị đoan : bùa ngải, tử vi, lý số, hay ma quỷ thánh thần.



BÁO chí, cơ sở sát gần với quảng đại quần chúng, mặc nhiên có bổn phận hướng dẫn, giáo dục và giải trí lành mạnh cho độc giả. Người ta trông vào một tờ báo để đoán biết trình độ dân trí của một nước. Trên mặt của tờ báo lại nhan nhản chuyện huyền hoặc, hoang đường, chuyện xem tay, xem tướng, tử vi lý số thì còn gì ý nghĩa cao đẹp của một cơ quan ngôn luận, quyền thứ tư trong một xã hội? Độc giả học hỏi ở báo chí, khai tâm mở trí nhờ báo chí, dân trí được phát triển nhờ báo chí thì chẳng lẽ báo chí lại quên trách nhiệm của mình hay sao? Mê tín dị đoan là một tệ đoan xã hội, báo chí có bổn phận giải thích cho độc giả cái hại của tệ đoan đó, sống cho thích hợp với trào lưu tiến bộ chung của nhân loại thì quốc gia mới văn minh hùng mạnh. Bày vẽ cách xem tay, xem tướng, lấy tử vi lý số tiểu thuyết hóa những chuyện hoang đường là báo chí hoan nghênh mê tín dị đoan là khuyến khích độc giả trở về với mê tín dị đoan hoặc trở lui về 100 năm trước. Một tờ báo đứng đắn không bao giờ hành động như vậy.

SĨ TRUNG

NHÀ TƯỚNG SỐ TRÚ DANH KHÁNH-SƠN.

(P)ỒNG bảo ở Nam, ít ai không biết tiếng nhà tướng số Khánh Sơn. Người có gương mặt thon dài như tài tử điện ảnh Pháp Fernandel, cặp kính lúc nào cũng dính những nhẩn trên sống mũi, xem như một nhà hiền triết. Con người tài danh ấy làm ra tiền một cách quá dễ dàng như lấy đồ vật trong túi. Bằng mọi cách, Khánh-Sơn không hề xây một con mồi, từ khách hàng sang giàu đến nghèo túng đều phải trút túi theo khoa tán của Khánh Sơn. Hắn từng tuyên bố rằng: « Mỗi ngày chỉ cần xem tay độ dăm ba người, tôi có thể gạt đủ 25 triệu đồng bào Việt-Nam suốt cả đời tôi ». Chỉ cần một ít tâm lý học, nhà tướng số có thể nói trúng một phần lớn vận mệnh của thân chủ và làm hài lòng thân chủ một cách dễ dàng.

Với cái tài phỉnh gạt bằng khoa coi bói chưa đủ, Khánh-Sơn muốn mau làm giàu, nhảy sang nghề tổ chức du lịch ngoại quốc. Sau khi ẵm của thân chủ một số bạc kèch xù mấy triệu bạc Khánh-Sơn lặng lẽ ra đi một mình, nhưng vì nhà tướng số coi bói nhằm vận mệnh của mình chẳng, nên cũng lặng lẽ ôm tráp về nghĩ mát ở Chi-hóa. Vào đây, Khánh Sơn vẫn tiếp tục coi tay bói quẻ cho các phạm nhân và các thầy chú như thường lệ. Thật là là một « thiên tài » vậy!

N. A. L.

HUỲNH BỘI HOÀNG

MỘT TỆ ĐOAN MỀ TÍN
MỚI DU NHẬP VÀO MIỀN NAM

Đồng bóng

GIỚI phụ nữ miền Nam từ trước không hiểu thế nào là đồng bóng và những tai hại ghê gớm của nó gây ra về phương diện tinh thần cũng như vật chất.

Muốn làm con công, đệ tử các ông Hoàng bà Chúa, nơi đền phủ, muốn lên một giá bóng ông « Hoàng Bơ », đức mẫu Thoải, bà Liễu-Hạnh v. v... người ta phải bỏ ra bạc vụn như không để sắm chừng vài chục cái áo ngự bằng nhiễu, bằng lụa hay gấm vóc, các thứ khăn xanh khăn đỏ, các vật dụng để « hầu ngài » khi lên đồng, như gương lược, cháp đầu bằng bạc bằng vàng, hay đôi mồi. Ngoài ra lại còn phải mua hoa quả, lễ vật đủ thứ để ban lộc cho các người « hầu bóng » khi « ngài » đang lên. Có những bà sang trọng, khi « ban lộc » nắm hàng vốc tiền vung ra tứ phía, để được nghe người ta « tấu lạy ». Nghe đàn ngọt hát hay, đôi khi « ngài » khoái trí còn thưởng rất hậu cho cung văn bằng bạc tiền và đồng thời cả tình nữa.

Cứ mỗi giá (hết ông Hoàng Bơ, « ngài » thăng, thì lại thay khăn châu áo ngự khác để lên giá bà Chúa có bà ngồi đến năm, sáu giá đồng luôn trong mấy giờ đồng hồ) đều mang một hình thức khác nhau. Có giá « ngài » nhảy chồm chồm như đánh ghen, có giá « ngài » cầm hai bơi chèo chèo nhịp nhàng như bơi giữa dòng nước ; có giá « ngài » nhảy

múa uốn éo như điệu rum-ba. Có thể nói, nhiều bà lên đồng nhảy múa nhịp nhàng, uốn éo trước bàn thờ thánh một mình chẳng kém các vũ nữ nhà nghề chút nào. Trong khi ấy cung văn vừa đàn hát, vừa « tấu lạy bà ». Bà khoái trí quay về phía cung văn ban cho một mỉm cười tinh và một liếc mắt đồng thời vút vào lòng « chàng » một nắm tiền thưởng.

Còn gì sướng khoái bằng khoác vào mình những thứ áo ngự lộng lẫy của một bà « Chúa », rồi được nhảy múa thỏa thích trước bàn thờ thánh, để cùng một lúc chung quanh xúm xít các bà các cô luôn mồm « tấu lạy » và chàng cung văn cao giọng hát những bài như du hồn vào cõi mộng.

Những cái đó đã lôi cuốn người đàn bà nội trợ bỏ việc gia đình để mua cái khoái cảm trong chốc lát, với một cái giá hết sức đắt. Mỗi lần muốn lên đồng như thế, có khi, người đàn bà phải bỏ gia đình đến năm bảy hôm, nếu không thì cũng mất trọn ngày, vì đôi khi phải đi chầy hội ở những nơi xa xôi.

Người ta đã thấy thường xảy ra có nhiều bà vì mê say với đồng bóng quá, có bao nhiêu cửa cái đều « cụng » vào khăn châu áo ngự, và đôi khi bỏ cả con cái đi theo chàng cung văn có giọng hát nịnh ngọt ngào. Từ khi có phong trào di cư, một số các bà miền Bắc cũng cho « di cư » theo luôn cả với mình cái tệ đoan mê tín đồng bóng. Rồi đây đồng bóng có đủ điều kiện mọc rễ nảy mầm để gây thành một ảnh hưởng tai hại xã hội như ngoài Bắc không? điều đó thời gian sẽ cho ta biết.

Nhưng trước khi xét đến cái hại mê tín và đồng bóng, tưởng cũng nên tìm xem nguyên do ở đâu.

Ở Bắc, trước kia, ai đã từng đi dự hội đền Kiếp Bạc, hội Phủ Giày, và rất nhiều hội khác cũng phải lấy làm lạ về những cảnh kỳ dị: hàng ngàn con công, đệ tử như say mê, mơ mộng quanh các ông đồng, bà đồng ăn bận lòe loẹt, sắc mặt thường tái mét, song khi lên đồng lại đỏ ửng suốt ngày lên hết giá này đến giá khác, lúc nào cũng hò hét, quay cuồng giữa một làn không khí mù mịt khói hương, tiếng trống, tiếng chiêng, pha lẫn giọng hát du dương của bọn cung văn.

Trong cảnh tượng đó, lẫn lộn cả những người có lòng

tin tưởng thiêng liêng thành thực, và những kẻ mê muội, mà lòng sợ tà ma quỷ quái lại mạnh hơn là lòng tin ngưỡng tôn giáo.

Xét ra lòng mê tín đó rất giản dị, nó chỉ là do trình độ thấp kém về văn hóa mà gây ra. Ta có thể giải rõ thêm như thế này: nhiều người vẫn yên trí rằng, mỗi khi có bệnh tật, hay gặp hoạn nạn là do tà ma quấy nhiễu, hoặc vị ác thần nào ám ảnh. Muốn chữa khỏi bệnh, hoặc trừ tai ương, chỉ việc trừ tà ma quỷ quái là thoát khỏi mọi sự. Và như vậy thì phải cần đến các vị linh thần, các thầy phù thủy có phép màu nhiệm mới trấn áp được ma quỷ. Người ta cho rằng các vị linh thần, các ông Hoàng, bà Chúa bộ hạ nơi điện phủ có thể nhập được vào người sống là kẻ ngồi đồng, rồi dùng cử chỉ và lời nói của người ngồi đồng đó mà truyền bảo các mệnh lệnh. Người ta lại cả tin rằng những đồ vật của thần thánh — tức bà đồng, ông cốt — dùng đều có cái oai trấn áp được tà ma, nên mới xin bùa chú, hoặc lá cờ ở bàn thờ lấy về treo nhà, hoặc lấy tàn hương nước thải coi là những linh đơn chữa bách bệnh.

Lòng mê tín hoang đường đó là gốc đạo Lão (Lão Tử) các đồ đệ của Pháp môn (bọn phù thủy, thầy cúng) đều theo một phái đạo Lão, nhưng sau dần họ mới luyện những phép thuật kỳ quái như hô gọi âm binh, dùng bùa quyết để áp đảo tà ma, phụ đồng đề hồi biết dĩ vãng, tương lai, hoặc xin thuốc chữa bệnh. Cách kêu gọi linh hồn những người ở bên kia thế giới vô hình phát nguyên từ đạo Lão, song khi du nhập vào xứ ta nó đã biến hình nhiều, và mang những sắc thái riêng biệt.

Từ cách kêu gọi hồn người chết của bọn phù thủy đến lên đồng bóng chỉ có một bước ngắn. Sau này dựa vào lòng mê tín của đám bình dân, và sự quý quyết của bọn buôn thần bán thánh, đồng bóng mới lan rộng, và ăn sâu trong dân chúng, gây thành một tập quán khó chữa.



ĐỒNG bóng xuất hiện ở xã hội ta, đã lâu lắm, và dân ta từ ngày mới tụ tập thành quốc gia, cũng đã mang óc mê tín. Hơn nữa, người ta càng khôn ngoan, thì sự mê tín càng lan rộng và mang nhiều hình thức phiền phức.

Những người ở trung châu cũng có những mê tín gọi hồn, gọi để bắt tà ma nhờ thầy phù thủy như đồng bào miền sơn cước, đó là một chứng cứ.

Chứng cứ thứ hai là ngay về thời nhà Lý, nhà Trần hồi thế kỷ mười hai và mười ba, ở xứ ta, việc học nghề phù thủy rất thịnh hành. Dưới đời nhà Lý, có những tay phù thủy nổi tiếng như Đại-Điền, và thời nhà Trần có Phạm-bá-Linh, tức Phạm-Nhan theo học phép phù thủy rất giỏi. Câu chuyện truyền tụng về Phạm-Nhan rất hoang đường, song có liên quan đến việc dân chúng đã gán cho đức Trần-Hưng-Đạo có phép trừ tà ma. Chuyện này trong « Lĩnh Nam trích quái » có nói tới như sau :

« Hồi đó có một người khách Quảng-Đông sang Việt-Nam buôn bán, lấy một người ở làng Yên-Bái, huyện Đông-Triều, tỉnh Hải-Dương, và sinh được một trai rất thông minh, đến ngọ đặt tên là Phạm-Bá-Linh lúc thiếu thời, Bá-Linh đã thích học phù thủy và giao du với bọn pháp sư. Người cha sợ con làm điều bậy bạ, rồi sẽ bị nhà vua trục xuất về nước, nên mới cho Bá-Linh về học bên Tàu, và đổi tên là Phạm-Nhan học đồ đến Tiến sĩ, nhưng vẫn cứ theo đuổi học nghề cũ phù thủy. Nhờ đó Nhan chữa được cho nhiều người khỏi bệnh, trong số có cả Hoàng đế nhà Nguyên, vì thế Nhan được nhà vua tin dùng, ban ân cho phép ra vào tự do trong cung. Do đó Phạm-Nhan gian dâm với một cung nữ, và việc bại lộ nên bị xử tội tử hình.

Trong khi Phạm-Nhan bị giam trong ngục thì nhà Nguyễn sửa soạn cho quân sang xâm lấn nước ta. Nhan sinh trưởng ở Việt-Nam, nên biết rõ đường lối, bèn xin dãi tội lập công, làm kẻ hướng đạo đi tiên phong.

Vua Trần ưng thuận, phong cho Phạm-Nhan làm phó tướng dưới quyền chỉ huy của Ô-Mã-Nhi. Sau khi quân Nguyên bị bại trận, thì cả Ô-Mã-Nhi và Phạm-Nhan đều bị bắt đưa ra chém bêu đầu ở bờ sông Thanh-Tương.

Theo cổ tích thì có một người đánh cá nhặt được hai chiếc đầu đó, mới khẩn nếu khôn thiêng thì phù hộ cho y đánh được nhiều cá, sau đấy y sẽ lập miếu thờ tạ ơn và chôn cất tử tế.

Quả nhiên, từ hôm đó, lão ngư đánh được rất nhiều cá. Giữ lời hứa, lão, sau khi chôn cất hai đầu tượng giặc, liền lập đền thờ khói hương nghi ngút hằng ngày.

Đền thờ Phạm-Nhan và Ô-Mã-Nhi có tiếng là linh thiêng, thường phù hộ cho dân chài bên bờ sông Thanh-Tương. Tục truyền khi hai viên tượng này bị đưa ra chém, các đao phủ có hối chúng sau khi chết muốn ăn gì ; chúng chưa kịp đáp, thì bọn đao phủ đã nói: « Chúng mày chỉ cho ăn máu đàn bà đẻ. »

Vì câu nguyên rủa đó mà Phạm-Nhan sau khi chết, báo thù lại, thường đi quấy nhiễu các sản phụ. Vì vậy mỗi khi sản phụ nào lâm bồn khó khăn, thì người ta lại cho là Phạm-Nhan ám hại. Những lúc đó lại phải cầu đến Hưng-Đạo-Vương là trừ được Phạm-Nhan. Do sự mê tín quá đáng mà một vị anh hùng cứu quốc đã trở thành vị thần chuyên trị tà ma vậy.»



B ON đồng bóng mà những kẻ nhẹ dạ tưởng là có thần thánh nhập vào để truyền bá mọi việc những khi lắc lư quay cuồng là thực hay giả? Thần thánh, tà ma có thực nhập vào các con đồng không?

Sự thực, đồng bóng chỉ là một trạng thái một tác dụng của « tự kỷ ám thị » hoặc « thói miên ». Con đồng là một người mà tâm trí đã bị sự mê tín làm mờ ám, một người mà bao giờ cũng yên trí có kẻ khuất mặt sẽ nhập vào mình. Ngồi giữa một cảnh không khí ồn ào với tiếng chiêng, trống, đàn hát trầm bổng, lúc nào cũng thấy khói hương nghi ngút, và tưởng như có một vị linh thần ám ảnh, người ngồi đồng lúc đầu thấy lắc lư, rồi mất cả trí giác, như một người máy hành động theo thói quen, vì thế mà kẻ đồng thuộc chóng lên hơn đồng tân, còn những kẻ tinh táo không bị ám ảnh bởi ông Hoàng, bà Chúa nhập vào mình thì dù ngồi cả ngày cũng không sao lên được. Ngược lại những « ông đồng chuyên nghiệp », khi thường không ngồi đồng, mà cứ chỉ và ngôn ngữ cũng không khác khi lên đồng, về người lúc nào cũng ngơ ngác như mất trí.

Đồng bóng từ trước rất thịnh hành trong đám phụ nữ

ngoài Bắc. Từ ngày có phong trào di cư, nó đã được du nhập vào Nam do mấy mục đồng cốt nhà nghề và mấy bà thừa tiền thừa thì giờ. Hiện ở Sài-gòn, nhiều nơi đèn điện vào những ngày rằm, mồng một, thường người ta thấy các bà khăn châu áo-ngự múa may trước bàn thờ thánh theo nhịp đàn và tiếng hát của cung vắn.

Đồng bóng, một tệ đoan mê tín vô cùng tai hại ở miền Bắc, nay đã bắt đầu mọc rễ ở đây, nếu người ta không tìm cách bài trừ ngay e rằng nó sẽ ăn sâu rộng trong giới phụ-nữ, rồi về sau khi nó trở thành một tập quán thì khó mà có cách nào cứu chữa.

HUỖNH BỘI HOÀNG

NGÂN SÁCH VỐ ĐỊCH CỦA VÀNG MÃ

MỘT chuyện rất thường mọi người luôn luôn phải chứng kiến nhưng ít người để ý tới, đó là sự tiêu thụ vàng mã. Người ta mua vàng mã đem về đốt « gửi tiền cho người thân quá cố dưới tuyền đài » một cách thành kính hết mực. Đám giỗ đám cúng gì người cũng mua về đốt. Nhất là ngày rằm tháng 7 âm lịch, người Tàu ở Chợ-lớn, mỗi nhà đem đốt hăng giỗ lớn vàng mã, tính ra đến đôi trăm đồng bạc. Người ta quan niệm rằng : Sống gửi thác về, dương gian là chỗ ở tạm thời, quê nhà chính cống vẫn là bên kia thế giới ; Sống khôn, thác thiêng, người chết vẫn biết xài tiền như người sống vậy ! Ngoài vàng mã ra, còn có loại áo quần bằng giấy cứ đến ngày cúng giỗ, người thân mua về đốt gửi cho người chết. Số tiền mua vàng mã, giấy áo, xe cộ, nhà cửa bằng giấy hằng năm, một gia đình mê tín phải tiêu đến hằng nghìn bạc. Tổng số tiền tiêu phí quá đáng của người mê tín hằng năm ước độ năm chục triệu bạc. Người Tàu sản xuất loại « xa xỉ » này ở Chợ-lớn hiện nay là một triệu phú có tiếng (!)

N. A. L.

THƯỢNG SỸ

NHỮNG HÌNH THỨC VỀ

Chiêm bao

DƯỚI MẮT CÁC NHÀ TÂM LÝ HỌC VÀ Y HỌC

*« Giấc chiêm bao khéo bất bình
Bằng con mắt dậy thấy mình tay không »*

NHỮNG NGUYÊN NHÂN SINH RA CHIÊM BAO

KHI nằm ngủ người ta thường thấy sự xảy ra không khác gì lúc thức tỉnh. Những sự xảy ra ấy như thực nên có khi gây cho ta cảm giác buồn vui, hay lo sợ, đó là mộng mị, hay chiêm bao vậy.

Tại sao sinh ra mộng? Không có gì lạ lùng và đây là những nguyên do :

- 1) — Do sự hữu ý tư tưởng của mình.
- 2) — Có khi còn bởi việc làm của bộ óc khi ngủ mà mình không bao giờ tư tưởng đến.
- 3) — Cũng có khi bởi vật ngoài phạm đến thân xác ngủ của mình mà dun dủi cho mình cảm biết.

Lẽ thứ nhất thuộc về của tâm thần ý thức. Lẽ thứ hai thuộc về công việc của tâm thần vô ý thức (inconscient). Lẽ thứ ba thuộc về bản năng cảm giác (perceptibilité).

Một số các nhà tâm lý và y học lại cho chiêm bao là do bệnh tật mà có.

Chuyện xưa, Lữ-Sinh đời nhà Đường đến quán trọ, nằm đợi nhà chủ nấu kê (hoàng lương) rồi ngủ quên. Trong khi ngủ, mộng thấy học hành giỏi giang, vào kinh thi đỗ làm quan, lấy vợ đẹp, sinh con đẻ cái, lên xe, xuống ngựa hưởng đủ giàu sang phú quý.

Lại một chuyện khác : Trương-Chu mơ thấy mình hóa bướm (hồ điệp) bay đi.

Hai cổ tích này chúng ta ai nấy đều biết, sự thực chỉ thuộc về công việc của tâm thần ý thức. Xét ra Lữ-Sinh chỉ là một anh học trò tầm thường, trong óc bao giờ cũng tơ tưởng đến thi đỗ làm quan lên xe xuống ngựa, nên khi ngủ mới có giấc mộng đẹp hảo huyền như thế. Và Trương-Chu óc hay mơ màng những chuyện phiếm ngoài thực tế, nên mới nằm chiêm bao thấy mình hóa bướm, trái hẳn với thiên nhiên tạo vật.

Còn chúng ta hằng ngày thường mộng thấy những chuyện hoặc lơ lửng, hoặc lạc vào một cảnh đẹp gặp một chuyện vui, chuyện buồn gì là do lúc ta thức tỉnh sẵn tâm đề ý tơ tưởng đến nên tâm thần ý thức mới tạo thành trong khi ta ngủ.

Khi ta gặp những sự dù không chú ý đến song con mắt đã nhìn thấy và in sâu trong trí nhớ, thì cũng như chủ ý nhớ, bởi vậy khi ngủ cũng do một sự tơ tưởng còn con bất ngờ động chạm đến trí nhớ, rung động một cách rất nhanh bộ óc, cảm giác bấy giờ nhận rõ được phần nhớ nào thì đưa ra phần nhớ ấy, nên mới thêu dệt ra một chuyện, hoặc chấp đầu sự nhớ này với đuôi sự nhớ kia, hoặc chấp hai ba phần của sự nhớ này với vài phần của sự nhớ kia.

Những mộng về tâm thần vô ý thức có thể coi như phim chiếu bóng do chấp nối hàng ngàn, vạn bức ảnh không hoạt động rồi khi đưa ra chiếu, quay nhanh thành một cảnh linh động.

Những mộng thuộc về công việc của tâm thần vô ý thức có tính cách chấp nối pha tạp, nên nó diễn ra muôn hình, ngàn trạng không thể kể hết ra được.

Còn loại mộng thuộc về bản năng cảm giác cũng không

khác hai trường hợp trên, nhưng chỉ khác một điều là phải do vật ngoài phạm đến những cơ quan thể xác của ta, như làm cho khó thở, làm cho tê dại chân tay, hay làm cho nặng nề một bộ phận ở khúc mình v.v... Ví dụ đang ngủ, chân hay tay người nằm bên cạnh đè lên ngực ta ; thế là làm cho quả tim khó đập, hay phổi khó phồng lên rồi dun dủi cho ta mộng thấy một người to lớn, một vật gì nặng đè lên ta, hay những ma quỷ dữ tợn làm cho ta sợ hãi ; khi nằm co chân ngủ, máu ở đây không được lưu thông cũng dễ làm cho ta mộng thấy như đánh nhau với ai, rồi bị đuổi mà ngã.

Các nhà y học và tâm lý học nghiên cứu mộng ở hai mặt : mộng của người ngủ theo thường lệ, và mộng của người có bệnh, như bệnh tê bại hay trúng độc.

Trong giấc ngủ thường mà có mộng là tại người ít ngủ, như thế dù tổ khi kém ngủ là hay có mộng寐.

MỘNG LÀ GIẢ TẠO

GIẤC mộng có thể chứng nhận những việc quá khứ của người mơ ngủ không? Hoặc có kẻ đoán mộng bậy rằng : « Ông nằm mơ thấy gì, tôi sẽ đoán cho mà xem. » Xin trả lời rằng không, vì trí tưởng tượng đưa hồn vào những cảnh (mộng) bất thành linh. Thường thường người ngủ thấy chiêm bao không giống công việc mình làm, mà cũng không giống trí nghĩ của mình nữa.

Những người yếu đuối bị bệnh mê ngủ, hay sợ hãi ma quỷ dị đoan thì hay ngủ mê mệt, nhất là trẻ nhỏ thường hay bị mê sảng tinh thần. Đôi khi có những trường hợp đặc biệt và lạ, là lúc bệnh thể nào thì ốm đau thể vậy, chẳng hạn nhà văn A. de Villeneuve chiêm bao thấy bị một con chó cắn ở bắp chân, mấy hôm sau chính ở chỗ ấy có mụn ung độc. Ông Conrad Gesner cũng mơ thấy rắn cắn ở một chỗ, mà sau mọc một mụn to. Người bị bệnh đau tim hay sợ hãi, mê sảng mà trông thấy lửa cùng máu, song chỉ mới thấy đã tỉnh ngay. Người bị ho siêng cũng hay thấy ác mộng, như nằm thấy bị trần nhà sụp xuống đè lên ngực, và hai bức tường ép vào mình.

Bác sĩ Gratien thuật lại rằng một người ốm mộng thấy

V. H. 2.

đi chân gỗ, ít lâu sau hai chân bị tê bại không thể đi được.

Những tài liệu như trên có thể lấy làm tài liệu vô giá để tìm rõ bệnh căn không? Không chắc. Trong lúc ngủ ta không còn tiếp xúc với ai; nếu cửa đóng then gài, thì thần trí cũng hơi tiếp xúc với những cảm giác ở trong thân thể; những cảm giác ấy, mà chiêm bao cấu tạo ra thiên hình vạn trạng. Bác sĩ Tissié kể chuyện rằng: một người nằm mơ thấy ăn nhiều rắn, sau bị bệnh ung độc ở cuống dạ dày. Như thế chứng tỏ người mới bị bệnh đau, rồi chính cái cảm giác ấy nó chuyển mà thành ra mộng. Những người tinh thần suy nhược, hay điên dại thường thấy trong mộng hiện ra những quái gỡ. Bác sĩ Chaslin kể rằng một người đàn bà nọ mơ thấy giết chồng con bằng con dao phay. Khi hoảng hồn tỉnh dậy biết mình là chiêm bao, tự an ủi mà thở dài rằng: « Trời ơi, nếu mình giết chồng con ư?!. » Từ đó bà ta cứ trông thấy dao là ghê sợ khiếp vía.

Những người mê tín thần bí thường hay thấy chiêm bao, như ở nước ta xưa kia Đổ-Thích mộng thấy sao sa vào miệng, nên giết vua Đinh-Tiên-Hoàng để mong đoạt ngôi cử ngũ; ở Tây phương Jacques Clément mơ thấy thiên thần bảo phải giết vua nước Pháp thì sẽ được ngự ngại vàng. Những người mê tín đồng bóng, hay mơ thấy những gì có tính cách dị đoan, rồi đi xem bói cầu cúng, chuốc lấy không đâu sự lo sợ, tốn tiền.

Những người bị trúng độc hay mơ thấy quái vật. Rượu thuốc phiện, các chất ma túy đã làm cho họ được khoái trá như du hồn vào chốn thiên đường, mà cũng chính là địa ngục của họ nữa.

Bác sĩ Lavastine nghiên cứu rõ rằng, ngoài những chất độc thật, còn nhiều chất độc ngầm khác, thấm vào thân thể, ngũ tạng mà không biết, rồi nó làm rối loạn sinh ra những bệnh, mà ta gọi là bệnh thần kinh (maladies psychoses).

KẾT LUẬN.— Ta có thể nói rằng: mộng dù về loại nào đều là do óc ta làm việc khi ta ngủ, cũng như khi thức. Vậy những giấc mộng không đủ làm cho ta quan ngại. Đã hay rằng những giấc mộng có khi do sự biết trước ngầm, mà các nhà siêu hình học và tâm lý học gọi là tâm thần tiên tri (préconscience) hay tâm thần tiềm thức

(subconscience) mà báo cho biết trước những sự xảy ra, song ta phải biết mộng theo lẽ đó rất hiếm, tâm hồn người ta phải yên tĩnh, vô sự lắm mới xảy ra được. Vậy ta không nên tin mộng là điềm báo sự hay, điều dở cho ta. Những kẻ bày đặt quàng xiên, như nói: mộng thấy hòn đạn thì đi đường, tất gặp nguy hiểm hay bị ngã đau, thấy mình hơn người ta, hay người ta hơn mình thì mình sẽ có tiền, được gia tài; thấy lửa cháy to thì tinh nhân đi đâu xa sắp trở về với mình, hay sẽ có nhiều tiền bạc; thấy ngã vào lửa thì thoát được nạn của kẻ thù hằn mình v. v... tất cả những điều đó đều nhắm nhĩ không căn cứ vào đâu cho ta tin được. Chỉ những người yếu đuối về thể xác và tinh thần mới hay thấy chiêm bao và tin ở chiêm bao có ảnh hưởng đến cuộc sống của mình.

THƯỢNG SỸ

ĐẠO NHẢY!

NGUỜI ta thường nói đến đạo Cao - Đài, đạo Hòa - Hảo, đạo Phật, đạo Công-Giáo v. v... chứ không ai nói đến đạo Nhảy bao giờ. Thế mà hiện nay, tại một ngôi chùa ở Gò-vấp có phát minh ra một thứ đạo Nhảy. Trong chùa cũng thờ phật Thích-ca, nhưng phương pháp hành đạo lại là Nhảy lung tung như nhạc điệu Rock 'n Roll. Tối ngày rằm, mừng một âm lịch, rất đông đệ tử lũ lũ phương tựa về chùa. Sau khi nghe vị trụ trì giảng đạo, một số đông tín đồ nam có, nữ có, già có trẻ có, đứng lên nhảy cả tưng cả tưng, tay chân múa may, miệng ca hát nhạc phật liú lo, nảy tới nảy lui, nằm ngửa xuống đất rung rẩy trước tượng phật như diễn đại. Đệ tử lâu, mệt lả, các đệ tử dụ lẫn và bước ra khỏi sân nhảy, ngồi tại trò chuyện vui đùa thỏa thích. Đệ tử của đạo này rất giỏi tuấn truyền, họ dám bảo đảm rằng: bất cứ người nào khi thọ đạo rồi sẽ được phép đình nhập vào thì bắt nhảy ca múa hát một cách tự nhiên. (?)

Thật là một đạo lạ lùng chưa từng thấy.

N. A. L.

CÓ ĐÚNG VẬY KHÔNG?

CÁC BẠN CÓ TIN KHÔNG?

— CŨ MỞ HÀNG.— Giới thương mại sợ nhất và chú trọng nhất người mua mở hàng vào buổi sáng. Nếu gặp phải một người đàn bà có thai đến hỏi hàng thì ngày hôm ấy nhất định ế ẩm.

— Người bán hàng, người đi lo công việc làm ăn, kiện tụng, cưới vợ gả chồng v.v. . rất sợ buổi sáng ra đường gặp đàn bà đầu tiên, nhất là đàn bà có thai. Nếu gặp phải như vậy, họ quay trở vào nhà đi tiểu tiện ngay, rửa lại mặt mày hay ngồi lại nhà một chốc rồi mới trở ra đường!

— ĐỪNG QUỖ TRẺ EM XINH ĐẸP.— Khi đùa giỡn, nựng nịu một đứa bé xinh đẹp mập mạp, không được nói: « Sao em bé mập quá vậy, nó đẹp quá... » nhưng phải nói là: « thấy ghét quá, thằng trông xấu làm sao ấy... » Vì khen quá lời, cha mẹ nó sẽ giận, sợ đứa nhỏ sẽ đau ốm vì những lời « quỏ » từ cửa miệng ăn mắm muối thốt ra. Họ cho rằng đứa bé như trái cá trái bưởi khen quỏ nó sẽ rụng mất (!).

— CON RANH CON LỘN — Ở một vài tỉnh miền Nam, khi người đàn bà luôn 4, 5 lần sanh đẻ mà vẫn không nuôi được con, họ cho đó là mắc phải con Ranh con Lộn. Để thí nghiệm xem có phải đúng như vậy không, cha mẹ đứa nhỏ xấu số, bèn chặt lấy một ngón tay út của đứa con, hoặc mỗ, xẻ làm thành một dấu tích ở một nơi nào trong thi thể của đứa bé. Rồi vào một kỳ sinh sau đó, họ lật nghiêng lật ngửa hai nhi tìm kiếm vết tích đã làm dấu trong thi thể của đứa con trước. Nếu có một vết nhỏ khả nghi (?) nào đó và rủi đứa bé vì bệnh tật chết đi, họ sẽ chặt đứt nhỏ ra làm ba khúc, rước thầy phù thủy pháp y làm phép tiêu diệt con Ranh con Lộn đi. Có nơi họ đồ chàm vào lòng bàn tay của đứa bé xấu số ấy. Họ quả quyết rằng từ đó về sau sẽ nuôi con được hết không chết chóc gì nữa (!).

— MÈO VÀO NHÀ KHÓ, CHÓ VÀO NHÀ SANG.— Rủi có một ngày bị mèo vào nhà quấy, nhất là mèo vào nhà sanh nở thì quả là một điều xấu cực độ. Gia chủ sẽ gặp tai nạn bất ngờ: cha chết, vợ đau, con ốm hoặc tán gia bại sản. Nhưng ngược lại, nếu bắt được cái nhao mèo để thì lại là một đại phúc, đánh bạc làm giàu, đánh dấu ăn đó.

Trái lại, chó đến nhà là một điều may mắn, sẽ được tin mừng hay có hoạn tai. Chó đến nhà càng nhiều càng tốt. Mèo đến nhà thì tìm đủ cách đánh đập giết nó đi.

— 24 TRIỆU BẠC MỖI NĂM ĐỂ MUA LƯ HƯƠNG.— Các bạn có biết và có tin không: hằng năm vào ngày rằm tháng 7, ngày Xá Tội Vong Nhân, người ta có tục lệ thay hết tất cả lư hương trong những am, miếu ở khắp nơi. Chiếc lư hương hình dáng nhỏ xinh làm bằng đất trét men thật láng, giá bán thật rẻ chẳng là bao. Nhưng con số tổng cộng về sự tiêu thụ lư hương này lên đến con số dễ sợ. Nhà sản xuất đồ gốm, tác giả loại lư hương này ở Lái-Thiệu, cho biết rằng: một năm số lư hương bán ra nhiều không kể xiết và số tiền thu vào lên đến 24.000.000 đồng!

N. A. L.

TOAN ANH

Những tục lạ mê tín, dị đoan

MÊ tín là tin theo những điều huyền hoặc, không thấy rõ mà vẫn cứ tin, còn dị đoan là tin theo những việc dị kỳ, những việc không thể có được.

Người có óc mê tín dị đoan thì bạ đâu tin đấy, càng huyền hoặc càng tin làm thật.

Khắp trên thế giới ở đâu cũng có những người mê tín dị đoan, nhưng sự mê tín cũng thay đổi theo không gian và thời gian.

Xưa kia, người ta sợ sấm sét, mưa bão, tin tưởng đó là những vị thần có uy quyền và có thể giết hại con người được, ngày nay khoa học tiến, người ta không còn hoàn toàn tin như vậy, nhưng người ta có những điều mê tín khác, thí dụ kiêng con số 13, kiêng ra ngõ gặp gái.

Ở châu Phi, nhiều bộ lạc tin rằng mỗi khi giết người, lấy bộ phận sinh dục của người đó nấu ăn sẽ được khỏe mạnh. Ở Trung-Hoa người ta tin rằng mỗi khi ân ái cùng một trinh nữ sẽ gặp may mắn.

Sự mê tín muôn hình sắc, thay đổi qua từng dân tộc cũng như qua từng thời đại.

Người Việt-Nam ta cũng có nhiều sự mê tín dị đoan, thường được biểu lộ trong nếp ăn ở, trong đời sống hằng ngày. Sự mê tín dị đoan, tuy ngày nay nhờ ánh sáng văn minh đã bớt, nhưng không phải là không còn nhiều.

Trong nếp sống hằng ngày từ sinh đẻ, ăn ở, hôn phối, tang ma đều có rất nhiều sự dị đoan mê tín, nhất là ở các vùng quê. Người ở thành thị nhiều khi nghe thuật lại một vài sự dị đoan mê tín thì cho làm lạ, nhưng đối với người dân quê những điều đó chỉ là những điều rất thường.

Dưới đây, tôi xin sưu tầm một ít điều mê tín dị đoan của ta để bạn đọc cùng xem, và tùy bạn đọc phán đoán.

Sự tín ngưỡng, người dân quê coi mê tín dị đoan lầm với tín ngưỡng, có những lý lẽ riêng mà không có lý lẽ nào giảng giải nổi. Họ tin vì họ tin, họ theo vì họ theo thế thôi, đừng ai hỏi họ tại sao lại tin theo như thế.

NHỮNG SỰ MÊ TÍN DỊ ĐOAN TRONG VIỆC SINH ĐẸ

VIỆC sinh đẻ là việc rất quan trọng đối với dân mình. Theo phong tục ta, ngay từ khi thai nghén người đàn bà đã phải giữ gìn và kiêng cử, ngõ hầu tránh mọi hậu quả có hại cho đứa trẻ.

KIÊNG. — Người đàn bà có thai phải kiêng :

Ăn cua, để tránh sự sinh ngang, cua là giống vật di ngang.

Ăn sò, ăn hến, để tránh cho đứa trẻ có nhiều dãi, sò, ốc, hến đều có dãi.

Ăn thỏ, để tránh cho đứa trẻ khỏi bị sút môi.

Ăn những đồ cúng tại một đám tang, để tránh cho đứa trẻ bị sài đen.

Ăn cỗ cưới, để tránh cho đứa trẻ khỏi bị vô duyên.

Ăn hoa quả sinh đôi, để tránh sự đẻ song thai.

Ăn thịt cá uơn, hoa quả hồng, để tránh sự quặt quẹo của đứa trẻ.

Ăn hành, e đẻ con toét mắt.

Gần người gian ác, để tránh tính xấu cho đứa trẻ.

Nhìn những cảnh trái luân thường, để tránh cho đứa trẻ khỏi tiếm nhiễm về sau.

Nghe những lời thô tục, e ảnh hưởng tới ngôn ngữ đứa trẻ.

Trái với những điều kiêng trên, có những điều người đàn bà phải làm :

Phải năng lễ bái, để trời phật thánh thần phù hộ cho đứa trẻ.

Phải làm việc thiện, để gây phúc cho đứa trẻ.

Phải nhẹ nhàng khoan thai, để đứa trẻ về sau đứng đắn dịu dàng.

Phải gần người thiện, đứa trẻ sau này trở nên hiền lương.

Phải tìm nghe những lời đạo đức, để gây đạo đức cho đứa trẻ v. v...

Những điều *kiêng* và điều *phải* không biết có đúng không, nhưng người dân quê phần đông đều tin như vậy, cho nên đàn bà họ rất giữ gìn trong khi thai nghén.

CHỮA TRÁU. — Rồi đến khi sinh nở. Nếu sự sinh đẻ đều hòa dễ dàng thì không có gì đáng kể, nhưng nếu chẳng may người đàn bà *lên tháng* nghĩa là có thai quá ngày, vùng quê gọi là *chửa trầu*, thì người chồng sẽ phải, hoặc :

— *Tìm đến một con trầu, lén cắt đứt chiếc giây thừng xoắn mũi con trầu đó.*

hoặc : — *Lấy một chiếc cọc đóng vào chân chiếc cối giã gạo.*

Theo sự tin tưởng của người dân quê thì một trong hai hành động trên của người chồng sẽ làm người vợ có thai *lên tháng* được sinh ngay.

SINH CHẠM. — Còn trong lúc sinh, nếu đứa trẻ chậm ra thì người chồng phải làm một trong những việc sau đây :

— *Trèo lên cây cau rồi ôm cây cau tụt xuống,*

— *Luồn qua những nấc một chiếc thang đứng,*

- Cầm một chiếc đòn gánh đứng giữa cửa nhà lao ra ngoài đường,
- Lấy chiếc lông rim mọc ở' khẩu đuôi con rim đưa cho vợ.
- Lật đít ông đồ rau ở giữa bếp lên, nhờ nước bọt vào.
- Lẳng lẳng sang nhà hàng xóm, tìm người đàn bà nào dễ sinh, ăn cắp chiếc giải rút quần hoặc giải rút sống váy của người này mang về quần vào bụng vợ.
- Cho vợ uống ba ngụm nước eo.
- Cầm thắt lưng của mình vắt qua mái nhà (thắt lưng bằng vải xưa thường dùng).

SÀI CHẠM CỬ.— Khi đứa trẻ đã sinh rồi, nếu nó bị sài *chạm cử* nghĩa là nó đau ốm và khóc la trong khi chưa đầy cử thì người ta tin rằng có Phạm-Nhan tới trông ghẹo và muốn bắt nó. Muốn trị Phạm-Nhan người ta phải giết một con chó đen lấy máu vẩy quanh buồng người đàn bà ở cử và tằm vào giấy bản để tối tối đốt lấy do soa lên đứa trẻ và hòa lẫn vào sữa cho đứa trẻ uống.

ĐỐT VÍA — Ngoài trường hợp *chạm cử* nói trên, nếu bất thần đứa trẻ khóc nhiều, người ta cho rằng nó chạm phải vía dữ của một người nào. Người ta phải đốt vía bằng *chiếc chổi sể* hoặc *chiếc nón lá gồi cử*. Trong khi đốt vía, người ta đọc câu chú sau :

« Đốt vía đốt van, vía lành thì ở, vía dữ thì bước ».

KHÓC DẠ ĐỀ.— Có nhiều đứa trẻ cứ đêm đến là khóc, khóc suốt đêm và luôn trong thời gian ba tháng mười ngày. Người ta gọi là khóc *dạ đề*, không thuốc nào chữa được, chỉ có cách cúng bái, hoặc tìm một người nào *vía có oai* tới dọa, đứa trẻ sẽ nín khóc, nhưng người *vía có oai* rất ít cho nên đứa trẻ cứ khóc đêm cho đến khi đủ một trăm ngày thì nó thôi không khóc nữa. Có lẽ có đứa trẻ lớn lên thì thôi khóc, không cần đủ trăm ngày hay có khi quá trăm ngày, nhưng theo sự tin của người vùng quê thì khóc *dạ đề* phải khóc đúng trăm ngày.

HÓT VÍA.— Có những trẻ bị ngã rồi khóc nhiều hoặc trở nên ngớ ngẩn, kém tinh nhanh. Đưa trẻ đó, người ta bảo là nó bị lạc vía. Muốn cho nó trở lại bình thường cần thu những vía lạc của nó về. Sự thu vía này gọi là **HÓT VÍA**. Muốn hót vía, người ta dùng những viên cơm con, to bằng hòn bi, con trai bảy viên, con gái chín viên, theo sự tin của dân mình thì nam có bảy vía và nữ có chín vía. Người ta đặt bảy hoặc chín viên cơm vào một chiếc rổ con, thấp mấy nền hương, mang tới chỗ đứa trẻ bị ngã trao đi trao lại nhiều lần, vừa trao vừa gọi :

«Hỡi ba hồn bảy vía (hoặc chín) vía tên... xin mau trở về»

Sau khi đã hót vía, bảy hoặc chín viên cơm nói trên dùng để cho trẻ ăn. Ăn xong chỗ cơm đó, đứa trẻ trở lại bình thường.

LỘN KIẾP.— Có nhiều người đẻ rất nhiều nhưng đứa trẻ nào đẻ ra cũng đều hữu sinh vô dưỡng. Người ta cho đứa trẻ chết trước lại lộn về đẻ rồi lại chết.

Theo sự mê tín của ta thì những đứa trẻ đó là con các **Mẹ Danh** tại các đình đền chùa miếu. Các **Mẹ Danh** là những linh hồn hầu hạ các thần linh tại các nơi này. Mỗi khi có người đến các đền chùa đình miếu cầu tự thì các **mẹ danh** xin với các thần linh để cho con chúng tới đầu thai, nhưng chỉ ít lâu sau chúng lại bắt về đẻ rồi cho đầu thai lại có khi vẫn tại một gia đình, có khi tại gia đình khác.

Sự đầu thai nhiều lần vào một gia đình gọi là **Lộn Kiếp**.

Muốn trừ sự **lộn kiếp**, khi đứa trẻ chết, ở những gia đình có đẻ mà chẳng có nuôi, người ta thường lấy nhựa chuối, nhọ nồi, mực tàu hoặc sơn đánh dấu vào đứa trẻ.

Người ta tin rằng đứa trẻ bị đánh dấu như vậy không dám lộn trở lại nữa, lần sau có sinh người ta hy vọng có thể nuôi được, vì sẽ là một linh hồn khác đầu thai chứ không phải là đứa trẻ trước **lộn kiếp**.

Có nhiều người sinh nhiều lần quá mà không nuôi được, người ta trả thù vào đứa trẻ **lộn kiếp** bằng cách sẻo mũi, cắt tai, hoặc chặt chân chặt tay trước khi đem chôn. Có người quá mê tín đã sẻo cả miếng thịt đứa trẻ mà ăn.

CẦU TỰ.— Theo phong tục Việt-Nam, sự có con là một điều tối quan trọng. Người không có con là có tội. Các cụ ta đã có câu :

— « *Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại* » (Bất hiếu có ba điều không con nổi giỗ là nặng nhất.)

Bởi vậy những cặp vợ chồng lấy nhau đã lâu mà không có con phải đi *cầu tự*, nghĩa là đi xin con tại các đình đền phủ miếu chùa am v. v... Ở ngoài Bắc người ta thường đi cầu tự tại chùa Hương, đền Kiếp-Bạc, đền Phủ-Giày, đền Sông, v. v... Tại chùa Hương, nơi chùa trong có những hòn đá nhỏ hình na ná giống người. Các bà đi cầu tự thường soa đầu những người đó và nói :

— Mời cậu về với tôi.

Đi *cầu tự* phải làm sớ, phải dâng lễ. Những đứa con *cầu tự* thường được bố mẹ chiều chuộng và gọi bằng *cô* hoặc *cậu* tùy theo trai gái. Có nhiều đứa trẻ thông minh, biết rõ mình là con cầu tự thường hay đòi bố mẹ nhiều điều quá đáng. Nếu không được thỏa mãn nó thường dọa bố mẹ :

« — Con về đây, con không ở với thầy bu nữa ! »

Thế là bố mẹ lại phải nhượng bộ.

CÚNG MỤ. — Khi đứa trẻ sinh được đầy cữ, bảy ngày cho con trai và chín ngày cho con gái, người ta làm lễ *cúng mụ*.

Theo sự mê tín của người Việt thì một đứa trẻ thành hình phải có *mười hai bà mụ* để nặn, bà nặn đầu, bà nặn chân tay, bà nặn tai mắt v. v...

Để tạ ơn các bà mụ đã nặn nên đứa trẻ, người ta cúng mụ khi đứa trẻ đầy cữ. Lễ cúng mụ gồm quần áo, hài khăn, mỗi thứ mười hai bộ cho *mười hai bà mụ*. Ngoài ra có vàng ngũ sắc, có hoa quả.

CHUỘC VÍA.— Có nhiều đứa trẻ tự nhiên ốm đau, thuốc thang mãi không khỏi, khi người nhà đi xem bói được thầy bói cho biết là có bà cô nào bắt mất một hai vía nên đứa trẻ bị ốm. Muốn cho nó khỏi phải *chuộc vía*, nghĩa là phải mang đồ lễ tới ngôi đền hay ngôi miếu nào có thờ bà nào hoặc cô nào đã bắt vía đứa trẻ để xin chuộc.

Bà và cô đây đều là những linh hồn thiêng được thờ cúng thí dụ như cô Ba Bắc-Lệ, bà Chúa Mẫu-Thoại v. v...

Lệ chuộc vía phải có sớ, và phải được bố mẹ đưa trẻ thành tâm cầu xin.

Có nhiều người lớn, khi gặp những hồn ma *hợp*, cũng bị bắt mất vía, trở nên đau ốm ngớ ngẩn. Muốn khỏi, cũng phải làm lễ *chuộc vía* để xin hồn ma tha cho người đau ốm.

SÀI MÒN.— Sài mòn là một chứng bệnh làm cho đứa trẻ gầy mòn còm cõi đi rồi chết.

Có nhiều đứa trẻ mắc chứng bệnh này không chữa được, mặc dầu lắm thầy nhiều thuốc. Người ta đã chữa những đứa trẻ này bằng cách bế nó đi luồn dưới một áo quan trong đám tang một người già. Người ta tin rằng luồn dưới áo quan như vậy, thần sài mòn sẽ dời đứa bé để nhập vào áo quan.

Hoặc có khi, người ta không đưa đứa trẻ chui luồn áo quan thì người ta lại mang nó ra một ngôi mả mới, kéo lê nó chung quanh ngôi mả mấy lần, rồi bế nó về. Người ta bảo rằng như vậy, thần bệnh sẽ ở lại mả, và đứa trẻ sẽ khỏi.

CƯỚP CƠM BÔNG.— Mỗi đám tang đều có bát cơm quả trứng để trên nắp áo quan gọi là *cơm bông*.

Người ta cướp cơm bông đó cho trẻ con ăn để nó đỡ nhiều chứng bệnh, nhất là *cơm bông* những đám tang ông già bà cả rất được người ta chuộng.

NHỮNG MÊ TÍN DỊ ĐOAN KHI ĐƯA TRẺ ĐÁ LỚN

TỪ trên, tôi mới nói tới mê tín dị đoan khi đứa trẻ mới sinh, hoặc khi nó hãy còn nhỏ. Khi đứa trẻ lớn lên, nó đi học sẽ có những sự mê tín dị đoan khác.

BÁN KHOÁN.— Có nhiều đứa trẻ khi nuôi hay ốm đau, muốn cho nó đỡ bệnh tật, bố mẹ đứa trẻ thường dâng nó làm con nuôi các vị thần thánh. Việc dâng trẻ làm con nuôi như vậy gọi là *bán khoán*.

Người ta thường *bán khoán* trẻ cho Đức Ông trên chùa, hoặc các vị thánh như đức Thánh-Trần, bà Chúa-Liễu!

Khi bán khoán, đứa trẻ phải theo họ đức thánh nơi đền bán khoán. Muốn bán khoán phải có lễ vật và phải làm sớ cúng.

CHUỘC KHOÁN.— Đứa trẻ khi bán khoán tới năm mười tám tuổi thì phải *chuộc khoán*. Tuổi mười tám coi như tuổi thành nhân của đứa bé. Tới tuổi này, đứa bé không còn sợ ma quỷ trên ghẹo nữa nên có thể trở lại họ của bố mẹ được.

Nếu đến tuổi mười tám, bố mẹ đứa trẻ không chuộc khoán cho nó, có thể nó bị trở nên ngớ ngẩn, vì hồn vía của nó phải chầu chực ở nơi bán khoán.

Lễ chuộc khoán cũng phải làm sớ và sửa đồ lễ. Bố hoặc mẹ đứa trẻ cùng với đứa trẻ phải đến lễ tại nơi bán khoán.

ĐEO VÒNG, ĐEO XÍCH.— Nhiều đứa trẻ con cầu tự thường được bố mẹ đeo cho những vòng những xích có khi bằng bạc, có khi bằng đồng.

Sự đeo vòng, đeo xích này có ý là đứa trẻ đã bị xích bị giữ, không thể bỏ bố mẹ mà đi được.

ĐEO BÙA.— Sau những trận ốm trẻ con thường đeo bùa của các thầy pháp cấp. Bùa này có phép trừ tà ma.

ĐEO VUỐT CỌP.— Nhiều trẻ con được đeo những chiếc móng cọp bịt bạc, đeo vào vòng chân hoặc vòng tay. Vuốt cọp có tính chất khu phong trừ tà.

TRẺ ĐI HỌC PHẢI KIỀNG.— Trẻ con khi đã được đi học phải kiềng:

- Không ăn chân gà, sợ viết run tay,
- Không ăn trứng gà trứng vịt ấp dở, sợ tối dạ,
- Không học bài lúc gà lên chuồng, sợ lú lẫm,
- Không ăn những quả tối, (trái cật) của gà vịt, sợ hết thông minh,

- Không đến những nơi ó uế, nhất là buồng đàn bà để, sợ lủ lấp,
- Không dùng giấy viết chữ đề lau chùi, khi đại tiện, sợ học dốt,
- Không gối đầu lên sách, sợ học không vào.

NHỮNG MỀ TÍN DỊ ĐOAN TRONG HÔN LỄ

VIỆC hôn nhân đối với ta xưa là một việc rất trọng, vì vậy có nhiều điều được người ta giữ gìn noi theo hoặc kiêng cử.

LÀM MỐI.— Đôi bên lấy nhau cần có người mai mối. Người mai mối thường kén trong những người già cả để cho đôi trẻ được cùng nhau bách niên giai lão.

ÔNG GIÀ CẦM HƯƠNG.— Hôm cưới, lúc đưa rước đón dâu, đi đầu bao giờ cũng là một ông già cầm hương. Người ta tin rằng, ông già này sẽ đề tuổi lại cho cô dâu chú rể.

SO ĐÔI TUỔI.— Trước khi đôi trẻ lấy nhau, bố mẹ thường cho so đôi tuổi để xem hai tuổi có hợp nhau không. Nếu gặp hai tuổi xung khắc cuộc tình duyên sau này có thể bị trắc trở.

Theo sự tin của ta thì những tuổi sau đây xung khắc, gọi là *tứ hành xung* :

- Tý, Ngọ, Mão, Dậu
- Thìn, Tuất, Sửu, Mùi
- Dần, Thân, Tỵ, Hợi

Còn các tuổi sau đây gọi là *tam hợp* :

- Hợi, Mão, Mùi
- Thân, Tỵ, Thìn
- Dần, Ngọ, Tuất
- Tỵ, Dậu, Sửu

Tuổi hợp nhau thì việc hôn nhân thành, tuổi khắc nhau thì việc hôn nhân không thành.

CHÍN CHIẾC KIM.— Hôm rước dâu, trước khi cô dâu về nhà chồng, bà mẹ thường cài vào tà áo cô dâu chín chiếc kim mới. Những chiếc kim này dùng để trừ tà ma trong lúc đi đường. Thật ra, những chiếc kim có tác dụng khác, các bà mẹ bao giờ cũng dặn các con gái ngày vu quy, là dùng để chữa chứng phong bất kỳ xảy ra cho chồng.

CHIẾC HỎA LÒ.— Khi cô dâu bước chân tới nhà chồng phải bước qua chiếc hỏa lò hồng cháy. Lửa sẽ đốt hết tà ma đã theo cô dâu ở dọc đường.

NHỮNG ĐIỀU KIÊNG TRONG Đám CƯỚI.— Bố mẹ vợ kiêng đưa con gái về nhà chồng.

Người có đại tang kiêng không đi ăn cưới, e gây điều không may cho cô dâu chủ rể. Khi cô dâu về tới nhà chồng, mẹ chồng phải bỏ sang hàng xóm một lúc để tránh sự không may về sau cho cô dâu. Người đàn bà là nội tướng, trong nhà không thể có hai nội tướng. Mẹ chồng lánh đi, có ý là để cho con dâu sau này sẽ thành nội tướng trong gia đình.

Tối hôm cưới, hai vợ chồng phải uống rượu hợp cần, một chén sê đôi, kiêng bỏ dở. Hai vợ chồng phải ăn hai miếng trầu. Một quả cau bỏ đôi, chồng ăn một nửa, vợ ăn một nửa, ý nghĩa là hai người sẽ đồng tịch đồng sàng, bách niên giai lão.

Trong lúc lễ tơ hồng, phải canh chừng hai ngọn nến đừng để tắt, và cũng đừng để ngọn nọ cháy nhiều hơn ngọn kia.

Đi ăn cỗ cưới, kiêng mặc đồ trắng, màu trắng là màu tang.

Trong ngày cưới phải tránh sự đổ vỡ bất cứ một vật gì.

Giường của cô dâu trong buổi động phòng phải do một người đàn bà nhiều con giải chiếu để mong rằng cặp vợ chồng trẻ sau này cũng sẽ được con đàn cháu đống.

Trong lúc đưa rước hoặc đón dâu, nếu có chẳng giấy, phải cho tiền người chẵn giấy, kiêng cắt đứt giấy.

NHỮNG MÊ TÍN DỊ ĐOAN VỀ TANG LỄ

CŨNG như việc sinh đẻ, cưới xin, trong việc ma chay cũng có rất nhiều điều mê tín dị đoan.

TRÁNH LỘ THIÊN.—Người đã chết rồi, người ta kiêng không đề lộ thiên. Muốn kiêng từ chỗ nọ tới chỗ kia, người ta phải che kín. Chỉ những người vô phúc, bất đắc kỳ tử mới chết lộ thiên.

ĐẶT NGƯỜI CHẾT XUỐNG ĐẤT.— Khi một người mới chết, người nhà kiêng đặt xuống đất, hi vọng rằng sinh khí rải rác tại mặt đất sẽ hồi sinh người chết.

HÚ HỒN.— Đối với những người ngất đi, cũng như đối với những người mới chết, ta có lệ *hú hồn hú vía*, nghĩa là gọi cho hồn của người chết để tái nhập vào xác.

Khi người mới chết, *hú hồn* người ta làm như sau :

— Một người cầm cái áo của người chết, tay trái cầm cổ áo, tay phải cầm vạt lưng áo, gọi ba tiếng ba hồn bay vía của người chết.

BỐC GIỜ.— Người ta xem giờ của người chết, nay bằng đồng hồ, xưa bằng cách bốc một nắm dũa, để xem người chết có bị thần trùng ám hay có được giờ Nhập Mộ không. Bị trùng phải có bùa trừ. Được nhập mộ là chết được giờ tốt.

TRÁNH CHÓ MÈO.— Chỗ người chết nằm, phải có người coi để không cho chó mèo chạy qua, nhất là mèo, vì e có *quỉ nhập tràng*, nghĩa là quỉ nhập vào xác người chết để sống lại.

THIỆT LINH SÀNG.— Linh sàng là cái giường của linh hồn. Người ta tin rằng khi chết linh hồn vẫn còn. Người ta lập linh sàng ở phía đông cửa có quây màn để gối cũng như lúc sống, sớm hôm rước ra rước vào để tỏ lòng hiếu kính.

TẾ LỘ THẦN.— Trước khi đưa đám có lễ *tế lộ thần*, nghĩa là tế thần đường để đám tang được phép đi.

PHƯỜNG TUỒNG TRỊ HUYỆT.— Nhiều đám tang có phường tuồng trị huyết vì người chết gặp giờ dữ, cần phải có

phường tuồng đóng vai thần để trừ những ác thần hoặc thần trùng muốn xâm phạm tới mộ hoặc tới người chết. Phường tuồng trị huyết đi trước đám tang, khi trở về họ phải đi một con đường khác vì họ sợ các hung thần đón đường sát hại. Khi đám tang có phường tuồng trị huyết, thì huyết phải đào tam cấp để họ làm dấu đánh ấn suốt từ trên tới dưới để trấn áp.

TẾ HẬU THỔ.— Khi hạ huyết được nửa chừng có *lễ hậu thổ* để cúng thần đất nơi để mộ.

TẾ NGU.— Khi đám tang trở về có *lễ ngu* để cầu sự yên tĩnh cho linh hồn người chết. Tế ngu gồm có :

Sơ Ngu : Tế ngay khi đám tang trở về,

Tái Ngu : Tế ngày hôm sau,

Tam Ngu : Tế ngày hôm thứ ba.

ẤP MỘ.— Luôn trong ba ngày sau khi đưa đám, sáng và chiều con cháu ra viếng mộ, để gọi là *ấp mộ* cốt lấy tình thương làm cho mộ khỏi lạnh lẽo. Ngày hôm thứ ba, buổi viếng cuối cùng người ta đắp mộ cho cao hơn.

LÀM CHAY.— Khi người chết đã được bốn mươi chín ngày, người ta cúng tuần tứ cửu và làm chay ở một ngôi chùa, có tụng kinh niệm phật để hương hồn người chết được về nương tựa cửa chùa, tránh những tà ma ác quỷ.

MỘT VÀI ĐIỀU KIÊNG.— Trong khi có tang, người ta kiêng dự những cuộc vui để tỏ lòng hiếu, và cũng để tránh cho những nơi có cuộc vui gặp sự không may.

— Nếu người chết gặp phải giờ nặng, có thần trùng, thì con cháu trong suốt thời kỳ có tang, ban đêm khi nghe tiếng gọi phải kiêng không được thưa. Nếu thưa có thể bị thần trùng bắt.

— Trong thời kỳ cư tang, người con trai không được để cho vợ có chữa để tỏ lòng hiếu với bố mẹ. Lệ này đã được vua Lê-Thánh-Tôn bãi bỏ vào năm Quang-Thuận thứ tư (1461).

— Không lấy vợ lấy chồng trong khi có tang.

NHỮNG ĐIỀU MÊ TÍN DỊ ĐOAN KHÁC

TỪ trên tôi đã kể qua một số các mê tín dị đoan của dân ta qua sự sinh dưỡng hôn tang. Những điều mê tín còn nhiều, trong phạm vi một bài không sao kể siết, nhất là những sự mê tín dị đoan trong nếp sống hằng ngày của ta.

Trước khi ngừng bút, tôi xin kể sơ qua một ít điều mê tín dị đoan khác, và rất mong có một dịp được trình bày các điều này một cách kỹ lưỡng và đầy đủ. Những điều tôi kể dưới đây có thể chỉ coi là những thí dụ, tượng trưng cho hằng ngàn hằng vạn điều mê tín dị đoan khác.

TỤC ĐI THỀ.— Hai người có nợ nần nhau, hoặc hai người muốn gả bó cùng nhau điều gì, thường rủ nhau tới một ngôi đền có tiếng linh thiêng đề thề nguyện.

KIÊNG QUÉT NHÀ NGÀY MỒNG MỘT TẾT.— Người ta kiêng quét nhà ngày mồng một đầu năm vì sợ quét mất thần tài.

ĐÁNH RẪN MỒNG NĂM THÁNG NĂM.— Người ta tin rằng đánh được rắn mồng năm tháng năm thì làm ăn phát đạt. Ngày hôm đó người ta đi tìm rắn để đánh. Người đánh bạc, giắt trong mình đầu con rắn đánh được ngày mồng năm tháng năm sẽ được bạc.

RUỒI SA RẪN ĐÓN.— Đang ăn có ruồi sa vào bát ăn là điềm lành, cũng đi đâu ra ngõ gặp rắn. Ta có câu :

— *Thứ nhất ruồi sa, thứ nhì sà chẵn.*



CÒN nhiều điều mê tín dị đoan khác lắm, nhưng tôi xin ngừng bút ở đây.

Mê tín dị đoan có làm cản trở cho cuộc tiến hóa, nhưng hỏi có dân tộc nào khỏi mê tín dị đoan không. Ngay ở một nước văn minh như Chi-Lợi, vừa đây người ta cũng vì mê tín mà sát hại một đứa trẻ để cúng thần, cầu cho hết nạn động đất.

Bỏ ngay hết những điều mê tin bất cứ ở nước nào, thực là một điều khó thể được. Rất mong rằng với sự tiến triển của khoa học, sự mê tin dị đoan sẽ bớt nhiều.

TOAN ÁNH

TÀI LIỆU KÊ CỨU :

- Vũ-Ngọc-Liễn, Moeurs et coutumes du VietNam.
- Chu-Ngọc-Chi, Thọ-Mai Gia-Lễ.
- Phan-Kế-Bính, Phong tục Việt-Nam.
- Văn Nghệ Tiền Phong số 54, ngày 16-6-1960.
- Từ Bộ Thực, Monographie de VinhYên.
- Gia Lễ Chi Nam của...
- ... Và theo các lời Ông Già Bà Cả kể lại.

ĐƯỚI bóng các vĩ nhân luôn luôn có hình ảnh người đàn bà dễ nhắc cho họ rằng họ cũng là người như những người khác.

V. PAUCHET

BẢO rằng lấy nhau cũng như đôi bên mua bán là không đúng : mua bán chỉ có một bên bị lừa, lấy nhau, hai bên đều bị lừa cả (1)

D. LA FONCHARDIÈRE

NHỮNG người không thành công, là những người không hoàn toàn lura tâm vào việc làm của mình và không tìm cách đề tiến

V. PAUCHET

THY LỆ KHANH

Nạn phù thủy ở Tây phương

Ở các nước Tây phương, phù thủy cũng là một tai nạn cho người dân lành, nhất là dân các vùng quê. Họ còn giữ nhiều hủ tục mê tín dị đoan mà chúng ta không ngờ.

Tạp chí « Tout Savoir » xuất bản tại Ba-Lê tháng 9-1959 có đăng một thiên điều tra của nhà văn Romain Roussel nói về cái nạn bùa chú ở các vùng quê bên Pháp cho ta thấy giữa thời đại nguyên tử, mà người dân lành cũng vẫn cứ bị bọn phù thủy bịp bợm làm tiền.

Những truyện mà chúng tôi trích đăng dưới đây là mới xảy ra nội trong năm 1958-1959 do chính tác giả Roussel đến tại chỗ điều tra.



Ở Saint Maxent, mẹ Ida có nuôi nhiều lợn gà, không hiểu sao con nọ, cứ theo con kia mà lăn ra chết, không thuốc nào chữa nổi. Mẹ nghi là bị chà, bèn tìm đến thầy Périquet vốn nổi tiếng phù thủy giỏi trong vùng. Périquet bảo mẹ về lấy thứ muối nuôi trâu bò, cho tất cả mọi người trong gia đình ăn. Nhưng điều cần thiết là muốn cho được hiệu nghiệm thì sau khi nuốt thứ muối ấy, làm thế nào lại thổ hết cả ra. Marcel em của Ida làm đủ mọi cách mà không sao thổ muối đã nuốt ra được. Ida muốn giúp em, bèn bóp cổ em mà muối vẫn không ra, đến đổi nàng càng cố sức bóp khiến cho Marcel nghẹt thở mà chết. Nàng Ida bị bắt giam vì tội giết người còn tên phù thủy « trứ danh » thì trốn mất.

Nơi khác một thiếu phụ có con nhỏ sốt, nghe theo lão phù thủy vút xuống dòng nước cho mát thì khỏi. Dĩ nhiên nước cuốn đứa bé xuống với Hà-Bá. Lại có kẻ ngu độn nghe lời tên phù thủy uống dầu hôi thì khỏi đau bụng. Bệnh nhân sau đó cũng đi về châu giới. Một người đàn bà lần thần có bao nhiêu tiền dành dụm từ lâu trao cho mục phù thủy để nhờ mục làm phép đuổi tà ma thường hay quấy nhiễu bà ta trong giấc ngủ. Lấy tiền xong, mục phù thủy biến mất dạng.

Hồi tháng 8-1958 ở Queue Ivelines, có mục phù thủy ở Ba-Lê tên là Simone tự xưng là «Người của Chúa» đến, cam đoan có thể cứu chữa cho những ai bị bệnh nặng. Một người mắc bệnh ung thư đến nhờ mục chữa mục đòi một số tiền lớn và cấm không cho ai vào trong phòng chữa bệnh của mục.

Sau mười ngày, người ta đập cửa vào, thì thấy bệnh nhân đã chết từ bao giờ, còn mục phù thủy thì biến đâu mất. Những chuyện mê tín như trên kè ra không xiết, và ảnh hưởng của nó thật là vô cùng tai hại, vì nó đã gây ra rất nhiều vụ chết người, và làm cho nhiều nạn nhân bị hoặc điên cuồng, hoặc khuynh gia bại sản.

CHÀI HAY THƯ

CHÀI ngải là một bộ môn trong phù thủy mà ở nước nào cũng có. Người dân miền No-Măng (Normand) cũng như nhiều miền khác thường tin chắc rằng trong xóm họ thế nào cũng có người biết bùa ngải, và bất cứ lúc nào cũng làm cho họ khốn khổ. Nếu chẳng may họ có con ngựa, con lợn ốm, đứa trẻ đau, con bò không ăn cỏ, thì họ nghĩ ngay rằng thủ phạm gây ra là người hàng xóm. Họ rêu rao lên «chính y đã phù phép. Y độc ác quá». Rồi người ta đi tìm một thầy pháp cao tay hơn để trị.

Một buổi sáng có đám tang đứa trẻ trong làng. Bố mẹ nó đổ lỗi cho tên phù thủy đã chài cho nó chết. Tất cả mọi người trong làng đều nghĩ thế, và thăm thì với nhau một cách sợ sệt.

Có người bạo gan và sáng suốt hơn phản nản rằng sao không đi tìm thuốc pê-ni-si-lin cho đứa bé có phải là chữa cho nó khỏi chết không.

Mỗi người đều nói nhỏ ý nghĩ của mình :

— Nguy quá, có lẽ rồi đến lượt tôi bị chài mắt.

— Bác X mới là người đề cho lão phù thủy ghét thù. Rồi thế nào cũng chết.

— Còn tôi, nếu khi tôi bắt đầu ốm, thì tôi phải vác súng bắn ngay lão phù thủy cho nó chết trước tôi.

Nhưng chưa ai kịp bắn lão phù thủy, thì y đã chết, vì lẽ giản dị là y bị ốm nặng không có thuốc chữa.

Dân làng lấy làm mừng rỡ, cho rằng y đã bị một tên phù thủy cao tay khác trừng trị.

Ở những miền quê bên nước Bỉ, nếu một thiếu phụ có chữa trông thấy ở đằng xa một mục giả xấu xí, hình thù ghê sợ, thì tin ngay đó là một tên phù thủy. Sự tin tưởng thông thường của dân chúng cho rằng mục kia có phép làm cho sâu bọ, rắn rết ở trong bụng người đàn bà chữa, nếu người này vô ý khi trông thấy mục phù thủy lại không dơ hai tay ra xa bụng mình.

LÀM SAO THÀNH PHÙ THỦY

THƯỜNG ra nghề phù thủy ở Tây phương cũng như khắp các nơi là cha truyền con nối. Truyền phép có nhiều cách mà điều thông dụng là thứ phù phép bằng hai bàn tay.

Người phù thủy — sau khi đã đuổi hết các người trong nhà đi ra xa — để hai tay lên đầu đứa con, hay học trò, miệng niệm thần chú. Cũng cần nói thêm rằng, kẻ được truyền nghề phải đã chứng minh rằng mình có khuynh hướng, có đặc tính dễ học nghề phù thủy. Ngoài ra, một điều kiện cũng cần thiết là đứa con được thụ giáo phải là đứa con « thứ bảy » trong gia đình. Nếu lão phù thủy không có đứa con đủ những điều kiện để truyền nghề thì phải đi tìm một đứa nào khác mà trên mình có hình tam giác, hình chữ thập hay ngôi sao. Đứa nào sinh ngày 29 tháng 2 vào khoảng giữa đêm cũng được lựa chọn nếu không thì một đứa trẻ mồ côi cha mẹ cũng được.

Đứa con thứ bảy mà thành phù thủy thì sau này chuyên đi chữa bệnh.

SÁCH DẠY PHÙ THỦY

DƯỚI đây là tên những cuốn sách — bản thảo — mà người ta thường hay nói đến của bọn phù thủy cha truyền con nối:

Le grand Albert. — Le grand et le petit Albert — La Poule noire — Le Véritable Dragon rouge — Le trésor du vieillard des Pyramides — Le Grimoire du Pape Honorius v. v... Ngoài những phù phép, trong những cuốn sách này còn dạy về ba điều chính yếu nữa: sức khỏe, tình ái và tiền bạc, với vô số những phương pháp đối phó với mọi trường hợp trong cuộc sống. Chẳng hạn muốn làm cho một thiếu nữ phải cười thì thật là giản dị: lấy ba hạt đậu đề vào giữa các ngón tay bên phải, ấn vào chỗ quả tim, làm cho cô gái nhìn vào mình, rồi đọc « Mebe, mebe. Matristope. » Nếu muốn chữa chỗ đau rệp cắn thì đọc câu: « Och! Och! Och! »

Trong những cuốn sách nói trên còn dạy cách sai ma, khiến quỷ, và chà ngải. Một kẻ mới vào nghề phù thủy phải theo một lễ nghi khá lới thối. Cuộc hành lễ làm vào ban đêm tại một nơi rất vắng, đồng không, móng quanh đề cho ma quỷ có thể hiện ra dễ dàng thành những con mèo, con chó, hay một cái lá rơi. Rồi những người dự buổi lễ — gồm những phù thủy nhà nghề — tay bắt quyết miệng niệm chú trước mặt kẻ mới vào nghề. Sau buổi đó, tên này tin rằng ma quỷ sẽ giúp mình trong mọi công việc và đã cảm thông được với nhau.



GIỮA thế kỷ người ta đang tìm cách lên chơi cung trăng; tỏ rõ khoa học đã tiến đến một mức hết sức cao, thì chẳng cứ gì ở Nam Phi-Châu, hay ở các nước chậm tiến Châu-Á, mà dân chúng Tây phương nhiều nơi cũng vẫn mê muội thực hành và tin tưởng ở bùa phép. Luôn luôn tòa án thường vẫn đưa ra xử những vụ phù thủy lừa bịp làm hại tiền của và sinh mạng người một cách vô lý và trắng trợn. Điều này chứng tỏ rằng ánh sáng chói lọi của khoa học cho đến bây giờ cũng chưa đưa người dân quê — Tây-Phương — ra khỏi nơi u ám ghê sợ của bọn phù thủy nhà nghề.

NGUYỄN VĂN TOÁN

Lễ cầu mát

Mùa hè ở xứ ta trời nắng gắt như đồ lửa thiêu đốt mọi vật. Khi trời vào mùa này rất độc, sinh ra nhiều bệnh tật, nhất là bệnh thiên thời dịch tả, giết hại rất nhiều người và súc vật. Người dân quê, trước sự chết chóc thể thảm do bệnh dịch gây nên, không thể nghĩ đó là bệnh do thời khí mà chỉ nhất định tin tưởng rằng đó là sự trừng phạt của thánh thần, sự đi bắt linh của các quan âm. Họ đầu tiền lễ lễ cúng kiến đủ điều để lo lót cho các quan âm tha cho. Tiền bạc cứ đổ ra một cách oan uổng cho mấy ông chức việc làng no đủ, còn bệnh dịch vẫn cứ hoành hành và có phần kinh khủng hơn do tiệc tùng lễ lễ gây ra.

Ngày nay, tuy tục lệ đó đã trở thành lỗi thời lạc hậu không còn thịnh hành ở nhiều vùng quê nữa, nhưng nó vẫn còn được dân chúng ở các vùng xa xôi hẻo lánh duy trì tồn tại. Chúng tôi xin mời quý bạn đi dự cùng chúng tôi Lễ Cầu Mát kỳ lạ dưới đây.

TRỜI đã sang đầu tháng tư. Nắng đã bắt đầu gắt và trên cây đàn ve đã ra rả kêu.

Sau mấy tháng xuân ấm áp, cái nắng đầu hạ thật là khó chịu. Nhiều người thấy như mỗi mệt, và đã lác đác có người đau ốm. Ở một đôi xóm trong làng, có một vài bà đi chợ về tự nhiên đau bụng, phải cúng lễ và xoa dầu nóng mới khỏi. Cái tháng tư, năm nào đến cũng mang theo sự đau ốm như vậy.

Ban hội đồng trong làng đã họp bàn về lễ cúng cầu mát để dân làng được yên trong vụ nắng hè, nghĩa là trong vụ các quan âm đi bắt linh.

Nhớ lại mùa hè năm ngoái, dân làng chỉ chậm cúng cầu mát mà có ngay mấy người đi tả, các người này có kẻ chết

người sống, ai khéo lễ bái van xin thì sống, còn ai không chịu cầu cúng đều bị các quan bắt chết.

Năm nay để tránh sự tai hại cho dân làng, các cụ định cúng cầu mát ngay từ đầu tháng tư. Việc lễ bái càng sớm càng hay vì càng chứng tỏ được lòng thành của người cúng lễ.

Năm nào chẳng vậy, từ đầu tháng tư là các quan ôn ở dưới âm được lệnh đi bắt linh ở trên dương gian. Tốt lễ dễ van, nơi nào chịu cúng kiến thì có thể được các quan tha cho và đi bắt linh ở nơi khác.

Việc bỏ bán đóng góp và trích quỹ làng đã xong, bàn thờ cúng cầu mát được thiết lập ngay gần chợ, trên bãi đất rộng, rất tiện cho dân làng tụ họp.

Dân trong làng, kẻ giàu người nghèo ai nấy đều vui lòng gom góp xuất tiền ban hội đồng bỏ cho và ngoài ra còn rất nhiều người cúng thêm tiền để việc lễ bái được rộng rãi.

Một vài kẻ xấu miệng nói dèm ban hội đồng :

— Cầu mát với cầu ẩm, mấy lão trong ban hội đồng chỉ chuyên thu tiền dân nhiều mà tiêu thì ít.

Rồi họ làm phác con tính số tiền thu được theo đầu người, chưa kể những người hăng tâm cúng thêm. Họ lại phác cả con số chi về lễ vật, về vàng mã và chi phí lát vật. Số thu chênh lệch số chi nhiều quá. Thu nhiều tiêu ít, có lẽ tiêu chưa hết một nửa số tiền thu. Rồi họ kết luận :

— Chỉ béo mấy lão trong ban hội đồng. Ngồi mát ăn bát vàng, mỗi việc lễ bái lại kiếm được một món. Rõ bọn buôn thần bán thánh.

Người dân, trước những lời dèm pha của vài kẻ xấu miệng, chỉ gạt đi và bảo :

— Ai gian trá người đó có tội với thánh thần, mình là dân làng chỉ biết đóng góp cho thành tâm để việc lễ bái được chu đáo.

Những kẻ xấu miệng cứ dèm pha, ban hội đồng vẫn cứ thu, dân vẫn cứ đóng tiền và lễ cầu mát vẫn thành tựu.

Bàn thờ đặt trang nghiêm trên một hương án sơn son thiếp vàng. Giữa bàn thờ là mấy cỗ mũ ngũ sắc, đặt trên

những trăm vàng thoi cũng ngũ sắc. Một đỉnh trầm nghi ngút tỏa hương thơm ngát ngào đặt trước những cỗ mũ này. Một bên là một mâm bông đầy hoa quả, một bên là cỗ xoi con gà và giàu rượu. Lại có những nghìn vàng hoa, bày ở hai bên, màu óng ánh rất hoa mỹ.

Dưới hương án, trên mấy chiếc nong là những thoi vàng đã gỡ ra, có thoi xanh, có thoi trắng, có thoi tím, có thoi vàng vút lẫn trong đám quần áo giấy ngũ sắc, những bộ quần rất nhỏ, chiếc nọ lồng vào chiếc kia mà người ta đã gỡ ra một cách dối dả nên chưa rời hẳn nhau. Theo tín ngưỡng thì những bộ quần áo tuy nhỏ, nhưng các quan có phép thần thông có thể biến hóa thành lớn để âm hồn nào mặc cũng vừa. Xen lẫn vào những thoi và những quần áo giấy là hoa quả, nào nhót, nào mơ, nào đậu nành, nào dưa chuột, nào ớt, nào khoai lang v. v... Ngoài hoa quả còn có kẹo bánh, kẹo vừng, kẹo bột, bông gạo, bông ngô, bánh phồng, bánh đậu...

Mấy nong đề đầy hoa quả và quả bánh. Cúng lễ xong, con trẻ tha hồ thi nhau xô cướp. Gần ngay mấy nong ấy là hai nồi cháo đại khói bốc lên nghi ngút, đem theo mùi thơm của gạo mới ngát ngào.

Hai bên bàn thờ là voi giấy ngựa giấy và hình nhân. Voi ngựa để cúng các quan, và hình nhân để thế mạng cho dân làng. Dân làng mong các quan nhận lễ, rồi đi bắt lính nơi khác và ra ơn đại xá cho dân làng trong vụ này. Cạnh những lớp voi ngựa giấy và hình nhân, dọc mãi về tận xa xa là những bồ dài lá da, cài trên những que tre cắm la liệt hai bên. Mỗi bồ dài đều có mấy giọt cháo. Đây là cháo cúng cho quân lính và các oan hồn đi theo các quan.

Lễ bắt đầu, ông thầy cúng rung chuông đánh trống. Dân làng xúm quanh xem hành lễ, trên từ các cụ dưới đến đàn bà trẻ con. Người ta lần lượt vào lễ si sụp trước bàn thờ. Người ta khấn vái cầu xin các quan thương xót dân làng. Lũ trẻ, mắt hau háu nhìn vào những nong hoa quả, bánh kẹo. Chúng nó chỉ mong cúng cho chóng xong để xô nhau vào cướp những nong này.

Chà! Những quả mơ mọng chín khiến chúng nuốt nước dãi ừng ực! Lại những quả nhót đỏ tươi nhìn cũng đủ biết

là chua! Kia những chiếc kẹo bột kẹo vừng trông ngon lắm! Cả những nắm bông ngô trông thật là quyến rũ!

Bên cạnh chúng cũng có những người lớn lăm lăm tay cầm những chiếc liễn, những chiếc âu, chỉ chờ cúng xong là ào vào múc cháo mang về. Mất tiền đóng tiền góp, cũng phải được hưởng thụ chứ! Lẽ đâu chỉ có các cụ và ban hội đồng là được chè chén thả cửa, rượu ngon, xôi dẻo, thịt mềm hay sao. Chẳng được miếng thịt, miếng xôi thì liễn cháo cũng đủ bỏ với tiền đóng góp vậy!

Chỉ có đàn ruồi là sướng! Chúng ở chợ kéo đến ào ào, con lớn con nhỏ tranh nhau đậu trên kẹo trên bánh, trên khoai trên cháo. Có những con ngã cả vào nồi cháo rồi chết lẫn kên ra đó.

Ông thầy cúng é a đọc sớ, dân làng sì sụp lễ, con trẻ và những người đi lấy cháo đợi chờ. Lễ cầu mát năm nay long trọng lắm. Ông tiên chỉ thấy dân làng tới lễ đông cười ha hả.

— Dân ta sùng bái thế này, năm nay nhất định làng ta yên.

Làng có yên không đó là chuyện sau, nhưng giờ đây hãy biết ông cùng mấy cụ trong ban hội đồng sẽ được chè chén no say, được lấy phần về, lại còn được chia nhau món tiền dân làng góp chi tiêu không hết.

Nghĩ đến món tiền cúng thấy kha khá, ông bảo ông Lý Trưởng:

— Lẽ ra, hằng năm làng ta phải cúng cầu mát năm bảy bận, cúng một lần ít quá.

Có lẽ ông Lý đã hiểu ý ông Tiên, nên ông gật gù cười và đáp:

— Ông Tiên chỉ nói phải lắm!

Hai ông đều phải cả, mọi sự không phải nếu có, là ở dân làng. Nếu dân làng, có người vì thụ hưởng lễ vật cầu mát mà mắc bệnh tả rồi mạng vong, đó là lỗi tại họ, họ đã vô phúc thiếu thành tâm nên bị các quan âm bắt linh, thì Tiên chỉ cũng như Lý Trưởng, các ông còn làm gì được nữa.

Phần thứ hai

Phần sáng tác của phần hai Văn Hữu số 7 này hoàn thành với sự cộng tác của các bạn: Hoàng Thu Lan — Tô Kiều Ngân — Tạ Ty — Duy Anh — Cô Hoàng Mai — Diệu Mai — Bùi Giáng — Nhị Giang — Thượng Sĩ — Vô Vi — Hoàng Lan — Nhất Sơn Quang Hán...

HOÀNG THU LAN

Chuyện gái

MÃI đến ngày nay, đã 10 năm qua rồi còn gì, tôi vẫn chưa quên được câu chuyện « Chuyện Gái bỏ chồng » của người chị yêu quý của tôi. Mỗi lần nhớ đến việc ấy, lòng tôi lâng lâng nổi niềm thương cảm chị tôi vì quá yêu chồng mà phải bị lừa lạc chuá cay. Giờ đây, chị tôi, tuổi đã về chiều, má hóp, lưng còng với đàn con đã trưởng thành, có còn nhớ đến câu chuyện năm xưa hay không? Tôi cũng mong chị quên hẳn đi để hạnh phúc của đôi mái đầu trắng xóa mãi mãi được đầy đầy trong những ngày cuối cùng của cuộc đời.

Bích-Đào — tên chị tôi — năm ấy được 29 tuổi, sanh hạ được một trai kháu khỉnh. Vốn bản chất hiền lành và sinh trưởng trong một gia đình nho giáo nên cuộc sống Bích-Đào cũng chịu ảnh hưởng ít nhiều tính chất cổ kính. Người đời thường ca tụng « gái một con trông mơn con mắt » nhưng Bích-Đào mới có một con mà trông như gái năm con, đầu tóc rối tung, quần áo xốc xếch, hình thể tiêu tụy chán chường. Có người thấy nàng buồn trôi cuộc đời tươi đẹp của mình một cách đáng tiếc, khuyên giải nàng nên nghĩ lại để tránh những điều không hay có thể xảy đến cho gia đình nàng. Nhưng Bích-Đào chẳng hề nghe ai bao giờ, nàng sống có lý tưởng cao đẹp của nàng. Có những lần nàng tự bào chữa : « gái đã có chồng rồi còn sửa soạn, chải chuốt gì nữa, cần hy sinh cuộc đời mình cho chồng cho con, cho hạnh phúc gia đình được vuông tròn là đủ rồi ». Những lời chân thật của Bích-Đào khiến cho nhiều người cảm động thương hại nàng.

Những điều không hay tiên đoán ấy bắt đầu xuất hiện

trong gia đình của Bích-Đào khi nàng thụ thai độ 5 tháng. Vĩnh-Xuân — chồng nàng — đi làm ít khi về đúng giờ, nhất là buổi chiều. Ở nhà Bích-Đào và bé Vĩnh-Tùng cứ chờ Vĩnh-Xuân, mòn mỏi thâu đêm bên cạnh mâm cơm nguội lạnh. Có những lần nàng chờ chồng mãi đến 10 giờ đêm mà chẳng thấy bóng Vĩnh-Xuân đâu. Nàng khóc thầm thiết nghĩ rằng Vĩnh-Xuân bỏ tha chơi bởi không buồn lo nghĩ đến gia đình, chứ nàng không dám tưởng tượng đến việc chàng đi ngoại tình... Suốt những đêm dài cô đơn, lạnh lẽo, nàng trần trọc không sao chợp mắt được, mỗi khi nhìn bé Vĩnh-Tùng say sưa trong giấc ngủ, ngây thơ mỉm cười duyên dáng trong mơ và nhìn lại bức ảnh bán thân của Vĩnh-Xuân bày trên bàn con cạnh giường, bất giác lệ đầu cứ tuôn tràn trên má. Biết tánh chồng nóng nảy hay cau có, nàng không dám hé môi khuyên giải Vĩnh-Xuân một lời, hơn nữa, nàng đoán biết rằng trong cơn mê loạn của người đàn ông dù có nói hết lời cũng không hối cải được. Thế là, Bích-Đào âm thầm chịu đựng sự bạc đãi của Vĩnh-Xuân. Cái thai mỗi ngày mỗi lớn thêm, càng làm cho Bích-Đào sa dần vào cảnh đen tối của cuộc đời. Nàng hy vọng sự im lặng, sự kiên nhẫn sẽ giữ chân Vĩnh-Xuân lại nhà; có một điều không ai ngờ nàng làm được — đối với một người vợ bị hắt hủi, bỏ rơi — là nàng càng bị ruồng bỏ bao nhiêu, nàng càng cư xử triu mến Vĩnh-Xuân bấy nhiêu, nhưng ngược lại, Vĩnh-Xuân không hề để ý đến cử chỉ đáng yêu đáng quý của người bạn tình « cũ kỹ » ấy, chàng có « vạch lá tìm sâu » viện ra nhiều lý do vô lý để xa dần vợ con. Thế là Bích-Đào tuyệt vọng, nàng càng tuyệt vọng hơn khi biết chắc Vĩnh-Xuân đã có vợ lẽ! Hạnh phúc quý nhất đời nàng đã bị kẻ khác cướp đoạt tàn nhẫn.



CẢM thông hoàn cảnh trái ngang và nỗi khổ tâm của Bích-Đào, nhiều bạn hữu bày mưu tựu kế giúp nàng cướp lại người chồng sa ngã. Trong tất cả những giải pháp bày ra, Bích-Đào chọn lấy một giải pháp « thần linh »: Chuộc Ngải bỏ cho Vĩnh-Xuân, kéo chàng trở về với gia đình. Đối với nàng đó là lẽ duy nhất cứu sống đời nàng, gia đình nàng. Mọi việc đều được xếp đặt mau chóng và ngay chiều hôm đó giải pháp đem ra thi hành cấp tốc. Bích-Đào nuôi một hy vọng lớn lao và một niềm tin tưởng mãnh liệt.

Ở xóm trên nhà Bích-Đào, có cô Năm Chà tuy danh tiếng không lừng lẫy cho lắm, nhưng tài bán bùa chuộc ngải cũng được nhiều người chú ý tin nhiệm. Người đàn bà, gọi là cô Năm Chà ấy tuổi độ 40, có nước da ngăm ngăm, dáng to lớn, lúc nào cũng nở nụ cười trên đôi môi xạm xít. Người láng giềng tặng cho bà ta một biệt danh : « Người đàn bà lổ lác ». Mỗi lần đầu tiếp chuyện với cô Năm, người dù khó tính đến đâu cũng không thể nào không cảm tình đặc biệt với cô được. Cô Năm có cả trăm cách ăn nói với trăm người khác nhau, có lẽ cô rất sành khoa tâm lý, nhất là tâm lý đàn bà, những người thất tình, đau khổ, si mê cuồng loạn. Cái am của cô Năm lúc nào cũng nghi ngút khói hương, từng hồi chuông *đong lên* theo sau tiếng mõ cốc cốc và câu kinh nhào nhệ không thành tiếng. Trước sân cô Năm trồng rất nhiều bông huệ và vạn thọ, ở một góc sân, những chậu cây lạ lùng được xếp thành hàng dài có rào tre gai. Có ai hỏi cô Năm thứ cây ấy là cây gì thì cô Năm nhường nhường cặp mắt to tướng, hai tay chấp trước ngực trả lời : « Nam mô ! bạch đó là cây linh thiêng của Đại đức Sơn nhân, thầy tôi luyện phép hơn mười năm truyền lại cho tôi để cứu nhân độ thế : ngải Xiêm ». Nói đoạn, cô Năm quì mộp xuống, đầu úp sát mặt đất, trăm một tràng tiếng mọi lúu lú lo lo, đó là cầu thần chú của cô Năm ; trước hàng rào ngay bụi ngải có đề câu : « *cấm lại gần Ngải Xiêm nguy hiểm !* » Thật là linh nghiệm, suốt năm tháng không một ai dám bén mảng đến vườn hoa của cô Năm, ngay cả đến chó mèo, gà vịt !

Tiếng đồn tài chuộc Ngải đến tai Bích-Đào kèm theo sự thúc dục của hàng xóm, nàng đánh bạo tìm đến cô Năm Chà. Nàng vừa bước ngang qua cổng thì tiếng chuông mõ bỗng dừng lại, cô Năm Chà vội vã chạy ra nói nói cười cười rước nàng vào nhà bộ điệu cô Năm ra tuồng cuống quĩnh như đón tiếp một đại thượng khách. Bích-Đào chưa kịp mở lời chào hỏi, cô Năm đã cướp hết cả làm cho Bích-Đào phát ngượng ngùng thẹn đỏ má hây hây.

Gần năm phút sau, cô Năm mới mở lối cho Bích-Đào :

— Cô em không lo, chị sẽ gắng giúp em gỡ rối chuyện ấy. Bích-Đào hết sức kinh ngạc, không hiểu tại sao cô Năm Chà lại hiểu hoàn cảnh của nàng mà lại thốt ra câu ấy, nhưng nàng cố trấn tĩnh đáp lại :

— Thưa cô, tôi rất cảm ơn lòng tốt của cô, khổ tâm đến đổi, tôi mới tìm đến phiền cô.

Vốn đã biết trước tường tận gia đạo của thân chủ từ lâu vì cô Năm có rất nhiều em út đi tìm mỗi đề xúi giục kẻ khổ đau và tán tụng hết lời tài Chuộc Ngải của cô Năm, giới thiệu, đưa đường dẫn lối một cách tài tình. Cô Năm ra vẻ thần nhiên đáp lời Bích-Đào :

— Ô! có gì đâu mà phiền với hà, đàn bà ai tránh khỏi lúc khổ đau, phận đàn bà ta phải giúp đỡ nhau là lẽ thường em đừng ngại, cứ tình thật kể lại cho chị nghe sự thế ra sao. Chị trông em, chị đau lòng tủi dạ quá. Chị hứa một lời có thần linh chứng giám chị là người tu hành, ăn chay, niệm phật, chị không gạt em đâu.

Xiêu lòng trước lời nói « thành thật » và dáng điệu « cảm thông đau khổ » của cô Năm, Bích-Đào không ngần ngại trút hết tâm sự sầu lụy chôn chặt từ bấy lâu. Cuối cùng nàng nói như rên siết :

— Tôi khẩn khoản xin cô lấy đức cứu tôi ra khỏi cảnh khổ đau này, xui được anh Vĩnh-Xuân của tôi hồi tâm trở về với gia đình. Tôi khổ lắm... cô Năm ơi!

Bích-Đào ôm mặt khóc nức nở. Cô Năm đưa tay xoa nhẹ nhẹ mái tóc Bích-Đào, vỗ về :

— Thôi em đừng khóc nữa, đã có chị đây rồi, em sẽ thành công, chị cam đoan với em thế. Ồi mà, đàn ông trăm người như một được cá quên nơm, có trắng quên đèn, tội gì mà em quá sầu muộn đề lụy đến thân.

Cô Năm nắm tay Bích-Đào kéo nàng đứng dậy, dìu nàng đến trước bàn thờ :

— Nay em, thành tâm khẩn vái đi, nhang đèn đây. Xong rồi chị làm phép cho.

Bích-Đào như cái máy, tay chấp vào nhau đưa ba cây nhang trước vành trướng, lâm râm khẩn vái; trong lúc đó, cô Năm tay cầm cây dùi đập lia lia vào chuông mõ, miệng nói lầm nhảm.

Độ mười phút sau, cô Năm ngừng tiếng bảo Bích-Đào

ngồi nghỉ ở bộ ván rồi đi vào buồng lấy ra một gói bột màu ngà ngà giới thiệu với thân chủ: «đây là thuốc mê, mỗi khi chồng về lấy ra thoa vào môi của em rồi em tiếp chuyện với chồng, em sẽ thấy linh nghiệm ngay, chồng em sẽ mê, trở lại với em tức khắc». Bích-Đào nở một nụ cười héo hắt đưa tay tiếp nhận «gói bột cứu tinh», bất giác hai hàng lệ lăn tròn trên má của người thiếu phụ đau khổ. Cô Năm nhìn thẳng vào mắt Bích-Đào rất dịu dàng:

— Đây là giai đoạn đầu, một việc nhỏ trong công cuộc làm phước này của chị. Đáng lý chị biểu không em thuốc ấy nhưng... vì vị thuốc phải tìm kiếm ở xa xôi, tận núi Thất-Sơn nên em chỉ trả cho chị ba trăm đồng thôi để chị làm tiền lộ phí đi bỏ thuốc khác.

Bích-Đào như bị thôi miên, lấy ngay ba trăm đồng trao vào tay cô Năm Chà kèm theo những lời cảm ơn rồi rít nòng nhiệt. Nàng vừa muốn kiếu từ ra về thì cô Năm nắm lấy tay nàng kéo ra ngoài vườn Ngải. Cô chỉ cho Bích-Đào xem và giải thích:

— Đây là Ngải Xiêm quý nhất trên đời, dù ai có sa ngã đến đâu Ngải này sẽ giải ra tức khắc hoặc có yêu ai thương ai, Ngải cũng làm cho toại nguyện.

— Có có bán Ngải này không, tôi xin mua.

— Ấy, chết sao lại mua, chuộc chứ. Nói không phải, Ngải giện, sẽ mang khổ cô em ơi!

Bích-Đào nghiêm ngay nét mặt trong vẻ sợ sệt lo âu.

— Nếu cô em có gấp rút lo cho chồng về sớm, chị... không hẹp hòi gì mà không giúp em. Nhưng có điều sợ em ngại về vấn đề tiền để chuộc Ngải đấy thôi. Vì nuôi Ngải toàn bằng gà giò, mỗi ngày phải một con cho một chậu Ngải nên giá hơi đắt.

— Thưa cô, nếu Ngải đem lại kết quả chắc chắn thì em có ngại gì mà không đổi giá đắt để lấy lại hạnh phúc cho đời em.

Cô Năm Chà rất thản nhiên, nắm lấy vai của Bích-Đào vừa lay nhẹ vừa nói:

— Nói là nói vậy thôi, chứ chị lấy đất em làm cái gì, chị ăn chay, ăn lạt làm phúc cho người đời. Để lấy phương tiện tiếp tục làm việc thiện, em trả cho chị một nghìn đồng để chuộc hai củ Ngải Xiêm nhé. Chị làm ơn em đấy.

Bích-Đào cắn môi suy nghĩ, nhưng nàng vẫn không thể từ chối nổi. Nàng hẹn sẽ mang tiền lại sau. Cô Năm qui xuống lấy tay xới đất lật lên hai củ nhỏ bằng ngón tay, rửa sạch đất và dặn:

— Em đem về rửa sạch, để vào một cái đĩa đặt ở một nơi thật trang nghiêm rồi em thắp hương thành tâm khấn vái những điều gì em mong muốn. Xong rồi, em đem mài với nước lã pha với dầu thơm. Em đem nước Ngải rưới vào quần áo của chồng em. Ít lâu sau là có kết quả ngay.

Cô Năm Chà chưa tha Bích-Đào về vội, cô còn lấy giấy vàng vẽ bùa loạn xạ, dặn Bích-Đào đem về đốt cháy lấy tro giấy pha với nước uống.



THẾ là, lần gặp gỡ đầu tiên Bích-Đào đã biếu cho Cô Năm Chà một nghìn ba một cách dễ dàng. Thương thay cho Bích-Đào, nàng thực hành những lời căn dặn của cô Năm Chà như một cái máy không sót một chi tiết nào. Nàng đốt bùa pha nước lã uống, mùi giấy khét làm nàng nôn mửa nhưng nàng cố nuốt vào không chừa lấy một giọt. Nàng qui lạy khấn vái trước hai củ Ngải vô tri. Nước hoa hòa với Ngải được Bích-Đào cẩn thận rưới vào quần áo của Vĩnh-Xuân. Đôi môi khô héo của nàng lúc nào cũng dính « bột mè », nàng tựa cửa trông Vĩnh-Xuân về để mè hoặc chàng. Và cứ mỗi lần Vĩnh-Xuân ghé qua nhà thay quần áo, Bích-Đào theo sát bên chồng để gợi chuyện nhưng người chồng vô tình vẫn cứ lạnh lùng êm lặng không đáp lời nàng ngoài những lời chửi mắng tàn tệ khi chàng thấy những chấm vàng vàng dính khắp quần áo. Dù Bích-Đào có đem hết sự dịu dàng tế nhị vốn sẵn có và tất cả chi tiết chỉ dẫn của cô Năm Chà, Vĩnh-Xuân cứ ra đi không kịp nhìn lại bé Vĩnh-Tùng ngày thơ đòi cha bế.

Sau mỗi lần như thế, Bích-Đào lại tìm đến cầu cứu với cô Năm Chà. Tiền của lại tuôn ra, chạy qua tay

bà thầy ngải, kế hoạch khác lại được bày ra một cách tỉ mỉ. Nhưng, người chồng tẻ bạc cứ ra đi, về với người tình trẻ đẹp. Buồn nản quá, Bích-Đào không đến cầu cứu với cô Năm nữa, nàng đã tuyệt vọng hoàn toàn. Số tiền dành dụm từ bấy lâu, nay gần cạn hết vì bù ngải của cô Năm. Vào những đêm giá lạnh, Bích-Đào muốn quyền sinh, phủ sạch bụi trần khổ lụy. Những viên thuốc ngủ được nàng lấy ra không biết bao nhiêu lần, nhưng mỗi lần ý định đen tối vỗ vập đến, nàng lại nhìn bé Tùng ngủ say bên cạnh, nàng lại khóc mùi mẫn, ôm chặt lấy bé Tùng vào lòng. Thế là một lần quyết định tự tử lại trôi qua và Bích-Đào kéo dài thêm những ngày vô vị khổ đau.

Suốt ba ngày không thấy thân chủ đến viếng, cô Năm Chà tìm đến nhà Bích-Đào quyết đánh một đòn chót để gỡ gạc thêm và bảo tồn uy tín « thầy ngải » của mình.

— Cô em ơi ! Không nên tuyệt vọng, chị bấm độn biết được rằng Thầy ở nhà bị cô vợ bé bỏ bùa mê thật nặng nên khó trở về với em sớm được. Chị vừa nghĩ ra cách cướp lại Thầy nhà cho em thật đắt. Em nghĩ sao ?

Thưa cô Năm, em còn nghĩ sao nữa ngoài việc anh của em sớm trở về với em, với con em.

— Hay lắm — Cô Năm vỗ đùi đánh đét một cái vừa nói — lần này không chệch được nữa. Thầy của chị vừa hạ sơn ghé qua thăm chị và có tặng cho chị củ ngải giải mê trên 30 năm luyện phép. Em đưa cho chị hai ngàn đồng nữa đi ; nếu lần này em không toại nguyện, chị sẽ dờ am, đốt hết sách vở cho em xem. Nếu em không tin, chị cho em mấy chữ làm tin liền đây.

Vừa nói, cô Năm vừa hí hoáy thảo tờ cam kết với nét chữ ngò ngu ngèo.

Đã trót lao phải chạy theo lao, Bích-Đào liều đánh một ván cờ cuối cùng rồi sẽ quyết định dứt khoát cuộc đời mình.

Hai ngàn lại nằm gọn trong tay cô Năm Chà để đổi lấy một củ Ngải to bằng bàn tay với những lời căn dặn dài lê thê. Bích-Đào lập bàn thờ thờ củ « Ngải Thần » đêm ngày khói hương nghi ngút, nàng vái lạy một ngày không biết bao lần.



MỘT việc bí mật và một sự kiên nhẫn không ngờ của cô Năm Chà suốt trong thời gian Bích-Đào đã cần phải câu của cô ta. Số là — gần đây tôi mới hiểu ra — cô Năm Chà rất biết rõ gia cảnh của mỗi thân chủ đến chuộc Ngải của mình vì cô Năm mượn rất nhiều tay chân để điều tra câu chuyện gia đình của thân chủ. Cô năm thừa biết rõ tâm tình của những người tìm đến cô không ngoài câu chuyện : si mê, thất vọng bị tình yêu phụ rẫy... Vì thế cô cho người điều tra kỹ càng sự thật câu chuyện của thân chủ kể lể cho cô nghe. Xong đâu đấy cô mới thi hành kế hoạch của cô, sau khi đã âm của thân chủ một số tiền đáng kể.

Với Bích-Đào cô Năm Chà vẫn thực hành kế hoạch đó. Sau khi làm giấy cam đoan với Bích-Đào, cô Năm thường hay bỏ am đi tìm người vợ lẽ của Vĩnh-Xuân. Lần gặp gỡ đầu tiên với người vợ lẽ tưởng chừng cô Năm thất bại, nhưng cô Năm xoay trở thế cờ đổi lại thành thắng ngay :

— Tôi là mẹ nuôi của thằng Xuân. Tôi đến tìm nó để khuyên giải, đem nó trở về...

— Ô hay ! Sao bà lại đem chồng tôi về, đem về đâu ?

— Tôi thương thằng Xuân lắm. Tuy không sanh nhưng có dưỡng ; sanh, dưỡng tương đồng cô ạ. Tôi quý nó như con ruột vậy, nên tôi lo chuyện gia thất của nó chu đáo hoàn toàn không ngờ...

Cô Năm mếu khóc, hai hàng nước mắt rưng rưng chạy dài trên má, cô tiếp :

— Không ngờ bây giờ nó hư thân mất nết sanh chuyện vợ hai, vợ ba...

Người vợ lẽ nhồm dầy như một cái lò so, hốt hoảng kêu lên :

— Trời ! Anh Xuân có vợ rồi sao, tôi chết mất, ôi ! nhục nhã biết chừng nào. Trời !

Đánh đúng vào chỗ nhược, cô Năm liền tấn công chớp nhoáng :

— Tôi đã nhiều lần hết lời khuyên giải nó, nhưng chừng

nào tạt ấy cứ bỏ phế vợ con, gia đình bê tha chơi bởi không nghĩ gì đến đạo nghĩa ở đời. Vợ nó nhiều lần muốn tìm đến đây gặp cô phải trái, nhưng tôi can gián chẳng cho đi vì cô còn lạ gì tính đàn bà ghen tuông sanh ra nhiều chuyện chẳng lành, xấu hổ với lối xóm láng giềng, mang tiếng thị phi vợ lớn vợ mọn chẳng ích gì. Tôi lãnh phần đi thay, tôi tin rằng cô là người biết điều, có học thức chẳng lẽ cô chịu tiếng xấu xa của người đời hay sao.

Nói xong, cô Năm lấy trong túi ra một tấm ảnh chụp chung cả gia đình của Vĩnh-Xuân và trao cho người vợ lẽ xem.

Người đàn bà đau khổ ôm mặt khóc nức nở, quì xuống lạy cô Năm xin tha tội phá gia đình Bích-Đào và hứa sẽ xa lánh Vĩnh-Xuân mãi mãi. Cô Năm tìm đủ mọi cách nói xoi xĩa vào lòng tự ái nàng khiến nàng khóc thảm thiết hơn lên. Nàng thu xếp quần áo vào va li rồi viết nhanh một bức thư vĩnh biệt Vĩnh-Xuân. Cô Năm cứ đòi đưa nàng ra bến xe về Châu-Đốc tạ tội với cha mẹ. Cô Năm nài ép nàng cầm lấy tiền xe về quê kèm theo những lời an ủi dịu hiền.

Thế là cô Năm đã thành công trong việc chia rẽ Vĩnh-Xuân với người vợ bé. Cô Năm liền quay về tìm đến nhà Bích-Đào để thực hiện nốt kế hoạch của cô ta. Cô bảo Bích-Đào bằng một giọng lá loi :

— Cô còn lạ gì cái tính của đàn ông, chỉ thích hào nháng bên ngoài. Cái đẹp bao giờ cũng làm say lòng họ. Vâng, cô có một tấm lòng đẹp, một tâm hồn cao thượng, nhưng bên ngoài cô dễ tàn tệ quá trông như một bà già. Trong lúc đó, thầy nhà còn trẻ đẹp, nòng nổi thì làm sao hai hình ảnh gần nhau cho được. Thế bảo sau thầy nhà không đi tìm cái mới lạ tân tiến hơn. Cô nghe tôi nên cởi bỏ cái lớp cũ kỹ, hủ lậu này đi thì tôi tin trong vài ngày nữa là thầy sẽ quay về ngay nhờ ngải thần kia xui khiến. Khi trông thấy cô đẹp sạch sẽ gọn gàng, thầy sẽ chôn chân ở nhà không đi tìm hoa lạ nữa. .

Bích-Đào nhìn lại thân thể, nàng thẹn đỏ mặt, nhìn cô Năm, nàng mỉm cười nhẹ nhàng như thăm cảm ơn vị ân nhân của đời nàng.



QUẢ đúng như lời cô Năm Chà tiên đoán, Vĩnh-Xuân uất ức kêu la ầm ĩ khi đọc thơ vĩnh biệt của người vợ lẽ. Chàng thất vọng tưởng hóa điên, nhưng bản chất của người đàn ông khiến chàng còn có chút lương tri nhận định phải trái khi sự việc đã vỡ lở. Chàng quay trở về gia đình với một thân xác mất cả linh hồn, cả ngày không thốt một lời. Nhưng sự êm lặng ấy không kéo dài hơn một tháng. Vĩnh-Xuân bắt đầu trở lại cuộc sống bình thường. Bích-Đào vẫn vui cười, săn sóc chu đáo Vĩnh-Xuân, còn có phần hơn trước nữa. Duy chỉ có một việc khiến cho Vĩnh-Xuân lấy làm lạ là Bích-Đào khác hẳn khi xưa ở bề ngoài từ mái tóc đến làn môi mí mắt, quần áo xốc xếch ngày xưa được thay đổi mới... nghĩa là một Bích-Đào hoàn toàn mới mẻ. Bây giờ, đến lượt người đàn bà làm nũng trở lại, người đàn ông thất tình đang thêm khát một tình yêu chân thật, chính đáng. Nhưng dù sao, người đàn bà nhẹ dạ, dễ tính, giàu tình cảm, nên Bích-Đào không thể kéo dài sự hờn giận « bỏ ghét » của mình mãi được. Và Vĩnh-Xuân sẽ không rời gia đình nửa bước sau hai buổi đi làm về...

Năm ấy, gia đình Bích-Đào - Vĩnh-Xuân có thêm một người nữa, bé gái Bích-Lộc ra chào đời sớm ăm thêm không khí gia đình của đôi vợ chồng son trẻ.

Nhưng có một điều mà chính Bích-Đào không bao giờ nghĩ đến là phép lạ Ngải Xiêm của cô Năm Chà. Nàng vẫn tin tưởng rằng sự trở về của Vĩnh-Xuân là huyền hoặc, do Ngải xui khiến mà nên. Hình ảnh bà thầy Ngải Năm Chà vẫn là thần tượng trong tâm trí của nàng.

Mãi đến gần đây chị tôi — Bích-Đào — mới khám phá ra được sự bí mật dấu kín suốt 5 năm trời sau khi anh về tôi tỏ bày sự thật của sự trở về gia đình của anh. Uất ức vì bị gạt gẫm, anh chị tôi kéo đến am cô Năm Chà quyết tặng cho cô một bài học chua cay. Nhưng cái am làm tiền kia đã cửa đóng then gài từ mười hôm trước vì đã có một thân chủ thay vợ chồng Bích-Đào - Vĩnh-Xuân phá am của cô Năm làm cho bà thầy Ngải cuốn gói chạy dài về núi Thất-Sơn cầu cứu với thầy của bà. Chị tôi nhìn qua vườn nuôi Ngải thì ô hô, những bụi ngải đã bị ai xốc xới lên tan tành. Vừa lúc đó có

một em nhỏ chạy đến, hai tay nó cào cấu bụi ngải, nhặt từng củ bỏ vào giỏ. Bích-Đào đưa tay ngăn đưa nhỏ lại, đoạn bảo :

— Đừng em, chết da, Ngải Xiêm ăn cứt tay em bây giờ mau, đứng lên.

Đưa nhỏ gỡ tay Bích-Đào ra vừa nói :

— Không, không, tui đem về cho má tui nấu ca ri, củ nghệ tốt lắm.

Bích-Đào sững sốt, đưa mắt tròn xoe nhìn chổng. Vĩnh-Xuân che miệng cười khúc khích. Bích-Đào nắm lấy tay chổng siết mạnh và quay gót trở về buồng tiếng thở dài.



GIỜ đây, chị tôi, tuổi đã về chiều, má hóp, lưng còng, với đàn con đã lớn khôn, có còn nhớ đến câu chuyện năm xưa không ? Tôi cũng mong chị quên hẳn đi để hạnh phúc của đôi mái đầu trắng xóa mãi mãi được đầy đầy trong những ngày cuối cùng của cuộc đời. Chuộc Ngải, câu chuyện đầu mối chót lưỡi của những kẻ si mê, thất tình đau khổ, cuồng loạn . . .

HOÀNG THU LAN

CHẰNG trách người, mà trách mình là phương pháp cần nhất để tu thân. Hay tha thứ cho người là phương pháp cần nhất để nuôi dưỡng độ lượng.

LỖ KHÔN

ANH gặp phải hàm oan ư ? Hãy yên lòng. Gáy ra nó mới thật là điều khổ.

PYTHAGORE

BÙI GIÁNG

Bờ mây

BỜ mây trắng dựng cuối trời bóng dáng
Của ban sơ hoài vọng giữa nhân gian
Lòng vụn vặt mơ màng chiều qua sáng
Em về nhanh cho mây trắng buông màn



Nhịp chân bước bên vườn hoa ảo lá
Hồng hé môi là nụ của xuân xanh
Hồn ray rút thương ngửa trong tắc dạ
Em đi đâu ? ta đứng đợi không đành



Còn đó chứ ? Ngày sau ta sẽ lại
Em sẽ về giữa mùa hội Hoa Đăng
Oanh yến múa cho trời xuân xanh mãi
Và Yêu Thương lên tiếng bảo nhau rằng...

B. G.

TÔ KIỀU NGÂN

Phượng

TÔI sợ nhất khi phải đi vào cái ngõ đó.

Tôi sợ nhất là phải nhìn lên căn gác đó.

Vào một đêm Sài Gòn sáng trắng mờ mờ; lối một giờ sáng khi mà chiếc xe nước mía ở đầu ngõ đã tắt ngọn đèn khi đá và mấy chiếc xe ba gác trơ vơ, nằm chụm vào nhau nghen cả lối đi. Cái ngõ đó là một trong trăm nghìn cái ngõ lao động của Sài-gòn, hẹp và sâu hun hút; nhà cửa san sát; ồn ào suốt ngày; náo động lên lúc chập tối và ngủ mệt nhọc lúc về khuya. Căn gác thì cũng không có gì đặc biệt: không có rèm cửa màu xanh, không có ánh đèn sáng dịu mờ ảo; chỉ là một cái gác gỗ sơn màu xám nhạt với cái bao lan cũng bằng gỗ, gầy yếu như muôn nghìn cái gác nghèo của những xóm bình dân. Ấy thế mà tôi sợ: Bởi vì..., Bởi vì.....



DẠO ấy gia đình tôi còn ở Hà-Nội. Thầy tôi mất sớm, mấy mẹ con tôi cùng ở trong một tòa nhà hai tầng tại phố hàng Đào. Lúc đó tôi còn là một thanh niên khỏe mạnh, yêu đời, ưa thể thao mà cũng thích cả thơ phú. Đêm nào tôi cũng ra ngồi ngoài bờ Hồ ngắm liễu rủ và nghe gió đuổi nước Hồ reo tí tách hoặc lang thang trên đường Cồ-Ngư, vừa đi vừa ghé vắn. Có đêm tôi về, thằng Thảo, em trai tôi đã ngủ tự bao giờ. Thường thường, làm bài xong, hẩn vẩn ngồi xem tiểu thuyết để đợi tôi về, xuống mở cửa rồi hai anh em lên giường ôm nhau ngủ? Khi nào không đợi được, hẩn giao

cái nhiệm vụ mở cửa cho u già. U già thì lúc nào ra mở cửa cho tôi cũng chẳng lười, phàn nàn :

— Gớm, cậu về khuya quá, bà ở nhà cứ hỏi tôi mãi rằng cậu đã về chưa? Trong ý, u già muốn tôi về sớm để u khỏi ra mở cửa mất giấc ngủ, còn me tôi thì có hỏi cũng chỉ hỏi lấy lệ mà thôi vì bà biết tôi chẳng chơi bời lêu lổng gì, hơn nữa, bà còn bận đánh chắn với các bà bạn đến hai ba giờ sáng, chả thì giờ đâu mà để ý đến tôi. Các bà bạn của me tôi toàn là tay máu mê, đêm nào cũng họp nhau lại đây đề sát phạt, tan sông thì ăn khuya rồi ngủ luôn lại nhà tôi cho đến hôm sau mới ra về lúc tảng sáng.

— Đêm ấy, tôi vừa bước vào nhà, xem đồng hồ thì đã 12 giờ rưỡi. U già ra mở cửa, vừa dụi mắt vừa cầu nhàu. Tôi nhìn vào bên trong : sòng bạc của me tôi có vẻ ấm cúng và đang ở vào giai đoạn gay cấn, hào hứng. Đủ mặt : Bà Đốc, bác Phán, bà Cẩ, mợ Vinh... Ai cũng đang mải mê theo nước bạc. Không muốn phá thú vui của me tôi, tôi lặng lẽ lên thang gác. Tôi thay áo trong bóng tối và ngả mình lên giường bên cạnh thằng Thảo, lúc đó đang ngủ say. Tôi nằm gần nửa tiếng đồng hồ mà vẫn không ngủ được. Không hiểu có phải vì một vần thơ bí, nghĩ chưa ra hay là vì đói bụng. Có lẽ tại đói thật vì bữa cơm chiều tôi ăn rất ít. Bảy giờ rưỡi thằng Thảo dậy, xuống trước nhà gọi hàng phở gánh của bác Ba lại mà làm một bát thì thú vị biết mấy. Tôi bèn lay thằng Thảo dậy. Tôi cầm cánh tay hăn lay mãi nhưng hăn còn say ngủ, ừ ừ vài tiếng rồi lại ngáy đều, rất khê. Không có bạn cùng đi, tôi cũng chẳng buồn phở phước gì nữa, nhắm mắt cố tìm giấc ngủ. Mười phút sau thì tôi ngủ được nhưng chỉ ngủ chập chờn. Tôi nằm gác chân lên bụng thằng Thảo, choàng tay ôm nó vào lòng. Trong trạng thái mơ mơ, màng màng, tôi thấy hăn nhẹ nhẹ gỡ tay tôi ra và rướn mình để cho cái đùi tôi dừng đè lên bụng hăn nhưng vì tôi ôm chặt quá nên những cử động yếu ớt của Thảo không đi đến đâu. Cuối cùng hăn để thế và nằm im. Tôi nghe tiếng hơi thở của hăn dần dập, khác thường. Bỗng tôi giật nảy mình, một cảm giác khác lạ chạy khắp người. Hình như đây không phải là thằng Thảo, em tôi. Người hăn không âm ấm và mềm mại như thế này. Hăn có bao giờ mặc quần dài mà ngủ đâu. Tôi nhớ lại : cái mùi mồ hôi quen thuộc của thằng em tôi đâu phải thế này ! Tôi rùng mình định choàng dậy bật đèn lên

nhưng không hiểu sao tôi lại cứ nằm im, giữ nguyên cái thế cũ. Đêm khuya yên tĩnh quá. Những tiếng động của sông bạc dưới nhà không lọt lên đây được. Tôi nằm như thế rất lâu, mắt nhìn thẳng lên trần nhà, óc rối bời bởi hằng trăm ý nghĩ. Cánh tay tôi vẫn choàng lên cái thẻ xác mà tôi đã biết nhất định không phải là thằng Thảo. Đến lúc ấy tôi mới để ý đến một mùi hương gì như hương hoa nhài bốc lên từ mái tóc của người nằm bên cạnh. Mái tóc đó lại là một mái tóc dài có những lọn mịn, mát, cọ nhẹ vào má tôi, cổ tôi. Tôi nghĩ đến những chuyện Liễu trai và thấy rợn người lên. Rợn rợn không phải là vì chuyện một người đàn bà thoát khỏi cái vỏ Hồ-ly, trong đêm khuya, hiện đến với gã thư sinh đề rồi biến mất khi tàn sáng. Rợn rợn vì tôi nghĩ rằng sự hiện diện của người con gái — nhất định là con gái, nhỏ nhắn lắm đến nỗi tôi lầm với thằng Thảo — là có thật, nó không thể tan biến đi đâu được bởi cái thân thể ấy đang nằm trong tay tôi, tôi còn nghe thấy hơi thở phập phồng, dồn dập của bộ ngực cử động lên xuống dưới tay tôi; tôi còn cảm thấy cái hơi ấm toát ra từ cái thân thể mềm mại ấy. Và đó mới là điều khó xử. Hai mươi bốn tuổi, đây là lần đầu tiên tôi tiếp xúc với một thể xác khác giống. Tiếp xúc không do ý tôi, không định trước. Sự thể xảy ra quá bất ngờ gần như là vô lý. Từ phút đó, người tôi cứng đờ ra, cánh tay tôi choàng lên cái thân thể kia cũng cứng ra; gai ốc nổi lên và tôi có cảm tưởng những sợi chân lông dựng đứng hẳn lên tua tủa như những cái gai xương rồng. Cánh tay ấy thừa quá vì không biết cử động thế nào nữa. Đề yên thế hay rút đi? Dậy vặn đèn lên, hỏi xem cô ta là ai, ở đâu hiện đến đây hay là lặng lẽ xuống giường đi ngủ nơi khác (tôi nhớ là bên trong cùng của cái gác tôi ở còn có một cái ghế vải). Hay là cứ nằm thế và như thế rồi sáng mai sự thể sẽ xảy ra làm sao đây? Bỗng tôi nghe tiếng thở dài khe khẽ. Cứ một lát, tiếng thở dài lại nổi lên và nhịp đập lên xuống của bộ ngực cũng trở nên gấp gáp hơn. Hơi nóng ở cái thân thể ấy tiết ra ủ ấm mình tôi và tôi để ý rằng: — mỗi khi người ấy cựa mình khe khẽ để nhích ra xa tôi một chút thì cái khoảng cách ấy bỗng trở nên lạnh lẽo lạ thường. Và cái lạnh ấy làm tôi cảm thấy khó chịu. Đợi ba lần, tôi giả vờ ngủ mê, ú ớ, trở mình để nằm sát lại, không muốn có cái khoảng trống xa cách và lạnh lẽo kia. Dần dần, người tôi mềm đi, nóng ran lên và hình như những sợi lông tay không còn tua

tủa như « gai xương rồng » nữa. Gai ốc cũng lặn từ lâu. Tôi không còn bối rối và khó chịu như lúc đầu, trái lại, có vẻ thoải mái bởi vì người nằm bên tôi không tỉnh chuyện nằm xa ra nữa. Bóng tối mỗi lúc mỗi đặc thêm cũng là một điều kiện giúp tôi thêm yên tâm. Tôi biết chắc rằng « nàng » không ngủ được, đang thức như tôi nhưng không biết tâm trạng nàng lúc ấy có giống tâm trạng tôi không.

Không hiểu tôi nằm bên cạnh người con gái ấy bao lâu và tôi đã làm gì, chỉ biết rằng khi trời sáng bạch ra, tôi choàng mình trở dậy thì không thấy cô ta đâu nữa. Trên chiếc gối còn lại dấu hằn của đầu nàng đã gối lên. Một sợi tóc dài và óng mượt còn vương lại. Lúc đó tôi mới giật mình, nhìn dáo dác chung quanh xem thử có ai để ý nhìn thấy mình không và đã có sự gì xảy ra chẳng? Không có ai, cũng không có gì xảy ra như điều tôi lo sợ. Lúc tôi xuống nhà dưới rửa mặt thì mấy bà bạn của mẹ tôi đang sửa soạn từ giã mẹ tôi ra về. Trong đám người lơ nhố ấy tôi chợt thấy bóng một cô gái mặc áo vàng, người nhỏ nhắn, trắng trẻo có mớ tóc dài xanh mượt. Gương mặt cô ta đẹp một vẻ đẹp quý phái. Trước khi ra cửa, cô ta hơi nhìn về phía tôi mà mỉm cười. Tôi bàng hoàng như vừa tỉnh một cơn mơ. Có phải cô ta là người con gái đêm qua chẳng? Tôi cố hình dung ra nét mặt cô khi nhìn tôi để đoán xem cô ta đang nghĩ gì nhưng không hình dung ra nổi. Ý tưởng đó dẫn dắt tôi suốt mấy hôm liền. Sau đó, hồi tháng Thảo thị mới biết rằng cô ta là cô Phượng, 15 tuổi, con gái bà Đốc. Bà Đốc đến đánh chặn với mẹ tôi mang theo con gái cùng đi. Canh bạc kéo dài đến hai ba giờ sáng nên bà Đốc bảo con gái đi ngủ trước. Không hiểu mẹ tôi hay ai đã chỉ cho cô ta lên gác hay chính cô ta đã tìm lên nằm vào cái giường anh em tôi thường nằm. Thảo thị thấy chỗ ngủ của mình có người ngủ rồi nên đã vào ngủ trên chiếc ghế vải kê trong phòng trong. Hẳn đi ngủ trước và ngủ say nên cũng không kịp « báo động » cho tôi hay. Khi hỏi Thảo về Phượng, tôi đã sắp đặt trước đề, nếu hẳn hỏi hôm qua ngủ đâu thì tôi sẽ nói dối rằng tôi ngủ ở dưới nhà nhưng may quá, thằng em trai khờ khạo của tôi không để ý gì đến chuyện đó. Đã bốn năm ngày sau, tôi vẫn không quên hình ảnh Phượng và cái đêm kỳ ảo kia. Tôi cố chờ đợi xem mẹ tôi, u già, bà Đốc hay một ai khác có đá động gì đến chuyện đó không nhưng lạ là không ai tỏ vẻ hay biết hay chú ý gì đến chuyện đó cả,

một chuyện mà đối với tôi thật là phi thường, một chuyện suốt đời tưởng khó quên đi được. Sau đó, dịp hồi n giữa và tháng Thảo, tôi được biết thêm rằng Phượng đã theo mẹ đến nhà tôi ba, bốn lần rồi. Cô ta cũng đã lên gác, đến xem sách vở nơi bàn học của tôi nhiều lần, lúc tôi đi vắng. Hình như Phượng biết tôi trong khi tôi chỉ biết Phượng – lần thứ nhất – trong bóng tối nhờ nhờ và khi sáng ra được nhìn cô ta xinh đẹp thì chỉ được nhìn thoáng qua mà thôi. Tôi nói thoáng qua bởi vì từ hôm đó về sau tôi không gặp Phượng nữa. Bà Đốc không những chỉ đánh chặn ở nhà thôi mà còn đánh nhiều thứ ở các sông khác nữa. Theo mẹ tôi cho biết thì, dạo sau này, bà Đốc thua luôn mà thua đậm, số tiền dành dụm được từ ngày ông Đốc chết đi đã dần dần trút hết vào các sông bạc. Hình như vì túng bấn nên bà ta đã mang con gái vào Saigon ở với một người bà con gần, đang có hãng buôn lớn ở trong ấy. Thế là hết! Phượng chỉ đến với tôi có một đêm rồi đi mất hút. Phượng là người con gái thứ nhất đi vào đời tôi đậm đà nhất, rõ ràng nhất, cụ thể nhất nhưng cũng ngắn ngủi, mong manh nhất.

Tuy thế, Phượng không đi mất hút. Một năm sau, vào học tại Saigon, nhân có việc đi vào cái ngõ ấy ở Bàn Cờ thì tôi gặp lại Phượng. Đêm ấy, Saigon đã ngủ yên. Cái ngõ vắng lặng, buồn. Mấy chiếc xe ba gác nằm trơ vơ, chụm đầu vào nhau. Chiếc xe nước mia đã tắt ngọn đèn khí đá. Bước giầy tôi dẫm lên ngõ vắng nghe rõ ràng tiếng. Khi tôi trở ra, đi ngang qua cái gác sơn màu xám nhạt, có cái lan can bằng gỗ gầy ốm ấy thì tôi bỗng giật nảy người lên vì nghe có ai gọi tên mình:

— Anh Trung! Anh Trung!

Tôi bàng hoàng nhìn lên. Dưới ánh trăng mờ mờ, một người con gái gầy guộc trong bộ đồ ngủ, xõa tóc đang nhìn chăm chú vào tôi. Giọng nàng nhẹ nhàng, gần gũi:

— Anh đứng đấy đợi em. Em xuống đường ngay bây giờ.

Một phút sau, trên con đường vắng vẻ, dài hun hút ấy chỉ có hai chúng tôi. Người con gái gọi tôi, nói trước:

— Anh Trung, anh không nhận ra em ư? Em là Phượng con bà Đốc Minh ấy mà.

Tôi bàng hoàng, « à » một tiếng, rồi đứng ngẩn ra. Chỉ một năm mà Phượng thay đổi nhiều quá. Phượng gầy sút hẳn đi. Nét mặt vẫn xinh đẹp như năm nào nhưng đôi mắt Phượng ta ra, sâu hẩn xuống, sâu thăm thẳm và sáng như mắt mèo. Dưới ánh trắng vàng ủa, da mặt Phượng trông tái xanh hẳn đi. Chừng như để giải thích những điều tôi muốn hỏi nhưng chưa tiện hỏi, Phượng nói:

— Phượng mới ở nhà thương Grall ra nhưng sắp trở vào nằm đó lại rồi anh ạ. Phượng bị lao, mất hẳn một lá phổi. Mấy hôm nay, ngày nào Phượng cũng thấy anh đi vào cái ngõ này. Hình như anh vào nhà cô Chi thì phải?

Tôi giật mình. Chi là Mai-Chi, một cô gái nhầy. Tôi hay vào ra nhà Chi, có đêm đưa Chi từ tiệm khiêu vũ về.

— Phượng đứng đợi anh ở đây để có hơn một tiếng đồng hồ rồi đấy! Gớm, anh nói chuyện gì với cô ta mà lâu thế? Mấy đêm trước, Phượng cũng đợi như thế này nhưng không dám gọi anh, chỉ trông theo dáng anh đi ra ngõ mà thôi. Đêm nay, Phượng quyết định gọi anh lại vì... (*Phượng ngập ngừng*) vì mai Phượng vào nhà thương lại rồi, không biết bao giờ mới được ra !

— Mai Phượng đi rồi à ?

Tôi không biết nói gì ngoài câu nói ấy. Câu hỏi của tôi rơi vào đêm khuya, ngấn ngủ, không gây nên một âm hưởng nào. Tôi nhìn Phượng. Mớ tóc mà một đêm nào đây tôi đã vuốt ve, giờ dài ra nhiều lắm; cái vai tròn, đầy đặn xưa từng sát vào vai tôi, giờ so lên và tôi nghĩ rằng, nếu tôi sờ lên đấy, sẽ chạm phải những mẩu xương nhô lên rất rõ ràng...

Tôi không biết nói gì hơn. Hình như tôi có hỏi :

— Phượng ốm từ bao giờ ? Lâu mau rồi ?

Tôi nghe tiếng Phượng cười nhẹ. Có lẽ nàng đoán trước được ý nghĩ của tôi nên đáp thông thả :

— Mới đây anh à. Anh đừng lo, năm ấy em chưa đau và nếu có lao thì cũng mới chớm mà thôi, chưa có vi trùng đâu, anh đừng sợ.

Thế rồi chúng tôi chia tay nhau khi Phượng nghiêng đầu, nói khe khẽ:

— Thôi anh về. Em phải vào đi ngủ đây. Mai em đi sớm rồi.

Khi tôi ra đến đầu ngõ, nhìn lại thì thấy Phượng đứng trên lan can cái gác nhìn theo. Dưới ánh trăng mờ mờ, người Phượng gầy guộc, xõa tóc, cao lênh khênh làm tôi rùng mình.

Ít lâu sau, tôi được tin Phượng chết trong nhà thương Đồn-Đất.

Phượng chết năm 17 tuổi.

Tôi chắc Phượng có yêu tôi và có lẽ tôi là người con trai đầu tiên đã nằm bên cạnh Phượng và cũng là người đàn ông độc nhất đã đi vào đời Phượng. Cuộc gặp gỡ đêm hôm đó chứng minh điều ấy. Trở về với cái đêm kỳ ảo kia, tôi tin rằng không phải vô tình mà Phượng đã nằm lên chiếc giường của tôi đêm hôm đó. Phượng chỉ nói chuyện với tôi có một lần độc nhất, suốt một cuộc đời. Phượng lại nhắc nhở đến đêm hôm đó một cách rất tự nhiên như đã quen nghĩ đến «đêm hôm đó» nhiều lần rồi. Không thể gọi tôi lại và nói chuyện một cách cởi mở thế kia nếu trước đó hai người không cùng gặp nhau qua suốt một đêm như đêm xưa.

Mất một lá phổi thì khó mà sống lắm.

Mất một lá phổi lúc 17 tuổi như Phượng e khó mà có một người yêu, hay ít nhất, một người bạn trai ngoài người con trai mà nàng đã gần gũi, đêm xưa, trên căn gác phố hàng Đào. Có lẽ nàng chết đi mang theo vào lòng mộ tối một buồng phổi không toàn vẹn nhưng trái tim thì rất nguyên lành, trong đó, chắc chỉ ghi khắc độc có hình ảnh một người. Thế cũng đỡ ái ngại cho nàng.

Tôi mong như thế.

TÔ KIỀU NGÂN

ĐỖ TẤN

Lối xuân

MÙA xuân vào đôi mắt
Đôi mắt buồn hoa sao
Mùa xuân vào đôi má
Má môi không đón chào
Mùa xuân lên vào áo
Tà áo đuổi mùa xuân
Mùa xuân vào ao biếc
Mặt ao cao bao lần
Mùa xuân lên núi cao
Núi rừng mình sợ nắng
Mùa xuân xuống đồng sâu
Đồng sâu lên kinh cầu
Mùa xuân đến bầy trẻ
Bầy trẻ làng đi xa
Mùa xuân vào cổ viện
Cổ viện sâu đưa ma
Mùa xuân lội qua sông
Sông buồn theo liễu rũ
Mùa xuân đi vào làng
Chợ làng không buồn sủa
Mùa xuân đi lên phố
Phố nhìn xuân như không
Mùa xuân lần xuống biển
Biển xanh màu lạnh lưng

Mùa xuân và con người
Con người và cuộc đời
Con người và sông núi
Sầu đau chưa tau người,

DUY ANH

Mật ong

A I đã du lịch sang xứ Tây-Ban-Nha sẽ thấy trên một vách đá có chạm hình một người thượng cổ đang hạ một tổ ong. Hình chạm này có lẽ đã có từ thạch kim thời đại. Từ đấy đến nay tính đã hơn 15.000 năm, từng trăm thế kỷ đua nhau lùi về quá khứ, nhưng chưa ai tìm ra một thứ thực phẩm nào tinh túy và đủ chất bằng mật ong.

Nhờ chất « lévulose » (mat qua) — hợp phần chính của chất mật —, mật ong có một vị ngọt sắc sảo gấp hai đường mía. Vả lại chất đường nào lại thơm mùi hoa cam, mùi tam điệp, có khi cả mùi hoa hồng như mật ? Chất đường cũng như chất muối, chỉ có một mùi vị độc nhất, còn mật ong mỗi thứ xông mùi hương riêng biệt. Phải thử suốt một đời người mới mong nếm hết hương vị của các thứ mật do ong đã làm ra.

Không có một thứ thực phẩm nào tinh tế bằng mật. Khi đến thời kỳ thật chín, mật chứa nhiều chất lévulose đến nỗi không còn có thể dậy men được. Trong một kim tự tháp ở Ai-cập, trên mộ vua Pharaon, một nhà khảo cổ đã tìm thấy một bầu mật xưa đến 33 thế kỷ. Bầu mật chỉ hơi đặc kẹo và sẫm màu, nhưng vẫn còn giữ nguyên chất và hương vị. Bởi vậy, mật pha liền bị lật tẩy ngay, vì khi lẫn với chất khác mật ong dậy men và thành dấm.

Đời xưa, ở Ả-rập, mật ong biểu tượng lòng trinh bạch và tính ôn hòa, được dùng trong lễ nghi hôn sự. Người La-

mã có tục lệ đổ vài giọt mật trên ngạch cửa của vị tân hôn. Ngày nay ở Hung-gia-Lợi và Thiên-Trúc lễ cưới nào cũng dọn rượu hòa với mật và bánh chấm mật. Ta cũng dùng danh từ «tuần trăng mật» để chỉ mấy tuần lễ đầu tiên của cuộc hạnh phúc vợ chồng sau khi cưới.

Mật ong, thức ăn cổ nhất, là công trình của sự cộng tác bí mật giữa ong và hoa. Tạo hóa có ý như mặc cho hoa những áo màu sắc sớ để làm cho ong say mê và quyến luyến. Nhờ vậy, loài thảo mộc mới được kết quả, và được tồn tại lâu dài trong tạo vật. Nếu không có ong, sẽ có những hàng vạn giống hoa bị tiệt nòi; trái lại nếu không có hoa, loài ong cũng sẽ bị tiêu diệt.



MỘT buổi sáng mùa xuân chói lọi trong vườn cam, muôn hoa ứa tràn mật trên cành trắng muốt. Bầu không khí sức nức mùi thơm. Bầy ong đánh được mùi hoa cam xa từ hàng mấy cây số. Thế là một lúc sau khắp cây rung động và nhộn nhịp như một ngày hội. Bầy ong khoải lạc đeo mình vào bầu nhị. Trước khi mặt trời chen lặng, mỗi ong vận tải phải mang về tổ một trong lượng mật 10 phần hơn mình ong. Người ta tính cứ 12 lạng mật là trung bình

VẤN đề kiến trúc của loài ong đã làm kinh ngạc rất nhiều nhà toán học đại tài. Trong lúc xây tổ và đúc các tầng mật, ong phải giải quyết vấn đề này: Phải làm các ngăn bằng sáp theo hình thề nào để dung nạp được thật nhiều mật, mà ít tốn vật liệu và « nhân công ». Vậy theo những định luật của khoa hình học, có thể thực hiện các điều kiện ấy chính là một hình lăng trụ lục giác đây lại bởi một chiếc nắp lục giác do ba hình thoi hợp lại, và mỗi hình thoi theo nhà toán học Réaumur cứ $109^{\circ}28'$ ở góc giăng và $70^{\circ}32'$ ở góc nhọn.

Réaumur lại muốn giải quyết vấn đề một cách lý thuyết, và ra bài tính đồ như sau đây: Tôi muốn xây một cái chậu hình lăng trụ lục giác với hai điều kiện này:

1) Phải dùng rất ít vật liệu; 2) Phải có một dung tích rất lớn. Vậy hỏi: Phải tính các góc chậu rộng bao nhiêu. »

Sau những phép tính lượng giác rất phiền phức, Réaumur kết luận rằng: Muốn thực hiện hai điều kiện nói trên, phải có một cái chậu có những góc giăng rộng $130^{\circ}26'$ và những góc nhọn rộng $70^{\circ}34'$ Thành ra ông chỉ khác có $2'$

công nghiệp của 37.000 chuyến bay khứ hồi.

Ông là bạn rất trung thành với hoa, và rất nặng tình luyện ái. Trong lúc loài ong đất, ong bầu, loài bướm hay chim ruồi nhốn nhơ bay lượn từ hoa này sang hoa khác và lẫn lộn với nhau các thứ phấn, chỉ có một mình ong chăm chú vào một thứ hoa. Hút xong mật thứ hoa này ong mới chịu bay đi tìm thứ hoa khác. Bởi vậy, ong đặt chắc chắn vào mỗi đài hoa thứ nhị riêng của loài hoa ấy. Vì vậy, vùng này có thứ hoa gì đủ cho ong hút suốt cả mùa làm việc, ta sẽ có nguyên thứ mật riêng của hoa ấy.

Vậy một hôm kia, rồi một chiếc tuần dương hạm bị lạc đường ở giữa bể. Viên sĩ quan chỉ huy bị thương cấp khiến trách nặng vì không có sẵn bản lượng giác và dụng cụ để tính cho tàu chạy đúng hướng. Viên sĩ quan này phản đối lại và đem những bằng chứng ra rằng mình rất chu toàn phận sự. Ông ta nói : « Nếu tàu chạy lạc hướng có lẽ vì kinh độ đã bị tính sai. Nhưng khi tính các đường kinh độ lại thì đường nào cũng đúng, không sai chạy một ly nào. Ai cũng tự hỏi bởi đâu lời giải lại bị tính sai ? Sau những ngày cống phu sưu tầm, người ta mới khám phá ra chính ở trong bản lượng giác dùng bấy lâu nay để tính tam-giác-pháp có một chỗ sai. Và với bản lượng giác mới sửa chữa lại, người ta đem tính lại bài tính của Réaumur. Thì ra, muốn thực hiện những điều kiện tiện lợi nhất, đúng như hai điểm của Réaumur ra trong bài tính trên, ta phải dùng một hình lăng trụ rộng 109°28' ở góc giàng, và 70°32' ở góc nhọn, đúng hệt như loài ong đã làm từ xưa nay.

Cuối mùa xuân, hay sắp vào mùa hạ, lúc muôn hoa phơi phới trên cành, lúc mật ứa tràn bầu nhị, ong hăng hái làm việc cho đến lúc mòn sức. Số kiếp của mỗi ong thợ là ngã quy dọc đường trong giây phút nỗ lực cuối cùng để mang mật về tổ. Sau khoảng thời gian rong rã sáu tuần lễ mệt nhọc cần lao, tên thợ vô danh kiệt sức âm thầm rơi trên bãi cỏ hay chìm xuống đáy hồ yên lặng, không ai để ý đến. Mỗi khi một ong thợ hết kiếp liền có một thợ khác điền chỗ thiếu ngay. Tính trung bình mỗi năm phải có sẵn 300 cân mật mới đủ cho một tổ ong tiêu thụ thường nhật. Vậy 300 cân mật ấy là công nghiệp của 28 triệu cây số vất vả bay đi bay về để chuyên chở mật vào tổ.

Giọt mật là cả một kiệt tác. Trong mật ong, người ta phân tích có chất protéine, chất đường, các sinh tố, cùng các

chất kim khí như sắt, đồng, măn-gan, kát-ri nát-ri và lân-tinh, hỗn hợp với nhau rất khéo léo. Loài ong không biết khoa hóa học hữu cơ và có khi bạn và tôi, chúng ta đã quên mất rồi; nhưng, những ai đã lưu tâm trên vấn đề này, có thể cất nghĩa bởi đâu những người đau bệnh đái ra đường dùng mật ong được (nhưng trái lại phải kiêng chất đường), và tại sao mật ong có đặc tính làm cho xương cốt và răng cổ trẻ con chống phát triển và được rắn chắc.

Những nhà bác học trứ danh chuyên môn khảo cứu về loài ong cũng chẳng biết mật hoa trở nên mật ong bằng cách nào. Có ít người lâu năm quan sát cách sinh hoạt của loài ong, thấy khi mật hoa được mang về tổ, liền có một hạng ong thợ trẻ chực sẵn, há miệng ra và nuốt mật vào cho đến khi đầy bụng. Xong công việc nuốt mật các ong này cứ liên tiếp thè lưỡi ra ngoài miệng không thôi. Người ta cho đấy là phương pháp ong thợ dùng để làm cho phân nước trong mật được bốc hơi và thêm chất men để biến mật thành chất lévulose và chất dextrose. Xong công việc ấy, chúng liền rót mật vào các ngăn, đầy nắp và cất kỹ.

Ong dùng cách nào để sản xuất sáp dẻo? Phương pháp hóa học ấy vẫn còn giữ bí mật chưa ai có thể đem lại một câu trả lời chắc chắn.



KHI ta ném một giọt mật, ta hưởng công phu của nghìn vạn con vật tí hon đã hiến thân hy sinh đến kiệt sức... Giọt mật lại còn biểu tượng mối hòa hợp tuyệt diệu giữa tạo vật và trí thông minh của Tạo hóa. Ong đã làm ra những việc kỳ công, khiến óc loài người phải ngỡ ngàng. Nhưng ong nào có ngờ mình đã chế ra những kiệt tác? Thông minh là chính ai đã đặt vào con ong những bản năng lạ lùng ấy. Dầu muốn hay không, ong cũng phải cặm cụi xây những ngăn hình lục giác; ngoài cách ấy, ong không còn biết cách nào khác. Vậy không phải ong có óc thông minh. Cũng như loài chim yến, chỉ biết một cách xây tổ độc nhất từ đời nọ sang đời kia; cũng như con nhện cứ giăng mãi một mối tơ: nhốt kỷ trong chiếc bầu bằng thủy tinh, nhện cũng cặm cụi giăng tơ. Nếu nhện biết suy nghĩ, nhện sẽ hiểu không thể nào đánh bầy được một con ruồi ở trong bầu kính... Vậy, không phải loài vật tự phát minh ra các kiểu làm việc tinh xảo ấy. Chúng chỉ là những tên thợ rất khéo léo tài tình của Tạo hóa...

TUẤN HUY

Kỷ niệm

QUA hết cánh đồng lầy, tôi ra lệnh cho anh em ngừng lại. Bọn chúng tôi chỉ còn có 8 người, kể cả em bé liên lạc bị thương. Như thế là chết mất 6. Bên kia núi, tiếng súng vẫn thưa thớt nổ. Trong tối đêm, mấy đám cháy hồng sáng cả một góc trời. Chúng tôi ngồi nghỉ trên một bãi cỏ. Lưu — em bé liên lạc — nằm thiêm thiếp trên đùi Khang. Tôi lại gần Lưu : máu ở vết thương của em ra nhiều quá. Tôi không nhìn rõ nét mặt em lúc đó, nhưng cũng đoán được em đau đớn lắm. Tôi lo lắng xem đồng hồ, ánh dạ quang xanh lè chỉ hơn hai giờ sáng.

Từ chỗ này, chúng tôi phải vượt qua ba cánh rừng già nữa mới về đến vị trí. Mà vết thương của Lưu khá trầm trọng. Chúng tôi bàn với nhau nên tới một địa điểm nào gần nhất để buộc thuốc cho Lưu.

Khang hỏi :

— Tại sao thượng cấp lại hạ lệnh rút lui, giữa lúc gần công phá xong đồn địch ?

Tôi không trả lời, vì chính tôi cũng đã tự hỏi như thế. Tôi nghĩ rằng người thanh niên lúc cầm súng ra trận chỉ biết hăng say chiến đấu. Tuy mỗi người chiến đấu một cách khác nhau, nhưng không bao giờ có quyền được thỏa mãn ý thích của mình.

Một bạn đồng đội khác phàn nàn về sự không đồng nhất của bộ chỉ huy, đề đến nổi tiểu đội chúng tôi mất liên lạc. Tôi chưa nói gì thì Phúc, anh nhiều tuổi nhất, đã gạt đi :

— Thôi đừng có ba hoa. May mà Bái chết rồi, chứ không là có chấn « chính » đấy !

Sáu chúng tôi kêu « ồ » cả lên. Khang hỏi :

— Thật không ? Tôi thấy anh ta nấp ở xa lắm kia mà.

Phức nhỏ một bãi nước miếng :

— Trúng đạn trọng pháo rồi. Nửa người dưới hấn nát vụn ra. Tôi bò qua, thấy tay hấn vẫn khư khư cầm cuốn sổ.

Câu sau này có lẽ Phức định khôi hài, nhưng anh em không ai cười một tiếng. Dù người mình thù nghịch đến đâu, lúc họ chết cũng không đang tâm oán ghét nữa. Bái là chính trị viên đại đội. Anh ta có một lối xét đoán và phê bình thật độc đoán và khe khắt. Hầu hết chúng tôi đều khiếp sợ hấn, nhưng phải cố dằn lòng chịu đựng. Trong lễ lối tỏ chức mới, đơn vị nào cũng có người nhòm ngó như Bái. Vì thế, nghe tin Bái chết, chúng tôi mừng một tý rồi lại buồn ngay. Biết đâu người chính trị viên đại đội sắp tới lại không nghiệt ngã hơn Bái nhiều ?

Tiếp tục cuộc rút lui, chúng tôi rẽ sang phía trái. Bản gần nhất cũng cách đây hơn 10 cây số ngàn. Rừng đêm im vắng, chúng tôi lăm lũi dẫm trên lá khô. Tôi không biết anh em đồng đội — những thanh niên từ khắp mọi nơi, thuộc đủ các thành phần trong xã-hội, gặp nhau chung một màu áo — đang nghĩ ngợi gì, nhưng mọi người đều có vẻ mệt mỏi...

Chúng tôi đến bản M.K. lúc trời đã sáng rõ. Dân chúng tụ đông lại quanh chúng tôi hỏi han. Nhưng chúng tôi thất vọng vô cùng vì ở bản làng hẻo lánh này, không có một trạm cứu thương nào như chúng tôi mong muốn. Một ông đứng tuổi lách đám đông, đến gần tôi bảo :

— Đêm qua đánh nhau dữ quá. Các cái anh bộ đội mệt rồi mà. Về nhà tôi đi. Tôi là Mé, chủ tịch bản này. Để tôi lo thuốc cho cái em nhỏ.

Chúng tôi đưa mắt nhìn nhau. Phức bàn :

— Cũng phải đến nghỉ lại đây một lát.

Chúng tôi kéo về nhà ông Mé. Đó là một căn nhà sàn rộng cất trên đồi cao. Ông Mé gọi cô con gái ra dẫn vài câu gì

tôi không hiểu, rồi tất tưởi nhảy lên ngựa phóng vụt đi. Người con gái Thổ chào chúng tôi và mời lên nhà, Khang đặt Lưu nằm xuống một ổ rơm. Tôi thấy máu Lưu chảy đỏ thắm hai vai áo Khang. Mặt Lưu nhợt tái đi. Có lẽ em kiệt lực rồi, Chúng tôi quên cả mệt, quây quần quanh em. Em kêu khát nước, nhưng Phúc bảo đừng cho uống. Tôi sờ ngực em thấy tim đập yếu lắm.

Lưu thều thào :

— Anh Sơn... Anh cho em uống nước.

Nghe Lưu gọi mà lòng tôi quặn đau. Tôi cầm bình nước đổ từ từ vào miệng em. Uống xong, em nắm tay tôi hỏi :

— Chúng ta thắng không ?

Tôi chống chế :

— Thắng.

Lưu mỉm cười :

— Các anh bình an cả chứ ?

Tôi gật đầu, Lưu nằm im, và một lát sau lặng lẽ chết.

Không ai bảo ai, bấy chúng tôi cùng kính cẩn cúi đầu. Người thiếu-nữ Thổ cũng đứng khép nép trong một góc tối. Chúng tôi vẫn tự hào là những chiến sĩ gan dạ, nhưng trước cái chết của một người đồng chí ít tuổi can đảm, chúng tôi đã xúc động đến rơi nước mắt. Phúc vuốt mắt cho Lưu, buồn rầu :

— Em Lưu thật nhanh nhẹn và thông minh. Tuy còn nhỏ nhưng em đã tích cực, hăng hái như người lớn. Thật đáng tiếc... một mầm non đầy triển vọng, một tương lai của đất nước...

Giọng đều đều của Phúc dội vào lòng tôi, nghe thật thấm thía. Tôi coi đây như những lời chân thành của nhân dân, của tổ quốc tuyên dương công trạng Lưu vậy.

Giữa lúc ấy, ông Mé cầm một bó lá chạy lên cầu thang. Người con gái Thổ ra đón bố và nói vài câu rất nhỏ. Ông thở dài :

— Cái em này chết mau quá.

Chôn cất Lưu xong đã xế chiều. Chúng tôi định lên đường về ngay đơn vị nhưng đột nhiên trời đổ mưa. Mưa rừng rất lớn và dai dẳng. Chúng tôi đành phải ở lại nốt đêm ấy. Ông Mé khoản đãi chúng tôi một bữa cơm thịnh soạn : cơm nếp thổi trong ống bương và thịt gà nướng. Ông mời chúng tôi uống cả

rượu. Ông và Tsao-Ly — người con gái của ông — cùng ngồi ăn chung và hồi những chuyện về anh em bộ đội đánh nhau với Pháp. Bữa cơm thật vui vẻ, tuy chúng tôi còn mệt và buồn. Ăn uống xong, anh em người thì hát, người thì đùa với các em thiếu nhi trong bản kéo đến đông đầy nhà. Riêng tôi, tôi xin phép ông Mé đi nằm. Vừa chệnh choáng say, vừa mỏi mệt, tôi thiếp đi lúc nào không biết.

Lúc tôi choàng tỉnh dậy, mưa đã tạnh và trăng sáng vắng vặc. Lần đầu tiên tôi được nằm thoải mái trên ngôi nhà sàn giữa một khu rừng tràn ngập ánh trăng. Cảnh vật đẹp quá. Tôi định ngủ tiếp nhưng không sao nhắm mắt được nữa. Trong nhà, các bạn tôi nằm ngổn ngang và có người ngáy vang như sấm. Tôi đứng lên, men theo con đường nhỏ ra phía có tiếng nước chảy róc rách. Khi núi về đêm và sau một trận mưa lớn, bốc ra mát lạnh. Tôi thấy rất dễ chịu. Giá lúc này có điều thuốc lá hút thì tuyệt ! Đã từ một năm nay, tôi không hút thuốc nữa. Tôi ngồi trên một hòn đá lớn bên dòng suối loang loáng ánh trăng. Trông một lúc, tôi cảm thấy mình chênh vênh như lạc lõng, không biết đang đứng ở vị trí nào của cuộc đời ? Quan niệm về không gian và thời gian của tôi phút đó hình như mờ hồ lắm. Tôi chợt nghĩ đến những ngày êm ấm hồi còn đi học ở Hà-Nội, những ngày lớn lên và yêu tha thiết một người con gái... Hình ảnh những người thân thích hiện ra rõ rệt. Đã lâu lắm, đêm nay tôi mới lại dễ lòng mến yêu đi trước cái tình cảm mà người ta gọi là « tình cảm nhỏ nhen của cá nhân » ấy. Phải chăng vì tôi nghĩ đến tất cả, những người còn sống và đã khuất. Nhưng rõ rệt nhất vẫn là Lưu, em bé vô tội chết không kêu than, không oán hận.

Chân khua vào dòng nước lạnh, tôi chợt nhớ đến cái hiện tại của mình : Một cuộc sống gió sương đầy gian khổ. Rồi ngày mai sẽ ra sao ? Người thanh niên thời loạn đâu biết được ngày-mai thế nào. Một mũi dao, một viên đạn, có thể kết thúc cuộc sống của mình trong khoảnh khắc. Nghĩ thế thôi, chứ tôi không hề oán ghét chiến tranh, vì cuộc chiến tranh mà tôi đang theo đuổi, mang ý nghĩa cao quý về sự sinh tồn của một dân tộc.

Có tiếng động ở phía sau, tôi ngoảnh lại, thấy Tsao-Ly đang tiến đến gần tôi. Dưới ánh trăng, trông nàng có đáng đáp như một vì tiên mà tôi hay tưởng tượng hồi còn nhỏ dại. Tsao-Ly hỏi :

— Cái anh không ngủ à? Ra đây làm gì vậy?

Trong lúc khuya vắng, giọng nói của Tsao-Ly nghe thật trong trẻo. Bây giờ tôi mới có dịp ngắm kỹ nàng: Một sơn nữ rất đẹp với đôi mắt đen láy và hàm răng trắng muốt đều đặn. Thấy tôi nhìn chăm chú, Tsao-Ly có vẻ ngượng, nàng hỏi câu khác:

— Cái anh không sợ ông cọp ư?

Tôi bật cười, chỉ vào khẩu súng đeo bên mình:

— Không, tôi có cái này.

— Chùng em không có, nhưng các ông cọp không bắt chúng em.

Nàng cúi xuống vục nước lên rửa mặt, rồi ngồi cạnh tôi:

— Em không ngủ được. Thấy các anh, em nhớ anh em quá.

— Anh Ly đâu?

— Anh em cũng đi bộ đội như cái anh thế này. Mà lâu lắm rồi không có về chơi với em. Anh em đi từ ngày mẹ em bị Tây nó giết.

Tôi chưa kịp nói, Ly đã tiếp:

— Giá em là con trai thì em đi đánh Tây liền. Em muốn giết chúng nó, muốn đâm chúng nó...

Thấy mắt Ly ngập vẻ căm thù, tôi bảo:

— Ly giỏi lắm, nhưng Ly phải ở nhà làm nương chứ. Nến Ly không ở nhà làm nương thì chiều nay chúng tôi làm gì có cơm nếp ăn?

Ly cười:

— Ừ nhỉ, có cả sẵn nữa. Mai em thổi cơm sẵn cho các anh ăn.

Tôi xem giờ:

— Sáng sớm thì tôi phải đi rồi.

Ly sửng sốt:

— Thật ư? Em tưởng các cái anh về đóng ở bản. Các anh đi, Tây nó tới, ai đánh hộ chúng em?

Tôi không đáp, nhìn Ly một lúc. Nàng hồn nhiên và chất phác như một cô gái bé bỏng. Tôi chợt so sánh Ly với các thiếu nữ ở tỉnh thành. Nàng lại hỏi:

— Anh về nhà phải không? Nhà cái anh ở đâu?

Tôi lắc đầu:

— Tôi về đơn vị... về với anh em. Tôi không có nhà.

— Anh bộ đội nào cũng bảo không có nhà. Chắc cái anh có nhà mà không về. Anh có cô con gái là em anh không?

— Nhà tôi ở xa lắm, ngoài Hà-Nội. Ly có biết Hà-Nội không?

Ly nhìn tôi ngơ ngác. Có lẽ nàng chưa nghe đến tên ấy bao giờ. Tôi tiếp:

— Em gái tôi cũng đẹp và ngoan như Ly, Ly ạ.

Ly soán vạt áo lại:

— Tên cái anh là gì? Sao anh không vui hát như các anh kia?

Tôi mỉm cười trả lời câu hỏi của Ly:

— Tôi là Sơn.

Và chỉ lên trái núi sừng sững trước mặt:

— Sơn nghĩa là núi... Ly có thấy bao giờ núi cười đâu mà bảo tôi vui được.

— Chắc cái anh thương cậu bé chết hồi sáng lắm phải không?

Tôi định nói lảng đi, nhưng nhìn vào trông mắt Ly, thấy nàng rất thành thật, tôi tâm sự:

— Em nhỏ ấy là em tôi, vì chúng tôi thương yêu nhau như ruột thịt. Cuộc sống của chúng tôi nhiều khi thật vui và thật buồn, nhưng chúng tôi đều chia sẻ với nhau hết cả.

— Anh đi bộ đội lâu chưa?

— Lâu rồi, từ ngày cách mạng còn trong bóng tối.

— Cái anh có giết được nhiều Tây không?

— Tôi không nhớ rõ là đã giết được bao nhiêu người. Chắc Ly sợ giết người lắm nhỉ?

— Giết Tây thì sợ gì. Chúng nó làm hại mình, chúng bắt người, đốt bản, phá nương...

Tôi biết sự dã man của quân giặc đã khơi sâu lòng căm thù ở một sơn nữ hiền lành. Không muốn kéo dài câu chuyện ghê gớm đó, tôi hỏi trêu Ly:

— Ly sắp lấy chồng chưa? Chắc nhiều người trai trong bản yêu Ly lắm.

Không biết Ly có hiểu câu tôi nói không. Nàng cúi xuống đập mạnh chân xuống suối làm nước bắn tung lên trắng xóa. Nàng hỏi :

— Mẹ cái anh còn sống không?

Câu hỏi của Ly khiến tôi ngậm ngùi. Nhớ đến người mẹ già tóc đã bạc sương, tôi chậm rãi :

— Tôi xa mẹ lâu rồi nên không có tin tức gì. Ngày tôi nhập ngũ, mẹ tôi tiễn đến bờ sông, dạo ấy tôi hăng hái đến nỗi không muốn nhìn mẹ tôi khóc và không hề nói một lời để an ủi người. Tôi hăm hở lao mình vào đời sống tập thể của quân đội. Rồi chiến tranh bùng nổ, tôi đã chiến đấu thật liều lĩnh. Ly có biết không, phải dành từng mái nhà, từng góc phố ở Hà-Nội, Tôi bị thương hai chỗ ở chân. Rồi mặt trận lan rộng ra, tôi theo đơn vị đi khắp nơi, và cuối cùng về đóng ở vùng này, đêm đêm phá đồn, đột kích. Bây giờ, mỗi lần nhớ đến mẹ, tôi mới ân hận... nhưng chỉ ân hận âm thầm, chứ thực tình tôi không rõ hiện nay người lưu lạc ở đâu, còn sống hay đã chết.

Ly chăm chú nghe, nàng nói một câu cộc lốc :

— Anh không có cái cảm tình.

Tôi cười chua xót, và đặt tay lên vai Ly :

— Ly không thể hiểu được những cái phức tạp... những cái rắc rối... những cái nó làm mình rức đầu, của bao thanh niên như tôi. Ly ở núi rừng, sống một cuộc sống thuần dị với nương đồi, cha mẹ... làm sao Ly rõ hết những phiền toái của đời người, nhất là chế độ của chúng ta thay đổi mọi tình cảm đến tận cốt rể.

Ly nhìn tôi bằng đôi mắt ngơ ngác như một con nai vàng đứng bên bờ suối nhìn trăng. Tôi thấy mình vô lý khi nói những cái quá cao xa với một thiếu nữ ở nơi sơn lâm cùng cốc. Nhưng nói với Ly như thế, tôi đã nhẹ bớt đi những ầm ức từ bao lâu nay không thể thổ lộ cùng ai được.

Nét mặt tôi lúc ấy không biết buồn thảm đến thế nào mà Ly bảo :

— Trông anh như nhà có cái người chết. Anh ở lại đây mấy ngày cho vui. Em sẽ đưa anh đi tìm măng rừng, bắt thú và hái hoa nữa. Những bông hoa to và đẹp lắm...

Tôi thở dài :

— Tôi rất muốn, nhưng không được Ly ạ. Đồi tôi đã gần liền với bộ đội rồi. Tôi không thể bỏ bộ đội được. Bao giờ hết tiếng súng, tôi sẽ về thăm Ly.

Ly đắm chiều nhìn lên trời cao. Nền trời một đêm trăng thật rộng rãi và êm ả. Mấy giải mây trắng dang ngang ngọn núi đằng xa. Tôi không rõ Ly đang nghĩ ngợi gì, Tự nhiên tôi thấy thương Ly và yêu Ly. Tuy không tế nhị và tinh ranh bằng các cô gái ở tỉnh thành, nhưng Ly thành thật và hiền hậu. Nàng ngồi vô tư không nói năng. Bàn chân khua động dòng nước róc rách có lúc nghe như tiếng cười từ xa vọng lại. Bộ quần áo vải chàm làm nổi bật khuôn mặt trắng. Ly đẹp, một vẻ đẹp mộc mạc mà tôi vẫn thấy tả các thiếu nữ trong những tiểu thuyết đường rừng của Lan-Khai.

Tôi cầm tay Ly, hỏi nàng dồn dập :

— Ly, năm nay Ly bao nhiêu tuổi?

— Em 18, già không?

— 18 tuổi đã là già ư? Em còn trẻ và đẹp lắm Ly ạ.

— Không phải đâu, ở bản em, 15, 16 đã phải có chồng rồi. Mẹ em chết, em buồn không muốn lấy ai. Bố em mắng em chỉ khóc.

Tôi muốn vòng tay ôm Ly, nhưng lại thôi. Lúc ấy, tôi như người đứng trước đóa hoa rừng trinh trắng quá, ngại ngần không dám ngắt, sợ bàn tay thô bạo của mình làm phai lạt hương sắc của hoa đi. Tôi bảo :

— Tôi sẽ nhớ mãi em, Tsao-Ly ạ !

Tôi định nói : « Sau này tôi sẽ về cưới Ly, Ly có vững lòng chờ tôi không? » Nhưng câu đó nghe thật ngờ ngẩn, tôi nói khác :

— Bao giờ hết tiếng súng tôi sẽ về ăn cơm sắn của Ly.
Ly rười rượi :

— Thật không? Em cũng nhớ anh... nhớ tên cái anh, như nhớ trái núi này. Có phải tên anh là trái núi không?

Tôi cười ngắt vì Ly ngộ nghĩnh quá.

Rồi, chúng tôi chia tay nhau. Trong buổi sáng mờ sương ấy, tôi không nhìn rõ mặt Ly, nhưng nghe giọng nói của Ly, tôi biết nàng đã khóc. Lòng tôi nao nao theo sáu anh em bước vào con đường gồ ghề ngập đầy khí núi...

Trở về đơn vị được ít lâu, một hôm, không hiểu vì lý do gì, tôi bị chuyển đến một nơi khá xa, tại đây, tôi bị những người lạ mặt hạch hỏi và giam giữ. Họ khép tôi một tội mà tôi không hề biết : làm tiết lộ những bí mật quân sự khiến lần tấn công đồn X... bị thất bại. Và sau khi dùng áp lực bắt tôi phải thú tội, họ kết án tử hình.

Những ngày bị tù thật đau khổ. Sự oan ức của tôi không thể giải tỏ cùng ai được. Đến ngày thứ mười hai, tự nhiên tôi có ý định vượt ngục và trốn về Hà-Nội.

Có ý định liều lĩnh đó, tôi đã phải tự phần đầu ghê gớm lắm. Bao nhiêu dẫn vật, bao nhiêu âu lo... để đi đến một kết luận táo bạo : Phải cấp tốc lia bỏ vùng Cộng sản. Và tôi thi hành.

Việc vượt ngục chót lọt vì tôi đã phòng bị cẩn thận. Đêm đó, mưa như thác đổ, khi ra khỏi trại giam, tôi vội vã trèo núi băng rừng. Tôi đi hơn ba ngày không ngừng không nghỉ thì đến bản M.K. Người tôi lúc ấy vừa đói, vừa mệt. Vào đến nhà Tsao-Ly, Ly ngạc nhiên, nhưng không dấu được sự vui mừng. Tôi cho nàng biết hết cả, nàng lo lắng hỏi :

— Bây giờ làm thế nào hả anh ?

— Anh đang bị truy nã gắt lắm. Nghỉ hết đêm nay, ngày mai anh sẽ về thành.

— Anh về với Tây à ?

— Không, Ly yên tâm. Anh không phản bội nhân dân đâu. Anh về Hà-Nội là chỉ cốt tìm một con đường sống. Anh không thể ở lại được, dù ở với em, dù ở bản này. Anh là kẻ đang có tội chết. Không tiếp tục chiến đấu nữa, anh rất đau khổ... nhưng em có hiểu không ? Anh không muốn chết phí phạm, chết vì cái tội xấu xa anh không hề làm. Tại sao người ta lại ác độc đến thế hả Ly ? Anh muốn hy sinh trọn vẹn cuộc đời cho kháng chiến, nhưng người ta đã kiếm cơ loại trừ anh ra ngoài, vì...

Có tiếng người nói dưới chân đồi, tôi ngừng lại. Nhìn ra không thấy ai, tôi tiếp :

— Như thế là anh mất hết cả... Chỉ còn em...

Và nắm chặt tay nàng :

— Tsao-Ly, bây giờ anh nói thật. Anh yêu em... nghĩa là, anh và em, sau này, chúng ta sẽ là vợ chồng. Em bằng lòng không?

Ly thẹn thùng, cúi đầu :

— Sao là vợ chồng, cái anh còn bỏ đi ?

— Anh không bỏ em đâu. Tạm xa em ít lâu rồi anh sẽ về đón em ra Hà-Nội với anh. Hà-Nội đẹp lắm em ạ... Nhưng em đừng cho ai hay là anh trốn đi em nhé !

Nàng gật đầu.

Đêm đó, Ly thức canh chừng cho tôi ngủ. Tỉnh sương sáng hôm sau, nàng gọi tôi dậy và đưa tôi một bộ quần áo vải chàm cùng một mảnh giấy :

— Anh mặc vào, còn giấy này của bố em cấp cho cái anh. Bố em bảo cái anh cũng là người Thỏ như em rồi.

Tôi cảm động trước lòng tốt của ông Mé, của Ly, nhưng không đủ thì giờ để cảm ơn ông và nói thêm với nàng. Tôi vội vã bước xuống cầu thang, lưng túi trong bộ quần áo vải chàm mới nhuộm. Tsao-Ly đứng tựa vào cột tre tần ngần nhìn theo. Lòng tôi xao xuyến quá, và lần này khác với lần nhập ngũ, đối xử với mẹ, tôi đã dừng lại một phút nhìn Ly khóc. Đột nhiên, tôi chạy lên ôm chặt lấy Ly và hôn lên đôi môi trinh bạch của nàng. Ly bỏ ngõ trước cử chỉ lạ lùng đó. Nàng đề tay lên vạt áo tôi, và nhìn sang trái núi đang phủ đầy sương trắng :

— Em sẽ chờ anh bên trái núi này...



Đã hơn mười năm từ ngày tôi xa cách Tsao-Ly. Tôi đã bội lời ước hẹn với nàng, vì không thể về bản M.K. đón nàng được nữa.

Ngày hòa bình trở lại, tôi càng xa cách nàng hơn. Bộ quần áo màu chàm và mảnh giấy mang tên một người thanh niên Thỏ vẫn là những di vật kỷ niệm quý báu nhất đời tôi. Bây giờ, ở miền Tự Do, những đêm sáng trăng, thao thức không ngủ được, tôi thường giở ra xem, và thấy phảng phất như có mùi thơm mộc mạc của một đóa hoa rừng...

TUẤN HUY

NHẤT SƠN QUANG HÁN

Cô lái đò

Cây đa bến cũ con đò còn đưa,

Ca dao

*Chân trời đã phủ màn sương
Bóng ai thơ thẩn, chiều dương đợi đò?*

N. S. Q. H.

NĂM xưa chàng già quê hương

Cũng chiều thu, phủ màn sương qua đò

Dòng sông nước chảy lững lờ

Vài con sóng nhỏ vô bờ lại ra

Lưng trời cánh nhạn bay qua

Trên sông có lái giọng ca nhẹ nhàng

Mắt xanh đã đón bóng nàng

Lòng hoa đã ủ bóng chàng vào tim

Hẹn hò đời nối cánh chim

— « Thu sau trở lại anh tìm đò em »

Hoàng hôn giải kín một miền

Chàng đi, nàng lại đánh thuyền qua sông

★

Ấp ôm mộng một năm rong

Một chiều, chàng trở lại giòng sông xưa

Con đò, nàng vẫn đợi chờ

Mùa xây duyên đẹp bấy giờ là đây

Vui mừng tay lại cầm tay

Giã đò, giã bến hẹn ngày đi xa

Con đò năm tháng trôi qua

Sóng buồn thiếu hẳn lời ca có nàng

Chiều lam rồi lại chiều vàng

Nước lờ lững chảy, mây bàng hoàng trôi

Bến xưa thiếu bóng nàng rồi

Đêm buồn cổ độ, trăng ngời trơ trơ.

★

Từ theo chàng tới kinh đô

Đất phồn hoa, khách giang hồ dừng chân

Người đời như lũ thiêu thân

Anh đèn như bề trầm luân giạt dào
Sóng kiêu sa cuốn chàng vào
Những lời ước hẹn đêm nào đã quên
Sá chi có gái chờ thuyền
Chàng vui điệu nhạc, cung kèn dạ hoan
Bỏ nàng trong kiếp lang thang
Tủi thân cô độc, bề bàng tuổi xanh
Đêm đêm thức trắng tàn canh
Sầu riêng lạc giữa kinh thành xa hoa



Đành thôi gạt lệ chan hòa
Một thân trở lại quê nhà, bến xưa
Đò xưa, mẹ vẫn còn chờ
Sông xưa nước vẫn lững lờ đợi ai
Con tim đã héo khô rồi
Nàng vui sống lại cuộc đời trên sông
Bến đò khách vẫn qua đông
Lại vang tiếng hát trên giòng sông yêu
Gió đàn, theo nhịp sóng reo
Gác sầu duyên phận, vui chèo lái xưa
Trăng vàng đợi ánh say sưa
Bến Tầm Dương cũ bây giờ còn đây...



Mảng vui trăng nước trời mây
Duyên xưa gác lại, chua cay bớt dần
Một chiều có khách dừng chân
Trên mũi nàng đứng tần ngần ngắm sang
Tiếng kêu quen thuộc gọi nàng
Bóng ai ? ở lại bóng chàng về đây
Lửa sầu đã ngấm lâu ngày
Thấy người khinh bạc chua cay lại bùng
Đầy chèo muốn vượt qua sông
Lại thôi cầm lại, nàng không chớ đò
Còn thuyền xưa, còn bến xưa
Còn người xưa lại, ta giờ nghĩ sao
Sóng lòng từng đợt giạt dào
Tình thương chợt hiện, thay vào tình yêu
Nhẹ run, tay nắm bờ chèo
Khoan thai giọt lệ tuôn theo từng hàng



Con đò đã chở sang ngang
Trong khoang đầy ánh trăng vàng lung linh.

DIỆU MAI

Ngũ đại dương

Quả địa cầu ta ở gần phần lớn là nước, và đây lục địa mà ta gọi là năm châu chỉ là những cồn đất nhỏ lên giữa bao la của mặt biển. Biển quyết định sự sinh hoạt của địa cầu cũng như chất plasma quyết định sự sống và phát triển trong một tế bào. Nhưng trái lại ở lòng biển cũng chắt chứa bao nhiêu cái dọa nạt do sự thịnh nộ căm hờn của vũ trụ mà ra. Những thiên tai chưa từng thấy vừa xảy ra tại Chi-lì; những trận bão lớn quét sạch hàng nghìn cây số bờ biển Phú tang; trận động đất kinh khủng ở Agadir đều nguyên do ở biển. Các nhà bác học cả quyết rằng quả địa cầu ta bị rạn nứt 17.000 cây số chạy ngầm dưới đáy biển. Biển là gì? Biển đã khi nào tiết lộ những bí mật của mình để cho con người rung động trước mạch sống mãnh liệt từ biển phát ra, và đồng thời cũng run sợ trước nguồn chết bất ngờ cũng do biển mà đến?

CON người đầu thông minh đến đâu cũng không tài nào chế ngự, hay biến đổi các ngũ đại dương như đã khuất phục và xử dụng dải lục địa. Trong đời sống nhộn nhịp của đô thị, ta không còn bình tĩnh để nghĩ đến cái thể chất và thiên lịch sử nghìn chương của quả địa cầu, mà nhân loại chỉ mới đến chiếm cứ chưa đầy trong khoảnh khắc.

Điều chân thật ấy biểu hiện cách cụ thể khi nào ta có dịp du lịch một lần bằng đường biển. Ngày nọ đến ngày kia, ta thấy chân trời cứ lùi xa mãi, và trước mắt, rải ra mênh mông cánh đồng xao động của nước biếc và sóng cồn. Cứ mỗi lần ta thấy các vùng sao thi nhau chen lặn dưới chân trời, ta nhận định cách thực thể cái hình tròn của quả đất, và cảm thấy

V. H. 4

sự hiu quạnh và bé bỏng mình ta giữa cảnh bao la trời xanh nước biếc. Khi ấy ta mới nhận định rằng quả địa cầu ta gồm phần chính là nước — điều mà khi trên đất ta không khi nào nghĩ tới — và giải lục địa chỉ là những cồn đất nhỏ nhỏ lên ở giữa mặt bể muôn trùng.

Vàng, bề bao bọc ta tứ bề. Việc giao thông thương mại giữa các nước cũng phải vượt bể hay ít nữa ven bờ. Những đợt gió mát, ta thở giữa lúc đêm thanh cũng nổi lên từ bể cả và không ngớt cuốn về bể. Giải lục địa dưới sức đào bồi của thời gian cũng dần dần tan rã, và trở lại chông chênh từng hạt dưới đáy bể. Những trận mưa rào do bể gây nên ở lục địa cũng được bù trả lại do những dòng sông vô tận lừ đừ hay cuộn cuộn chạy về bể. Quá khứ bí mật của bể cũng bao trùm hết thiên lịch sử mơ hồ về các sự sống lúc sơ thủy, và cũng chính nó thu lại từng mảnh các di vật tán loạn của các sinh vật ấy.

Và chung qui lại, mọi sự đều trở về bể, cũng như giòng nước thời gian vô tận vừa là khởi thủy vừa là chung kết của mọi loài.

ĐÊM MỜ VÔ TẬN

BIỂN chiếm hết 3/4 quả địa cầu. Trừ một ít nơi nông cạn, phần nhiều biển rất sâu. Từ mặt bể được gọi ánh mặt trời, cho đến đáy tối đen như đêm trường, có chỗ tính đến chục cây số. Sự khôn ngoan và tinh xảo của loài người chưa thể nào khám phá được những kho tàng bí mật tích trữ ở đáy biển. Mặc chiếc áo lặn, người ta chỉ xuống được 150 thước. Năm 1934, *William Beebe* và *Otis Barton* phát minh ra một chiếc máy lặn sâu 920 thước gần đảo Bermudes. Đến 1949, *Otis Barton* một mình trong một quả cầu thiết giáp do ông chế ra, mới xuống được có 1.370 thước, ở ngoài khơi *Californie*.

Hễ ta xuống sâu chừng nào ánh sáng mặt trời càng yếu dần chừng ấy. Khi xuống 60 hoặc 90 thước, các tia xích ngoại của ánh mặt trời biến mất, và hơi nóng cũng nguội theo nốt; chỉ còn một màu xanh đậm khi xuống sâu 300 thước. Ở những nơi nước thật trong, các tia tử ngoại còn có thể chiếu xuống 300 thước, có khi xa hơn. Nhưng cách chung ngoài 300 thước chỉ là đêm tối mù mịt.

Các sinh vật sống trong cảnh đêm mờ vô tận ấy không thể nào tìm được nơi trú ẩn để tránh kẻ nghịch luôn luôn có mặt. Vì không có thứ rêu rong nào có thể mọc dưới 200 thước (vì cây cần ánh sáng mặt trời), nên loài cá ở dưới ấy cứ chỉ chực nuốt nhau không ngớt. Ta có thể tin được rằng ở nơi ấy, loài vật đối với nhau rất tàn nhẫn, khi thấy hàm răng thép của những con cá bé mình rỗng miệng rộng, hình thun được như cao su để có thể nuốt sống những cá khá lớn bằng mấy nó.

Lại có rất nhiều loại cá mang trên mình những ngọn đèn pha có thể tắt và sáng tự ý, có lẽ dùng để khám phá và rượt theo mồi. Có thứ khác có những chấm sáng rải rác trên mình. Ở dưới sâu còn một thứ cá có tài phun ra một chất sáng như lân tinh để soi đường phòng khi gặp kẻ nghịch phun ra chất mực đen để chặn đường.

Những thứ cá ở gần mặt nước, chẳng hạn như cá mòi, cá nục, mình chúng màu xanh đậm. Ở dưới sâu, có nhiều thứ cá nhỏ không màu và trong như gương, tạo hóa ban cho chúng một cách phòng thủ thụ động để tránh khỏi hàm răng độc ác của cá lớn. Nhưng đến 300 thước, không hiểu bởi đâu có

PHẢI CHĂNG BIỂN CÒN YÊU

PHẢI chàng biển còn yêu lục địa
Nên cứ dang ngàn vạn cánh tay
Phải chăng vùng dương còn yêu biển.
Nên cứ tuân một thác ngày.

Phải chăng mặt nguyệt còn yêu đèn
Nên gác chênh chênh làm vệ sỹ
Phải chăng thuyền còn yêu thi sỹ
Nên giăng buồm trắng ngoài khơi mây.

Phải chăng mây còn yêu buổi chiều
Nên đẹp vô cùng ngoài vũ trụ
Phải chăng em còn yêu tình tú
Nên làm rạng rỡ bởi Tình yêu.

TRỤ VŨ

nhiều thứ cá có màu sáng chói như bạc, màu đỏ, màu nâu hay màu đen. Xuống đến 500 thước, các sinh vật hoàn toàn màu đen, màu nâu hoặc tím đậm. Nhưng có vài giống tôm lại mặc những chiếc giáp đỏ rực, hoặc tím ngất. Tại sao thế? Chưa ai có thể mang lại một câu trả lời xác đáng.

Đời xưa, người ta tưởng ở dưới sâu không vật nào có thể

sống được, vì không có ánh mặt trời và áp lực của nước quá nặng. Nhưng hiện nay, những cuộc khám nghiệm tối tân làm cho ta biết chắc rằng ở dưới vực thẳm ấy vẫn còn rất nhiều vật sống. Nhà thám hiểm hải dương học William Beebe đã quan sát ở đây có rất nhiều đoàn cá quần tụ rất đông chưa khi nào thấy. Đến 920 thước, giới hạn cuối cùng quả cầu thiết giáp có thể lặn xuống, ông ta quả quyết đã thấy vô số phù du nước (Plancton) đang đùa rồn ở giữa những tia sáng do chúng nhả ra.

Mới xem qua, ta cho rằng những sinh vật mỏng mảnh như sứa, rong biển mà có thể chịu cái áp lực muôn cân ở dưới sâu là một điều khó tin. Vì chính ở mặt nước áp lực của bầu không khí tính mỗi phân vuông là 1 kilô 05. Khi ta lặn xuống nước từ 10 thước là áp lực đè thêm 1 kilô 05. Một người mặc chiếc áo lặn chỉ có thể chịu đựng đến lúc áp lực tăng lên 3kg150 mỗi phân vuông thôi. Nhưng trái lại, đối với những vật quen sống ở dưới sâu, tạo hóa ban cho chúng một áp lực bên trong mạnh bằng áp lực bên ngoài, hai áp lực chọi nhau thành vật sống không cảm thấy gì cả. Cái vấn đề áp lực ở vực sâu cũng được giải quyết giống hệt như vấn đề áp lực của những sinh vật sống trên mặt đất. Ta không mang trên vai một khối không khí nặng 10 tấn sao? — Đây là nói về hạng cá chỉ sống luôn trong một khoảng sâu, không đi quá tầm độ ấy.

Điều lạ lùng nhất và khó hiểu nhất trong cái thế giới bí mật của đời sống dưới bề, là có những con vật như thú tôm he đồng thời có nhiều năng lực để thích nghi theo nhiều áp lực. Không cần những quả cầu thiết giáp phiền phức như ta, chúng có thể từ trên cao lặn một hơi xuống đến mấy trăm thước bề sâu, và từ vực sâu lên thẳng gấp trên mặt nước mà không bị rầy rà gì trong chiếc thân hình bé nhỏ của chúng. Người ta cũng không hiểu bởi đâu thú cá voi cũng như cá hải cầu (Phoque) có thể lặn xuống sâu đến hàng trăm sải. Theo những người chuyên môn săn cá voi thì thú cá này mỗi khi bị dọc đâm vào thịt có thể lặn xuống sâu đến 800 thước, và nổi lên mặt nước cách vô sự như không phải gì hết.

Trái lại, giống cá có bong bóng, chúng thành linh bị đời áp lực thường rất nặng và bị tổn thương rất nặng trong cơ thể.

Có khi rượt mỗi chúng rủ lặn xuống quá quãng áp lực chúng đã quen, và không thể xuống hơn được nữa. Quen bị áp lực nhẹ ở quãng gần mặt nước, bầu khí đựng trong chiếc bong bóng nở ra. Con cá trở nên nhẹ hơn và nổi hơn. Nếu cá không thể kháng cự lại cái sức kéo rút nó lên, nó bị « rơi » tử thương trên mặt nước, vì sự thay đổi thành linh của áp lực đã làm cho các bộ phận nó phải bị căng giãn ra quá độ.

NHỮNG DÂY NÚI NGẦM

NGÀY nay nhờ âm thanh học, người ta đã vẽ mặt địa đồ địa thể dưới bề rõ ràng hơn lúc xưa, nhưng trước khi có thể đi đến chỗ hoàn toàn và tỉ mỉ, có lẽ phải còn dùng một thời gian khá lâu nữa. Nhưng mặc dầu hình thể đại cương của đáy biển cũng đã khá chắc chắn và đủ dùng.

Các nhà đại dương học chia địa thể của biển ra làm 3 phần : phần đế chống đỡ lục địa, phần bờ dốc tiếp theo phần đế ; và phần đáy biển. Địa thể của phần đế cũng tương tự như địa thể của mặt đất nhô ra khỏi nước. Ánh sáng soi khắp phần ấy, trừ ra những nơi quá sâu, ở đấy có những loại rong biển mọc ở các mỏm đá. Từng đàn cá bơi lội trên các đồng bằng như những bầy súc vật. Cũng có các thung lũng và những quả đồi bị băng giá đục khoét giống các cảnh núi ở các xứ lạnh. Các nhà địa học phỏng đoán rằng phần « đế » này lúc xưa chính là đất nổi, nhưng đã bị lồm xuống. Phần đế này bắt đầu triềng ra như một cái đồng bằng hơi nghiêng dần xuống ; rồi đến một nơi kia tự nhiên sụp xuống rất sâu. Giải đồng bằng ấy bề ngang không chừng. Ở bờ biển Thái-Bình-Dương, nó chỉ rộng trung bình 32 cây số ; nhưng ở bờ biển phía Đông bắc Châu Mỹ nó lại triềng ra đến 240 cây số.

Phần bờ dốc chính là nơi bề bắt đầu cách chính thức. Bề sâu trung bình đến 4.000 thước, nhưng cũng có nơi sâu gần 10.000 thước. Địa thể phần này rất hùng vĩ với những hốc núi rất hiểm hóc những thung lũng, và những đỉnh núi rất đồ sộ. Ta không thể nào biết ai đã chạm trở những nơi này và chạm trở bằng cách nào, Trong những vấn đề bàn cãi về đại dương học, các nhà bác học rất ít đồng ý nhau nhất về vấn đề gốc tích địa thể của bề.

Trái hẳn lại, như ta thường nghĩ, các hố sâu nhất nằm gần lục địa chứ không phải chính ở giữa đáy bể. Vậy cái hố sâu nhất thế giới là hố Mindanao, ở phía đông quần đảo Phi-Luật-Tân sâu đến 10.450 thước. Ở phía đông Nhật-Bản cũng có một hố gọi là *Tuscarora* sâu xấp xỉ bằng hố *Mindanao*.

Ở đáy bể cũng có những dãy núi tràng sơn như trên mặt đất. Dãy núi dài nhất giữa bể Đại Tây Dương dài 16.000 cây số, bắt đầu từ đảo *Islande* và chạy dọc xuống phía nam, chia Đại Tây Dương ra làm hai phần bằng nhau. Lâu lâu, một chóp núi nhô lên trên mặt nước. Mỏm cao nhất là đảo Pico (trong quần đảo Açores). Tổng cộng từ đáy bể lên đến 9.000 thước, nhưng chỉ có 2.500 thước nhô ra khỏi mặt nước. Mặc dầu phần lớn của dãy núi bị che lấp dưới nước, ta cũng có thể biết chắc rằng ở những mỏm núi ngấm dốc đứng ấy không có thứ thảo mộc nào có thể mọc được. Cũng như trên mặt đất có nhiều vùng không có một mống cây nào có thể sống, ở bể cũng thế, dưới một áp lực của nước không có thứ cây cối rong rêu nào chịu nổi.

Đáy biển do những hòn đất ở lục địa rơi xuống và phủ dần từ nghìn xưa. Lớp đất ấy gồm có bùn lầy ở sông ngòi đổ xuống, những hạt bụi do hỏa diệm sơn phun ra, có khi đã chu du hai ba vòng quả đất rồi mới đọng lại; thêm vào cát ở những sa mạc ven bờ bể do gió đánh bật và rơi giữa bể; những hạt sỏi, những vỏ hàu, hay những vụn thạch tự các tinh tú rơi tòm xuống nước. Nhưng phần tử nhiều nhất chính là chất vôi đá do ứ ứ triệu triệu con vật tí hon lắng xuống mãi.

Những tầng đất chính là pho lịch sử của quả đất. Khi nào khoa học có thể khảo cứu được những tầng đất ấy, ta mới hy vọng đọc ở đấy thời quá khứ của quả đất. Đến bây giờ khoa địa tầng học chỉ mới lật mấy trang đầu tiên của cuốn lịch sử ấy thôi. Nhưng ngày ngày những hạt đất cứ dần dần rơi như những cánh tuyết vào lòng bể, như tự thuật thiên lịch sử mình cho thế hệ về sau. Trong 10.000 năm nữa ai sẽ đóng cuốn nhật ký ấy?

NHỮNG CON SÔNG GIỮA BIỂN

NƯỚC biển không đọng lại như nước trong một chiếc hồ lớn. Nước biển rất hoạt động nhờ những giòng nước

lưu động như những con sông lớn chảy giữa bề. Các giòng nước ấy là một bí tượng kỳ quan nhất trong vũ trụ. Các luồng gió mậu dịch ở vùng nhiệt đới thổi xuống từ phía đông bắc và đông nam cuốn các giòng nước chạy chung quanh quả đất. Quả đất hồi chuyển (rotation) cũng là một nguyên nhân của các dòng nước. Quả đất tự quay chung quanh mình làm cho chiều nước xiên lệch, ở bắc bán cầu chúng bị lệch bên mặt và ở nam bán cầu lại lệch bên trái.

Giòng Gulf Stream, phát nguyên tại vùng bắc nhiệt đới bắt đầu từ Phi-Châu và chảy sang phía tây. Đến eo biển Panama, nó liền ngược lên phía bắc dọc theo bờ bề Đại Tây dương, và từ Yucatan nó bành trướng ra rất rộng. Thật là một con sông lớn ở giữa bề, bề ngang 150 cây số, và sâu 1.600 thước. Giòng Gulf Stream chảy 5 cây số một giờ và lưu lượng 100 ức triệu tấn nước một giờ gấp mấy trăm lần sông Mississippi ở Nam Mỹ. Sông Amazone chỉ bằng 1/20. Đến bây giờ đoàn thương thuyền hàng hải với những bộ máy ưu hạng chạy bằng mazout vẫn còn kinh sợ nó như một hải thần. Bất cứ một thủy thủ nào cũng có thể kể cho bạn nghe sự uy nghi và đáng kính của giải nước xanh biếc ấy. Tốc lực của giòng Gulf Stream không như nhau. Ở giữa nước chảy 5 cây số một giờ, nhưng hai bên, tốc lực giảm lại.

Ở bờ bề Á-Châu, có giòng Kouro-Sivo cũng có những công dụng tương đương như giòng Gulf Stream. Người ta không biết tự vì đâu ở những nơi nóng, giòng nước này pha lẫn với giòng nước lạnh để làm cho khí hậu nơi ấy được điều hòa hơn.

Giòng Humboldt chảy dọc theo bờ bề Đại Tây dương của Nam Mỹ – Giòng nước này lạnh như ở Nam Băng Dương.

Ở gần đảo Galapagos các giòng nước nói trên tụ họp lại với nhau. Cuộc gặp gỡ của các giòng nước các nơi tụ lại làm bắn bọt lên trắng xóa và rít lên những tiếng rùng rợn như tiếng gầm thét giận dữ của hải thần. Nơi mà những bầy cá từ đáy sâu bị bắn phọt lên, và nuốt sống nhau kịch liệt. Có khi chúng bị đánh bật vào gần bờ cho dân chài lưới được hưởng những bữa cá no nê.

THỦY TRIỀU

THỦY triều là những sức mạnh vô cùng mãnh liệt và ảnh hưởng rất nhiều trên bộ. Những khối nước do thủy triều luân chuyển vĩ đại không thể tả được. Trong một cái vịnh nhỏ mỗi ngày hai bận, thủy triều kéo lại hàng ức triệu tấn nước. Thí dụ vịnh Fundy, mỗi ngày chứa thêm 100 ức triệu tấn. Mãnh lực phát minh của loài người xem như trò trẻ con trước hiện tượng thủy triều. Loài người không thể nào bày ra cách gì có thể chế ngự hay điều khiển được nước thủy triều. Ở Nữ-Ước, những chiếc tàu buôn lớn muốn cập bến phải đợi lúc nước rút, bằng không lúc nước rầm rộ kéo lên, tàu có thể bị đập mạnh vào thành bến và tan vỡ.

Thủy triều do hấp lực của mặt trăng và mặt trời mà sinh ra. Mỗi tháng hai kỳ, khi mặt trăng chỉ còn là một vệt mỏng bằng bạc lơ lửng trên trời và bận khác nhằm ngày rằm âm lịch, thủy triều dâng lên to nhất, ta gọi là kỳ nước lớn. Hai kỳ ấy, mặt trời, mặt trăng và quả đất sắp thành hàng thẳng, và bởi thế sức hấp dẫn bị tăng gấp bội. Cũng một tháng hai kỳ, lúc mặt trăng lên thượng huyền hay xuống hạ huyền, (khi ấy mặt trời, mặt trăng, và quả đất sắp thành hình tam giác), hai sức hấp dẫn chọi nhau, và vì thế nước thủy triều không mạnh, ta gọi là nước hạ.

Dòng thủy triều to nhất thế giới ở vịnh Fundy; nước lớn cao đến 15 thước. Còn ở nhiều nơi khác khắp mặt địa cầu, từ lúc nước hạ cho đến nước lớn người ta tính cách nhau không dưới 9 thước: như ở Puerto Gallegos, tại Á-Căn-Đinh, và ở vũng Saint-malo bên Pháp. Có những nơi khác, như ở Tahiti, kỳ nước lớn thủy triều chỉ dựng lên có 30 phân tây trên mực thường, ở phía đông kênh Panama, chỉ khác nhau có 6 tấc, nhưng ở phía bên Thái-Bình-Dương, nước lớn đến 3 thước 6 cho đến 4 thước 80.

Theo các nhà vũ trụ học, nước thủy triều rất mãnh liệt lúc quả địa cầu ta còn sơ khai, và lúc ấy mặt trăng gần quả đất hơn ngày nay. Trong những thời kỳ ấy, mỗi lần nước dựng lên là cả một thiên tai ghê gớm, không có một vật nào sống sót trên bờ bề.

Nhưng trong khoảng ít triệu năm nay, đường quỹ đạo

của mặt trăng lùi ra xa hơn. Và sự cọ sát của nước thủy triều làm cho sự hồi chuyển cứ lâu dần mãi. Người ta phỏng đoán rằng quả đất ngày xưa chỉ dùng có 4 giờ để quay hết một vòng đêm ngày. Một ngày bảy giờ sánh với một ngày đời *Babylon* (Ai-Cập) có một vài giây dài hơn.

Một trong những hiện tượng quan hệ do thủy triều sinh ra là sóng cồn. Sóng cồn nổi ở cửa sông vì hai giòng nước lèn xuống gặp nhau, và thành một cuộc đối chọi. Cuối cùng nước bề thế nào cũng thắng và chảy ủa trên mọi trở lực. Cửa bề càng hẹp thì sóng cồn càng mạnh, ở cửa sông *Amazon* bên Nam Mỹ, mỗi lần thủy triều dâng lên, ta thấy đến 5 đợt sóng cồn tiếp tục theo nhau hùng mạnh như 5 đạo binh sắp hàng tiến tới.

Các tàu bè đi lại trên sông Dương-Tử đều kinh sợ những đợt sóng cuốn nguy hiểm nhất hoàn cầu ấy. Suốt một phần lớn trong năm, những đợt sóng cồn chạy ngược lên sông, cao từ 2 thước 40 đến 3 thước 30 và theo một tốc lực 22 đến 25 cây số. Có những ngọn cao đến 8 thước.

Hàng ức triệu giống vật bất động như sò, hến, ốc sỏ dĩ sống được cũng nhờ giòng nước thủy triều luân chuyển mang lại các thức ăn.

Có nhiều giống khác sinh sản cũng theo tiết điệu điều hòa của vùng trăng và giòng nước thủy triều. Tại miền biển Bắc-Phi có một giống nhum nhái định dợt đến trăng rằm mới đẻ trứng. Lại ở những vùng nhiệt đới, có những giống bọ biển theo đúng cuốn lịch hải triều, đến nổi chỉ cần quan sát chúng thì có thể biết tháng, ngày và giờ nữa.

Không có giống vật nào ở bề mà thích nghi hoàn toàn theo nước thủy triều bằng một thứ cá gọi là *Leuresthes Tenuis*, mình bóng nhoáng, lớn bằng bàn tay cứ ít ngày sau trăng rằm, từ tháng ba đến

**TRUNG BÌNH MỘT THƯỚC KHỐI
NƯỚC BỀ CHỨA**

<i>Chlore.</i>		19 kg.
<i>Sodium</i>		10,6 kg.
<i>Ion Sulfate.</i>		2,6 kg.
<i>Magnesium.</i>		1,3 kg.
<i>Calcium</i>		0,4 kg.
<i>Potassium</i>		0,4 kg.
<i>Ion bicarbonate.</i>		140 gr.
<i>Brome.</i>		65 gr.

tháng tám, nó theo đợt sóng nhào vào bờ khi thủy triều kéo xuống. Sóng đưa chúng vào bờ, đặt nằm trên cát một lát, và thừa dịp đợt sóng tiếp đến, nó lui lại về bề. Trong khoảnh khắc ngắn ngủi ở giữa hai đợt sóng, nó để lại trên bờ cát ưôt một buồng trứng. Rồi những đợt sóng tiếp theo sau cũng chẳng kéo chúng đi. Và một ít lâu khi trăng rằm, mỗi lần nước đọng lại phỏ hơn lần trước một ít. Buồng trứng được nằm yên trong vòng hai tuần lễ, và có thì giờ biến đổi trên bãi cát ẩm và thấm nước. Tháng sau, khi nước lớn lại với trăng tròn, bấy cá con vừa mới nở, đợi đợt sóng nhào lên, chúng được kéo tuột về bề.

<i>Acide borique</i>		26 gr.
<i>Strontium</i>		13 gr.
<i>Fluor</i>		1, 4 gr.
<i>Ion nitrale</i>		dưới 0, 7 gr.
<i>Rubidium</i>		từ 0,1 đến 0, 4 gr.
<i>Aluminium</i>		dưới 0, 4 gr.
<i>Silicium</i>		dưới 0, 4 gr.
<i>Lithium</i>		0, 1 gr.
<i>Baryum</i>		từ 30 đến 90 mg.
<i>Iode</i>		50 mg.
<i>Phosphate</i>		dưới 50 mg.
<i>Fer</i>		dưới 50 mg.
<i>Zinc</i>		từ 1 đến 12 mg.
<i>Cuivre</i>		từ 4 đến 11 mg.
<i>Manganèse</i>		từ 1 đến 10 mg.
<i>Etain</i>		từ 4 đến 6 mg.
<i>Vanadium</i>		từ 2 đến 4 mg.
<i>Arsenic</i>		từ 2 đến 3 mg.
<i>Uranium</i>		2 mg.

1 mgr hay ít hơn :

<i>Argent</i>	<i>Molybdène</i>
<i>Bismuth</i>	<i>Nickel</i>
<i>Cadmium</i>	<i>Or</i>
<i>Cérium</i>	<i>Plomb</i>
<i>Chrome</i>	<i>Sélénium</i>
<i>Cobalt</i>	<i>Tungstène</i>

(*Science et Vie*)

BỀ VÀ KHÍ HẬU

KHÔNG có bề, khí hậu của quả đất sẽ có những thái cực ta không chịu được : khi nóng quá độ, khi rét quá độ. Bề choáng hết 3/4 diện tích của địa cầu và nước bề tích trữ hơi ẩm của mặt trời.

Nhờ các giòng nước luân chuyển, hơi ẩm và nơi mát được phân phát khắp miền. Ta có thể theo dõi con đường của một luồng nước luân chuyển trong vòng một năm rưỡi trời trên 11.200 cây số. Nhờ vậy bề phân phát điều hòa hơi ẩm của mặt trời khắp các miền trên quả đất. Thí dụ bề len lỏi vào xa các hóc hẻm của địa thế Châu-Âu. Vì thế, mỗi lần tích lượng của giòng *Gulf Stream* thay đổi một ít, thì khí hậu toàn cả Âu-Châu đều bị thay đổi.

Có lẽ sau này, khoa tiên đoán khí hậu sẽ dựa một phần lớn ở sự quan sát khí hậu ở bề Đại-Tây-Dương. Người ta thường ví bề Đại-Tây-Dương như một « thùng nước tắm có một vòi nước nóng và hai vòi nước lạnh ». Vòi nước nóng là giòng *Gulf-Stream*, hai vòi nước lạnh là giòng nước chảy từ phía đông đảo Groenland và giòng Labrador. Hai giòng lạnh chỉ đổi tích lượng và giòng nóng *Gulf Stream* thì đổi cả tích lượng và hơi nóng. Ba giòng hợp lại thành khí hậu mặt bề Thái-Bình-Dương. Mỗi lần nước ở mặt bề thêm nhiệt độ, là tuyết chảy sớm ở các đồng phía tây bắc Châu-Âu, và nhà nông có thể khởi sự công việc cày cấy mùa xuân, và năm ấy sẽ được mùa.

Như vậy, bề nhất định hằng ngày, hằng mùa khí hậu của quả đất. Bề có thể nhất định đến cả các cuộc thay đổi lớn trên mặt đất qua các thời đại chẳng? *Otto Peterson*, nhà chuyên môn trừ danh khảo cứu về bề, đã từng nêu ra một giả thuyết rất mới, và quả quyết có thể được.

Ông ta nói rằng: khí hậu khi ấm khi lạnh tùy theo tiết điệu của thủy triều. 18 thế kỷ một bận mặt trời và mặt trăng nằm một vị trí có thể hấp dẫn nước bề nhiều hơn hết. Bận cuối cùng ở vào quãng năm 1433, nước thủy triều dâng lên cao nhất, và phần nhiều mấy thế kỷ « nước lớn » trước và sau bận ấy đều có xảy ra nhiều đại biến còn ghi trong lịch sử.

Giá băng choáng một phần lớn phía bắc bề Đại-Tây-Dương. Bờ bề Bắc-Hải và Baltique bị nhiều trận lụt lớn và mùa đông rét quá độ. Theo các hồ sơ xưa tìm được ở đảo Ái-Nhĩ-Lan, vào quãng các mùa đông đầu tiên của thế kỷ thứ 14, có rất nhiều bầy sói đói di cư từ Na-Uy cho đến Đan-Mạch trên nước đá. Bề Baltique bị đóng lại. Vùng Nam Âu-Châu bị những trận bão lớn tàn phá, mất mùa, đói rét...

Trái lại mấy thế kỷ trước, và sau 1400, nước thủy triều

không cao mấy (năm 550 và năm 2400) và khí hậu lại ôn hòa. Giá tuyết, ít có ở các miền bắc Âu-châu. Người ta bảo rằng hồi ấy ở đảo *Groenland* có nhiều thứ cây có quả và có các đồng cỏ để nuôi súc vật. Ở Na-Uy các nhà khảo cổ tìm ở đất những vết tích có thể chứng minh rằng thời trước khí hậu ôn hòa hơn thời nay.

Nhưng khí hậu dễ chịu ấy bắt đầu thay đổi từ thế kỷ thứ 13, và bắt đầu thế kỷ 14, có những thái cực đã mang lại cho Âu-Châu nhiều tai họa, và khiến cho các dân tộc ở *Groenland* phải tản cư hay mất tích.

Dựa trên các hồ sơ xưa trải qua các thời đại, *Petterson* quả quyết rằng các cuộc biến thiên của khí hậu là do các đợt sóng ngầm chuyển động các bề chung quanh đỉnh bắc của địa cầu. Trong các thế kỷ mà thủy triều dâng lớn, rất nhiều nước nóng chảy cuộn cuộn lên Bắc Băng dương và di xa vào dưới các khối nước đá. Hàng triệu cây số vuông nước đá ấy bị tan rã và chảy ra. Những khối nước đá lớn bằng quả núi rong về phía nam, qua bề Đại-Tây-Dương. Thế là các giòng nước trên mặt bề bị thay đổi, rất liên hệ đến gió mưa và khí hậu trên không trung. Các khối nước đá gặp giòng S. St ở phía nam *Terre Neuve* (Tân đảo) và hướng về phía khác không cho lại gần đảo *Groenland*, *Islande*...

Mặc dầu các cuộc biến đổi về khí hậu chỉ xảy ra 18 thế kỷ một, theo *Petterson*, nhưng cũng có những thời kỳ luân chuyển khác đều đều theo tiết điệu 9 năm, 18 năm, 36 năm... Trong các thời kỳ ấy cũng có nước lớn, cũng có thay đổi khí hậu, nhưng ngắn hơn và dễ chịu hơn.

Thí dụ năm 1903, theo thiên văn học, vị trí mặt trăng mặt trời gây nên sức hấp dẫn khá mạnh trên quả đất. Kết quả : suốt năm ấy cả một đạo binh núi giá trên bắc cực tràn về Nam. Các đàn cá mòi, cá thu, ngừ rơi bỏ các miền duyên hải Na-Uy, Thụy-Điền. Bề *Barentz* tràn ngập cả nước đá dần dần dính liền lại với nhau. Năm 1912, mặt trăng mặt trời và quả đất lại trùng phùng như thế : Năm ấy chiếc *Titanic* của Anh bị nước đá đánh vỡ làm hai.

Thế hệ của chúng ta đang ở vào một cuộc biến chuyển khí hậu, càng ngày càng rõ rệt. Ta có thể dùng thuyết của *Petterson* để cắt nghĩa được. Đầu năm 1000, ta nhận thấy ít nhiều

thay đổi ở vùng Bắc cực. Đến 1930, càng thấy rõ hơn và bây giờ sự thay đổi ấy tràn dần xuống các vùng ôn đới. Nghĩa là vùng bắc cực đang ấm lại. Năm 1940 tàu bè đi lại quanh năm ven bờ biển Tây-Âu và tất cả bờ biển Á-Châu, vì không có nước đá. Giữa quãng 1940-50, các tàu chở than đá có thể ra vào cửa biển Spitzberg luôn trong bảy tháng. Đầu thế kỷ, mỗi năm chỉ chuyên chở được ba tháng. Từ 1924 đến 1944, ở vùng Bắc-băng-dương, thuộc về hải phận Nga, nước đá nhường chỗ cho một triệu cây số vuông nước bề.

Có nhiều thứ chim lạ chưa từng thấy di cư đến các vùng gần bắc cực như ở Groenland, chim yến đá, chim khướu, chim sáo. Ở đảo Ái-Nhĩ-Lan, người ta thấy chim sơn ca, chim sáo, đến nay chưa ai từng thấy.

Năm 1912, khi đàn cá mòi đến lần đầu tiên ở đảo Groenland, người Esquimaux và Đan-Mạch cho là một thứ cá lạ. Năm 1930, cá mòi thành thực phẩm cần thiết, và dầu cá dùng để đốt đèn nghề đánh cá mòi trở thành rất thịnh ở Ái-Nhĩ-Lan, và mỗi năm, dân chài lưới đánh được một triệu tấn.

Khí hậu mùa ấm các vùng Bắc cực và gần Bắc cực hình như kéo dài hơn, và cây cối được đâm chồi nảy lộc. Mùa màng cũng được kết quả tốt hơn. Ở Na-Uy, tỷ lệ các năm được mùa nhiều hơn các năm mất mùa.

DIỆU MAI

BÁNH xe ít dầu mỡ là thứ bánh xe khua to hơn cả. Người thiếu lòng nhân từ và thiếu nhãn nhin là người hay than vãn nhiều nhất.

St. F. DE SALES

THÁI VĂN

Gấp rút

Xèo xèo bánh xe lăn trên đường nhựa,
Ngõng ngoèo vó ngựa đuổi nhau,
Vèo vèo gió bay qua cửa,
Xì xèo hết bữa cơm rau !...



— Mau !
Đổi màu rồi đấy.
— Đâu ?
Bề dẫu quả nhậy,
Ngày xô nhau, con người lây bầy,
Không có gì chán ngấy như lòng,
Rộn đời phen âm ỉ tự trong,
Muốn thoát xác, mà không thoát được !
Ngược xuôi, xuôi ngược,
Sau trước, trước sau,
Gắn bó vào nhau,
Vòng thau lên nước.
Cái vô hình cản ngăn từng bước,
Nhân ảnh nào lộn ngược rềm mi ? !
Lời thốt ra, rơi xuống âm thầm,
Hồn nhón nhác mục « chi » gấp gáp.



Giờ chen nhau tới tấp,
Mất vơng cảnh bốn ba,
Tiền bay lên lộp bộp,
Cỏ tàn ngộp tha ma,
Nhạc không còn một dư ba,
Ầm ầm quay tít, canh gà óc eo,
Dồn nhau đống xuống xóm nghèo,
Tản ra bốn vách tường leo lắt đèn !



Sáng chưa làm quen,
Chiều về xóm lạ,
Tối chẳng cần men,
Đã say mệt lả.
 Bút họa đấy, ai người chấm phá ?
 Phút giờ trôi xoay quả cầu nay !
Ván cờ thời thúc dương bào,
Đầy con người đến bàn tay tử thần !



Mỗi lúc một về gần,
Tuổi già chẳng an thân,
Mầm non cần phá phách,
Tuổi trôi vạch mấy Xuân ?..
Thời gian chảy đuối hạ tuần.
Ý ngông rồn rập, mạch trần sục sôi.
Nhanh lên ! — A, lại tới rồi,
Luật mâu thuẫn chẳng suy đồi còn đây.



Lộp cộp hồn quay,
Cuống cuống đường xoay,
Tới tấp lời bay,
Tĩnh say, say tỉnh con người cay !

THÁI VĂN

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

« **VĂN HỮU** » vừa nhận được những tác phẩm sau đây; chúng tôi trân trọng cảm ơn các tác giả và xin ân cần giới thiệu cùng bạn đọc Văn Hữu :

— **TÂN XUÂN TÙY BÚT.**— của Lê-văn-Siêu, nhà « Nguyễn-dinh-Vương » xuất bản, gồm những đề mục : Với ý tưởng nào anh bắt tay vào việc — Sang mùa — Đơn vị văn hóa mới của loài người trong mùa Xuân mới — Thủ định nghĩa văn hóa — Luận về sự thành bại của một công việc. Đây là tác phẩm mới nhất của Lê-văn-Siêu, chứa đựng nhiều ý tưởng mới mẻ.

— **SƠN NHÂN NHÂN BÚT.**— tập thơ của Chiêu-Dương Nguyễn-các-Phụng, do nhà Văn-Lợi xuất bản, gồm nhiều bài thơ, đủ các thể, bát cú, tứ tuyệt, ca trù, văn điếu, dịch Đường thi v. v... Thơ của Chiêu-Dương mang một sắc thái cổ kính, đem lại cho người đọc những cảm giác nhẹ nhàng đẹp đẽ. Thi phẩm của các bạn nào ưa trường thơ cổ.

— **MẸ ĐÃ VỀ.**— tập thơ của Huy-Hoài, do tác giả tự xuất bản giá 20 đồng.

Mẹ đã về, gồm 16 bài thơ, chứa đựng những ý tưởng yêu người yêu nước, tỏ rõ một tâm hồn tươi sáng, của một tuổi trẻ đang muốn vươn lên. Thơ Huy - Hoài nhẹ nhàng nhưng không ủy mị tình tứ như vài bạn trẻ khác.

— **KỶ HOA TỬ.** — tập truyện ngắn của Nguyễn-mạnh-Côn, giá 100 đồng, do nhà Nguyễn-dinh-Vương xuất bản.

— **MÀM SINH LỰC MỚI.**— tập thơ của Lam-Sơn, do Chấn Hưng Kinh-lễ xuất bản, trình bày đẹp, không thấy đề giá bán.

— **MÂY THU.** — Một tập giai phẩm trình bày rất mỹ thuật, gồm nhiều truyện ngắn và thơ có giá trị của những cây bút : Nguyễn - văn - Xuân, Tường-Linh, Phan-Du, Chế-Vũ, Võ-Phấn, Minh-Đức, Võ-thu-Tĩnh, Hay-Lực v. v... Nhà Trường - Thi xuất bản giá 80 đồng. Tuyển tập của những bạn thích truyện ngắn hay.

Cố HOÀNG MAI

Những tia chớp đầu núi xa

Gió lặng. Trời dần dần yên tĩnh. Bóng mấy con trâu mốc thếch đương di động chậm chạp trên bờ ruộng xuyên qua cánh đồng theo con đường vào xóm. Xa xa, trên một cành cây nào đó, tiếng con chim gáy cất lên trong trẻo, buồn buồn. Vài tia nắng chiều hấp hối đọng trên mấy giọt cau già. Nếp sinh hoạt của xóm uể oải, mệt nhọc. Không khí chán nản như chực đánh gục những người chán lăm tay bùn mà sức sống chỉ mong manh như những tia nắng cuối cùng hiện ra muộn màng sau một buổi chiều giông gió.

Đây là một xóm làm ruộng nằm khiêm nhường bên tả ngạn sông T. Dưới kia, qua khỏi dãy núi P.R. đã là mặt trận. Khu vực kháng chiến và vùng Pháp kiểm soát ngăn cách bởi một con trường vắt ngang rặng núi không xa quá bảy cây số ngàn. Lực lượng của đôi bên chia nhau làm chủ đầu trường và cuối trường. Người từ miền dưới lên, từ miền trên xuống đều phải đi qua con trường ấy. Dù muốn dù không, khách bộ hành cũng phải « ăn ở » làm sao cho vừa lòng những kẻ chiếm cứ đầu và cuối trường — Pháp chỉ phục kích thôi — khi bót công an ranh giới đã cho phép lên « miền tự do » rồi, họ tưởng như sắp đặt chân đến một miền yên tĩnh để nghỉ ngơi, có nhiều không khí để thở và cuộc sống không còn gì làm cho họ ngột ngạt nữa.

Đối với những kẻ đã hết hy vọng vào bao nhiêu mục tiêu tốt đẹp mà kháng chiến hứa đi tìm bằng con đường quá xa xôi, lẫn quẩn, nhất là khi họ không còn đủ sức chịu đựng nhiều hơi độc của một cuộc giai cấp đấu tranh đương nhiệm

vào không khí, thì lúc con đường cỏ cao lút đầu người phía phần đất, cuối trường đón bước chân họ, họ mừng rỡ — tuy tạm bợ — như đã tìm gặp chân trời của sự sống.

Do đó, nếu trong chiến tranh gồm có hai đối phương, hai lớp người rõ rệt nhất thì con trường nhỏ vắt ngang dãy núi P. R. này là ngưỡng cửa điển hình của hai thế giới lý tưởng của con người.

Xóm làm ruộng này lại là mảnh đất bàn đạp của những ai muốn về miền dưới kia ; là phần giang san đầu tiên để người dưới kia dừng chân trước khi tiếp tục cuộc hành trình trên đường đi Ba-Thục.

Tuyên lớn lên trong một ngôi nhà gạch ba gian bề thế nhất của xóm. Ông bà, cha mẹ Tuyên đã tính toán khéo léo để mua những thửa ruộng gần nhà nhất theo ước mơ cổ điển : thượng gia hạ điền.

Ruộng nhà Tuyên phần nhiều là ruộng « rộc », hạng ruộng tốt và thấp nhất, khó bị khô nước và đọng nhiều mầu. Mùa tháng ba thường chỉ đậu thóc một nhưng mùa tháng tám thì đến thóc ba, có khi lên đến thóc tư nghĩa là mỗi sào (một ang giống) gặt đến bốn chục ang lúa chắc.

Một trở ngại lớn cho cánh đồng này, là tuy gần sông, nhưng mực nước sông lại quá thấp, so với độ cao của đồng ruộng. Vì thế, mọi công cuộc dẫn thủy nhập điền không có kết quả.

Ngày trước, cha Tuyên đã có lần xuất vốn dựng máy bơm nước lên đồng, nhưng phải một cao độ quá sức của máy nên không thành tựu. Chỉ còn biết dựa vào thời tiết, nhờ cây nước mưa để làm mùa. Từ bao đời nay, những người làm ruộng ở đây đều chung một tập quán canh tác.

Yếu tố « nước » tuy khó khăn như vậy nhưng ngoài những năm hạn hán hoặc mưa trễ có ảnh hưởng đến mùa màng còn thời tiết thì ở đây không không đến nỗi gì.

Tháng tư tháng năm âm lịch, mùa mưa giúp cánh đồng có đủ số nước để cày bừa. Lúa cấy xong, các ngõ nước của mọi bờ ruộng đều được bịt lại để giữ nước nuôi chân cho lúa đủ sức phát triển trong thời kỳ con gái. Cần nhất là vào khoảng

giữa tháng bảy âm lịch phải có những trận mưa cho lúa trở và tiếp số nước nuôi chân lúa gần khô cạn. Dù lúa có lên xanh tốt đến mấy nhưng không có những trận mưa quyết định này thì kể như mùa năm đó bị mất nặng lắm.

. Thế mà năm nay, từ lúc cấy xong đến khi lúa trở dòng vẫn không có một hột mưa. Trời nắng như thiêu như đốt. Nạn cháy rừng đã phát hiện nhiều nơi. Các khe suối đều khô cạn. Nhiều thửa ruộng cao, đất bắt đầu nứt nẻ. Dần dần, những thửa ruộng « rộc » cũng hết số nước dự trữ, mặt đất nhẵn nhúm lại, rồi những đường rạn cứ hiện ra, hiện mãi ra, chỉ chít như tấm bản đồ có kẻ nhiều đường bằng mực đen thẫm.

Những buổi chiều nóng bức tiếp nhau. Phía tây, chân trời đỏ gay như mặt người say rượu. Và gió. Gió suốt ngày suốt đêm, gió từ ngày này sang ngày khác. Đêm, trời đầy sao, vòi vọi, gió lau sạch không để một sợi mây vương trên nền trời. Gió cuốn mẫn khởi hành từ rừng xa mang theo hơi nặng của mùa hoa vông đương nở, mang theo nguyên nhân gần, nguyên nhân xa của bệnh sốt rét.

Nạn hạn hán làm cho đồng quê lên cơn sốt triền miên, con bệnh đang khát nước, gió phả vào cây cối, lướt qua lúa non thành tiếng rên, tiếng rống xót xa và kinh khủng.

Cha Tuyên mất sớm. Tuyên là người con trai độc nhất, và vì lẽ đó, sau khi ba gian nhà gạch tan lành trong một trận máy bay Pháp oanh tạc, anh phải rời trường trung học về làm ruộng, nuôi mẹ.

Tuyên cất một chiếc nhà tranh ngay trên nền ngôi nhà gạch bị tàn phá. Mái tranh, phên tre ẩn giữa bốn bức tường gạch đứng trơ vơ như không liên hệ gì đến nếp sống mới của chủ nhân. Tuyên vẫn bám lấy ruộng vườn mặc dù những đất đai ấy ngày nay đã mang một linh hồn mới, sắp phản bội anh, sắp cắt đứt sợi giây tình cảm với con người đã từng chôn tại góc vườn cái rún, cái nhau, đã từng vui khi ngắm lúa vàng trải mái trên cánh đồng trước mặt ngon lành như sân thóc vừa quay, đã từng buồn lo vì hè dài, thu muộn.

Tuyên là địa chủ ư? Nông hội đã quy định cho anh thành phần ấy từ một đêm họp của xóm mà những lời trần tình của anh sao có vẻ lạc lõng đến thế? Tuyên chưa hề thắc mắc

về thứ hạng có tính cách chánh trị ấy mà chỉ thấy sự khác biệt quá mĩa mai giữa danh từ địa chủ với cuộc sống hiện tại vô cùng thiếu thốn, quần bách của anh. Tin đầu tổ những người có cái danh từ như Tuyên tại Bình-Định, Quảng-Ngãi không làm cho anh lo âu. Anh xem như là những tin đồn thất thiệt. Cái điều anh lo lắng trước hết, to tát hơn hết là hai tấn lúa thuế nông nghiệp anh phải thanh toán trong đợt thanh thu vào vụ mùa tháng tám. Hai tấn ! Anh tính nhầm. Tổng số lúa, nếp có thể thu được đối với một mùa trung bình đã trả lời anh : chỉ vừa đủ. Mùa tháng tám năm nay không còn hy vọng gì nữa rồi. May lắm, anh sẽ thu vào chừng bốn hay năm trăm ký lúa là nhiều. Các thứ hoa màu phụ như khoai, bắp đã được gia đình anh ăn non vì những thứ ấy đã trở thành cứu cánh của hầu hết người trong xóm giữa tháng giáp hột này.

Tuyên lo và buồn lắm. Bệnh nhức khớp xương của mẹ anh tái phát vì sự nóng bức của thời tiết. Bà nằm liệt giường. Tuyên đau xót vô cùng nhưng ngoài những thang thuốc nam bằng rễ cây, lá rừng, anh không biết phương thế gì để chạy chữa cho mẹ anh.

Phòng phát thuốc của huyện, dù chỉ mang danh nghĩa chứ không có thực tế, đã vì « lý do chiến tranh » mà dời đi nơi khác từ lâu rồi.

Một buổi chiều, Tuyên ra trước sân, dựa lưng vào gốc vải đưa tầm mắt thất vọng nhìn khắp cánh đồng phía trước mặt. Lúa đã ngả sang màu vàng úa, rung rung. Ruộng thấp, ruộng cao nằm phơi mình dưới bầu trời xanh thẳm. Gió từ rừng xa vẫn siêng năng thổi vì vút khiến bộ mặt bệnh hoạn của cánh đồng như run rẩy, cau cau. Đồng ruộng mệnh mông quá ! Một thứ yên lặng ghê rợn vây quanh, một thứ lặng yên bất ngờ người ta phải chờ đợi cái hậu quả phải đến, sẽ đến, như một sự chết mòn của cơ thể.

Miền dưới, bên kia rặng núi P.R. — một chiến lũy thiên nhiên — vang vọng tiếng súng moóc-chi-ê, tiếng máy bay oanh tạc rền rĩ. Tuyên cảm thấy mặt trận gần quá. Một sớm một chiều, nơi anh đang ở rất có thể sẽ đặt trong vòng kiểm soát của Pháp. Rồi đồn bót mọc lên. Rồi những người quen thuộc trong xóm mà Tuyên biết rành rẽ tên tộc, đến cá tính của từng người, sẽ thiếu mất những ai ? Rồi những...

Giờng suy tưởng của Tuyên dừng lại khi nghe tiếng loa vang vang trên chòi phát thanh giữa xóm. Tiếng loa triệu tập một đợt dân công. Đợt dân công này sẽ huy động toàn những hạng A khỏe mạnh, vì là công tác chuyển vận cho một chiến trường xa, lâu ngày. Tuyên thuộc vào hạng này. Anh thở dài. Tuyên thấy mình đang sống giữa một trạng thái chịu đựng, và nơi anh ở đã là « mặt trận » rồi. Giặc Pháp đến, cảnh chết chóc, đàn áp sẽ diễn ra một cách trực tiếp nhưng cái « vùng tự do » này lại giết anh, giết những người chung quanh anh chậm hơn, khéo léo hơn nhưng không có cách nào thoát khỏi. Trời cũng đồng minh với hai lực lượng đó để mở một mặt trận khác không kém phần nguy hiểm mà những người làm ruộng với mọi nông cụ cổ truyền chắc chắn sẽ thành những kẻ chiến bại.

Cả ba sự đe dọa đều to lớn, mà Tuyên thì nhỏ quá. Anh không hề nghĩ đến sự vận dụng bản năng chống đối vì anh biết cái tỷ lệ nghịch ấy không lớn hơn một cọng rơm.

Tuyên đứng dậy, vào nhà. Anh cầm quạt phe phẩy quạt cho mẹ. Chén thuốc nước màu đen nhạt đặt trên chiếc ghế bên cạnh đầu giường của mẹ anh vẫn còn nguyên. Bà trở mình đưa bàn tay khảnh khiu nắn bóp đôi bắp vai rồi bảo Tuyên :

— Sáng mai con qua bên Đ. B. thử. Chiều hôm qua, bác Tuất sang bảo mẹ nên tính sớm việc ấy cho rồi, kéo sau này lại cách trở khó khăn. Hôm trước con Hạnh sang thăm mẹ, nó cũng có nói qua việc anh giáo Thuần định sửa soạn hồi cư.

Tuyên dừng tay quạt ra dáng nghĩ ngợi. Mẹ anh tiếp :

— Mẹ tính gặt hái xong thì làm lễ cưới đơn sơ cho rồi. Mẹ biết trong mình mẹ gần đây yếu hơn trước nhiều lắm.

Tuyên ái ngại nhìn mẹ giây lâu mới đáp :

— Đề mai con sang bên bác Tuất xem sao.

Hạnh là con gái của thầy Giáo Thuần. Gia đình Hạnh ở miền dưới tản cư lên Đ.B. đầu năm 194... khi Pháp đóng đồn V. Hạnh là con thứ tư của ông Giáo, hai chị lớn và người anh đã có gia đình riêng, hai em Hạnh còn nhỏ, vừa tuổi đi học, nhưng cả hai đứa đều ở nhà do ông Giáo dạy, chờ không đi học tại trường làng.

Tuyên và Hạnh yêu nhau đã lâu nhưng mẹ Tuyên mới chính thức nhờ bác Tuất người cùng xóm với ông Giáo Thuận làm mai mối. Ông Giáo Thuận nhận lời gả Hạnh cho Tuyên. Mấy tháng nay, tiệm thuốc Bắc của ông Giáo Thuận tự đóng cửa vì thuốc miền dưới không lên được. Hơn thế nữa, thuế công thương nghiệp đã định một mức thuế quá cao, so với vốn liếng hiện hữu của ông Giáo. Ông Giáo Thuận chưa biết xoay sang nghề nào, thì được tin Pháp đã rút khỏi đồn V. Ông có ý định hồi cư, tuy sự trở về vẫn khó khăn, nhưng với hai vợ chồng già và mấy đứa trẻ thì không sao. Chỉ ngại cho Hạnh. Hạnh về thì không được vì trước tiên nàng sẽ bị nhà chức trách địa phương ngăn cản.

Nhân dịp này, bác Tuất bảo mẹ Tuyên nên xin làm lễ cưới trước khi ông Giáo hồi cư. Mẹ Tuyên cho là phải, và chính Tuyên cũng không phản đối. Tuy nhiên, Tuyên không khỏi lo nghĩ về hoàn cảnh hiện tại của gia đình anh. Lúa gao, tiền của hết sạch, mẹ đau, mùa mất, đợt dân công sắp đến, hai tấn lúa thuế nông nghiệp phải nộp trong mùa tới...

Những khó khăn đó, Tuyên không nêu ra với mẹ trong lúc này. Anh sợ làm phiền lòng mẹ khi bà đang đau nặng, khi nguồn hy vọng to tát và giản dị của bà chỉ đặt vào hạnh phúc của con. Tuyên cũng không phản đối ý kiến của mẹ, mặc dù hiện tại anh đang đứng trước bao nhiêu trở ngại. Tuyên chờ đợi một cái gì. Cái gì sẽ đến với Tuyên không to lớn, không cao xa lắm. Nó vừa đủ trả lại cho Tuyên một nụ cười, một niềm vui nho nhỏ. Chẳng hạn, cái gì Tuyên chờ đợi có thể chỉ là một lệnh đình đợt dân công sang một ngày khác xa hơn, có thể là những ang lúa vay được của một ân nhân nào đó, có thể là một buổi chiều giông gió và đầu núi Cà-Tang có những tia chớp báo hiệu một trận mưa. Bây giờ, mưa chỉ là mưa muện, nhưng phía đầu núi Cà-Tang hãy bật lên những tia chớp đi, để cái công trình chờ đợi của Tuyên và bao nhiêu người trong xóm được sự an ủi nho nhỏ gần như vô ích.

Nạn hạn hán kéo dài và căng thẳng não cân, tình cảm của con người nhiều lắm rồi. Bởi vậy, khi nhìn thấy tia chớp đầu tiên ngoằn ngoèo trên chót núi Cà-Tang, họ sẽ reo lên đề rồi sau đó họ rơi nước mắt. Mưa muện không cứu nổi cánh đồng lúa non của họ đã héo hắt. Họ đau lòng như khi tiếp

một vị danh y đến trễ trong lúc tử thi của con họ sắp sửa được đặt vào quan tài. Nhưng danh y cứ đến đề con họ được thỏa vong linh, mưa cứ đổ xuống đề họ được tin tưởng rằng trên trời vẫn còn nước chứ không phải hoàn toàn là nắng, gió với những buổi chiều ghê gớm đã nhốt què hương thân yêu của họ trong nỗi súp de.



HON một tuần nay, trong xóm phát hiện những việc lạ. Trước hết phải kể sự thay đổi lạ lùng của bác Hương-Tấn. Chẳng biết đào đâu ra rượu lậu, mà chiều nào bác cũng say mềm. Hễ say là chửi đồng. Bác chửi thẳng Dậu, đưa con lên mười lăm tuổi của bác vì chiều nào nó cũng lo tập nhảy « Hòa Bình » « Mừng Thuế Nông Nghiệp » với lũ trẻ trong xóm nên lừa trâu về trễ. Bác chửi cái sự vong ân bội nghĩa của một lò hương chức đương thời của bác ngày xưa mà bác gọi là « cái quần phản Trụ đầu Châu ». Bác còn dám kêu cả trời ra mà chửi rồi tuyên bố :

— Trời mà tau còn không sợ thì đũa nào tau lại sợ ? Trời cướp mùa lúa của tau, tau chửi, quần nào giật miếng cơm của cha con tau, tau cũng chửi luôn, chửi hết cả lũ.

Bác chửi xong ôm mặt khóc rồi lăn kênh ra phản ngủ say.

Giữa lúc đói kém này mà bác không thêm làm lụng nữa lại dám chạy đông chạy tây mua rượu uống quả là điều đáng làm cho mọi người trong xóm ngạc nhiên. Có kẻ bảo bác điên vì ảnh hưởng khí trời nóng bức. Có người lại đoán non đoán già rằng bác sắp làm một việc gì liều lắm, to tát lắm.

Lúc bác Hương - Tấn tỉnh rượu, có người hỏi bác vì nguyên nhân nào lại thay đổi tính tình như thế, bác xẵng giọng trả lời :

— Nắng đến cháy cây nứt đá ra, con chó còn phát điên huống hồ là người. Mùa màng thế này, cơm cao, gạo kém thế này, giặc giã, thuế má thế đó, hội họp, bình nghị điên cả đầu lên, rồi đây người ta sẽ điên hết, điên để cắn xé nhau như một bầy chó !

Nếu ai khuyên bác nên giữ mồm giữ miệng, lập tức bác trợn mắt lên, mở nút áo, phanh ngực ra, thách :

— Tau nói, lão Hương-Tấn nói đấy. Đứa nào giỏi thì bắn tau đi. Trước sau gì rồi cũng chết. Tau có tòi tẹ đâu, dám làm thì dám chịu.

Câu thách của bác Hương-Tấn không được ai nhận lời « bắt » cả, nhưng vài ngày sau, người trong xóm không biết bác đi đâu. Gia đình bác chỉ biết vào một đêm, có người đập cửa gọi tên bác, bác ra mở cửa rồi đi luôn không kịp một lời dặn dò con cái, cũng không mang theo áo quần tiền bạc gì cả.

Thanh niên trong xóm từ trước đến nay mang tiếng là không hăng hái với mọi công tác của đoàn thể, nặng óc địa phương v.v... bỗng rủ nhau lên lính xin đầu quân rất đông. Làm sao ngăn cản họ được khi họ đi với danh nghĩa gia nhập bộ đội để đánh giặc? Lại nhất là những người trong gia đình của họ không hề buồn bã khóc lóc lúc tiễn họ lên đường.

Cái « phong trào tiến bộ » ấy không mấy hoan hỉ cho bất cứ một người nào. Ai cũng biết rằng họ bỏ xóm bỏ làng ra đi vì cái đói đe dọa họ bắt đầu bằng hình ảnh đe dọa của một cánh đồng cháy khô trước mắt. Họ không muốn bỏ xác lại xó rừng xa xôi nào trong các chuyến dân công. Họ không muốn cái không khí *bà con* của thôn quê từ ngàn đời nay bị xáo trộn lên, rình rập nhau, nghi kỵ nhau, bắt buộc phải dứt khoát xem nhau như thù địch. Họ nhìn lại, kiểm điểm lại từng nóc gia, từng người một: không ai vào đấy cả, đều là bà con quen thuộc với nhau cả. Được mùa, họ sung sướng sống bên nhau. Nhà nào mừng cơm mới bằng một bữa xôi ăn với gà rang hoặc một bữa bún đậu mùa hay bánh xèo, bánh đúc... cả xóm đều biết. Mất mùa, họ đều lo lắng như nhau, trăm cặp mắt cùng hướng về phía núi Cà-Tang chờ đợi từng tia chớp. Rồi họ có thể cùng đói như nhau, rủ nhau lên tận miền rừng Thạch-Bích, Cẩm La để đào củ tìm lang độ nhật. Họ đã « mắc nợ » nhau đời đời kiếp kiếp về đám cưới, đám ma, những món nợ họ vui lòng nhận, vui lòng trả để sợi giây luân lý ngăn đời bền chặt. Sợi giây ấy, người Trung-Hoa đã bứt gần hai nghìn năm mà không đứt, Pháp, Nhật chia nhau chặt suốt trăm năm vẫn không lia. Có « kẻ thù » nào lâu lút trong số những con người hiền lành, cần mẫn này đâu?

Tuyên không thể theo đám thanh niên bỏ xóm đi đầu quân được. Giòng tư tưởng của anh bị tắt nghẽn ngay tại phần

đất bên này đèo L. khi anh định tìm một lối thoát bằng cách qua bên kia đèo, vào « vùng tự do » tương đối rộng hơn để đầu quân. Tuyên lại đưa ý nghĩ của anh quay về phía con truong P. R. gần gũi hơn. Nhưng, phía cuối truong và xa tít tít tận những miền đồng nội mờ mờ sương khói ấy là gì? Súng bom gầm thét nhiều quá! Liệu phần đất bên kia chiến lũy thiên nhiên ấy có dung túng nổi anh không? Một đường đèo phía đông, một con truong phía bắc, đối với Tuyên là hai con đường vạn lý, hun hút, hiểm nghèo.

Tuyên trở thành trai cô độc giữa xóm. Những khó khăn không vì thế mà chảm chước phần nào cho Tuyên. Vẫn những ngày nắng hạn kéo dài, vẫn gió bạo tàn, ray rứt. Mẹ anh còn nằm bất động trên giường cầm hơi bằng những siêu thuốc rễ đắng.

Những vụ đấu tố tại miền trong càng ngày càng nhiều làm Tuyên sực tỉnh. Anh không còn cho đó là những tin đồn thất thiệt nữa. Anh nghĩ đến số phận của anh. Xóm này, về đất ruộng có còn ai hơn anh đâu? Anh biết rằng người ta chưa thắng tay được với anh vì đây là vùng giáp ranh, con truong P. R. sẽ rất ngắn đối với những ai dùng nó làm sinh lộ chứ không phải vì anh hiền lành hoặc đương túng bấn.

Ông Giáo Thuần được nhà chức trách địa phương hứa hai tháng nữa sẽ cho phép hồi cư. Như thế cũng tiện. Ông Giáo có thì giờ để chuẩn bị đồ đạc, tiền nong và vừa đến vụ mùa, Tuyên sẽ mót chác chút ít lúa thóc để cưới Hạnh.

Nhưng, chỉ ba ngày sau khi Tuyên được ông Giáo gọi sang đề bàn việc ấy thì nhà chức trách địa phương lại đòi ông đến. Họ cấp ngay giấy phép cho ông bảo ông phải hồi cư ngay. Trong giấy phép hồi cư có cả tên Hạnh. Thật là một sự không ngờ. Càng khó hiểu hơn là đáng lẽ họ phải giữ Hạnh ở lại vì Hạnh còn trẻ không nên về ở vùng gần địch quá; vì Hạnh còn nhiều khả năng đóng góp cho kháng chiến, nhưng họ vẫn cho Hạnh cùng đi với gia đình.

Thế là mọi tính toán của ông Giáo Thuần và mẹ con Tuyên đều thất bại. Ngày về quê của gia đình Hạnh cùng một ngày Tuyên phải lên đường đi dân công.

Mẹ Tuyên khóc mãi. Suốt hai ngày liền, Hạnh sang ngồi

bên cạnh mẹ chồng tương lai, rồi lại qua đò về nhà thu xếp đồ đạc. Tuyên sang nhà Hạnh tiếp tay với ông Giáo Thuận thu dọn mọi thứ đầu vào đấy.

Chiều hôm đó, ông Giáo Thuận cho phép Hạnh theo Tuyên sang thăm mẹ Tuyên và ở luôn bên ấy một đêm.

Hai người ra khỏi đường làng, xuống bãi. Đứng đợi đò trên bến cát; bên người vợ chưa cưới mà sắp xa, Tuyên mới nhận ra từ lâu anh đã bỏ mất những ngày tháng đẹp nhất của tuổi xanh. Hạnh đẹp hơn bao giờ hết. Có lẽ chiều nay Tuyên mới nhận thấy vẻ đẹp của Hạnh hiện lên đầy đủ trước mắt anh. Nàng mặc áo bà ba vải trắng, quần đen, gió nồm trên sông lồng lộng, những sợi tóc phất phơ làm tăng thêm vẻ hồn nhiên của vàng trán thanh tú. Hạnh dầm chân xuống nước, hai ống quần hơi vén lên để tránh những con sóng nhỏ vỗ vào bờ làm cho nước tung tóe lên. Nhận đôi bàn chân trắng muốt của Hạnh, Tuyên ái ngại và liên tưởng đến hình ảnh những cây lúa đương lên xò xổ phải chịu héo hắt vì hạn hán. Tuyên nghĩ đến những bàn chân không giép không giày bòn ba trên đường cát nóng bỏng cho hai phiên chợ mỗi ngày, những bàn chân đã từng thử thách với đá núi và gai gốc đường xa trong những chuyến dân công dành riêng cho phụ nữ. Anh thương những bàn chân ấy, thương đôi bàn chân của Hạnh bây giờ.

Tuyên buột miệng thở dài :

— Giá đừng có chiến tranh...

Hạnh ngược lên nhìn Tuyên hỏi vội :

— Anh nói gì thế?

Ngừng một giây, Tuyên đáp :

— Anh muốn nói rằng, giá đừng có chiến tranh, vẻ đẹp của con người sẽ giữ được lâu hơn. Như Hạnh của anh chẳng hạn, nếu không phải leo đèo lội suối, dang nắng dầm mưa thì em còn đẹp nữa.

— Vậy có nghĩa là bây giờ em xấu lắm phải không?

— Không, em vẫn đẹp nhưng nếu ít cực khổ thì em lại đẹp hơn, còn anh thì cũng... khá khá.

Hạnh bật cười vì sự nhận xét hơi lúng túng của Tuyên. Nàng định hỏi thêm Tuyên vì lẽ gì chiều nay lại lý luận vậy

hoa như thế, nhưng từ bên kia sông, con đò ngang phẳng phẳng lướt qua. Đò ghé bến. Trên đò, có tiếng một người con gái reo lên :

— Anh chị đẹp đôi quá ! Chị Hạnh về bên anh Tuyên đề « bắt chích cho bà gia thấy ba ba ngoài biển » phải không ?

Hạnh nhận ra Hoa, cô con gái lớn của bác Tuất trạc tuổi với Hạnh, có tiếng nghịch nhất trong đám. Hạnh cười, nhìn Hoa rồi nhìn một lượt những bộ mặt quen vừa qua đò. Bà lái đò nhìn Hạnh và Tuyên rồi thân mật hỏi :

— Nghe nói thầy Giáo sắp về dưới phải không có ? Có cũng đi theo thì làm sao...

Bà ngừng nói nhìn Tuyên. Hiểu ý, Tuyên làm bộ tươi cười đáp :

— Dạ, phải về đã, rồi cười hỏi sẽ tính sau, mắt mát đi đâu mà sợ ?

Hạnh ngồi bên cạnh Tuyên. Con đò rời bến. Tuyên lơ đãng nhìn về phía ngọn núi Cà-Tang cao lêu nghêu nổi bật trên nền trời ửng đỏ như bóng dáng trông chờ.

Sau bữa cơm tối, Hạnh và Tuyên đương ngồi nói chuyện với nhau trước hiên nhà thì bác Đương bước sang. Nhìn quanh, thấy ngoài Hạnh và Tuyên, nhà không còn ai nữa, bác Đương vững dạ bảo Tuyên :

— Anh có hay tin gì không ?

Tuyên ngạc nhiên trả lời :

— Không, chuyện gì thế bác ?

Phủ đất dưới thềm, bác Đương ngồi xuống bên cạnh Tuyên, giọng nói thấp hơn :

— Anh khỏi đi dân công đợt này.

Tuyên mừng rỡ hỏi dồn :

— Thế à ? Thật không bác ?

— Khoan, khỏi đi dân công là đều đáng lo cho anh đấy.

Tuyên và Hạnh vẫn chưa hiểu. Bác Đương tiếp :

— Tôi không nhớ nào đâu anh một điều mà anh chưa biết. Việc của anh, sẽ xảy đến với anh nay mai mà chính tôi

là người phải theo dõi anh để đợi đến ngày anh chính thức nhận những sự phiền phức.

Hạnh và Tuyên kinh ngạc trở mắt nhìn bác, chờ đợi. Bác nói tiếp :

— Nông hội đã chọn anh làm một địa chủ của xóm mình để thí nghiệm chính sách ruộng đất áp dụng những vùng giáp ranh. Tôi phải đứng ra tố anh vì tôi là một cố nông cày ruộng của nhà anh gần nửa đời người. Tôi đã hết lời phản trần, từ chối nhưng người ta dùng kỷ luật bắt tôi phải thi hành. Việc cô Hạnh được tự do về theo thầy Giáo nằm trong kế hoạch ấy. Người ta muốn cô lập anh hoàn toàn, dù với cô Hạnh là vợ nay mai của anh cũng không được gần gũi.

Tuyên đỏ mồ hôi trán. Hạnh hết nhìn bác Đường đến nhìn Tuyên rồi ôm mặt khóc.

Bác Đường nhìn Tuyên nói như ra lệnh :

— Chỉ còn một cách là anh nên trốn khỏi nơi này để tránh mọi tai họa sẽ xảy đến mà những người thân yêu nhất lại bị bắt buộc phải phản bội anh. Hai tấn lúa thuế nông nghiệp chưa phải là khó khăn lớn nhất của anh đâu. Còn nhiều rắc rối nữa. Anh trốn đi...

Bác Đường kéo vạt áo lau nước mắt. Tuyên vô cùng xúc động trước tấm lòng chung thủy của người nông dân đã thuộc lâu từ bờ đắp, từng ngổ nước của ruộng nhà anh. Bấy giờ, Tuyên không còn sợ nhiều nữa mà chỉ cảm động có bao hàm sự biết ơn đối với bác Đường. Anh không còn tin vào sự thành công của bất cứ một thủ đoạn chính trị nào khi tình người vẫn chưa hoàn toàn bị hủy diệt. Tuyên nghĩ ngay đến một chuyến ra đi, đi thật xa. Con trưởng P. R. hiện ra trước mắt anh. Con trưởng ngắn ấy sẽ là sinh lộ của anh. Anh sẽ đi trên sinh lộ ấy và hai lực lượng chiếm cứ nhất định không phải là chủ nhân vĩnh viễn của con trưởng. Tuyên sẽ đi về cuối trưởng bằng mọi cách để tìm đến một miền đất sống mà những kẻ ngăn cản anh, rình rập, uy hiếp anh, dù họ ở đầu trưởng hay cuối trưởng cũng chỉ là những hình ảnh sắp sửa trở về với quá khứ.

Thấy Tuyên trầm ngâm, Hạnh góp ý :

— Hay là anh trốn xuống vùng em đi. Ở đó tạm ít lâu

rồi sẽ tìm cách đi xa hơn để chờ đợi một thời cơ thuận tiện khác ?

Bác Dương đồng ý với Hạnh :

— Cứ lo thoát thân anh trước đã. Bà chị ở nhà có chúng tôi ngầm giúp đỡ, bà con trong xóm mình không ai bỏ bà chị đâu. Anh trốn rồi tức là kế hoạch đầu 13 bị hỏng, người ta chưa tính đến việc hành hạ bà chị ít ra là trong lúc này.

Tuyên không cầm nổi nước mắt. Tiếng rên khe khẽ của mẹ anh từ nhà trong vẳng ra buồn xé ruột.

Bác Dương đứng dậy chào Hạnh ra về và không quên dặn Tuyên :

— Liệu trốn gấp đi. Từ hôm nay tôi sẽ không qua đây để tránh sự nghi ngờ của họ, cần thận đấy nhé !

Rồi bác quay sang Hạnh :

— Có về mạnh giỏi. Cho tôi gửi lời thăm và chúc thầy Giáo trở về được may mắn, mạnh giỏi.

Tuyên nhìn theo bóng bác Dương bước lảo đảo dưới ánh trăng hạ tuần mờ mờ rồi khuất sau đám bắp trước sân nhà.

Tuyên xích lại gần Hạnh. Hạnh lấy khăn lau nước mắt. Lần thứ nhất choàng tay qua vai người yêu, Tuyên nói bằng giọng quờ quạng :

— Chúng mình sao khổ quá phải không em ?



TỪ văn phòng tiếp cư bước ra, tay cầm tờ giấy chứng nhận của nhà đương cuộc Việt-Pháp, Tuyên nhìn quanh tìm Hạnh. Hạnh chạy đến hỏi dồn :

— Xong cả rồi chứ anh ? Có gì rắc rối lắm không ?

Tuyên cười :

— Chẳng có gì « nguy hiểm » cả. Anh gặp Hùng, người bạn cũ hiện làm thư ký cho văn phòng tiếp cư nên mọi việc đều trôi chảy. Hùng hứa sẽ bảo đảm việc cư trú cho anh và giúp anh được vào làm việc trong văn phòng tạm thời với mức lương phù động.

Hạnh mừng rỡ :

— Mới «vọt» mà không bị ngã xà lim lại không thất nghiệp ngày nào thế là ông hoàng rồi đó. Thôi, tìm quán đề em mừng «ông hoàng» một tô phở bột gạo. Rồi em phải về kịp chuyển xe cuối cùng đề báo cho cha hay chứ. Vài bữa nữa em sẽ xuống.

Hai người đi bên cạnh nhau một quãng rồi ghé vào tiệm phở bên bờ sông.

Gió Cửa Đại thổi về mát rượi. Từ máy khuếch đại thanh của Phòng Thông Tin Thị xã, tiếng đàn Hạ uy cầm đương thời bản Thiên-Thai, bản nhạc Tuyên rất thích mà suốt mấy năm trong hậu phương, bản nhạc ấy bị coi là «lạc hậu».

Hạnh liền thoảng gọi phở, gọi bia lạnh. Trong lúc chờ đợi món ăn, không ai bảo ai, hai người đều quay mặt ra cửa sổ, đưa mắt nhìn về phía nguồn xa. Tuyên mở to đôi mắt. Chót núi Cà-Tang nhỏ bé, mờ mờ, đương lóe lên những tia chớp, tiếng giông rền rĩ, xa vọng...

Tuyên mím chặt môi, mi mắt anh dần dần đỏ mọng.

Vô tình, Hạnh reo lên :

— Anh thấy không? Đầu núi Cà-Tang đã có chớp rồi kia kia! Chắc «trên mình sắp mưa lớn lắm. Sướng quá!

Mắt vẫn không rời đầu núi xa có những tia chớp lia lịa như chiếc quạt máy bật không ngừng, Tuyên buồn bã bảo Hạnh:

— Mưa... nhưng muộn lắm rồi!

Cô HOÀNG MAI

BẤU của không kín xui lòng tham của người ; trau dồi son phấn
lục lòng dâm của người.

HẬU HÂN THU

TẠ TỰ

Mưa gió trên đồi

ÁNH nắng nhô ra khỏi ngọn đồi phía xa. Những ngọn đồi chạy dài nối tiếp bởi những hàng cây không đều thấp thoáng sau màn sương trắng đục. Một cảm giác là lạ xâm chiếm, len lỏi qua hơi sương, thấm vào ý nghĩ làm cho Phong thấy dễ chịu. Cứ mỗi lần gặp lại núi rừng, không hiểu sao tâm hồn Phong xao xuyến. Máu như chảy mạnh trong huyết quản. Những giòng máu từ lâu ứng hện bụi đường đỏ lị. Bao nhiêu mệt nhọc của cuộc hành trình hôm qua Phong không còn coi là đại đột.

Đứng trước tấm gương con, đưa lưỡi dao cạo bào những sợi râu còn sót lại, Phong thấy như mình trẻ ra sau một đêm ngủ đầy giấc. Cảnh đẹp núi rừng quyến rũ, vây chặt lấy Phong như mắc lưới. Ý định trở về Sài-gòn tối qua đã nhạt trong đầu. Phong thấy ân hận tại sao lại không viết thư báo ngày lên chơi để Lâm ở nhà-tiếp mình, nếu có Lâm chắc vui lắm.

Phong vừa cạo râu xong thì cà phê cũng vừa được bưng lên, hương thơm phưng phức. Đưa bé đặt ly cà phê vào giữa bàn rồi lặng lẽ lui ra như một cái bóng.

Phong xúc đường cho vào cà phê khuấy nhẹ nhẹ. Nước cà phê sánh ra ngoài miệng tách đậm màu như những giọt nha phiến. Phong tợp một ngụm cà phê rồi ngả người vào thành ghế ngắm nghía sự trang trí của căn phòng Phong ngủ đêm qua.

Với những đồ đạc tuy không quý nhưng Lâm có khiếu thẩm mỹ, biết chọn lọc kích thước và màu sắc từng thứ, để gây cho căn phòng sự ấm cúng. Một khuôn cửa sổ to nằm dọc theo chiều dài của chiếc đi văng, nếu mở rộng ra, người ta có thể nhìn thấy chân trời rộng lớn lượn theo những sườn đồi uốn cong, lồng vào nhau như những ngón tay đan. Gần bên cửa sổ là giàn hoa giấy, màu hoa tím như màu áo nữ sinh trường Đồng-Khánh ngày xưa. Dưới giàn hoa treo rất nhiều lan rừng. Một vài cây đang nở hoa thơm ngát. Sau giàn hoa ở phía bên trái có xây một hòn non bộ và bên phải trồng những cây ăn quả chạy xuôi xuống chân đồi. Những chiếc lá vàng rơi bừa bãi làm lấp cả lối đi như không có người quét dọn. Giàn hoa giấy đã đổ siêu mà chưa được sửa lại. Nhìn kỹ, Phong nhận thấy hình như mảnh vườn này thiếu sự chăm chút của chủ nhân. Có lẽ tại Lâm quá bận về công việc làm ăn cho nên không để ý đến. Vả lại chỗ này là nơi nghỉ chân của bè bạn mỗi khi lên chơi, ở đấy ba hôm — chứ không phải là nơi thường ngày Lâm nhìn thấy cho nên ít được người nhà săn sóc.

Làn gió nhẹ thổi hây hây làm lay động tấm màn ngọc thạch treo bên cửa sổ. Phong mở bịch da lấy đồ vẽ bày lên mặt bàn. Những ống màu xinh xinh trông ngon lành như những viên kẹo. Những chiết bút vẽ trắng muốt như những ngón tay ngà xòe ra muốn ôm lấy sắc màu quen thuộc.

Qua khung cửa, Phong nheo mắt lại, đắm đuối nhìn những giọt nắng rơi trên màu hoa tím. Phong lấy bút chì và giấy đi ra cửa.

Cả một vùng đồi núi chập chùng bao quanh lấy Phong. Lúc này Phong mới nhận rõ ràng vị trí ngôi nhà của Lâm nằm trên ngọn đồi tròn xoe như quả cam cắt đôi, Ngôi nhà của Lâm không to lớn lắm, kiến trúc theo những kiểu nhà núi. Mái nhà thật cao rồi đổ thấp xuống trông như tấm phản dựng nghiêng. Bốn bề cây cỏ mọc chi chít. Những giàn hoa leo chạy tràn lấn hốn loạn trên mái, trên tường và nhiều cành lại đâm ngang vào giữa nhà. Căn nhà quét vôi màu trắng, nhưng lâu ngày mưa nắng đã làm ố hoen và ngả màu xám xịt. Những tảng rêu xanh xâm vẽ lên tường những đường nét quái dị, nhiều chỗ trông giống như mặt quỷ. Những cánh cửa đóng im

im. Hoàn toàn vắng lặng giữa mênh mông của màu xanh bát ngát. Căn phòng của Phong ngủ tách rời khỏi căn nhà chính, nhưng được nối liền bởi một con đường lát gạch nhỏ cỏ mọc đầy gần phủ hết lối đi. Lưng của căn phòng quay vào gian nhà chính. Một chiếc cửa nhỏ có thể mở ra để nhìn thấy gian chính nhưng đã bị đóng bít lại bằng chiếc then ngang to lớn. Cho tới bây giờ Phong mới thấy sự không chăm sóc ở toàn diện chứ không riêng một chỗ nào. Trông bao quát, Phong mừng tượng có một cái gì u uất, lạnh lùng, buồn nản. Căn vườn rộng, cây cối nhiều nhưng là một thứ cây cối mọc với sức sống tự nhiên thiếu chăm bón.

Phong nghĩ rằng có lẽ lâm cổ tình bài trí khung cảnh này vì Lâm muốn gây một không khí là lạ có thể là hoang dại. Việc này cần phải gấp Lâm mới biết được.

Riêng Phong, thấy say mê, nét bút của Phong sào sạo chạy trên mặt giấy. Phong vẽ hết góc này đến góc khác. Vẽ mê mải vì từ lâu Phong đã mất đi cái thú thiên nhiên, nay bỗng dưng gặp lại và được thiên nhiên ôm ấp trong cánh tay triu mến của sắc màu lung linh biến chuyển không ngừng trong từng phút từng giây cảm xúc.



GIẤC ngủ trưa đang ngon, Phong bỗng giật mình vì có tiếng gọi lớn :

— Phong ơi, Phong ơi !

Phong ngồi nhồm dậy, đưa tay lên dụi mắt. Lâm nhảy chồm đến ngồi sát bên Phong, cho tay quàng vai Phong ôm sát vào người mình.

— Cậu lên tối qua phải không ? Sao cậu không tin cho mình hay để ở nhà tiếp cậu. Thờ trước cậu viết lững lờ không nói rõ ngày nào lên chơi cho nên mình cứ yên trí rằng cậu hẹn cuối. Cậu ở chơi đây lâu lâu với mình nhé ! Ở trên này buồn quá chỉ mong có bạn lên chơi !

Lâm nói một hơi dài — Phong cảm động vì tấm lòng yêu bạn của Lâm, Phong trả lời nồng nhiệt :

— Ờ, ờ tôi sẽ ở lâu với cậu, nhưng mà cậu đi vắng luôn ấy mà.

— Không, tôi sẽ không đi vắng nữa. Công việc của tôi đến hôm nay là xong rồi, xong hẳn rồi.

Phong nhìn mặt Lâm thấy xộp hẳn đi chứ không đầy đặn như khi gặp Lâm lần đầu ở Đại lộ Tự-Do — Nói đến chữ « xong rồi, xong rồi » mới Lâm mím chặt lại. Trông thấy Lâm, Phong lại nhớ đến tuổi ấu thơ, và lo sợ sự ra đi nhanh chóng của thời gian.

— Buổi trưa nay, mình định ăn cơm xong, nằm xem sách một chút rồi bảo cháu bé đưa lên chào chị, nào ngờ gió mát quá mình ngủ quên đi mất. Nếu cậu không gọi, có lẽ mình ngủ tới chiều tối mất.

Phong nói đề dè sự sơ xuất của mình đối với chị Lâm, sợ chị Lâm giận vì lên chơi mà không vào chào chị.

Lâm gật đầu !

— Nhà tôi mệt chưa khỏi. Ờ, nhà tôi mệt lâu lắm rồi, cậu có muốn lên chào, chắc cũng phải xin lỗi không tiếp được vì nhà tôi rất sợ khách lạ, dù là bạn thân đi nữa.

— Chị đau bệnh gì thế ?

— Bệnh tê liệt nửa người, tôi đã chạy chữa nhiều nơi mà chưa bớt chút nào !

— Chắc chị ở đây khi hậu không quen rồi, cậu thử đưa về ở miền khác xem sao !

— Ờ, có phải nhà tôi lên đây mới đau đầu. Đau từ lâu rồi, và Bác sĩ khuyên nên ở vùng này đây. Từ ngày lên ở đây bệnh tê liệt không nặng lên mà cũng chẳng bớt.

Đôi mắt Lâm tự nhiên mờ đi, nét mặt trông đại hẳn ra. Hai hàng lông mày rậm chạy dúi vào nhau trông thành một nét than đậm chia đôi khuôn mặt.

Biết rằng không nên đào sâu vào tình cảm của Lâm, nhất là thứ tình cảm vô xé qua lời nói trầm trầm và tiếng thở dài nhẹ, Phong rẽ sang chuyện khác :

— Cảnh ở đây đẹp Lâm nhỉ ? Mình tiếc rằng mang ít đồ vẽ quá. Nếu vẽ hết cảnh đẹp ở vùng này tôi chắc cũng đủ tranh làm một phòng triển lãm. Cứ về ngay ở vườn nhà cũng được đến mười bức đẹp rồi. À, chúng mình đi ngắm cảnh đi.

Nhân tiện cậu về, cậu đưa mình đi xem quanh vùng một thê. Nói xong Phong nhanh nhẹn đứng lên sờ chân vào giày đi ra ngoài.

— Đây chiều rồi, cậu muốn đi nên mặc áo ấm vào, gió ở đây nhiều lắm, sợ cậu chịu không quen nhờ bị cảm.

— Cậu khỏi lo, mình quen với nắng gió từ lâu rồi, nếu động một chút là phải cảm thì làm họa sĩ sao nổi.

Muốn cho bạn tin lời mình nói là thật, Phong dơ tay nắm lấy tay Lâm kéo ra phía cổng.

Buổi chiều nay trời không có nắng. Từng trận gió thổi mạnh làm rụng rất nhiều lá úa. Tiếng lá đập vào nhau rào rào, phía sau những ngọn đồi, từng phiến mây nặng nề đè ẩn những ngọn thông xuống. Màu xanh của đồi núi không tươi mát nữa, nhưng xám quạnh và đặc sệt như màu sơn sắp khô. Từng tiếng hú dài vắng lại từ đằng xa do gió lùa vào khe rừng đập vào sườn đồi vang trở lại. Vài đám khói trắng đục bay lơ lửng bốc lên từ những cánh rừng ở phía xa làm cho Phong thấy bàng hoàng.

Trong khi ấy Lâm cúi đầu xuống nhìn màu đất đỏ. Lâm lấy chân hất khe khẽ vào mặt đường làm cho bụi bám đầy vào đôi giày đen đã trở thành màu nâu.

Đột nhiên Lâm chỉ tay ra phía trước mặt hỏi Phong :

— Cậu có nhìn thấy ngọn đồi như nắp vung ở đằng xa kia không ?

Phong phóng mắt nhìn và gật đầu tỏ ý trông thấy.

— Đây, từ ngọn đồi ấy vòng qua cái thung lũng bên trái, rồi đến ngọn đồi thấp phía sau này là đất của mình đấy, nhưng...

— Nhưng làm sao ? Phong hỏi.

— À, mà thôi cậu chả nên biết làm gì, cậu lên chơi đây với mình, ở với mình cho vui là đủ rồi.

— Đất rộng nhỉ, những đồi chè đẹp quá, ở xa trông như tấm thảm xanh mượt tưởng có thể nằm ngủ ở trên được.

— Ờ, mùa hái chè vui lắm, mình tiếc cậu không lên dùng dịp đó, mà rồi đây chắc chẳng còn dịp nào cậu có thì giờ

lên chơi nơi đây nữa nhĩ. Nếu có dịp thì ít nhất cậu cũng nhìn thấy sự thay đổi.

— Thay đổi gì mới được chứ? hay cậu định biến khu đồi chè này thành một xưởng máy nguyên tử?

Phong hỏi đùa Lâm cho vui, vì Phong đã nhận thấy ở giọng nói, ở giảng điệu Lâm có những u uẩn gì đang cố đè nén để khỏi lộ ra. Lâm nhếch mép cười, nụ cười thật thà, nhưng gượng gượng.

Con đường đất đỏ bò ngoằn ngoèo như con rắn chạy ôm lưng đồi rồi mất dần vào vườn chè. Phong quay nhìn lại thì căn nhà của Lâm đã bị lấp sau ngọn đồi. Những đám mây nặng sùng nước như muốn đổ xuống. Lâm giờ tay lên coi giờ:

— Thôi gần tối rồi, trời lại sắp mưa, chúng mình về thôi, để mai tôi đưa cậu đi về cả ngày. Lâm nói xong quay phắt người lại. Gió thổi mạnh quá làm cho đầu tóc của Lâm rối bù in lên nền mây như một chiếc tổ chim.



TỐI hôm ấy, Lâm ngủ với Phong. Hai người nằm chung trên chiếc đi-văng. Ở bên ngoài tiếng mưa rỏ tí tách mặt thêm. Lá cây sào sọc.

Tiếng rit như còi tàu của từng cơn gió mạnh lùa qua thung lũng. Cánh cửa kính rung bập vào khuôn. Vài tiếng chó sủa đêm nghe thê thiết. Tiếng chim từ quy vọng đến náo nức. Phong trăn trọc mãi không ngủ được, có lẽ tại giấc ngủ ban trưa. Trong khi ấy Lâm đã ngủ say sau mấy giờ tâm sự. Tiếng thở không đều của Lâm nhiều lúc như đứt quãng. Cho tới phút này Phong mới hiểu rõ hoàn cảnh của Lâm, một hoàn cảnh co rúm lại như bàn tay hủi. Cứ nhắm mắt thì Phong lại thấy hiện ra năm ngón tay nhựa đang kêu cào xiết vào cổ Lâm — và tiếng Lâm thét lên làm vang cả núi đồi.

Phong mở mắt nhìn trừng trừng vào bóng tối. Chắc lúc này cũng đến 2, 3 giờ sáng. Phong nghĩ thầm và mong cho bình minh sớm trở lại để cứu Phong thoát khỏi ám ảnh. Trong đêm tối dày đặc của tâm hồn, Phong thấy nhô lên những hình ảnh, này mái tóc xanh mướt, này đôi mắt bồ câu, này làn môi tươi thắm màu son, này đôi tay trắng muốt như ngọc cần dịu dàng ôm ấp mộng hoa niên.

Rồi đến một con đường nhỏ heo hút với hai hàng cây sơ xác gục đầu dưới ánh đèn quanh quẽ của Hà-Nội ngày xưa. Một mái nhà xinh xinh. Một khung cửa sổ. Một nữ sinh tên là Yến. Bức thư tình bị dẫm nát. Những thất vọng náo nùng của tuổi thanh xuân.

Lâm đã kể lại với Phong tất cả sự nổi chìm của cuộc đời, từ lúc lìa bỏ gia đình, lìa bỏ đường phố miền thân, lìa bỏ Phong và những thằng bạn yêu mến khác để một mình đi dựng cuộc đời. Lâm đã làm ma cà bông, làm phu bến tàu, đi buôn lậu thời Nhật, thời Pháp, làm chủ hãng buôn. Lâm đã từng nắm trong tay bao nhiêu triệu rồi lại trắng tay, phải đi chạy hàng sách kiếm vài trăm một. Sau những cố gắng và gặp may Lâm lại có tiền và có rất nhiều. Nhưng gần một năm nay, Lâm bị thua lỗ quá nhiều. Hôm qua Lâm phải lên Đà-Lạt ký giấy bán cái đồn điền này mà cũng chưa đủ tiền trả nợ. Lâm chỉ còn ở đây độ vài tháng nữa rồi sẽ rời đi nơi khác mà chưa biết sẽ đi đâu. Sự chìm nổi ấy Phong cũng cho là lẽ thường của cuộc đời nhưng, người đàn bà có cái tên Yến đã làm Phong ghen ngào. Người đàn bà ấy Lâm đã gặp ở trong một hộp đêm ở trung tâm thành phố trong mấy năm trước. Sau sự đi lại thường xuyên, và nhận thấy ở người con gái này không phải là hạng gái điểm tầm thường, Lâm đem lòng thương và lấy làm vợ, là chị Lâm bây giờ.

Tiếng nói của Lâm âm âm trong bóng tối :

— Cậu đừng cười mình nhé! Mình lấy Yến sau khi đã biết rõ đời tư Yến, một đời tư thực một trăm phần trăm, chứ không phải là thứ đời tư được tạo ra do óc tưởng tượng của các cô gái giang hồ thuở trước.

Mình đã bị đàn bà phụ nhiều rồi, và trái lại, nhưng chưa bao giờ mình lại được gặp một tâm hồn đàn bà đáng yêu như thế. Nhưng, Phong ơi! làm sao mà biết được? làm sao mà biết được?...

Mình chắc cậu cũng biết Yến, hoặc có nghe thấy nói đến Yến ở Lò-Đúc, nữ sinh Đồng-Khánh, con ông phán S. ấy mà.

— Ờ, tôi có nghe nói đến, nhưng sao lại có thể như thế được nhỉ? Có ta đã lấy một Bác sĩ trước khi xảy ra chiến tranh kia mà.

— Đùng rồi, chính Yến ấy đó. Nhưng khi chiến tranh xảy ra ít lâu thì ông Bác sĩ kia chết vì một trận ném bom vào đúng Quán Y Viện do ông ta phụ trách. Sau khi chồng chết được mấy tháng, Yến vào thành với ý định quyết trả thù tên phi công nào đã lái chiếc phi cơ oanh tạc nọ, và Yến đã thù được, bằng cách hy sinh thẻ xác để lấy một tên Trung Úy Không Quân Pháp. Yến dò hỏi và được biết tên tuổi viên phi công đã lái chiếc máy bay đó. Yến làm quen và rủ đi chơi. Cậu còn lạ gì cái tính háo sắc của tụi lính Pháp dù là sĩ quan. Vô tình một đêm kia tên phi công đã ngã gục dưới viên đạn súng lục mà Yến đã lấy dấu của tên Trung Úy Pháp đem đi theo mình. Trả được thù rồi, Yến lại trở vào hậu phương. Về sau, không chịu được kham khổ lại về thành để lấy một tên phú hộ già. Thời kỳ này Yến có tiền, Yến ăn chơi tha hồ. Hắn thuê hẳn một biệt thự cho Yến ở. Thực ra, Yến cũng chẳng thấy vui gì vì hoàn cảnh chưa cho phép Yến làm hơn được cho nên Yến đành mặc đời mình trôi theo số phận. Cho tới một ngày kia, Yến được biết tên này đang làm tay sai cho Pháp để giết hại đồng bào vô tội.

Thế là Yến khinh bỉ rồi bỏ hẳn. Có điều tai hại là trong thời gian ở với hắn, Yến đã nhiễm phải cái tật thích ăn chơi và làm quen với đảng điểm. Chính vì lý do đó mà Yến phải lẫn mình vào vòng sa đọa. Yến đã khóc với mình rất nhiều Phong ạ! Yến đã yêu mình vì sau bao nhiêu ngày tháng dầy dụa, Yến muốn tìm một chỗ nghỉ chân, như con chim trời phiêu bạt đến đâu rồi cũng có một ngày tìm về tổ ấm.

Thế là đã năm năm rồi đấy. Năm năm biết bao nhiêu kỷ niệm. Chúng tôi ở với nhau sang năm thứ 2 thì Yến có mang. Yến vui mừng hết sức và mình cũng thế, vì còn gì sung sướng hơn là có một đứa bé ra đời làm vui cảnh gia đình. Nhưng hy vọng chưa nuôi đã vội tàn trong cay đắng. Yến có mang được 6 tháng thì bị sảy và bị băng huyết. Hai đứa tôi đều khóc. Từ đó Yến ốm và thẻ xác cứ suy sụp dần dần, cho tới hồi cuối năm thì nửa thân Yến bị bại hẳn không đi lại được. Có nhiều lúc Yến ngất đi rồi sống lại. Đêm đêm Yến thường thét thật to và kêu gào. Yến nhìn thấy tên phi công mà Yến bắn nó ngày trước hiện về giơ bàn tay đầy máu bóp cổ nàng. Yến nhìn thấy cả tên phú hộ hiện ra sỉ vả nàng là vô tình bội nghĩa, và còn nhiều hình ảnh khác nữa. Nhưng

tất cả những hình ảnh kể trên không làm cho Yến khổ não bằng hình ảnh một cậu học trò người nhỏ bé, có đôi mắt thơ ngây, có mái tóc hồng như mây núi, cứ mỗi chiều đi qua nhà Yến nhìn say đắm. Rồi một chiều cậu học trò si mê ấy đón buổi học về trao cho Yến lá thư xanh với bàn tay run như sợ hãi. Nhìn thấy giáng điệu ấy, Yến cười to với bạn hữu và lấy tay đập mạnh cho lá thư rơi xuống đất rồi lấy guốc dẫm nát. Cậu học trò đau đớn cúi mặt cúi đi giật vào hàng rào tầm xuân. Chiếc bóng gầy gầy đổ xiêu rồi chìm dần vào bụi đường mất hút.

Yến những tưởng rằng sự độc ác của tuổi trẻ rồi nó sẽ phai mờ trong ký ức nào ngờ đâu trong những ngày tàn lụi của cuộc đời nó bỗng trở về, và trở về mãnh liệt làm mờ hẳn những hình bóng khác. Yến khóc lóc thâu đêm vì sự tàn nhẫn của mình do tuổi thơ gây ra — và Yến đã gục đầu vào vai mình nói qua ngấn lệ :

— Anh ơi! em thú thật rằng, trong đời em, em chỉ còn yêu có một hình bóng đó thôi. Em biết rằng nói thế là có lỗi với anh lắm, nhưng biết làm sao được ?

Cậu cũng biết rằng, khi nghe Yến nói thế mình đau biết chừng nào. Mình thương yêu và cứu Yến thoát khỏi một kiếp dọa dẫm. Yến đau ốm mình hy sinh bao nhiêu tiền và công lao khó nhọc. Mình thất bại ở cuộc đời về tiền bạc, mình mong có Yến ở tâm hồn, mà nay ở cuộc đời thì thua tiền mà trong lòng thì thua tình. Cậu bảo thế có đau xót không?

Sự thực, hình ảnh cậu học trò nào đó mà Yến mến thương lúc này có đứng ngay trước mặt Yến, chắc nàng cũng không nhận được, và cậu học trò nhỏ bé kia, bây giờ thời gian có làm cho cậu lớn không lên, nếu để cho cậu nhìn thấy Yến lúc này chắc cậu ta cũng không có can đảm mà viết bức thư tình thứ hai cho Yến.

Tôi nói ra với cậu chuyện này, không phải tấm lòng thương yêu Yến đã nhạt trong tôi, trái lại không hiểu vì đâu, tôi thấy tôi có bồn phận làm cho Yến được vui sướng, tôi thú thật, đời tôi chưa hề yêu người đàn bà nào từ trước tới nay bằng Yến, kể cả lúc này Yến đã thành một phế nhân, già yếu chứ còn đâu xuân sắc như xưa.»

Người Phong toát cả mồ hôi, tuy bên ngoài gió lạnh lắm. Những lời Lâm kể lúc tối mà Phong cảm thấy dư âm của nó còn đủ tác động đâm vào đầu não Phong những mũi dao nhọn. Lâm ngủ say đưa chân gác lên người Phong. Hai tay Lâm cào xước mặt dẹt sồn sột. Tiếng thở của Lâm không đều như tắc nghẹn ở cổ. Nào có ai ngờ sự việc xảy ra quá phũ phàng như thế? Nếu Lâm biết được cậu học trò nhỏ bé kia là Phong thì câu chuyện sẽ ra sao nhỉ? Mỗi tình buổi ấu thơ Phong đã quên đi, vì Phong cho là cái không may của cuộc đời, và do sự đại dột của tuổi trẻ. Phong dấu kín không hề cho ai hay biết. Phong đã xấu hổ và đau đớn, cái đau đớn của người trai mới lớn, biết yêu và không được yêu. Phong đã tủi hờn khi nhìn thấy lá thư tình thứ nhất của mình gửi đi bị di nát dưới bàn chân tàn nhẫn của nhan sắc. Phong thật không ngờ câu chuyện hai mươi năm về trước lúc này lại quay về hành hạ Phong trong câm nín, trong đêm tầm tối, với tiếng gió hú sau dèo lạnh lẽo. Phong cũng chẳng bao giờ ngờ được nạn nhân của câu chuyện này lại là Lâm, người bạn đáng thương. Nếu Lâm biết, chắc chẳng bao giờ Lâm dám mời Phong lên chơi nơi đây để trước khi Lâm ngủ, Lâm còn cố năn nỉ nhờ Phong vẽ cho vợ mình một tấm chân dung làm kỷ niệm. Lâm chắc cũng nhìn rõ rằng Yến chẳng sống được bao lâu nữa, cho nên Lâm muốn có một hình ảnh do nghệ thuật tạo nên.

Phong lo sợ giờ phút gặp Yến, nếu mình còn có một nét nào của tuổi ấu thơ mà Yến nhận ra, mà từ chối không vẽ thì sợ phụ lòng Lâm. Quanh quần mãi trong cái vũng lầy trí não Phong đã nghe thấy tiếng gà gáy cất lên từ cuối vườn. Trong khi ấy Lâm cựa mình. Phong nằm im như ngủ say. Một lát sau Lâm nhồm dậy mở cửa nhè nhẹ đi ra ngoài.



MƯA gió liên miên đã hai ngày rồi. Đồi núi như bao phủ bởi một lớp sữa từ sáng tới tối. Tiếng gió hú lạnh lùng thổi sâu vào rừng thẳm. Thời gian dằng dặc, Phong quanh quần hết đứng lại ngồi nhìn ra đồi núi xem mưa phủ mịt mùng như một tấm màn tang vĩ đại. Phong không còn ngạc nhiên với sự tàn lụi của không khí nơi đây. Phong thấy ngực như nghẹn thở.

Lâm luôn luôn có bên cạnh mong làm cho Phong được vừa lòng trong những ngày Phong lên ở đây. Thấy mưa gió dầm dề không biết lúc nào tạnh, Lâm năn nỉ Phong vẽ chân dung cho vợ mình trong khi chờ đợi ngày nắng ráo để Phong có thể đi vẽ bên ngoài.

Không nỡ phụ bạn, Phong sửa soạn đồ dùng để vẽ chân dung Yến. Phong đưa mắt nhìn Lâm thấy Lâm tỏ vẻ sung sướng.

Đồ dùng đã soạn xong. Lâm nhanh nhẹn đưa Phong lên gian nhà chính. Lâm dẫn Phong đi qua một hành lang dài ẩn sâu vào một căn phòng khá rộng. Lâm mở khe khe cửa phòng. Ánh sáng trong phòng mờ mờ không rõ gì cả, vì ở ngoài nhìn vào. Những chiếc cửa sổ đều đóng kín trừ một cánh sát góc bên phải cửa ra vào mở hé hé, nhưng vì màn cửa hơi đậm cho nên ánh sáng lọt vào chẳng được bao nhiêu.

— Minh ơi! anh Phong đã lên hỏi thăm mình.

— Chào chị ạ! thưa chị mạnh.

Tuy Phong chưa nhìn thấy Yến nằm ở góc nào cả nhưng thấy Lâm nói cũng đành phải nói theo.

— Dạ, cảm ơn anh giọng nói ngân lên yếu đuối nhưng không kém phần trong trẻo — Minh mời anh ngồi chơi.

Lâm cầm tay Phong dắt vào. Lúc này mắt Phong quen dần với thứ ánh sáng đặc biệt ở căn phòng. Lâm đưa Phong ngồi vào chiếc ghế sa lông đóng theo kiểu đời vua Lo-Y Thập Từ kê phía cuối phòng. Lâm ghé ngồi xuống giường kê chéo góc để cho ánh sáng khỏi xuyên thẳng vào chỗ nằm.

— Minh hôm nay có khá không? Minh muốn gì để anh làm?

Lâm hỏi vợ bằng một cách hết sức triu mến.

— Sáng nay em thấy dễ chịu nhiều, bên ngoài hình như trời mưa to phải không mình?

— «Nho nhỏ thôi mình ạ! nhưng gió to lắm.»

Một cảm giác là lạ, làm cho da thịt Phong gợn lên, Phong không thể tin được người nằm kia là Yến, là một cô gái cách đây hai mươi năm đã làm Phong say mê cuồng dại.

Qua ánh sáng mờ Phong chỉ nhìn thấy một cái sọ người biết cử động. Hai hố mắt trũng sâu và thâm quầng nổi bật giữa màu xanh tẻ tái của sắc mặt. Chiến chần lên màu hồng tía đắp lên che kín ngực cũng không đủ xua đuổi sự xanh xao của bệnh tật và đau buồn.

— Minh ơi! anh Phong là họa sĩ lên đây, ở với chúng mình ít hôm để anh ấy vẽ phong cảnh sửa soạn cho cuộc trưng bày vào cuối năm, nhân tiện anh có nhờ anh Phong vẽ cho mình một bức chân dung làm kỷ niệm, mình bằng lòng nhé! Lâm nói xong đưa tay lên vuốt tóc vợ.

—Ồ, hình ảnh em lúc này xấu quá rồi vẽ làm gì cho mất công của anh Phong. Yển nhìn chòng rỗi nhìn Phong làm cho Phong thấy hình như có một luồng điện chạy từ kẽ tóc tới bàn chân.

—À, anh Phong, anh ở đây với chúng tôi lâu lâu cho nhà tôi vui nhé! Giọng nói của Yển có vẻ khó nhọc.

—Thưa chị vâng.

Lâm quay sang nói với Phong :

—Anh sửa soạn đi, nhà tôi bằng lòng rồi đấy, thật là may lắm.

Phong biết rằng Lâm nói như thế để dụ Yển vào một tình trạng khó từ chối. Phong cúi xuống mở nắp hộp màu, còn Lâm dựng giá vẽ.

—Căn phòng hơi tối khó nhìn rõ màu sắc và đường nét, có thể mở thêm được một cánh cửa nào không Lâm? Phong hỏi sẽ.

—Mở ra sáng quá, nhà tôi không chịu nổi, hay là kéo rộng cái màn cửa ra một chút.

—Cũng được!

Phong đặt tấm khung vải lên giá vẽ soay qua, soay lại để tìm thế cho chỗ nhìn hợp với ánh sáng xong Phong cầm bút chấm vào màu vạch nét đầu tiên trên mặt vải.

Tâm hồn Phong hoang mang. Những nét bút run run chạy ngoằn ngoèo không định — chưa bao giờ Phong thấy mình làm việc vụng dại đến thế. Đầu óc Phong lúc này như đang

bị muôn vạn con vật nhỏ li ti gặm nhấm. Hình ảnh của cô nữ sinh Đồng-Khánh tuổi 16 hiện ra chập chờn dưới nét bút. Mắt Phong thấy cay cay và nặng. Những tảng màu ướt nhầy nằm hỗn loạn làm mặt vải thu hẹp dần lại. Phong vẽ như kẻ mất hồn. Phong không dám nhìn thẳng vào mặt Yến. Phong vẽ bằng tiềm thức và bằng kỷ niệm. Lâm ngồi nguyên như pho tượng đưa mắt nhìn vợ rồi lại nhìn vào bức tranh. Những miếng màu vừa đặt vào lại bị lấy đi ngay bởi những nhát dao vẽ. Mỗi lần đưa dao lên cạo vào mặt tranh Phong có cảm tưởng như lưỡi dao ấy nạo vào chính xương mình nghe rào rạo. Phong lùi xa rồi lại tiến gần. Tiếng đập mạnh của nét bút sơn vào mặt vải tưởng như tiếng búa nện trên mặt quan tài. Phong vẽ trong đau xót triền miên quên cả Lâm đang chăm chú nhìn, quên cả Yến đang nắm hắt hiu trong cái sa mạc của dĩ vãng.

Nét mặt Lâm cứ biến đổi dần dần theo nét vẽ của Phong. Lâm tin rằng bạn mình có tài, nhưng Lâm đã hơi thất vọng khi trông thấy màu sắc và nét vẽ không giống vợ mình chút nào. Một nét mặt xanh xao ốm yếu thế kia. Một khối đau buồn đang đè nặng trong mái tóc rối tung kia. Một thể giới xa vắng đã ôm chặt lấy thể xác chết một nửa kia mà sao Phong không nhìn ra, lại đi vẽ những sắc màu tươi vui với nét phơn phớt trên gương mặt trẻ dại của cô gái 16 tuổi ?

Lúc này Phong đã bị quyến rũ bởi sắc màu, Phong không còn tự chủ được nữa. Hai mắt lim dim, đầu ngả nghiêng say sưa vờn nhẹ màu hồng lên đôi má yêu kiều. Đôi mắt của người trong tranh, đôi mắt bồ câu đen lay láy, nhìn Phong như thuở nào nghịch ngợm. Làn môi dưới hơi trễ ra như kiêu ngạo với cuộc đời. Người trong tranh thoát ra một hơi ấm, một làn hương. Phong mê man ngất. Người trong tranh đã dẫn dắt Phong về với nẻo đường xa cũ mà Phong chẳng bao giờ ngờ rằng mình sẽ đi trở lại. Phong đã pha đi, trộn lại màu tím của chiếc áo mùa xưa. Màu áo tím ngăn ngắt bay bay trên mặt hè Hà-Nội những giờ tan học. Những cánh hoa xấu trắng ngà rơi lổm đổm trên màu áo đẹp làm sao ? Ôi đẹp làm sao, tuổi 16 ơ ? Phong kêu nhẹ nhẹ trong cuống họng giữa sự ngạc nhiên của Lâm mỗi phút mỗi tăng đề trút ra những tiếng thở dài và lắc đầu chán nản.

Lúc này, trước mắt Phong làm gì có Lâm và chị Lâm

đang ốm nằm đau khổ nơi kia. Trước mắt Phong chỉ còn lại cô nữ sinh là Yến của tuổi 16.

Đột nhiên mắt Phong quắc lên. Hai hàm răng nghiến chặt vào nhau kêu ken két. Phong cúi xuống nhặt con dao vẽ nằm chặt trong tay. Phong đứng nguyên trước bức chân dung của Yến. Phong đưa mạnh lưỡi dao vẽ cạo vào mặt tranh. Màu sắc quện nhau dính vào lưỡi dao rơi lả tả xuống mặt sàn. Bức tranh bị xóa nhòa nhoẹt. Hình ảnh của bức thư tình đầu tiên bị dẫm nát với tiếng cười kiêu căng của Yến năm nào. Hình ảnh một cậu học trò nhỏ bé đi siêu vẹo trên mặt hè gió bụi với bao nhiêu túi hồ. Lòng tự ái bị bóp nghẹt — vết thương rớm máu và trào ra khòe mắt những giọt lệ đầu trong tuổi thơ ngây.

Nét bút của Phong lại chạy trên mặt vải. Những nét bút tàn nhẫn ghi lại sự thật phũ phàng. Màu sắc tái tẻ chạy dần dần lấp kín màu sắc tươi vui. Những nhát dao ấn xuống mặt vải như muốn cắt đứt mặt tranh thành trăm ngàn mảnh. Mắt Phong dại khờ rồi theo trong ánh sáng mờ mờ nét mặt của Yến nằm nhọt nhọt như người chết đuối. Niềm đau xót lại dâng lên, dâng lên rồn rập rồi ứ đọng lại dưới nét bút lông mềm mại. Toàn thể bức tranh đã biến thành hoa sắc xám. Ánh mắt Lâm sáng lên khi nhìn ra bóng hình của vợ mình hiện dần lên mặt vải. Phong vẽ quên cả mệt. Yến lúc này thiêm thiếp, hai mắt nhắm lại — gian phòng yên tĩnh không có một tiếng động trừ tiếng bút và tiếng dao đập vào mặt vải. Phong nheo mắt nhìn Yến rồi lại nhìn vào bức tranh. Màu tang tóc phủ đầy trên mặt vải. Chao ôi! nét mặt đau thương kia, có ai ngờ là kết quả của một vài kỷ niệm. Phong thấy khổ sở hơn bao giờ hết. Phong rầy rụa trong niềm thương vô bờ bến. Phong mạnh tay ấn bút vào màu đen rồi quệt lên mặt vải. Cả người Phong đổ siêu vào mặt tranh. Phong ôm ghì lấy bức họa khóc nức nở giữa đôi mắt mở to ngạc nhiên của Lâm...

TẠ TÝ

KHÔNG chịu đựng nỗi nghèo nàn là một điều nhục nhằn, không biết lấy sự làm việc để đuổi cái nghèo nàn đi, thì càng nhục hơn.

PÉRICLÈS

Phần thứ ba

Phần thứ ba của Văn Hũu số 7 này được hoàn thành với sự gom góp tin tức và tài liệu của các bạn : Thượng Sĩ — Hoàng Lan — Sĩ Trung — Nhị Giang — Nguyễn Thanh Nam — Duy Anh và Nguyễn Cửu Vịnh.

Gió Đông... gió Tây...

TIN VĂN HÓA VIỆT-NAM

LỄ TRUY NIỆM NHÀ VĂN PHAN KHÔI. — Sáng hôm 9-7, lễ truy niệm nhà văn Phan-Khôi đã diễn ra tại tòa Đô sảnh.

Trước một bàn thờ có chân dung cụ Phan-Khôi, khói hương nghi ngút và với một số đông người đến dự lễ, vẻ mặt trang nghiêm, người ta có cảm giác như hương hồn người quá cố cũng lần quất đầu đây.

Ông Nguyễn-Trác và Nguyễn vạn - An nhân danh ủy ban chống chính sách nô dịch văn hóa miền Bắc, tuyên bố lý do của buổi lễ truy điệu này, rồi sau đó giới thiệu với các diễn giả.

Trước hết nhà văn Nguyễn-Vỹ nói về thân thế và sự nghiệp của cụ Phan - Khôi, tiếp theo ông Phú-Đức thuật lại một giai đoạn làm báo ở miền Nam của nhà văn lão thành quá cố.

Diễn giả thuật lại khi cụ Phan-Khôi đứng ra chủ trương tờ « Nhân Văn » ở Hà-nội, mở màn cho cuộc tranh đấu chống cộng tại đất Bắc mạnh mẽ gây được vang hưởng quốc tế và làm cho nhà cầm quyền cộng sản bị bối rối.

Sau đó báo Nhân Văn đóng cửa, cụ Phan và các anh em nghệ sĩ bị đàn áp, bị khủng bố, hoặc bị tù đầy đưa qua các trại giam, các công trường làm công việc khổ sai. Riêng cụ Phan bị trừng phạt một cách đặc biệt bằng cách bao vây kinh tế, cô lập hóa đời sống, và cắt đứt mọi giấy liên lạc, khiến cụ kéo dài những ngày sống cuối cùng vô cùng thiếu thốn, và tật bệnh không thuốc men. Cho đến ngày 6-1-1959, cụ Phan quá kiệt lực đã trút hơi thở cuối cùng tại căn phòng nhỏ hẹp ở phố Thuốc Bắc

(Phúc Kiến cũ) và hưởng thọ được 73 tuổi.

Nổi lời các diễn giả, chỉ ruột cụ Phan-Khôi là cụ Phan-Thị-Lộc 75 tuổi cảm động, đứng ra nói mấy lời cảm ơn đồng bào và quan khách.



CUỘC PHÁT GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG CỦA TỈNH VIỆT VĂN ĐOÀN.— Cuộc phát giải thưởng văn chương của Tỉnh-Việt văn đoàn đã được tổ chức tối hôm 23-6 tại Anh Vũ quán, với sự có mặt của số đông văn nghệ sĩ và nhà báo.

Ông Phạm-đình-Tân trước hết nói qua về lịch sử hoạt động của Văn đoàn Tỉnh-Việt, rồi nhường lời cho ông Phạm-đình-Khiêm giới thiệu các tác phẩm được giải và các tác giả. Không ai trúng giải nhất, nên số tiền 2 vạn đồng chia làm ba giải khuyến khích. Đó là ba cuốn tiểu thuyết: Một thời ly loạn của cô Đặng-Ngọc-Đàn tự Chi - Lan - Thảo; Mầu hoa phượng của Nguyễn - Thạch-Kiên và Đường xa chi mấy của Trịnh-Văn-Tiên.

Giải Lecomte du Nouy về khái luận và phê bình không ai trúng giải nên đề qua năm sau.

Mấy tác giả được giải thưởng

ngoài số tiền, còn được một văn bằng của ban giám khảo tặng làm kỷ niệm. Tiếp theo sau cuộc phát thưởng đến phần trình diễn ca vũ làm vui tươi buổi dạ hội.



KẾT QUẢ CUỘC THI SÁNG TÁC CA KỊCH CẢI LƯƠNG KỲ THỨ NHẤT NIÊN KHÓA 1960.— Hội đồng giám khảo cuộc thi sáng tác ca kịch cải lương kỳ thứ nhất năm 1960 do Văn Hóa Vụ tổ chức gồm có các Ông:

Chủ tịch : Nguyễn - Thành - Châu tự Năm-Châu, soạn giả.

Giám khảo viên : Nguyễn-Thành - Cung, Tổng Thư Ký Phủ Tổng Thống.

Giám khảo viên: Lê-Tấn-Lợi, soạn giả.

Giám khảo viên : Duy - Lân, soạn giả,

Giám khảo viên : Nguyễn-Duy-Miền, Văn Hóa Vụ Trưởng, đã họp kỳ chung khảo ngày 2-7-1960 tại Saigon.

Hội đồng quyết định cấp 2 giải thưởng khuyến khích cho hai kịch bản sau đây :

1) Nhị Độ Mai của Vạn-Lý 8.000\$00

2) Hoa Đào Năm Cũ của Ông

Lương-Anh tự Thanh-Quang
8 000\$00

Cuộc thi sáng tác Ca kịch
Cải lương thứ hai sẽ khóa sổ
ngày 15-8-1960.



MỘT CUỐN PHIM CỦA VIỆT-NAM ĐOẠT GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ. — Một cuốn phim Việt-Nam đã đoạt « giải thưởng đặc biệt » tại đại hội Điện ảnh quốc tế lần thứ mười ở Bá-Linh (Tây Đức) Đại hội đã kết thúc ngày 5-7 sau 12 ngày phê bình 82 cuốn phim của 32 quốc gia.

Cuốn phim « Đứa con của biển cả » của Việt-Nam Cộng-hòa đoạt giải thưởng đặc biệt dành cho những phim về thanh niên.

Hai cuốn phim Inhérit the Wind và Jungle cat của Hoa-Kỳ cũng được tặng giải đặc biệt. Tây-Ban-Nha chiếm giải « Gấu vàng » cao quý nhất đại hội với cuốn phim El Tazarillo de Ternees.



CÂU LẠC BỘ VĂN HÓA. — Một câu lạc bộ văn hóa vừa được thành lập ở 138 đường Tự Do, và đã bắt đầu khai mạc từ hôm 3-7. Câu lạc bộ mở cửa mỗi ngày từ 9 giờ sáng đến 12 giờ trưa, và từ 14 giờ đến 23 giờ, là nơi gặp gỡ các

nhà văn nghệ sĩ, trí thức, có phòng làm việc, một quán giải khát, và những thú chơi giải trí, như hòa nhạc, cờ tướng.

Có hai hạng hội viên : hội viên văn hóa và hội viên cảm tình.



CÂU LẠC BỘ BÁO CHÍ. — Hôm 5-7 đã khai mạc Câu lạc bộ Báo chí tại 15 đường Lê-Lợi Saigon, dưới quyền chủ tọa của ông Bộ Trưởng Bộ Thông Tin. Trong buổi lễ này, người ta nhận thấy rất đông các chủ báo, ký giả, văn nghệ sĩ và đại diện các ngoại giao đoàn ngoại quốc.

Câu lạc bộ được trang hoàng bày trí tân kỳ đẹp mắt là cả một sự cố gắng tu sửa kỹ lục của Hiệp hội báo chí.

Muốn gia nhập Câu Lạc Bộ, mỗi ký giả phải đóng tiền nhập hội 100 đồng và một lúc đóng 100 đồng nữa cho 4 tháng nguyệt liêm. Câu Lạc Bộ có bán đủ thứ đồ giải khát, có phòng đọc sách, các trò chơi giải trí, phòng hội họp, phòng làm việc.

Với Câu Lạc Bộ Báo chí này, kể từ đây, làng báo Việt-Nam được đưa lên hàng quốc tế. Đây cũng là một trụ sở xứng đáng, nơi gặp gỡ của gia đình báo chí ký giả Việt - Nam và Quốc tế.

THI VÀ TRIỂN LÃM TRANH NHỊ ĐỒNG — Văn Hóa Vụ Bộ Thông Tin phối hợp với Nha Tiểu Học thuộc Bộ Quốc Gia Giáo Dục sẽ tổ chức một cuộc thi và triển lãm tranh dành cho Nhi đồng.

Cuộc triển lãm này chỉ dành riêng cho Nhi đồng từ 7 tuổi đến 12 tuổi. Mỗi em được gởi dự 2 tấm tranh và tranh phải diễn tả « Đời sống hàng ngày của các em vui sống trong chế độ Cộng Hòa ».

Tranh rộng 30 phân $\times$ 40 phân, giấy cứng (giấy croquis) không lên khung và hình vẽ phải tô bằng màu.

Nhiều giải thưởng bằng sách quý sẽ dành cho những bức tranh đẹp và có ý nghĩa nhất.

Các bức tranh dự thi phải gởi tới « Ban Tổ chức Triển lãm tranh Nhi đồng 1960 » tại số 15 đường Lê - Lợi, Saigon. Ban này sẽ nhận tranh cho đến mùng 1 tháng 10 năm 1960 là hết hạn.



NHẠC

KỶ NIỆM NHẠC SĨ R. SCHUMANN. — Để kỷ niệm sinh nhật lần thứ 150 của nhạc sĩ Robert Schumann, Trung tâm Văn hóa Đức-quốc đã tổ chức một đêm trình diễn âm nhạc tại trường Quốc gia Âm nhạc vào ngày 9-6.

Sau khi ông Nguyễn-Phụng nói qua về tiểu sử R. Schumann nhạc sĩ dương cầm Đức Gerd Kaemper đã lần lượt cống hiến thính giả những bản « Les scènes d'enfants ; Réverie ; L'enfant qui s'endort ».

Tiếp theo với sự phụ họa dương cầm của nhạc sĩ Otte Sceller, bà Phyllis Althof Brill đã hát mấy bản « Fleurs de Lotus » ; Tu es comme une fleur, Clair de lune v. v... là những tác phẩm do chính Schumann soạn.

Sau hết ông Kaemper đã biểu diễn rất tài tình bản Etudes Symphoniques của Schumann được mọi người nhiệt liệt tán thưởng.



NHẠC SĨ PHI-LUẬT-TÂN ROMÉRO BIỂU DIỄN VĨ CẦM.—

Tối 13 - 6 tại trường Quốc gia Âm nhạc, nhạc sĩ vĩ cầm Phi-Luật-Tân, Rodentor Romero đã cống hiến thính giả nhiều ngón đàn tuyệt diệu, với sự phụ họa dương cầm của nhạc sư Nguyễn-Cầu.

Nhạc sĩ Roméro năm nay mới 29 tuổi đã làm say mê khách mộ điệu thủ đô suốt buổi hòa nhạc với các bản « Prélude et Allégo » của Krcieler, « Roado » của Mozart,

« Sonate No 12 » của Paganini, « Le Printemps » của Beethoven và các nhạc phẩm khác của Saint Saens, Micasser Abelardo, Roberto Vallejo, Chopin v. v... Ngoài ra ông còn chơi một nhạc phẩm Việt-Nam rất thành công.

Một phần tiền thu được đã giúp vào quỹ giúp nạn nhân hỏa hoạn.

Nhạc sĩ Roderto Romero đã từng lưu trú tại Hoa-Kỳ 8 năm. Ông giữ chức vụ đệ nhất vĩ cầm trong nhiều ban hòa tấu nổi tiếng của Hoa - Kỳ, như « San Francisco civic Symphony, American Symphony, Orchestra League »,

Trước khi viếng Việt-Nam. ông đã trình diễn tài nghệ ở Nam-Dương, Tân-Gia-Ba, Mã-Lai, Tân-Tây-Lan v. v...



HÒA NHẠC TẠI TRUNG TÂM VĂN HÓA ĐỨC. — Dưới sự điều khiển của nhạc trưởng Otto Soellner giám đốc hí viện Trives (ở Đức) một buổi hòa nhạc đã được tổ chức tại Trung tâm Văn hóa Đức tối 1-7.

Mở đầu, bà Jacqueline Ng. văn - Huấn, người chiếm giải nhất về vĩ cầm trong kỳ thi do Liên Hiệp nữ nghệ sĩ và nữ

nhạc sĩ ở Ba-Lê tổ chức — đã trình bày nhạc phẩm « Sonate en sol majeure » của Mozart với sự phụ họa dương cầm của nhạc trưởng Otto Soellner. Kỹ thuật điều luyện ngón đàn của Jacqueline Nguyễn đã làm say mê thính giả.

Tiếp theo bản « Sonate en Do majeur » của Beethoven soạn riêng cho vĩ cầm và dương cầm, đã được các nhạc sĩ Ngô như-Mai dương cầm, Nguyễn-huy-Chương vĩ cầm, Nguyễn-quý-Lâm alto, và Nguyễn-Giao đại vĩ cầm đồng trình bày. Ban nhạc này do nhạc trưởng Otto mới thành lập. Ban nhạc này cũng trình bày tiếp theo hòa khúc số 1 — mi bémol majeur của Beethoven.

Sau hết, cùng với sự phụ họa dương cầm của nhạc trưởng Otto, bà Althop Prill trình bày một loạt nhạc phẩm của Schumann nhan đề là « Frauenliche und Lebend ».



KẾT QUẢ CUỘC THI SÁNG TÁC TÂN NHẠC. — Cuộc thi sáng tác Tân nhạc kỳ thứ ba do Văn Hóa Vụ tổ chức (tháng 6 - 1960) đã có hơn 80 nhạc dự thi.

Hội Đồng Giám Khảo gồm có các Ông :

Ô.Ô. DƯƠNG-THIỆU-TUỐC

— VÕ-ĐỨC-THU

— TRẦN-VĂN-TÍN

— THẨM-OÁNH

đã quyết định cấp 3 giải thưởng khuyến khích cho ba nhạc phẩm sau đây :

1) Nụ Cười Ngày Đòi Mười của Mạnh-Bích 1.000\$00

2) Người em miền Bắc của Tuấn-Minh 1.000\$00

3) Hồ kéo lưới của Thùy-Linh 1.000\$00

Cuộc thi kỳ thứ tư đã khóa sổ ngày 15-7-1960.

DIỄN THUYẾT

NGUỒN GỐC DÂN TỘC VIỆT-NAM. — Hôm 9-6, tại giảng đường Văn Khoa đại học, ông Hoàng-Văn-Nội đã diễn thuyết về : « Nhận định về nguồn gốc dân tộc Việt-Nam. »

Khác hẳn với các nhà nghiên cứu về dân tộc từ trước tới nay như Đào-Duy-Anh, Hoàng-Thúc-Trám, Trần-Trọng-Kim, ông Hoàng-Văn-Nội chú trọng đến Chánh-Danh, Chánh-Vật.

Ông cho biết Thần-Nông không phải tên ông vua mà là tên một thời đại nông nghiệp mạnh nha. Toại-Nhận, là thời đại loài người kiếm thấy lửa, ăn thịt chín, thay cho ăn lông,

uống máu trong thời đại hồng hoang. Phục-Hy là thời kỳ loài người đã tiến được một bước dài, từ sinh hoạt săn bắn, cá cá bước sang sinh hoạt mục súc.

Riêng về chữ Lạc trong Lạc-Long-Quân, ông Hoàng-Thúc-Trám cho là loài vật bốn chân chứ không phải chim Lạc. Đào-Duy-Anh giải thích chữ lạc là chim lạc, hàng năm đến mùa lạnh dời miền bờ biển bay về miền Nam. Nhóm Việt-Tộc tự cho giống chim lạc trong những cuộc vượt biển. Khác hẳn mấy ông trên, diễn giả trình bày như sau :

Chữ lạc dù là con rồng, con lạc, dù là một giống thú ngủ ngày thì cũng do Lạc-Long-Quân hoặc Âu-Lạc mà ra. Hai chữ ấy đều do người ngoài mang tới, vậy chẳng nên chuốc lấy chữ Lạc làm gì.

Nói về truyền thuyết 100 quả trứng, diễn giả cho Lạc-Long-Quân có nhiều vợ và rất đông con. Bà Âu-Cơ lại thương yêu tất cả chúng nó như con đẻ của mình, nên được chúng coi như mẹ ruột. Người viết sử lại dùng những chữ quá bóng bẩy, cho nên câu : Nhất bao bách noãn bị dịch là một bọc trăm trứng, song thực ra là : Một mẹ nhiều con.

Bài diễn thuyết của ông Hoàng-Văn-Nội đã đem lại những bất ngờ và nhiều mới lạ cho thính giả.

Tuy nhiên đây mới là ý kiến của ông Nội; đúng hay không chúng ta cũng còn chờ các sử gia khác lên tiếng.



THỊ TRƯỜNG CHUNG.— Sáng 20-6, tại Viện Quốc Gia Thống Kê Sài-gòn, giáo sư Allais tại trường Cao Đẳng Ba-Lê đã nói về đề tài: «Thị trường chung và khu vực Mậu dịch tự do».

Diễn giả cho biết rằng trong mấy năm vừa qua đã xuất hiện hai dự án hợp tác kinh tế trên phạm vi quốc tế: dự án thiết lập thị trường chung, và khu vực Mậu dịch tự do.

Thị trường chung đã được đề ra sau một hiệp ước ký kết năm 1957 giữa 6 nước tham gia là: Pháp, Đức, Ý, Bỉ, Hòa-Lan và Lục-Xâm-Bảo.

Thị trường chung có 4 đặc điểm:

— Thiết lập một thị trường chung, trong đó có sự tự do lưu thông hàng hóa, tự do đầu tư.

— Mua cũng như bán hàng hóa trong thị trường chung phải được tự do

— Các nước tham gia thị trường chung phải thỏa thuận việc điều hợp các cơ cấu kinh tế vì thuế má của họ.

— Cần phải có một chính sách tương đồng ở Âu-Châu.

Dự án thiết lập Th trường chung được thực hiện thì sự lợi ích rất lớn, vì hàng hóa sẽ được lưu thông tự do, các nhà tư bản có thể xuất vốn trên thị trường vào những việc kinh doanh, và các công nhân cũng được kén chọn nơi làm việc hợp với ý muốn của mình.

Đề cập tới khu vực Mậu dịch tự do, ông cho biết rằng sáng kiến thiết lập đó là của Anh, vì Anh là quốc gia không hoàn toàn đồng ý về các nguyên tắc thiết lập thị trường chung.

Trong khu vực Mậu dịch tự do thì trái với những điều dự liệu cho thị trường chung. Các nước tham gia được tự do áp dụng một chính sách quan thuế về kinh tế theo ý riêng của họ.

Sau hết ông Allais nhấn rõ rằng giữa hai thể thức hợp tác kinh tế, không thể có sự dung hợp được. Vì những điểm dị đồng sau đây:

Thị trường chung áp dụng một giá biểu quan thuế chung trong khi đó thì những nước

tham gia khu vực mậu dịch tự do được tự do quy định chính sách thuế má của họ đối với các nước khác.

Đối với thị trường chung, cũng như đối với khu vực mậu dịch tự do không cần phải có sự điều hợp các cơ cấu kinh tế. Thị trường chung muốn có hiệu lực phải cần đến sự tương đồng, trái lại khu vực mậu dịch tự do tôn trọng chính sách riêng của mỗi nước tham gia.



TRƯỜNG HỌA BIỂU TƯỢNG Ở ĐỨC. — Tới hôm 28-6 tại Hội Việt Mỹ, bác sĩ Menfred Hutter giám đốc trung tâm văn hóa Đức quốc đã diễn thuyết về đề tài :

«Trường học biểu tượng hiện đại ở Đức quốc.»

Sau khi nói về môn phái ấn tượng về thế kỷ 19 đã làm đảo lộn phương pháp và chuyển hướng nghệ thuật hội họa — «Phản chiếu thiên nhiên và thực tế» — ở Châu-Âu, diễn giả phân tách hai môn phái biểu thị (expressionnisme) ở Đức «Die Brucke» (cái Cầu) và «Der Blau Reiter» (chàng kỵ mã xanh)

Môn phái cái cầu chủ trương rằng nếu chỉ có Mỹ (la beauté)

không thôi thì chẳng nghĩa gì nếu không có sự hòa hợp của chân (La vérité). Một bức họa chân, mà khuôn mặt chỉ vẽ đúng một cách bằng phẳng thì chưa đủ, song nên nhớ còn phải diễn tả cả những nét tinh thần ẩn ở đằng sau cái hình đặc biệt của khuôn mặt kia nữa. Nói gọn lại, đích chính của nghệ thuật Biểu Tượng là tìm ra cái «chân» dù phải hy sinh cái «mỹ».

Môn phái «chàng kỵ sĩ xanh» (le cavalier bleu) bên ngoài thì mang tính cách «trường biểu thị», song khác hẳn với phái «Cái cầu» vừa về lý thuyết lẫn thực hành. Những nghệ sĩ ở phái «cái cầu» có mang tính cách trí thức hơn nhẹ nhàng hơn trong lối diễn tả gần với thực hành hơn và trừu tượng hơn.

Người ta có thể nói các họa sĩ trong môn phái «cái cầu» có một cái gì nói lên dưới hình thức thông điệp xã hội, hay thái độ nhân loại; còn phái «Chàng kỵ mã xanh» coi hội họa như một thông cảm tâm tình với thiên nhiên, với vũ trụ, hoặc coi đó là một thể thơ, một thể nhạc tượng trưng.

Cuộc diễn thuyết kết thúc bằng chiếu phim những tác phẩm nổi tiếng nhất của hai

môn phái hội họa thuộc trường họa biểu tượng.

HỌA

TRIỂN LÃM THỦ ẤN HỌA TÚ DUYÊN.— Từ đầu năm, người ta đã được thưởng thức nhiều cuộc triển lãm hội họa, nhưng đặt biệt nhất, có lẽ là phòng triển lãm « Thủ ấn họa Tú-Duyên » trình bày hồi đầu tháng 7-1960. Đặc biệt, vì nó đòi hỏi ở người họa sĩ một kỹ thuật khác hẳn với các loại tranh vẽ bằng phấn màu, hay sơn dầu v. v... đặc biệt về cả những đề tài mang những hình ảnh hoàn toàn dân tộc.

Nhưng trước hết, ta cũng nên hiểu qua thế nào là thủ ấn họa.

Xưa nay ta làm mộc bản, nếu một bức họa có năm màu, bảy màu khác nhau, thì cũng phải làm năm hay bảy bản gỗ, song ở thủ ấn họa, thì người nghệ sĩ đã đạt đến một mức kỹ thuật khá cao. Ta có thể nói thủ ấn họa là kỹ thuật bố trí màu sắc bằng ngón tay trên những mộc bản trên những nét chính. Khi đặt lụa lên xoa màu sắc sẽ tiết ra những nét mà ngón bút ít khi tả ra được.

Trước kia, mộc bản chỉ có

thể làm trên giấy bản, giấy dó, thủ ấn họa của Tú-Duyên in trên lụa, và điều đáng cho người ta chú ý là dù phải dùng đến năm hay mười màu, họa sĩ cũng chỉ phải làm đến hai bản gỗ thôi.

Hiểu được thế, ta mới nhận chân được cái giá trị của môn thủ ấn họa, một bộ môn hội họa mang một tính cách dân tộc.

Cuộc triển lãm đầu tiên về thủ ấn họa của Tú-Duyên vào năm 1953 ở Saigon và Đà-lạt, rồi đến năm 1954 ở Hà-nội và Hải-phòng với những đề tài « Truyện cổ tích Việt-Nam » « Phong dao và Truyện Kiều ». Lần này đề tài chính của Tú-Duyên là « Chinh phụ ngâm ». Đem so với mấy cuộc triển lãm trước, riêng về kỹ thuật, ta thấy Tú-Duyên đã đạt đến một mức khá tinh vi. Người ta phải rất ngạc nhiên trước bức « Hội hè miền Bắc », bức « Màu sắc hội hè ». Không hiểu Tú-Duyên đã làm cách nào mà chỉ có hai bản gỗ làm tiết ra nổi lên được chín, mười màu rất quý, rất lộng lẫy.

Tất cả đề tài của Tú-Duyên đã đem lại cho tác phẩm của cái hồn, hồn dân tộc : người đàn bà đội nón quai thao, cô gái quê yếm thắm, quần lĩnh ; con lợn, con trâu, cậu trai chít

khăn tây để v. v... Tất cả đều gần gũi với chúng ta đều thân mật với chúng ta, vì vậy tranh Tú-Duyên dễ gây được cảm tình, dễ gây được thích thú cho người ưa Mỹ thuật.

Tôi tin rằng tác phẩm thủ ấn họa của Tú-Duyên nếu được đem trưng bày tại các nước ngoài thì đó cũng có thể là một « tiếng chuông » đánh lên cho người ta phải chú ý tán thưởng. (THƯỢNG SỸ)



TRIỂN LÃM TRANH SƠN DẦU CHÍ-NGỌ.— Trong các họa sĩ trẻ tuổi đang vươn, ta phải kể có Chí-Ngọ. Trước đây người ta đã được xem tranh Chí-Ngọ hồi 1959 trong cuộc trưng bày Hội Họa mùa Xuân Kỷ Hợi, Hội họa mùa Xuân Canh Tý, và Liên đoàn Hội họa Việt-Nam. Sang 1960; Chí-Ngọ có tranh dự ở phòng triển lãm Stanvac, và là một trong số 12 họa sĩ có tác phẩm được tuyển lựa gửi đi Mỹ quốc trưng bày.

Lần này Chí-Ngọ trưng bày riêng một phòng tranh với gần 70 bức sơn dầu, gồm 20 bức thuộc môn phái trừu tượng và 50 bức thuộc môn phái ấn tượng.

Người xem tranh về những môn phái này, thường thì không được bằng lòng lắm vì lẽ rất giản dị là khó hiểu, khó tìm được cái đẹp ẩn náu trong tác phẩm. Song ở đây, tranh trừu tượng của Chí-Ngọ đã làm cho người ta thông cảm được phần nào vì màu sắc tươi sáng và vui. Tranh trừu tượng của Chí - Ngọ, thực ra tuy không đến khó hiểu. Hãy đưa ra vài tỷ dụ: Bức « Mối độ xuân về » màu sắc rất sáng sủa, biểu lộ được một mùa tươi trẻ, tượng trưng được mùa xuân khi hoa mai đang tung bừng nở.

Bức « Đêm giao thừa » do những màu sắc hỗn hợp đã diễn tả được nỗi vui, nỗi buồn nỗi thất vọng của mỗi người.

Về môn phái ấn tượng, có hai bức đáng cho ta thưởng thức: « Trên sông » và « Xuân lễ chùa ». Bức này Chí-Ngọ biết phối hợp màu sắc một cách độc đáo, diễn tả ý tưởng được đúng một buổi sáng mùa xuân khá linh động.

Phần đông họa sĩ hiện nay đều ngả về môn phái trừu tượng, hoặc ấn tượng, biểu tượng. Chí - Ngọ đang bước trên con đường thử thách, tin ở sự cố gắng của ông, và chắc ông sẽ còn tiến nhiều.

T. S.

TRIỂN LÃM TRANH SƠN DẦU CỦA HỌA SĨ NGUYỄN-KHẮC-VINH— Ngày 28-7 vừa qua, tại phòng triển lãm thường trực Saigon, 165 đường Tự Do, họa sĩ Nguyễn - khắc - Vinh tự Duy - Hiền đã khai mạc phòng tranh sơn dầu dưới sự bảo trợ của ông Giám Đốc Mỹ thuật Học Vụ. Trên 50 họa phẩm được trưng bày một cách mỹ thuật càng làm nổi bật màu sắc mới lạ của phòng triển lãm của họa sĩ Duy-Hiền.

Họa sĩ Duy-Hiền xuất thân ở trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Hà-Nội và đã trưng bày tranh tại nhiều nơi trong nước. Giỏi mộ điệu hội họa đặt nhiều cảm tình vào loại tranh sơn dầu của họa sĩ và tin rằng với lối cấu tạo vững chắc về màu sắc cũng như nội dung, Duy-Hiền sẽ còn tiến xa hơn nữa.

Phòng tranh của họa sĩ Duy-Hiền kéo dài từ 28-7 đến hết ngày 7-8-1960. S. T.

TIN VĂN HÓA QUỐC TẾ

GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG.— Hàn Lâm Viện Pháp và nhiều tổ chức văn nghệ khác gần đây đã phát rất nhiều giải thưởng văn chương, đủ gây được cho văn học một không khí sôi nổi, hào hứng.

Dưới đây là những giải thưởng văn chương của Hàn Lâm viện Pháp.

— *Giải thưởng Lớn Hàn Lâm Viện*: 300.000 quan cho cuốn « Vie et Mort des Français của hai tác giả Perreux và Meyer.

— *Giải Dupon*: 100.000 quan cho cuốn « La séparation des églises et de l'Etat » của L. Mélan.

— *Giải Duchon*: 100.000 quan cho cuốn « La collection des

Bibliothèques des romans de l' Histoire de France » của H. Dupug.

— *Giải ithubưởng tặng cho tác giả ngoại quốc viết bằng tiếng Pháp*: 100.000 quan cho cuốn « Souvenirs pour demain » của Paul Toupin.



GIẢI THƯỞNG PELMAN.— Giải thưởng này mới thành lập từ tháng 5-1960 bởi bà Begle Stendhal giám đốc Viện Tâm lý học thực hành Pelman.

Ban giám khảo sẽ tặng giải thưởng cho một nhân vật Pháp hay ngoại quốc có công phát triển nền văn hóa Pháp ở nước ngoài mà vị chủ tịch là văn sĩ G. Duhamel.

Năm nay người vừa chiếm giải thưởng Pelman là văn sĩ Pelligri, giáo sư Đại học văn khoa ở Florence (nước Ý). Số tiền thưởng là 300.000 quan.



GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG CỦA « SOCIÉTÉ DES GENS DE LETTRES ».— *Giải F. Gildas* : 100.000 quan cho cuốn *Les Silencieux* của H. Bassot.

— *Giải Fondation Franklin Grout* : 100.000 quan cho Marie Jade.

— *Giải Jacques Normand* ! 100.000 quan cho cuốn *Bonjour la vie*, của T. Pirazzol.



THÊM HAI VỊ BẤT TỬ.— Mời đây Henri Massis đã được bầu vào Hàn Lâm Viện Pháp vào chỗ ngồi của vị Hồng y Grente. Ông được 16 phiếu trong số 28 vị dự vào cuộc bầu ; Jacques Chevalier được 2 phiếu, André Derry 4 phiếu và 6 phiếu trắng. Henri Massis năm nay 74 tuổi là một triết gia kiêm văn sĩ « quốc gia công giáo ». Hồi tiền chiến Massis là tác giả cuốn viết về phê bình và triết học. Ông nổi tiếng là một nhà văn « quốc gia », đứng bên Maurras, và J. Bainville. Năm 1927, ông cùng với Bainville sáng lập tạp chí « *Revue*

Universelle » mà ông giữ chức chủ nhiệm trong nhiều năm.



Giáo sư René Hughes chuyên dạy về khoa tâm lý nghệ thuật cổ điển cũng vừa được bầu vào Hàn Lâm Viện Pháp với 15 phiếu, văn sĩ Paul Vialar được có 10 phiếu, và 4 phiếu trắng.

Ông Hughes ngồi vào chỗ của nhà phê bình văn học Pierre Kemp.

H. L.



MỘT ĐỊCH THỦ CỦA GIẢI NOBEL : GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ CỦA CÁC NHÀ XUẤT BẢN : 10.000 MỸ KIM.

— Sáu nhà xuất bản quốc tế Giulio Einaudi ở Turin (Ý), Claude Gallimard ở Paris (Pháp), Heinrich Ledig Rowohlt ở Hambourg (Đức) George Weidenfeld ở Luân-đôn (Anh), Barney Rosset ở Mỹ, và Carlos Barral cùng Victor Seix ở Barcelone (Tây-ban-nha) đã cùng nhau họp tại Formentor thành lập một *Giải thưởng Tiểu Thuyết Quốc tế*, sẽ trao tặng đầu tiên vào tháng năm 1961.

Mỗi năm sẽ cấp 10.000 Mỹ kim cho một tác phẩm tượng tượng vừa xuất bản, không

phân biệt là tiếng nước nào, của nước nào, do nhà xuất bản nào phát hành. Giải thưởng này gọi là *Giải thưởng Tiểu Thuyết Quốc tế*.

Ngoài ra, sẽ chọn một tác phẩm thứ hai, chưa in, trong số những bản thảo của các nhà xuất bản nhận được vào mấy tháng cuối cùng. Sự lựa chọn này bắt buộc sẽ phiên dịch tác phẩm ra đủ các thứ tiếng thuộc quốc gia của các nhà xuất bản tham dự.

Những số tiền của các nhà xuất bản ứng trước để phiên dịch tác phẩm, tính chung sẽ không dưới số 10.000 Mỹ kim. Người ta sẽ gọi đó là LỰA CHỌN CỦA 6 NHÀ XUẤT BẢN hay là *GIẢI THƯỞNG FOR-MENTOR*, địa danh nơi gặp gỡ buổi đầu.

Hai giải thưởng này khác biệt nhau rõ ràng, về tinh thần cũng như tinh chất.

Sự lựa chọn của 6 nhà xuất bản trên đây sẽ trao tặng cho một tác phẩm chưa in và còn giữ mọi quyền tự do phiên dịch, của một nhà văn mới hay chưa nổi danh. Đối với phần lớn các quốc gia mà tác phẩm được đảm bảo sẽ phiên dịch ra ngay sau khi được chọn, tác phẩm sẽ có giá trị là một khám phá mới mẻ. Như vậy sự giúp đỡ đối với tác giả mới được qui định rõ rệt.

Giải thưởng nói đây có tính cách hết sức quan trọng, như là giải thưởng Goncourt Quốc tế, hay giải Nobel, có thể thay đổi cả cuộc đời của nhà văn được giải.

10.000 Mỹ kim hay 100.000 quan mới ở Pháp, trị giá tương đương một triệu bạc Việt-nam hiện thời.

Đến bao giờ ở nước ta mới có giải thưởng về văn chương tương tự như thế?

N. G.

TÀI LIỆU VĂN HÓA QUỐC TẾ

TRÊN ĐƯỜNG THĂM HIỂM KHÔNG GIAN. —

TIROS I

Trong các vệ tinh nhân tạo của địa cầu mà Mỹ-quốc đã bắn, trong mấy tháng gần đây, Tiros I — chữ tắt của Television Infra Red Observation Satellite — là vệ tinh có một chính xác lớn hơn cả.

1) Quỹ đạo vòng tròn.

Tiros I, bắn ngày 1 tháng 4-1960 ở Cap Canaveral hồi 12 giờ 30, đã theo một quỹ đạo hình tròn. Đây là lần đầu tiên mà một vệ tinh có một quỹ đạo mà viễn địa điểm và cận địa điểm chỉ khác nhau lối chừng 20 cây số.

Muốn cho 1 vệ tinh có quỹ đạo vòng tròn ở độ cao h , thì tốc độ của hỏa tiễn phải thật đúng đề cho sức ly tâm (force centrifuge) bằng sức hút của quả đất.

Nếu $r = h +$ bán kính của địa cầu.

$M =$ trọng khối của địa cầu.

$k =$ một hằng số đặc biệt của sức hấp dẫn.

$m =$ trọng khối của vệ tinh.

$V =$ tốc độ của vệ tinh ở độ cao h

$$\frac{mV^2}{r} = \frac{mM}{r^2}$$

Song điểm hút là trung tâm địa cầu nên $kM = gR^2$

$g :$ hằng số trọng lực ở trên mặt đất

$R :$ bán kính của địa cầu.

Chúng ta nhận thấy là tốc độ mà vệ tinh cần phải có không phụ thuộc trọng khối của vệ tinh.

$$V^2 = g \frac{R^2}{r}$$

Biết độ cao trung bình của TIROS I, $h = 650$ cây số, chúng ta có thể tính tốc độ của vệ tinh trên quỹ đạo và thời gian một chu kỳ.

2) Sự mệnh của TIROS I : chụp hình địa cầu.

Tiros I là vệ tinh nhân tạo đầu tiên của địa cầu có mang theo nhiều máy viễn thị (télévision) để quan sát sự chuyển động các đám mây chung quanh địa cầu hông giúp các nhà khí tượng học đoán trước thời tiết địa cầu,

Tiros I mang theo hai máy viễn thị có thể điều khiển tự địa cầu. Lúc đã chụp hình xong — Tiros chụp từng 32 hình một

lần — có các bộ phận thay đổi các hình này, theo phương pháp các máy viễn thị thường có, thành những vô tuyến điện hiệu (signaux radio-électriques) và chờ lúc gởi về các khám thiên giám (Observatoires) ở địa cầu.

Tất cả các bộ phận này hết sức phức tạp, không có thể thu nhỏ lại để có thể nằm ở trong một vệ tinh chỉ cân nặng vài chục kilô mà thôi. Mặc dầu tài nghệ của các nhà bác học Mỹ-quốc về điện tử (électronique) hoặc về các phương pháp thu nhỏ — về ngành này, Mỹ quốc luôn luôn dẫn đầu — vệ tinh sơ sài nhất mang đủ các máy trên, cân nặng ít nhất là hơn 100 kilô. Có lẽ vì cần phải chờ đến lúc có những hỏa tiễn có sức đẩy (poussée) khá mạnh để có thể bắn các vệ tinh nặng hơn 100 kilô, nên đến nay các nhà bác học Mỹ-quốc mới bắn Tiros I.

Tiros nặng lối 122,5 kilô, có hình hộp đựng mũ, quay tròn chung quanh địa cầu đến nay đã hơn 500 vòng và trong thời gian ấy đã gởi về hơn 10.000 hình đầy tin tức quý báu. Các hình này, tuy chưa thật rõ ràng như các hình phong cảnh mà chúng ta thường chụp, so sánh với các hình của Lunik III thì rõ ràng hơn nhiều, đến nỗi nhiều nhà chính trị sợ Tiros là một dụng cụ gián điệp. Song các vệ tinh gián điệp sẽ ra đời một ngày gần đây. Các vệ tinh này sẽ có quỹ đạo vòng tròn và tốc độ sẽ bằng tốc độ quay tròn của quả đất. Như thế, vệ tinh có vẻ đứng yên một chỗ và có thể quan sát một vùng nào một cách liên tục.

Song có thể mang theo đủ máy viễn thị chưa đủ, muốn chụp hình cần phải một điều kiện cốt yếu khác : hỏa tiễn phải có phương vị bất biến (position inchangée) trong không gian hay là cần phải định hướng vệ tinh.

3) Vì sao phải định hướng ? Thuật định hướng là gì ?

Lúc chúng ta xếp một mũi tên bằng giấy và phóng lên trời, chúng ta nhận thấy là lúc rơi xuống, mũi nhọn của tên đi trước, để cho sự cọ xát cùng không khí bớt đi. Như thế, trong lúc đi đường, mũi tên cứ giữ một chiều hướng nhất định : theo chiều hướng ấy mũi tên ít cọ xát với không khí nhất. Song ở trong không gian, lúc đã ra ngoài bầu không khí, chỉ là chân không (vide) chiều hướng của mũi tên sẽ không do sự cọ xát với không khí định đoạt nữa mà sẽ do hấp lực của các vật chung

quanh định đoạt. Nếu chúng ta bắn một vệ tinh chẳng hạn, vệ tinh sẽ đi theo một quỹ đạo. Lúc chúng ta nói quỹ đạo của vệ tinh, chúng ta phải hiểu là quỹ đạo của trọng tâm của hỏa tiễn, Các định luật của Cơ học (Mécanique) cho ta biết sự chuyển động của trọng tâm (centre de gravité) của hỏa tiễn trong không gian không phụ thuộc sự chuyển động của hỏa tiễn chung quanh trọng tâm.

Lúc vừa mới ra khỏi bầu không khí, nếu hỏa tiễn có chuyển động chung quanh trọng tâm thì sự chuyển động này cứ kéo dài mãi. Vì các máy đẩy không đều nên hỏa tiễn quay cuồng chung quanh trọng tâm.

Sự quay cuồng này sẽ không có hại nếu chúng ta chỉ đo cường độ các phóng xạ, song nếu chúng ta muốn đo lường một điều gì về một hướng chiều nhất định hoặc chụp hình mặt đất chẳng hạn — máy chụp hình cần phải hướng về quả đất — thì cần phải cho vệ tinh một phương vị bất biến.

Muốn phá tan sự quay cuồng của vệ tinh mà chúng ta không thể điều khiển được, muốn cho vệ tinh có một hướng chiều định trước, có hai giải pháp khác nhau :

—Giải pháp đầu tiên là cho vệ tinh quay tròn chung quanh một trục định trước. Giải pháp này dễ thực hiện hơn cả.

Vệ tinh Vanguard II bắn hồi đầu năm 1959 — vệ tinh đầu tiên cho biết một hình ảnh sơ sài về các đám mây bao phủ chung quanh địa cầu — và vệ tinh Tiros đều dựa trên phương pháp này. Trước lúc rời khỏi tầng cuối cùng, một bộ phận của hỏa tiễn làm cho vệ tinh quay tròn chung quanh một trục (axe), và từ đây vệ tinh cứ quay tròn mãi chung quanh trục ấy. Trục này có một hướng bất di dịch.

Vệ tinh Tiros quay tròn chung quanh một trục thẳng góc với hai mặt tròn của vệ tinh. Các máy viễn thị đều đặt ở trên một mặt của vệ tinh, các thị trục (axe optique) song song cùng trục xoay vòng (axe de révolution).

—Giải pháp thứ hai, phức tạp hơn, gồm có nhiều bộ phận đo lường có thể tự thay đổi chiều hướng của vệ tinh trong không gian đề trục của vệ tinh có một vị trí nhất định đối với mặt đất. Đây là phương pháp dùng trong các vệ tinh Discoverer. Chúng ta sẽ có dịp trong một ngày gần đây bàn dài về

phương pháp này cùng các thí nghiệm rất bổ ích của các vệ tinh Discoverer. Về phương diện định hướng các vệ tinh, Nga Xô cũng cho biết là đã có nhiều kết quả mỹ mãn, song cũng như về Lunik II và Lunik III, chúng ta chỉ có thể nhắm mắt tin lời các bác học Nga-Xô song chúng ta không có một chứng cứ gì rõ rệt và chắc chắn hoàn toàn cả.

Tiros I bắt đầu một kỷ nguyên mới cho các nhà khí thế học. Tiros I có chụp một cơn gió bão và nhờ đấy các bác học hi vọng có thể tìm được nguyên do và tính trước đề đề phòng trong tương lai.

TRANSIT I

Hai tuần sau lúc bắn Tiros I, các nhà bác học Mỹ-quốc bắn Transit I, vệ tinh đầu tiên chuyên khảo sát về ngành giao thông. Cân nặng lối 130 kilô, Transit I mang theo nhiều máy phát thanh dùng năng lực hóa học hoặc năng lực mặt trời.

Transit I dựa trên hiệu ứng Doppler : nếu một vật đang di chuyển phát thanh với một tần số nhất định chẳng hạn, một máy thu thanh ở ngoài quỹ đạo của vật sẽ nhận được một tần số thay đổi tùy theo vị trí của vật và máy thu thanh. Một ví dụ đơn sơ của hiệu ứng Doppler là : âm thanh của còi tàu lúc tàu chạy qua trước mặt ta thay đổi tùy lúc gần hay xa. Nhờ hiệu ứng này, một chiếc tàu có thể tính được vị trí của mình rất chính xác.

Hệ thống Transit sẽ dùng 4 vệ tinh luôn luôn phát thanh với các tần số (fréquence) rất vững. Các máy tính cho biết vị trí của các vệ tinh trong ngày sắp đến, còn các vệ tinh luôn luôn phát thanh và dùng một mã luật (code) cho biết giờ và vị trí của vệ tinh. Như thế, các tàu chỉ cần dùng hiệu ứng Doppler để biết lúc nào gần vệ tinh nhất và biết vị trí của vệ tinh lúc ấy thì có thể tính được vị trí của tàu.

SPOUTNIK IV

Spoutnik IV có quỹ đạo gần như vòng tròn. Viên địa điểm ở 380 cây số và cận địa điểm ở 312 cây số. Vì bay gần địa cầu nên Spoutnik IV sẽ chết sớm và tự thiêu hủy trong một ngày gần đây. Cuộc đời tuy ngắn ngủi song Spoutnik IV sẽ đem lại nhiều tin tức quý báu vì Spoutnik IV có nhiều đặc điểm mới.

Đặc điểm đầu tiên là trọng lượng của hỏa tiễn. Cân nặng 4540 kilô, Spoutnik IV có thể chở bốn lần dụng cụ của

Spoutnik III. Trên vệ tinh có một buồng nhỏ đóng kính riêng biệt hẳn, trong ấy có một bù nhìn có thể có các phản ứng (réactions) như người thật và có đủ mọi dụng cụ cần thiết để một người có thể sống được. Chiếc buồng này nặng tới 2500 kilô dụng cụ khoa học.

Một đặc điểm khác là có thể tách riêng chiếc buồng này và có thể quan sát hay thu hồi lại được phần này. Song đến lúc được lệnh tách riêng thì Spoutnik IV tan làm hai rồi thành tám mảnh và quỹ đạo cùng thời gian một chu kỳ đều thay đổi hoàn toàn. Đây là lần đầu tiên mà Nga-Xô phải nhận rằng vệ tinh đã không theo dự định trước. Mặc dầu thất bại này — Mỹ-Quốc đã thử nhiều lần công cuộc thu hồi vệ tinh DISCOVERER mà luôn luôn bị thất bại — Spoutnik IV là hỏa tiễn đầu tiên có một trọng khối khá lớn để đem theo đủ các dụng cụ khoa học cần thiết có thể giúp cho người ta đủ phương tiện « hồi hương ». Về vấn đề này, nhiều người tưởng là chiếc bù nhìn trong Spoutnik IV là một người thật đã tự hy sinh vì khoa học. Điều này không phải là hoàn toàn vô lý, song vì sự thất bại của Spoutnik IV chúng ta sẽ không bao giờ cho biết rõ được điều bí mật này.

MIDAS

Lần đầu tiên Mỹ-Quốc bắn một vệ tinh hoàn toàn có một tính cách quân sự. Đây là MIDAS, chữ tắt của Missile Alarm Defence System. Cũng như tên đã cho rõ, MIDAS có bồn phận quan sát bầu khí quyển và luôn luôn cho biết các nơi có bắn hỏa tiễn.

Trước mặt Spoutnik IV cân nặng 4540 kilô, 2268 kilô của tầng thứ hai của MIDAS chưa thấm vào đâu. Song MIDAS cũng đã mang theo tới 1500 kilô dụng cụ khoa học và tương đương cùng Spoutnik III. Thành công này rất đáng chú ý, vì chỉ trong vòng mấy tháng mà các bác học Mỹ-Quốc đã tiến từ các vệ tinh tới trăm kilô (TIROS và TRANSIT) đến các vệ tinh hàng ngàn kilô.

MIDAS dài 6, 7 thước và có đường kính chừng 1, 5 thước. Quỹ đạo có viễn địa điểm ở 517 cây số và cận địa điểm ở 470 cây số. Thời gian một chu kỳ chừng 94 phút 3 giây.

Bồn phận của MIDAS là phải báo hiệu mỗi khi có một hỏa tiễn ở đâu bay lên. Lúc bắn một hỏa tiễn, chúng ta thấy cần phải đốt nhiều nhiên liệu và nơi bắn sẽ là chỗ có nhiều

sức nóng nhất. Chỗ ấy sẽ phát ra nhiều tia hồng ngoại nhất (rayon infra-rouge). Nếu vệ tinh có maug theo nhiều tế bào quang điện (cellule photo-électrique) chỉ ngay trước các tia hồng ngoại thì có thể quan sát được các nơi bắn hỏa tiễn. Lúc đã thấy hỏa tiễn bay lên, MIDAS còn phải định vị trí và chiều hướng của hỏa tiễn. Nhờ đấy, ủy ban đề phòng có thể tìm cách chống đỡ (với các hỏa tiễn chống hỏa tiễn kiểu NIKE ZEUS) hay là bắn lại các căn cứ quân sự của địch quân.

Tất cả các máy tính và các đài phát thanh hết sức phức tạp nên hỏa tiễn MIDAS nặng nhiều hơn các hỏa tiễn trước. Về phần định hướng, MIDAS có trục luôn luôn hướng về địa cầu và có thể kiểm soát một vùng từ vĩ độ (latitude) Nam 32° cho đến vĩ độ Bắc 32°.

Đề thử các máy của MIDAS, các bác học sẽ bắn lên một ít hỏa tiễn trong một ngày gần đây lúc MIDAS bay trên không phận Mỹ-Quốc.

Theo các nhà bác học Mỹ thì Lunik III vừa tự thiêu hủy vào lối hạ tuần tháng 5. Mặc dầu máy phát thanh bị hỏng, hình như LUNIK III vẫn quay tròn chung quanh địa cầu cho đến nay.

TRẦN THANH VÂN (H.Đ)



NẠN CAO BỒI BÊN KIA BỨC MÀN SẮT (NGA-SÔ).

— Từ ngày James Dean chết vì một tai nạn khủng khiếp, và từ ngày Françoise Sagan bước vào làng văn, ở ạt bước vào, thì ở Mỹ-châu, ở Tây-Âu, một số người đáng kể nhao nhao lên tiếng: họ kinh ngạc, họ lo âu, họ bất bình. Và họ thấy rõ rằng cái thế giới mà họ góp phần tạo ra đó — dù muốn dù không, dù hữu ý hay vô tình, dù thuận tình hay miễn cưỡng — cái thế giới đó, lớp thanh niên giờ đây càng ngày càng chống đối, chống đối đến cường diên nổi loạn. Họ là ai? Thì ai khác hơn là lớp người già hay đứng tuổi, lớp người mà khi trận đại chiến 1914 bùng nổ hay lúc trận giặc thế giới 1939 mở màn, họ đều trên dưới tuổi hai mươi. Nhưng họ quên rằng thế hệ thanh niên giờ đây có quyền không nhận cái thế giới chẳng phải là công trình của chúng, cái thế giới mà chúng phải chịu đựng đến phải nổi lên « làm giặc ».

V. H. 6A.

Rồi thì hiết bao là câu hỏi rời rạc những lớp đàn anh ấy, mà trong đó, có câu hỏi đặc biệt thời sự dưới đây:

« Cái « BỊNH THỜI ĐẠI » này phải chăng là của riêng của Thế giới Tự do, hay nó cũng ngự trị ở Thiên đường Cộng sản? »

Quả là một điều đáng bàn đi cãi lại.

THIÊN ĐÀNG CỘNG SẢN CÓ MẮC KHÔNG?

LẮM người tưởng rằng chỉ ở những nước gọi là tự do mới có việc cất cánh bẻ chỗi bọn trẻ, khiến chúng mất hẳn những nguồn tin và hứng khởi là hai thứ chúng rất cần để tìm một ý nghĩa cho kiếp sống. Vì sao thế? Vì tại các nước mệnh danh là tự do này, người ta cho rằng lý tưởng có nghĩa là thỏa mãn một cách ch kỳ và tức khắc tất cả những nhu cầu vật chất, và người ta căn cứ trên sự dễ dãi để tìm hạnh phúc. Mà đó cũng là ý kiến của André Gorge đã viết trong một bài bình luận về phim « Đồ cò gian bạc lặn »: (1)

« Trong các tuần san, trong các tạp chí, các bạn hẳn đã được đọc... những bài phóng sự về Tân Trung-hoa, về Liên-bang Xô-viết... Các bạn có thấy những thiên phóng sự này nói đến sự không muốn sống, đến nỗi thất vọng của thanh niên không? Mà trái lại những thiên phóng sự ấy nói đến cái nhiệt tâm, đến cái lòng ham biết đồng đều của thanh niên đối với những vấn đề lý thuyết và thực hành. Với lớp thế hệ đang lên này, chẳng phải bom H làm chúng quan tâm, mà là những vệ tinh nhân tạo, cũng chẳng phải cái thói quen tuyệt vọng của những nghề đã có từ lâu, cũng là sự cứng đờ như đá của một thế giới trong đó « tất cả mọi người đều nói xấu nhau » làm chúng nghĩ ngợi, mà là một thế giới đang tự tạo, một thế giới mà chúng cảm chắc rằng rồi bọn chúng làm sao thì thế giới đó phải như vậy. Với chúng, lối cả đang tạo lập, lối cả đang khởi đầu « bởi chính con người ». Nỗi loạn ư? Thì sự nổi loạn đã được hướng về phần tích cực: theo chúng, khước từ thế giới, chẳng phải là phủ nhận thế giới ấy, mà là xây dựng nó một cách khác. Thế rồi? Thế rồi chúng ta phải kết luận rằng cái « bình thời đại » là một cuộc thí nghiệm của riêng chúng ta — người của Thế giới Tự do — từ Helsinki đến Lisbonne, từ London đến Athènes, từ Portland (2) đến Cochín (3) ».

(1) Đăng trong phụ trương « Nhật báo Lausanne », những ngày 18/19 tháng 9 năm 1958.

(2) Một thị trấn nước Anh, danh tiếng nhờ sản xuất xi măng tốt.

(3) Một thị trấn thuộc Đông Ấn-độ, được các nhà truyền giáo và nhà buôn Tây-Âu viết từ thời Trung-cổ.

Đây mới là một tiếng chuông. Ta hãy nghe thêm tiếng chuông khác. Có nhiều người lại nghĩ: ngay tại những nước cộng sản, nỗi thất vọng đã «đứng lên» thay thế cho các «ông Trời» vừa chết trong lòng bọn Trẻ; đó là từ ngày mà những thần thoại về người anh hùng lao động, về cái xã hội lý tưởng cùng theo xác chết của Xít-Ta-Lin vĩnh biệt điện Cẩm-linh để an giấc ngàn thu trong linh miếu. Thế hệ trước đã từng say sưa ôm ấp cái «lãng mạn cách mạng», cái «lý tưởng chủ nghĩa», cái «anh hào mã thượng» khi họ vùng lên đáp lời kêu gọi của chế độ vô sản để chặt xiềng kẻ bóc lột, để thay bậc đổi ngôi hầu «dựng Bồng lai cảnh ngay trần gian», bao chất men nồng thuở ấy nay đã tan theo mây khói để nhường chỗ cho sự dấy loạn hoặc cho sự «cuồng bạo mà sống».

Vì thế mà Frank Jotterand đáp lại André Gorge, cũng trên «Nhật báo Lausanne», tỏ vẻ nghi ngờ «sự chia thế giới thanh niên hiện đại làm hai phe cứng rắn như thế» là đúng với sự thật. Theo ý ông Frank Jotterand thì những chứng cứ như... những thi phẩm của thanh niên Nga xuất bản trong dịp tuyết tan giá rét, trong đó chúng nói đến hai bàn tay trắng của mình», điều này chứng minh rằng «chính chúng cũng đứng trước những tổ chức cứng như đá», rằng chúng «bị chặn đứng lại», y như thanh niên Tây-Âu, và chúng cũng bất lực trước những sức mạnh đồng minh của Lịch sử và của Cơ giới.

SỰ THẬT THẾ NÀO ?

TIẾNG chuông giống lên như thế kia, tiếng chuông đáp lại như thế này, ta biết tin ai. Và thật sự ra, thì nó như thế nào? Có một vấn đề thanh niên ở Nga-xô chẳng? Và nếu có thì những luận cứ của vấn đề này ở bên nó có giống ở bên ni chẳng? Cái giống đó là: cuộc sống khó khăn, từ chối ở trong thực tế đã an bài, hoài nghi tất cả, buồn chán vô liêm, thô bạo, chạy theo chủ nghĩa trung tâm vị kỷ, kháng cự lại chẳng lý do gì.

Thật ra thì khó mà trả lời dứt khoát ngay được. Vì chúng ta ai mà chẳng biết rằng không thể tin hẳn những bài phóng sự của du khách và ký giả: họ thường được lưu trú ở Nga-xô trong một thời gian ngắn, mà lưu trú vì ngẫu nhiên, hoặc họ nhận xét phớt lờ mặt mà hay kết luận vội vàng.

Ấy vậy chúng ta có nên căn cứ vào những tin tức do chính người Nga đưa ra chẳng? Dường như làm thế phải hơn, khi mà ta có khá nhiều tin tức để có thể đối chiếu và đoán hiểu. Vì đề tài; ta đang lưu tâm đây vốn có nguyên liệu vừa phong phú vừa khác nhau. Những lo âu do thanh niên Nga-xô gây ra mỗi ngày mỗi tăng; điều này ta biết được qua những lời tuyên bố của các bậc chỉ huy, qua những lời thú nhận của báo chí, hoặc qua «môi giới» của một số tác phẩm văn chương, nhất là qua những vở bi kịch.

CÁC BẠC CHỈ HUY TUYỀN BÓ

H IỆN thời, sự tiến triển của thanh niên là đầu đề cho những cuộc bàn cãi lâu lắc trong kỳ Hội nghị thứ 18 của các Komsomol (4) họp ở Mạc-tư-khoa trong năm 1958. Báo cáo này, rồi báo cáo khác khiến người ta càng chú ý đến trạng huống «tiểu cực» của phần đông các đoàn viên Komsomol: nào thiếu hăng hái khi phải thi hành mệnh lệnh của tổ chức, nào thờ ơ đối với những điều chính phủ dạy truyền, nào thụ động đến đôi khi như thề mất lòng tin, nào là chềnh mảng với bao nhiệm vụ đối với Xã hội, lại còn mê say kỹ thuật Tây phương, mê say thời trang cùng những điệu khiêu vũ «tiểu tư sản»; tệ hơn nữa công khai hâm mộ những sản phẩm của các thứ văn minh tư bản bị kết án nặng nhất, như là lối hội họa trừu tượng, nhạc jazz...

BÁO CHÍ THỨ NHẬN

B ÁO chí lại như tiếp tay những lời chỉ trích trên đây, họ mở xẻ vấn đề giáo dục. Thật ra chẳng phải các ký giả đại cơ hội này mới đem vấn đề quan trọng trên đây mà bàn xét. Cái lối khoa trương, cái giọng ta đây được thông dụng thời Xít-Ta-Lin, họ đã bỏ bộn đi rồi, và họ sẵn sàng than thở cho thái độ của bọn Trẻ đối với những thực tại Xô-viết cùng những trách nhiệm bọn này phải gánh vác, và họ than thở như thế ít nhất là từ hai năm nay. Xưa, họ ít khi đi vào các chi tiết tầm thường, các báo cáo về đời sống hằng ngày, họ cho là việc nhỏ nhoi, không đáng lưu ý; nay họ thuật lại và phẩm bình biết bao là thí dụ sống, những thí dụ càng ngày càng nhiều, và đáng lên án cả. Thật đáng lo âu cho đám thanh niên này: trong một buổi họp của ban Trị sự, nghe đọc ngữ vựng Mác-xít mà phá lên cười như điên như dại, còn gì vô lễ cho bằng; những buổi diễn thuyết có tánh cách giáo dục hay những cuộc hội họp có tánh cách xã hội, thì lại tìm cách chậm đi để dự những dạ hội có khiêu vũ là chốn mà người ta ve vãn, chim chuột nhau và nhậu nhẹt be bét; bị lây bệnh «rock'n roll» và những lối nhảy khác của bọn đảo não và bị lây nặng đến nỗi mang chúng đem vào những cơ quan của Nhà nước, như các «câu lạc bộ» và các «nhà văn hóa»; còn ăn mặc thì hoặc lơ lửng, hoặc lồi thối lệch thẹo, ăn nói thì thô tục, tự do thì xử dụng thái quá. Bao điều phiền trách trên đây cứ mỗi ngày mỗi chất chồng lên mãi, thì ta có thể cho đó là dấu hiệu chắc chắn của một tình trạng khó chịu.

(4) Tổ chức thanh niên cộng sản, gồm lối một phần ba thanh niên Xô-viết, từ 14 đến 25 tuổi.

CÁC TÁC PHẨM VĂN CHƯƠNG LÀM MÔI GIỚI

CÁI khó chịu này là một hiện tượng phon phót mặt và thoáng qua do một thời giao thừa chưa ổn định mà phát sanh ra hay đây là chương lịch một cơn bệnh sâu xa hơn? Cứ theo những tin tức tôi tập nhận được mà cho giả thuyết này đúng, giả thuyết nọ sai, thì đó là điều không nên vậy. Muốn thế, phải phỏng vấn chính bọn Trẻ. Không có một viện Gallup, ta hãy nhờ vài tác phẩm mới đây của các nhà văn thuộc thể hệ mới cho ta những điều chứng giải cần thiết, và có thể cho các nhà văn này là phát ngôn viên của thanh niên Nga-xô. Đó là trường hợp những tản truyện của Lioubov Kabo... « Chiến dịch khó khăn » của Bremener: « Thấy kẻ cái giải pháp », truyện kể của Kareline: « Trại lính ». Và nhưt là các vở kịch của A. Vo'odine: « Con nhỏ trong xưởng » và của A. Zak và I. Kouznetsov: « Những đứa trẻ lớn »; hai vở kịch này phát giác cho ta thấy lắm điều đặc biệt, ở mọi khía cạnh, và càng thích thú cho ta vì cả hai bộ tác lẫn nhau, vở trước đưa lên sân khấu đám tuổi trẻ thợ thuyền, vở sau giới thiệu với ta đám thanh niên trí thức.

HAI VỞ KỊCH LỊCH SỬ

LỊCH sử vì chúng hé cho ta thấy lớp thanh niên nam, nữ của Liên-xô sống, cảm, nghĩ như thế nào. Do những nhà văn trẻ viết, viết cho đám trẻ, lấy đề tài ở tuổi trẻ, và được tuổi trẻ nhiệt liệt hoan nghênh, tưởng không còn « nhân chứng » nào hùng hồn bằng vở « Các cô gái ba nhe của công trường » của A. Volodine và « Những đứa con nít lớn » của A. Zak và I. Kouznetsov. Vở đầu do Hí viện trung ương của Hồng quân trình diễn tại Mạc-tư-khoa, từ 1957, và được hoan nghênh liền, và từ đó được diễn đi diễn lại mãi. Còn vở thứ nhì, bạo hơn, đến ngày nay chưa được ra mắt công chúng.

Ta hãy thử xem chúng đưa ra những gì và nói được những gì. « Các cô gái ba nhe của công trường » đưa ra bốn cô thanh nữ sống chung phòng tại một nhà công cộng của một xưởng máy sợi. Họ từ 19 đến 25 tuổi, họ đều là đoàn viên « Komsomol » và thuộc vào cái nhóm khá nhất của xưởng. Thế mà, xét chung, họ hành động như những kẻ « thờ ơ », coi thường các mệnh lệnh và « danh dự chung », xao nhãng những cuộc hội họp hay làm bộ chú ý cho qua buổi. Những vấn đề xã hội chẳng hề lướt qua óc họ, hướng chỉ là những vấn đề chánh trị. Chỉ có hai vấn đề làm họ bận tâm là ái tình và hạnh phúc: yêu cách nào để được hạnh phúc?

Irina mơ tưởng một tình yêu lý tưởng làm bằng thơ và sự quên mình, cảm nghĩ của hai người đều giống nhau như đúc.

Nadioucha thì phân vân giữa sự hấp dẫn của cái mới lạ và sự cần dùng được yên ổn, giữa cái ước mơ một tình yêu vĩ đại « cho suốt cuộc đời » và cái ước mơ một cuộc hôn nhân sẽ bảo đảm đời sống, một đời sống đầy đủ tiện nghi, mà tuổi ấu thơ thiếu thốn khiến nàng luôn luôn mơ ước. Sự mâu thuẫn này khiến nàng « chạy tìm hôn phu », mặc dầu nàng đã hứa hôn với một anh bạn học cùng trường, con bà chỉ huy xưởng máy sợi.

Vai chánh, Génia, không nói đến ái tình. Dường như nàng không đề ý. Nhưng nàng lại chờ đợi nó mà không tự thú, chờ đợi với tất cả mãnh lực của niềm vui sống, bởi nàng si mê cuộc sống mà những nỗi vui của sự cần lao không đủ để làm đầy. Nàng vốn là người thợ giỏi, thạo việc, thực tế, vui vẻ hồn nhiên, ưa cười, ưa khiêu vũ. Mà cũng ưa làm vừa lòng người, ưa diện và cũng thích phần son.

Chỉ riêng Lélia là không chờ đợi gì ở ái tình. Nàng quá quyết ngoài miệng thể và tỏ vẻ nghiêm khắc đối với sự dốt nát của các cô bạn về điểm này, một vẻ nghiêm khắc được màu khinh khi, và cho rằng bạn mình chỉ đuổi theo ảo ảnh, còn mình là kẻ giác ngộ rồi. Bởi nàng đã từng khinh thường luân lý xã hội cùng tiếng thị phi để « làm một cuộc thí nghiệm đau khổ với một người có vợ »; tỉnh giấc mơ, nàng thấy mình bị bỏ rơi với đứa con trứng nước, hồn héo khô và lòng đầy cay đắng, cũng may mà công việc cứu nàng khỏi niềm tuyệt vọng, rồi nàng thành người « tổ chức » cho « Komsomol », nhưng chẳng chút thiết tha : nàng không còn tin tưởng gì nữa.

Và tự nhiên là thăm kịch thất lại chung quanh một tình tiết yêu đương. Nhân một dịp nghỉ, Fédia, sinh viên trường Hải quân ở Léningrad và hôn phu của Nadioucha, khám phá lòng không chung thủy của người yêu. Chàng đoạn tuyệt với nàng, không phải là không đau đớn. Nhưng để lừa phỉnh mình, chàng lại đưa tình với Génia. Cô này hưởng ứng, phần vì có cảm tình thật với chàng, phần vì muốn trêu chọc chú Bí thư ban Trị sự « Komsomol » Bibitchev, người thiện cận, không quên dịp nào để buộc Génia vào tội « vô kỷ luật », « vô trách nhiệm », « bừa bãi » và bao tội đối với nền luân lý Mác-xít, buộc tội để « làm gương ». Rồi thì đôi lứa ấy « lộng giả thành chân » và chuyện xấu nổi bùng : Tức thì Bibitchev một mực nguyên rửa Génia, cho Génia phạm tội cướp chồng người khác. Mẹ của Fédia vốn chẳng ưa gì Génia bởi nàng quá thẳng thắn, liền phụ họa theo chú Bí thư. Génia bị dồn vào thế phải xin lìa khỏi xưởng, và mặc dầu cấp trên chưa cho phép, nàng cũng lén trốn đi, bỏ cả việc làm chốn ở. Nhưng rồi nàng cũng trở về, sau khi từ chối lời mời mọc của một anh chàng ám muội cố tình kéo nàng vào một công cuộc phi nghĩa. Và mặc dầu Bibitchev chống đối, nhưng nhờ các cô bạn cùng xưởng can thiệp, nàng lại được về ở chốn cũ, làm lại việc xưa, và đầu rồi cũng vào đay cả.

Giờ, ta sang qua bi kịch « *Những đứa con nít lớn* ». Những vai chánh trong vở này nhỏ tuổi hơn những vai chánh trong vở trước và hoàn cảnh xã hội của chúng thật là khác nhau.

Nina, Serge, Kostia, Moussia đều mười bảy tuổi cả; Grichka, chú con trai xấu nết, đầu cơ này được mười tám tuổi. Nhỏ tuổi hơn, nhưng chúng suy nghĩ nhiều hơn về đời chúng và về cái thực tại chung quanh chúng. Trừ Grichka sớm bỏ trường để đi làm chợ đen được lợi trước mắt mau hơn, những vai kẻ trên đều là học sinh bậc trung học đệ nhị cấp, và xét tâm trạng thì chúng đã thuộc vào hạng « tri thức ». Cha mẹ chúng làm nghề tự do và đó là những « cán bộ ».

Nina, vai chánh, là một thiếu nữ bề ngoài như được phi nguyên. Mẹ nàng tuy góa bụa song có địa vị, và là đảng viên, lại là Bí thư ban quản trị Rayen, nên nàng được cưng từ lúc còn nằm nôi và về vật chất, nàng không hề thiếu gì cả. Nàng xinh xắn, thông minh, dường như Trời sanh nàng ra để hưởng hạnh phúc và thành công. Ấy đó, trái với mọi sự đợi chờ và không nói trước vì sao nàng trốn học cách ngày thì vài tháng để giao du với Valix Diénis-sova, một thiếu phụ độ ba mươi mà cách đi đứng quá tự do làm thiên hạ cho là hoang đường. Thấy thế ai nấy đều hỏi: tại sao cô ả làm bướng thế? Phải chăng đó là một hành động trẻ con, một tính bất thường của cô thiếu nữ được cưng quá mức?

Một bạn trai của Nina, Serge Tchernychev, thử giảng luân lý cho nàng, thì được nàng cho biết vì sao nàng hành động thế: cha nàng vốn là một y sỹ, đã bỏ mạng ở miền trung châu Á vì hy sinh mình để ngăn một dịch bệnh. Cha nàng đã tình nguyện đến đó, đã cứu được nhiều người. Nàng cũng muốn học nghề thuốc. Nhưng mẹ nàng thì chẳng muốn nghe nàng nói đến. Bà không muốn mất đứa con gái độc nhất của bà vì theo bà, đó là « những giấc mộng lãng mạn mà sau đó, chẳng có gì cả », nếu không phải là cái viễn ảnh « nằm queo trong một xó nhà quê » nào. Nhưng mà Nina lại chẳng có một sở thích nào khác. Thế thì, học hành mà chi? Thất vọng quá. Nàng ghi tên vào đoàn người đi khai phá đất hoang ở Kazakhstan. Mẹ nàng vội xin bác đơn nàng. Như thế, nàng chỉ còn có con đường quay cuồng trong các cuộc khiêu vũ, trong các cuộc ve vãn chìm chuột, và nếu đời nàng chẳng thể làm được cái gì, thì ít nhất nàng « sống vui vẻ trẻ trung, không làm bận lòng ai ».

Song đó chẳng phải là ý kiến mẹ nàng, nhất là khi nàng bắt chộp Nina trong tay gã láng giềng trai trẻ. Bà tức nghẹn: sao! chính con gái bà! hun một thằng con trai! Thiên hạ sẽ nói sao? Sau vụ này, bà còn mặt mũi nào ngó ngay người quen kẻ biết? Bởi lẽ bà trọng thanh danh và địa vị bằng như bà thương con. Do đó mà bà quyết dùng những đại phương pháp và đi trước: kẻ hết thầy cho ông hiệu trưởng, công khai làm nhục Nina hầu cho con mình một bài học bổ ích và khiến cô nữ sinh kia hối quá. Nhưng bà đã tính sai và kết quả lại trái hẳn ý bà mong muốn. Hai mẹ con cãi vã nhau

một trận nên thân, rồi cô thiếu nữ «nổi loạn» bỏ nhà đi, sau khi đã nặng lời trách mẹ đã làm cho cô phải sống không niềm tin và không lý tưởng. Nàng đi Griméc, ở nhờ Valia Diénissova, nay thành «người tổ chức những cuộc giải trí» trong một trại dưỡng sức. Nàng xin làm một chiều dài viên tại đó, nhất định không bao giờ trở về nhà. Nhưng trong thời gian mẹ con xa cách đó, thân mẫu Nina thấy mình đã sai lầm và viết thư nhận lỗi với con. Trong lúc ấy, Nina khám phá rằng mình có cảm tình đặc biệt với Serge Tchernychev, người bạn trai «biết sống thế nào» và chẳng ngại tỏ tâm chân tình cho nàng biết. Thế là cô gái bỏ nhà trở lại với gia đình, giờ thì tìm được ý nghĩa cuộc đời và mùi hạnh phúc, và chắc chắn rằng một ngày kia mình sẽ trở nên một y sỹ.

Thế là cả hai vở kịch đã làm xôn xao dư luận ở Liên-xô đều là những vở... có hậu. Lũ cựu tó, rồi cũng về chuồng. Kết thúc thế, dưới một chế độ như thế, ta chẳng lấy làm lạ, nhưng điều khiến ta đặc biệt đề ý, là trong cả hai vở, cạnh đám thanh niên chỉ thờ ơ hay bướng bỉnh, mà báo chí và các cấp chỉ huy nói đến, còn có một lớp thanh niên nổi loạn, có cả một lớp thanh niên lạc lõng nữa kia. Thêm điều này, là mặc dầu xét lớp thanh niên nào, ta cũng thấy chúng đồng lòng vứt cái luân lý Mác-xít Xit-Ta-Lin và khinh miệt bất cứ uy quyền nào.

Những phần tử tru tu nhất chống báng lại khi lần đầu va chạm mạnh với cái thực thể Xô-viết, khi chúng không gặp được một hoàn cảnh xã hội có những tập tục vững chắc, những tập tục đã từng bị thử thách, khiến chúng chẳng có những quy luật để sống, những quy luật có thể giúp chúng vượt khỏi cơn bối rối. Chúng chống báng lại, chẳng phải vì chánh trị hay vì ý thức hệ mà vì đạo đức và tình cảm. Đó là sự phản ứng của những tâm hồn thẳng thắn, của những tấm lòng khát khao công bình và sự thật khi họ đụng đầu phải các thứ đề hèn, các thứ làm lụy cho người khác ở ngay nơi mà chúng đợi chờ những gương đúng đắn như hoài bão của chúng.

Mấy lời này của A. Volodine đề trong miệng một nhân vật của vở «Cái cô gái ba nhe của công trường» đã nói lên một tâm trạng mà cũng là một thái độ: «Nơi chúng tôi làm, người ta nói một đường đề rồi làm một nẻo. Anh mà phản đối lại, thì rồi đời Tôi chỉ có một cái lợi: tôi không thích giả dối».

Những phần tử trung bình thì ít cương nghị hơn nhiều. Bọn họ chiếm số đông trong đám trí thức cũng như trong đám thợ thuyền. Họ là những kẻ thờ ơ. Giống như lớp chống báng trên kia, phần lớn chúng được «trưng mộ» trong những gia đình bất hòa, trong lớp trẻ thiếu tình thương, trong đám không thích ứng, trong đám bất hạnh. Chúng thấy rõ cái hư hỏng chung quanh chúng làm chúng không vừa ý, lắm khi chúng ghê tởm nữa, nhưng chúng cũng tự thu xếp được chút nào hay chút nấy. Chúng không phải là đồ bất lương; chúng chỉ tìm cách ru ngủ lương tâm mình bằng lý này việc nọ để tìm một

phần bù trừ nào khác, thường thì trong phạm vi vật chất. Đúng lý ra, chúng là những kẻ bất định mà ai xô một cái có khi cũng đủ đẩy chúng vào phe chống báng. Họ không sống mà đề cuộc sống đầy xô, « không một mục đích cao cả, không một tình thương cao thượng ». Chúng biết rằng sống như thế, đối với chúng, chưa đủ đầy, nhưng chúng lại không biết thật ra mình muốn cái gì đây. Như lời một nhân vật trong số « Cái cô gái ba nhe của công trường »: « Tôi kiếm một cái, mà tôi không biết là cái gì. Tôi muốn bay bổng mà cánh tôi bị cột chặt rồi ».

Còn những phần tử khác như được giải mê. Họ thường chứng kiến cảnh xấu xa đặc thặng dễ dàng và đạo đức bị áp bức, sự bất công và đối trá thặng sự công bình và ngay thật, bao cái mất thấy ấy khiến chúng nhận rõ cuộc hơn thua không đồng sức ấy nó vô ích đến bậc nào, và bất cứ một hành động bất vụ lợi nào nó cũng ngu ngốc làm sao. Điều mà chúng sợ hơn hết là bị lừa, bị phỉnh, và giống như thanh niên Tây-Âu mà André Gorz nói đến: « chúng trở nên khô cứng đề ít bị thương », chúng làm bộ mặt dạn dày hầu bóp nghẹt bất cứ một ý chí nhất thời nào về tin ngưỡng hay về hi vọng. Bọn này biết rõ rằng chúng muốn cái gì, chúng muốn thành công hoàn toàn, vì chỉ có sự thành công là điều xác thực độc nhất mà chúng bám vào. Và chính một số lớn bọn chúng trở nên lữ « hành tiến » mà báo chí đã mặt sát chẳng tiếc lời.

Có một số thì hoài nghi, nhưng khi hoài nghi mà chẳng cứu vớt được cái gì thì sự buồn nản không còn cách giải quyết nào hơn ngoài khiêu vũ, nhạc jazz, rượu chè và tự mình giả đồ với mình để có ảo ảnh là mình hơn người ! mình có cá tính rõ rệt.

Sau cùng các phần tử « ít tốt nhất » hợp thành loại thứ ba, một khi mà hoàn cảnh khiến chúng trở nên hư đốn, đó là loại những kẻ lầm đường lạc lối. Những kẻ này gặp những trường hợp quá khích, hóa thành lữ du côn, làm mồi cho tội ác và khám đường. Lũ chúng thường là con trai (con gái cũng có, song đó là ngoại lệ) mà đường phố và các cuộc giao du bất hảo thay thế, mẹ cha vì lẽ nào đó đã bắt lực dạy dỗ chúng. Và tự nhiên là chúng sống vội vã, không muốn mất thì giờ trong các xí nghiệp hay tại học đường; chúng lao mình vào cuộc đời đề mà giành phần hưởng thụ. Chúng khinh thường sự lao lực, chúng đồng ý với nhau rằng « việc làm nó thương lữ ngốc, và chúng thích những cuộc bán buôn nho nhỏ, hợp pháp nhiều hay hợp pháp ít, những cuộc trù tính ám muội ít hay nhiều, nghĩa là những công cuộc bắt buộc « cái đầu làm việc, chứ chẳng phải cánh tay », những công việc mà chợ đen còn khá thịnh hành ở Liên xô cung cấp cho chúng biết bao là cơ hội. Chẳng nói ta cũng biết rượu mạnh là thức uống chúng thích nhất, đánh lộn đánh lạo với chúng là cơm bữa, rồi thì không sớm thì muộn, chúng sẽ gây rắc rối với cảnh sát, với công an, với quân đội, thì chúng hết đường leo lên dốc, trừ phi có một tấm lòng bác ái nào đủ can đảm bảo lãnh chúng và gửi gắm được chúng vào một xí nghiệp nào.

Biết những điều trên, chúng ta không lấy làm lạ mà thấy đầu tháng 10 năm 1958, tờ Komsomolskaia Pravda, cơ quan của tổ chức Thanh niên cộng sản, vận động sao cho tội tử hình từ nay được «ban» cho bọn du côn gây án mạng vì những hành động của chúng.

Lớp thanh niên Liên xô như ta thấy, có lắm thái độ đứng trước cuộc đời và những vấn đề do cuộc sống hiện nay đặt ra; Những thái độ ấy, xét lại có hai đềm chung: vứt cái luân lý Mác-xít Xích-Ta-Lin và khinh thường bất cứ uy quyền nào.

Bọn đại diện cho phần tử tinh anh thì quay lại nền luân lý cổ truyền, hay ít nữa về những điều cốt yếu: chúng không chịu nói đến nữa, dầu nhân danh nguyên tắc nào cũng mặc; chúng muốn được yên ổn với lương tâm và dễ được điều này, chúng sẵn sàng chịu trả giá; chúng quý mình trọng mình, chúng quý phẩm giá con người của chúng hơn danh dự của đoàn thể.

Rồi tiếp xúc với các vị chỉ huy mà hạnh kiểm mâu thuẫn với các nguyên tắc, chúng khinh khi cấp trên ra mặt. Lòng nghi ngờ, nảy sinh vì cuộc hạ bệ Xích-Ta-Lin, mỗi ngày mỗi lớn và dạy chúng đừng thêm tin những bài diễn văn tốt đẹp mà chẳng được việc làm chứng minh. Chúng hiểu rằng một chế độ chỉ có giá trị khi nào lớp người đại diện cho chế độ có giá trị. Vậy thì muốn cứu lý tưởng cộng sản theo như chúng quan niệm — cao thượng, nhân đạo — thì cần phải làm lại con người cộng sản. Trong công cuộc «thần thánh hóa lại» đó, chúng chỉ trông cậy ở chúng mà thôi. Chúng muốn phá bủy cầu kiều để giải thoát mình, để đi trước và để quăng tất cả đồ mang theo vô ích hầu phóng tới nhẹ, mau hơn.

Còn những phần tử trung bình hay tầm thường thì gặp nhiều khó khăn để đứng độ với nỗi cô đơn mà chúng chẳng ngờ. Chúng bị đẩy một cách tàn nhẫn ra trước một thực thể trần trướng (do cuộc hạ bệ Xích-Ta-Lin đưa lại), chúng bị quăng đột ngột từ một thế giới mà cái gì cũng định sẵn vào một thế giới mà cái gì cũng cần phải dựng lại cả, thì bảo sao chúng chẳng biết ai hoặc cái gì nắm trong tay cái bí quyết của Thiện và Ác?

Đảng à? Đảng đã làm mất niềm tin.

Cha mẹ à? Đó là những vật địa khai, có biết cái gì là cái gì.

Thế thì làm gì cũng được à?

Đó là một câu hỏi mà chúng thích chẳng nêu ra. Và chỉ có một điều là rõ ràng đối với hạng thanh niên này: hiện trạng không chứng minh những cái hi sinh, và những điều bắt buộc mà Komsomol muốn chúng phải chịu, nhân danh một lý tưởng mà chúng đã hết tin rồi. Cái luân lý khắc khổ mà cấp chỉ huy bênh vực ấy, có giá trị ở thời anh dũng xa xưa, nay với chúng đã hóa lỗi thời. Thật là ngu ngốc mà để mất những chiến thắng của chế độ, vốn là những cái lợi mà nay mới có thể nắm được và vốn là những giá trị duy nhất chắc chắn trong buổi bất định chung này.

Trên đây là ý kiến của lớp thanh niên trung bình hay là tầm thường nhất, là của những chú thợ trẻ, bị kết tập chặt chẽ hơn hay thanh niên trí thức, và cũng ít phương tiện để giải thoát hơn; chúng không còn biết tại sao lại phải cố gắng liên tiếp để làm những việc mà chúng thấy chẳng có gì là cần với kịp.

Sau cùng, với hạng tệ, thì những lo âu vì tinh thần gần như chẳng có. Các con đường hạnh kiểm của chúng rút lại như thể này đây: ngoại trừ cướp giết giữa ban ngày, trái với quan niệm chúng về nhân phẩm, thì tất cả phương tiện đều tốt để kiếm tiền, và «mọi người đều làm bằng một thứ bột», thắc mắc làm chi cho mệt.

Tóm lại, những bằng chứng đo báo chí và văn chương cung cấp, cho chúng ta nhận thấy giờ đây, lớp đầu xanh tuổi trẻ Liên-xô đang qua một cơn khủng hoảng: đầu hôm sớm mai, chúng thấy mình bỗng nhiên không trời phật, không tin tưởng, mất những tiêu chuẩn mà người ta dạy chúng để mà phán đoán việc và người trên mặt đất; chỉ có một thiểu số dường như đủ sức để tự mình xét lại các giá trị của mình. Còn những kẻ khác, thì chỉ cần hoàn cảnh thuận tiện một chút hoặc cơ hội đến, là chúng sẵn sàng chộp vào mình cái «*bệnh thời đại*», mà những đặc tính là: đạo đức thả lỏng, chạy tìm khoái lạc, tinh thần ham lợi, tính không phục tòng, lòng hoài nghi tát cảm, sự buồn chán và bối rối.



THỈ ra «*bệnh thời đại*» nó chẳng chữa nơi nào, nó ngự trị luôn cả tại «*Thiên đường Cộng sản*» cũng như nó hoành hành ở *Thế giới Tự do*.

Có điều chúng ta chưa biết được cơn bệnh kia, ở Liên-xô và các chư hầu, nó lan rộng đến đâu, nó trầm trọng đến mức nào.

Song có điều chắc chắn, là bệnh nọ chẳng phải là bệnh ngoài da: Khrouchtchef, trong cuộc hội nghị Đảng, kỳ thứ 21, đã nói đến việc cải cách giáo dục để xây dựng «*những con người mới*». Song thay vì đề lượn sống mới ấy chạy tràn lan như ở *Thế giới Tự do*, thì ở *Thiên đường Cộng sản*, người ta dìm nó, ép nó, đè nó bằng đủ mọi cách.

Bởi người ta không thể chịu được rằng cái lớp thanh niên được uốn nắn, được huấn luyện từ thuở còn măng, cái lớp thanh niên sẽ hoàn thành công cuộc thần thánh của các bậc đàn anh vĩ đại; chính phục nết hoàn cầu với búa với liềm, cái *hi vọng* của loài người... vô sản lại cũng hoang mang, cũng chán nản, cũng thờ ơ, cũng lạc lõng, cũng chơi bời, cũng đổi bại, cũng thối nát như ai sao?

Nhưng tuổi trẻ — ở dưới gầm trời nào — là một sức mạnh vô biên, là một ngọn sóng vô địch. Liệu nhà cầm Cộng sản có thể nào thắng lượn «*sóng mới*» này mà chẳng gặp hiểm nguy chẳng?

NGUYỄN NGU Í
(*Etudes* tháng 4-1959)

ĐÌNH HÙNG

Độc sách « Nhạc Đế » CỦA ĐOÀN-THÊM

Chúng tôi vừa nhận được tập thơ Nhạc Đế của ông Đoàn Thêm, do nhà in Kim Lai trình bày. Sách dày 200 trang, giấy tốt. kỹ thuật ấn loát tinh vi. Và đây là bài giới thiệu Nhạc đế của ông Đình Hùng, trưởng ban Tao đàn đài phát thanh Saigon.

HÀNG ngũ những người làm thơ lại vừa được tiếp nhận một thi phẩm mới: Tập « Nhạc Đế » của Đoàn-Thêm, tác giả *Taj Mahal* và *Từ-Thức* hay là *Kẻ Tìm Đường*.

Trong vài năm, xuất bản liền ba tập thơ, riêng về lượng, đủ chứng tỏ cái vốn tinh thần phong phú và sự liên tục trong nguồn cảm hứng cũng như trong sự nghiệp sáng tác của thi nhân. Nhưng điều đáng kể không phải ở chỗ Đoàn Quân vẫn sáng tác đều đặn và góp tiếng thường xuyên trên thi đàn, mà đáng kể nhất là ở chỗ kết đọng, tinh túy của tác phẩm, ở chỗ mà tác phẩm đã thể hiện — nghĩa là ở phẩm, không phải ở lượng.

Với *Taj Mahal* cũng như với *Từ-Thức* hay là *Kẻ Tìm Đường*, Đoàn Quân đến làng thơ như một kẻ mặc khách nhìn sự vật bằng cặp mắt thâm mỹ thuần khiết, một thức giả bận tâm đi tìm ý nghĩa cuộc sống và thưởng ngoạn cái đẹp bằng đường lối của trí tuệ. Như một Leconte de Lisle với *Poèmes Antiques*, một J.M. de Hérédia với *les Trophées*, hay như một Théophile Gautier với *Emaux et Camées*, tác giả *Taj Mahal* và *Từ-Thức* chưa muốn nói đến chính mình — tuy rằng nói đến người khác, nói đến ngoại giới hoặc nói bằng biểu tượng, người thi sĩ cũng phải đặt chính tâm hồn mình vào đó, phải đã nhìn qua lăng kính của chính tâm hồn mình. Nhưng dấu sao tâm hồn đó cũng vẫn còn giữ cái tính chất « vô ngã », tính chất tổng hợp, tính chất « vạn vật đồng nhất thể », tính chất « nhân loại » nói chung. Người thi sĩ mới chỉ lộ sắc diện một cách điển hình và khách quan. Một

kích thước kiểu mẫu. Một gương mặt đã được lý tưởng hóa, với những đường nét, sắc màu cân đối, sắp đặt có hệ thống bởi suy luận, theo một quan niệm thẩm mỹ hợp tình, hợp lý. Và chính bởi sự hợp lý quá, nên cái bản sắc thi sĩ điển hình kia cũng quan trọng quá, nghiêm nghị quá. Trang trọng và nghiêm nghị tới cái độ hơi lạnh lùng. Vì thế hình như người thơ chưa đến gần hẳn chúng ta.

Đó là bản sắc của các nhà thơ thuộc Thi Sơn Phái (Parnassiens). Rời xa địa hạt lãng mạn trữ tình, từ bước khởi đầu ông Đoàn-Thêm đã muốn tạo nên những thi phẩm đẹp, cái đẹp kiểu sức và trang nhã của mỹ thuật tạo hình (art plastique). Đẹp như đền Bạch Thạch ở Ấn-Độ. Như một bức cô họa Á-Đông với những cảnh thần tiên điểm ảo.

Chúng ta phải công nhận rằng tác giả Taj Mahal và Từ-Thức là một thẩm mỹ gia rất thận trọng trong việc kiến tạo cái đẹp và cũng rất nhiệt tình trong việc đi tìm cái Đẹp. Những cái Đẹp có muốn vản hình thái biến chuyển đến vô cùng. Kiến trúc hoa mỹ và chau chuốt của một Taj Mahal, kiến trúc nhিপ nhàng hòa đối cả chiều cao lẫn chiều rộng của một Từ-Thức, lâu dần cũng không đủ thỏa mãn một nghệ sĩ say mê cái Đẹp tuyệt đối của Đoàn Quân. Ông không ngần ngại mở thêm một cánh cửa khác, bước vào một địa hạt mới, đề khai thác thêm những vẻ đẹp thanh kỳ «Nhạc Dế», thi phẩm thứ ba của ông thành hình.

Với «Nhạc Dế», nhà thơ Đoàn-Thêm đã tới gần chúng ta hơn trên đường lối truyền cảm. Đây là một tập thơ gồm 42 bài với những đề tài khác nhau. Nhưng tất cả có thể trở nên một toàn thể hòa điệu, một «nhất trí âm thanh» với những dư ba, những vang dội, những hồn thanh giao hưởng nhau, đối đáp nhau, chuyển tiếp mạch nguồn cảm ứng với nhau: Một bản hợp tấu với nhiều đoản khúc, đứng riêng rẽ vẫn tạo nên hưởng khởi trọn vẹn, mà hòa hợp cùng nhau, càng tăng thêm mực độ rung cảm của Ý Nhạc.

«Nhạc Dế» — cái nhan đề có tính cách tượng trưng ấy, cũng đã nói lên phần nào ý niệm sáng tạo của thi sĩ, làm thơ chỉ vì một chút mộng đẹp vô tư, cũng như con dế kia chỉ cần một giọt sương trong đủ mát lòng để dạo nhạc. Vậy «Nhạc Dế» đây chính là bản nhạc nội tâm của người thơ, gồm những âm thanh trong trẻo nhất và kết đọng nhất.

*Hải phút mơ màng trong thắm nồn,
Trả hồng, lan huệ, chút yêu thương.
Mặc kiếp bướm ong say lá sắc
Gạn làn gió thoảng lọc thanh hương...*

Ngay trong bài đầu vô đề, tác giả đã gần như trình bày quan niệm thi ca của mình, một quan niệm thi ca đáng để chúng ta phân tích, vì ít nhất cũng có những hưởng cảm nghĩ độc đáo, khác biệt với những đường lối nghệ thuật đã quen thuộc.

Từ những cung bậc mở đầu, truyền cảm giác thoáng nhẹ như một nét nhạc dạo, lướt qua toàn thể tập thơ, chúng ta có thể bắt gặp rất nhiều âm giai tiết tấu «nhập điệu» — nghĩa là nhiều câu thơ cùng một tính chất hàm xúc, kết tinh như nhau, tác giả gọi đó là «gạn lọc thanh hương».

Chúng ta nhận thấy — và chính nhận xét này khiến chúng ta dễ có cảm tình với tác giả. Ở «Nhạc Để» nhà thơ Đoàn-Thêm không phải chỉ khách quan ca hát những cái đẹp, như kiểu một Théophile Gautier trong Emaux et Camées, một Leconte de Lisle trong Poèmes antiques. Thi sĩ họ Đoàn đã vượt quá chẳng đường xây dựng những công trình «nghệ thuật vô ngã», trang trọng nhưng lạnh lùng, rộng lớn nhưng nghiêm khắc, chẳng đường sáng tác theo chủ nghĩa duy mỹ của Thi Sơ Phái. Tuy vẫn có thái độ của một nhà thẩm mỹ, một nhà tâm lý học thường ngoạn cái Đẹp trước hết bằng lý trí, nhưng tác giả «Nhạc Để» còn muốn quan niệm Thơ một cách thực tình vì thế nhị, muốn cảm thấy cả mọi vẻ đẹp của ngoại giới cũng như nội, tâm, *những vẻ đẹp mong manh nhất, những vẻ đẹp chớp chờn, những vẻ đẹp uẩn xúc*. Nhà thơ không tìm cái đẹp ở chính bản chất của hình thể sắc màu, mà chỉ muốn tìm cái đẹp ở những tình mộng diễm kiều do hình sắc đem lại cho mình. *Cái đẹp ấy chỉ phảng phất thoáng qua một chút hương, một chút nắng, một chút gió tình cơ...* nên ông cũng chỉ thả hồn mình say sưa trong một phút, một giây, và dành cho tình mộng kiều diễm kia chỉ *một phút yêu thương, một phút mê luyến*.

Tình yêu của ông chỉ thanh đạm nhẹ nhàng và đứng mực, nhưng trong sáng mà sâu sắc — *một tình yêu thiên về trí tuệ* nhiều hơn cả, nên chắc chắn sẽ lâu bền không quá bằng bột sôi nổi dễ rồi chóng nguội lạnh, chán chường, không quá đắm đuối say mê dễ rồi sớm tìm đến u sầu, thất vọng,

*Dáng nhẹ hồn thiêng vương ánh sáng,
Tia vàng sang ngọc gợn chiều hương.
Hứng giọt sương lành cho dễ hát,
Cung mây hóa tấu khúc Nghê Thường.*

(VÔ ĐỀ)

Nếu Đoàn Quân có khát vọng thì chỉ là khát vọng dâng hồn lên cao, tìm cái đẹp thanh thoát ở những vùng ánh sáng không vẩn gợn. Nhưng, sẵn có thái độ của một thức giả, một triết nhân, ông không đòi hỏi quá nhiều, chỉ cần *một tia nắng, một gợn sao, một làn gió thoảng, một giọt sương trong, cũng đủ tạo thi hứng để cho lòng ông lên tiếng*.

Trong một bài thơ có thể coi là tiêu biểu cho ý niệm thẩm mỹ đặc biệt kia, tác giả «Nhạc Để» đã viết :

*Tôi đã trao mơ gửi tiếng đàn,
Dương cầm thánh thót giọt châu tan.
Bốn giây mã vĩ sầu rung sóng,
Gió rớt nao lòng, sáo khóc than.*

Tôi sợ từ lâu những tiếng tình,
Đường tơ lả lướt điệu rung rinh.
Siết, căng, rền rĩ hay diên đại,
E quá say hoa, vỡ chén quỳnh.

Tôi lắng tìm nghe tiếng quản huyền,
Trăm cung ngân điệu vẫn vô duyên.
Gieo kim đỏ ngọc? hồn băng lạnh,
Cung quế trắng tàn giấc mộng tiền

Tôi ước mong nghe nhạc dị thường,
Dịu yêu, người giận, dứt sầu vương.
Mỗi cung, hoa nở và sao mọc,
Mỗi điệu hòa âm dậy sắc hương.

(ƯỚC NHẠC)

Chính «Nhạc Để» cũng là một thứ nhạc mà tác giả muốn cho «mỗi cung hoa nở và sao mọc, mỗi điệu hòa âm dậy sắc hương...» Trong cái thế giới «hương sắc và âm thanh giao hưởng», Đoàn Quân hẳn đã nghe thấy nhiều cung bậc bất ngờ của màu sắc, bắt gặp nhiều mùi hương kỳ diệu của tiếng nhạc, cũng như ông từng nhìn thấy hình dáng quen thuộc của hương thơm, từng cảm thấy gương mặt thần thiết của mộng ảo.

Đó là một trong những đặc điểm của tác giả «Nhạc Để»; Ghi nhận được những vẻ đẹp hết sức vi tế, không phải bằng những giác quan thông thường, mà bằng một ý thức đột khởi của những phút giây gần như thoát tục những giây phút chơi vui trong cõi bất giác.

Đắm thính không, âm hưởng lắng quanh giường,
Gợn mi mắt, trùng dương man mác sóng...

Thả thần trí lênh đênh tùy bích lãng,
Lững lơ trôi, dĩ vãng rung hoa mai.
Nhuộm khói sương, trắng lạnh thấu u hoài,
Gợi thương nhớ những lan đài biệt bóng.

Ấp khăn lụa, tay mềm lau trán ướt,
Ngón măng ngà xoa vuốt nhẹ tâm tư.
Phấn gáy hương như yêu đượm tình thư,
Bóng khuôn côi không hư mờ ý thức.

Những cảm giác chấp chờn giữa thực với mộng, những hình thái lênh đênh, những sắc màu hư ảo, phần hương lẫn vào sương khói, mây sóng trôi với âm thanh... Và trạng thái nửa mê nửa tỉnh của tâm linh, phút giây tranh tối tranh sáng của thần trí, tác giả «Nhạc Để» đều nghe lắng, đều ghi nhận, để rồi phân tích, gạn lọc từng cảm giác, suy ngẫm, khám phá từng hiện tượng trong một cuộc giả nghiệm đầy thi vị, đến cuối cùng chỉ còn giữ lại cái tinh chất của Thơ và Nhạc, nguồn thanh hương của những giấc mơ.

Chợt hé bóng cười đã ngậm môi,
 Mây vừa rung bóng nước xa trời.
 Nhạc thơ dâng ý mơ vẩn điệu,
 Ngáy ngất chưa tan, lay lắt tiếc rồi.
 Trút cả tình hoa xuống ngọc lan,
 Tìm say muốn lả giấc mê man.
 Đạm nồng hãy đắm lòng không đáy,
 Gió thoảng, hương bay, lặng sóng dề.

(PHẪNG PHÁT)

Tác giả có cặp mắt của một họa sĩ ấn tượng, nhìn sự vật qua bao nhiêu sắc màu hòa hợp, để thấy mỗi màu sắc đều nói lên một thứ ngôn ngữ riêng.

Quan niệm nhận thức và sáng tạo đó thoát xét qua, tưởng chừng cũng không như quan niệm của các nhà thơ thuần túy và tượng trưng Pháp — thứ nhất cái đẹp chấp chờn kia, cái đẹp tìm thấy trong tiềm thức hoặc vô thức, có vẻ rất gần với cái Đẹp kiểu Paul Valéry « bộ ngực trần giữa hai lần áo lót... » :

*Ni vu, ni connu
 Le temps d'un sein nu
 Entre deux chemises...*

Tuy nhiên, ở Đoàn Quân vẫn có một điểm chính yếu khác biệt với các nhà thơ Tây phương : Đó là cái bản chất Đông phương thanh tú và trầm mặc, mà ông còn giữ được một cách đắm thắm như một đi sản qui bầu. Ngôn ngữ thì ca của ông không nề hình thức « cải biến văn phạm » như các nhà thơ thuần túy.

Nguồn cảm hứng của ông không bị gò bó vào những hình ảnh biểu tượng như các nhà thơ tượng trưng. Cả thi điệu, từ ngữ cùng tứ thơ của ông đều phảng phất các phong thái tiêu tao, trang nhã của linh hồn Đông Phương uyển chuyển. Không dụng ý làm sống lại văn phong cổ điển, người thi sĩ của nửa thế kỷ XX, ngay trong những thời khắc thả mình trôi theo những cảm giác tân kỳ nhất, vẫn tự nhiên để lộ nghi dung của một kẻ sĩ phong lưu tài tử.

Điệu « Nhạc Dế » lung linh âm điệu giữa không gian và thời gian ; những khoảng cách không còn biên giới, và màu sắc cổ kim ở đây cũng chỉ còn màu chuyển biến cần thiết của âm giai, tiết điệu, Bởi vậy, đọc « Nhạc Dế », chúng ta cũng nên giữ trọn vẹn các cảm giác theo dõi một bản Hợp tấu với nhiều đoản khúc.

Tôi không nghĩ rằng ông Đoàn-Thêm đã bố cục thi phẩm « Nhạc Dế » theo như kiến trúc một nhạc phẩm. Nhưng, xét theo chiều hướng cảm xúc và tính chất của mỗi đề tài, trong toàn tập Nhạc Dế 42 bài, tôi muốn phân biệt từng phân đoạn gồm những bài cùng mạch nguồn thi hứng, ví như từng bản đàn cùng một âm độ, và tuy thể điệu có thể biến đổi, nhưng tiết tấu chung vẫn không xô lệch. Như vậy, chúng ta sẽ dễ dàng theo dõi đường lối truyền cảm của tác giả.

Chúng ta sẽ nhận thấy : đáng chú ý hơn hết, và hình như bao trùm lên toàn thể tập thơ như một làn khói mây lãng đãng, là những bài thơ ghi lại cái đẹp mong manh thấp thoáng, cái đẹp trôi chảy chỉ hiện ra giây phút. Những bài thơ ghi lại những ấn tượng, những cảm giác, những trạng thái chập chờn của tâm linh, thời khắc lắng chìm vào cõi mù sương, của tiềm thức, hiện tượng thức giấc của hạ ý thức, bản ý thức của trực giác. Mỗi bài thơ như một hạt sương lấp lánh để người thơ soi hình trong đó, mừng tượng thấy hiện lên bao nhiêu vẻ đẹp khác vời, vẻ đẹp của « dĩ vãng rung hoa mai », của « ánh sắc tỏ vẩn ánh », của « khuê bích nạm trời quang », của « mây vờn rung bóng nước xa trời » của « làn mĩ sương phụ ngọc long lanh » ...

Mỗi bài thơ là một thí nghiệm của tác giả, một bước tự đưa mình vào khám phá cái thế giới nội tâm sâu thẳm chưa bao giờ hết bí mật. Hãy cứ tạm gọi đó là « Những bài thơ diễn tả những uẩn khúc của tâm linh ». Mặc dầu tác giả không phân loại và đặt thành tiết mục, chúng ta cũng có thể cảm thấy cái phong khí riêng của loại « thơ tâm linh », vời màu sắc băng khuâng mờ ảo, khi hậu thao thức phân vân, đối tượng chập chờn mây dáng, thường đối tượng vẫn lần hình để chỉ còn là một ý niệm ; nhiều khi không có cả đối tượng. Thuộc loại này, có thể đan cử những bài :

— *Vô Đề* (sự thực, không có đề chính vì bài thơ đã đúc kết được cái phần tinh túy của một đề tài căn bản) ; — *Xoa Dịu* (những cảm giác mong manh nhất, thoáng bất gặp đủ là nguồn an ủi vô biên) ; — *Lóng Đẽ* (cảm giác yêu say và thương xót của tâm hồn thi nhân bắt nguồn từ những mâu thuẫn ngay, trong nguyên lý cuộc sống mà chính thi nhân cũng không hiểu hết ý nghĩa) ; — *Mây sớm mây chiều* (phút giây tính mạng, ý thức bất gặp cô đơn) ; — *Ước Nhạc* (một quan niệm thâm mỷ lý tưởng, vượt trên địa hạt tình cảm) ; — *Phấn Ván : Thắc Mắc ; Lo Ngại ; Mê Hoặc* (đều diễn tả những trạng thái uẩn của tâm tư thác ngu ngay trong tiêu đề) ; — *Phảng Phất : Niu Lại ; Giắc Hề Bên Sông* (cảm giác thấy cái đẹp vi vút trôi qua không thể nắm giữ, dù cố « níu lại » trong phút giây.

Một thể điệu thứ hai của Nhạc Để, mà cũng là một biệt loại, một đặc điểm của thi phẩm : đó là *những bài văn xuôi có nhịp điệu* chen lẫn trong tập thơ. Tất cả gồm 10 bài có bài khá dài, tới 6 trang giấy, hơn 100 dòng chữ (Phạm-Định-Trọng và Nguyễn-Hữu-Cầu). Kể viết bài này cũng đã có lần trình bày ý kiến riêng về những bài văn xuôi có nhịp điệu ấy (1) — gọi là những bài « Thơ bằng văn xuôi », cũng không sao, mà cứ gọi chung là Thơ cũng được. Không nệ hình thức, chúng ta chỉ biết rằng : đặt vào tập « Nhạc Để », những bài văn xuôi có nhịp điệu của tác giả cũng góp phần khắng khít vào kiến trúc của nét nhạc toàn thể, cũng cần thiết để tạo nên mối hòa âm toàn vẹn trong bản hợp tấu nội tâm của người thơ. Hoặc đứng riêng lẻ

(1) Trong mục Tao Đàn, nói qua làn sóng điện của Đài Phát Thanh.

từng đề tài, hoặc chuyển tiếp cảm hứng với một bài thơ (như Tao Đàn Mộng Ký) những áng văn hòa điệu nhịp nhàng đó vẫn chỉ là những cung bậc của Nhạc, tiếng nói của Thơ, với đầy đủ tác dụng truyền cảm và gợi cảm.

Qua những áng thơ bằng văn xuôi đó, tác giả đã diễn tả được trọn vẹn được sắc màu phong phú của ý nhạc tâm hồn. Bằng những hình ảnh hoặc những nhân vật tượng trưng, tác giả thác ngụy một trạng thái tinh thần, biểu lộ một tư tưởng; có khi bằng một giai thoại cổ xưa trình bày như một nền bích họa linh động, tác giả phác họa người và việc đề nói lên những ý niệm trừu tượng, như một nhà họa sĩ tìm thấy bóng dáng của chính mình cùng cả bóng dáng cuộc đời trong nét vẽ.

« *Bóng Vang Làng Cũ* » đáng kể là một bức tranh mộc bản đầy thi vị thôn dã đơn sơ. « *Tao Đàn Mộng Ký* », « *Sống và Đẹp* » nói lên một quan niệm nghệ thuật đi liền với quan niệm nhân sinh của tác giả, và ở đây, cái bản chất Đông Phương thuần nhĩ của kẻ sĩ Đoàn-Thêm biểu hiện thiết tha hơn đâu hết. « *Hai Ông Cũ* » và « *Phạm-Đình-Trọng, Nguyễn-Hữu-Cầu* » gọi lại tất cả cái phong vị cổ kính xa xưa của những thời gian đã mất. Có lẽ đây cũng là những cái đẹp vi vút trôi qua mà tác giả thường vẫn nặng lòng luyến tiếc.

Người ta có thể phê bình lối văn có nhịp điệu của Đoàn-Quân hơi cổ, vì có nhiều câu không những nhịp điệu cân bằng sóng đôi nhau như thể văn Tứ lục thời xưa, mà cả lời cả ý cũng đối nhau, đúng lối văn biên ngẫu.

Nhưng đó là dụng ý của tác giả; khi đề tài dẫn về cổ thời, ngòi bút tác giả muốn có giọng điệu thích hợp, tất phải mượn hình thức cổ. Cũng như khi cần diễn tả những nỗi niềm khúc mắc của thời đại mới, tác giả không ngần ngại dùng cả thể thơ tự do (*Treo giùm*). Hình thức cổ kính của những bài văn có nhịp điệu kia xét ra vô hại, vì đã được dùng đúng chỗ. Trái lại, tôi còn nghĩ rằng đó là một đặc điểm của Đoàn-Quân. Bởi vì, ở bên cạnh những nếp cảm nghĩ rất Tây-phương gợi nhớ tới « bộ ngực trần giữa hai lần áo lót » của Paul Valéry, tác giả Nhạc Đế tất phải trung thành hết sức với cái bản sắc Đông-Phương cổ hữu, mới có thể viết được những câu văn cổ kính và chí tình như sau :

« .. Tôi chợt nghe tin bác chẳng lành : tâm trí lực vì công
« danh mòn mỏi, tâm nhung quế, số trời khôn qua khỏi, ối thương ôi!
« tôi hỏi bác làm thính.

« Hạt sương gieo cùng lệ đổ năm canh, tình với nghĩa thôi
« cũng đành như thế vậy.

« Quãng đồng vắng, chiều hôm tôi chống dầy, viếng mộ phần,
« bác thấy tôi buồn chăng ?

« Rẽ đôi đường, vẫn nhớ hữu bằng, râu tóc này đã nhuộm tuyết
« bằng, ngậm trường hận lúc trăm thăng vô tri kỷ...

« Nhật nguyệt đôi vàng soi dòng bích thủy, um tùm cỏ thụ, bóng rể si rung rinh đáy nước, ngàn lau xao xác, gió đưa tiếng « cuộc gọi hè... » (Hai ông cụ)

Ngoài loại « Thơ bằng văn xuôi », đáng kể nữa trong Nhạc Đế, còn những bài thơ dùng biểu tượng của tác giả. Không phải như lối thơ Tượng Trưng phức tạp chọn lẫn hình tượng của sự vật cùng ý niệm như kiểu Mallarmé, J. Moréas, ý niệm tượng trưng của nhà thơ Đoàn-Thêm sáng sủa và dần dị, có đối tượng rõ ràng : *Tạnh cơn giông, Nắng Mưa Dĩ Vãng, Mộng Tâm Xuân, Treo Gươm và Hạ Sơn* là những bài thơ ý tưởng hàm súc và tế nhị, đáng để người đọc suy gẫm. Đoàn Quân xử dụng hình ảnh biểu tượng một cách uyển chuyển mà chặt chẽ.

Chúng ta đã ghi nhận ba loại thơ, ba thể điệu, tựa như ba dòng sông cảm hứng từ ba chiều hướng khác nhau nhưng cùng đổ vào một lòng biển. Lòng biển đó là Nhạc Đế. Và Nhạc Đế còn một phần khúc thứ tư, gồm những bài hoặc gọi lại những kỷ niệm mà tác giả đã sống qua, như : *Bắc-Việt, Chợ, Tết, Tặng Hoa, Quê Hương...* (một chút vui, buồn trong dĩ vãng), hoặc thuật lại một câu chuyện xa xưa, để giải thích một nỗi lòng, một sự kiện tình cảm, một tấn bi kịch. Với những bài như *Hận Ban Siêu, Mồ Tỷ Can, Khói và Lửa, Tiếng Vọng Bên Kia*, dường như tác giả muốn thí nghiệm phương pháp của nhà viết kịch, thử nhập vào tâm hồn kẻ khác, thử khách quan định thái độ cho từng nhân vật. Những bài thơ như *Mồ Tỷ Can, Hận Ban Siêu* có thể ví như từng vở kịch nho nhỏ, với đủ biến cố bất ngờ cùng những chuyển biến tâm lý cần thiết.

Hình thái diễn tả đó tuy lời chỉ là một thí nghiệm chưa tỏa rộng màu sắc trong thi phẩm Nhạc Đế, nhưng dấu sao cũng tăng thêm sắc màu cho thi phẩm, và chứng tỏ rằng tác giả là một nghệ sĩ thành khẩn không lúc nào ngừng tìm tòi, khai thác trong xứ sở vô cùng của Nghệ Thuật.

Đọc « Nhạc Đế » thi phẩm thứ ba của Đoàn-Thêm, trước hết, tôi nghĩ rằng : tôi đã tìm thấy con người thi sĩ toàn vẹn của Đoàn-Quân, mà trước kia chúng ta chỉ mới nhìn thấy xa xa, qua bóng dáng diên hình của một Từ-thức. Chúng ta có thể rất ham mộ những công trình nghệ thuật dài hơi những tác phẩm lớn, như *Đoạn Trường Tân-Thanh* của Nguyễn-Du, như *Faust* của Goethe, như *Divine Comédie* của Dante, và như *Từ-Thức* của Đoàn-Quân. Tuy vậy, chúng ta vẫn ưa thích Nguyễn-Du nhỏ bé lại một chút để viết nên *Thơ Chiêu Hồn*, Goethe thân mật thêm một chút để cho ta nghe những bài thơ trữ tình ly tao, Dante đứng vĩ đại nữa để hát lên những khúc tình ca yểu điệu tặng nàng Béatrix, và chúng ta muốn nhà thơ Đoàn-Thêm hãy bớt một vài phút bận khoan trong cuộc đi tìm con đường lý tưởng, để nhìn thẳng vào nỗi lòng gần gũi của mình, để rồi viết nên những vần thơ ngọt ngào như :

*Ngon mắng ngà xoa vuốt nhẹ lâm tư,
Phấn gáy hương như yêu đượm linh thư. . (Xoa Dịu)*

hoặc :

*Ước hẹn bao giờ, sao vẫn gặp ?
 Xa trông thoáng bóng vẫn mong gần...
 Chợ Tết trời Nam hoa dầu thắm,
 Nhớ bàn tay ngọc lúc che môi...*

(Tặng Hoa)

Nghĩa là chúng ta vẫn thích người thi sĩ dù có đề cập tới những hiện tượng to lớn trọng đại gì chăng nữa, ít nhất cũng nên nói thẳng đến « cái chính mình » cho ta hiểu rõ người thơ đôi chút, Bởi vì chúng ta vẫn muốn tìm hiểu cái bản ngã thực của thi sĩ, dù bé mọn, tầm thường : có bé mọn, tầm thường, chúng ta mới dễ dàng tìm thấy phần của chính tâm hồn mình, khi chúng ta soi lòng vào những trang thơ, như soi gương.

Bây giờ chúng ta hẳn đẹp lòng. Con người thi sĩ thực của Đoàn Quân đã tới gần chúng ta hơn. Với tập thơ Nhạc Dế, một bản sắc thi sĩ toàn vẹn đã hiện ra, với tất cả những hoài bão lớn lao, những ước vọng cao cả, cũng như những giấc mộng nhỏ bé, những tình cảm riêng tây.

Chúng ta hình như để thấm những vần thơ như sau :

*Nhớ bạn nào ai tới ?
 Bình thơ, khăn giọng ve.
 Muốn nằm mơ một giấc,
 Máy trắng gọi hồn quê.*

(Nỗi niềm)

Chúng ta đã từng thâm cảm nỗi niềm đó. Và điệu Nhạc Dế của Đoàn-Quân chắc chắn sẽ gặp được những cái tai Tử-Kỳ sẵn sàng nghe lắng, tuy rằng chính Tử-Kỳ cũng nhiều khi bằng khuâng chưa dám nhận rằng mình đã thấu hiểu hết niềm băng khuâng của nỗi lòng dế.

Vậy xin chép lại bài *Lòng Dế* ở đây, để thay một lời kết thúc :

*« Nụ hứa nở bên cuốn tàn khó mộng,
 « Cành rung rinh trái mộng, mặc hoa rơi
 « Nắng gieo vui và lá vẫn đua tươi :
 « Không hiểu nghĩa cuộc đời, con dế khóc.
 « Đất ứa nhựa, nhánh lan gầy héo hắt,
 « Phấn phai vàng, phơ phất bướm vô tri,
 « Vườn sắc hương mơ tan giấc tình si,
 « Cõi vô giác xanh rì, con dế hát. »*

ĐÌNH HÙNG

Thư mục

THÁNG 7-1960

BIÊN KHẢO

1) « **KINH TẾ HỌC GIẢN YẾU** » :
Trần-Văn-Kiện — Công-Đàn xuất
bản — 137 trang khổ 15x22 — Giá
108\$.

Tác giả đã trình bày về :

- Khái niệm căn bản về kinh tế học.
- Các ngành, các yếu tố, các đơn vị sản xuất về sự phối hợp sản xuất.
- Tiền tệ.
- Giá cả.
- Mậu dịch quốc tế
- Phân phối
- Tiêu thụ
- Quân bình kinh tế và thời vận kinh tế.

2) « **KHẢO LUẬN VỀ ĐOẠN TUYỆT** » : Lê-Hữu-Mục — Khai-Tri xuất bản — 186 trang khổ 15x20 — Giá 40\$.

Tác giả đã bình luận về văn chương, tư tưởng trong cuốn tiểu thuyết Đoạn Tuyệt của Nhất-Linh.

3) « **TIỀN CƠ LUẬN** » : của Nha Thành — tác giả tự xuất bản in Ronéo — 596 trang khổ 21x28 — Giá 360\$.

Sách luận về Thiên Cơ, sự sống của con người trong vũ trụ. Sự già và chống sự già. Bệnh nghiện ăn và cách trị bệnh nghiện ăn. Nhiều chứng minh dựa theo khoa học vi trùng học và nguyên tử học.

4) « **KỸ THUẬT ĐIỀU TRA** » : (hình sự) của Lương-Bình-An — tác giả tự xuất bản — 124 trang khổ 15x21 — Giá 25\$.

Sách khảo cứu về các cách điều tra các vụ phạm pháp, của ngành cảnh sát.

5) « **TẢN XUÂN TÙY BÚT** » : của Lê-Văn-Siêu — Nguyễn-dinh-Vượng xuất bản — 110 trang khổ 13x19 — Giá 25\$.

Một cuốn Tiểu Luận tác giả nói đến việc xây dựng văn hóa mới là văn hóa phải giúp ích cho thời đại. Như ngày nay là làm cho chiến tranh không tái diễn.

6) « **KHẢO LUẬN VỀ NGUYỄN-KHUYẾN** » : của Nguyễn-Xuân-Hiếu và Trần-Mộng-Chu — Nam-Sơn xuất bản — 204 trang khổ 14x21 — Giá 32\$.

Khảo luận có tính chất cho học sinh dùng.

7) « **KHẢO LUẬN VỀ CUNG OÁN NGÂM KHÚC** » : của Nguyễn-Khoa

— *Sống-Mới* xuất bản — 136 trang
khổ 15x22 — Giá 22\$.

Khảo luận có tính chất cho học
sinh dùng.

8) « *PHƯƠNG ĐÌNH DU ĐỊA
CHÍ* »: của Nguyễn-Siêu, Ngô-Mạnh-
Nghinh dịch — Tự Do xuất bản —
288 trang khổ 15x21 — Giá 55\$.

Biên khảo về địa lý của nước
Việt-Nam từ cổ đến triều Nguyễn.

— Kê rõ địa danh quận huyện,
hộ, khẩu qua các triều đại.

— Kê rõ địa danh miền đất « Nam
tiến » mà khi trước thuộc
Chiêm-Thanh, Lâm Ấp.

Một cuốn sách rất lợi ích cho
việc khảo cổ về các địa danh có
liên quan tới việc tìm hiểu lịch
trình diễn tiến và nguồn gốc dân
tộc Việt-Nam.

DỊCH THUẬT :

1) « *HOÀNG TỬ HAMLET* »: Văn
Lang dịch theo tác phẩm của
Shakespeare — Khai Trí xuất bản —
32 trang khổ 14x20 — Giá 5\$.

Loại sách song ngữ Pháp Việt.

2) « *CÁI RƯƠNG BIẾT BAY* » :
Nguyễn Tử Hương dịch theo tác
phẩm Le Coffre Volant của Hans
Christian Andersen — Khai Trí
xuất bản — 32 trang khổ 14x20 —
Giá 5\$.

Loại sách song ngữ Pháp Việt.

3) « *CÁCH SỬA PHẬT TRẺ EM
THEO MỘT THÀNH NHÂN* » :
Nguyễn Quang Đức dịch theo tác
phẩm Commentum Saint puniss

les enfants — Dịch giả xuất bản —
71 trang khổ 1x420 — Giá 10\$.

4) « *TU TẬP CHỈ QUÁN TỌA
THIỆN* »: của Lê Thanh Tông dịch
— Văn Thanh xuất bản — 122 trang
khổ 15x21 không đề giá.

Sách chỉ cách ngồi tĩnh tọa của
Phật giáo và tĩnh tọa chữa bệnh.

TÒN GIÁO :

1) « *PHẬT GIÁO TÂM LÝ HỌC* » :
của Minh Lý Đạo — Tác giả xuất
bản — 285 trang khổ 14x20 — Không
đề giá.

2) « *LONG HOA TAM HỘI* »: của
Thái-Hư — chùa Phước Hậu xuất
bản — 22 trang khổ 14x21 — Giá 5\$.

Sách dạy đạo Phật.

3) « *KINH DI LẠC* »: của Khánh
Anh — chùa Phước Hậu xuất bản
— 84 trang khổ 14x21 — giá 20\$.

Sách dạy Kinh Phật.

4) « *KINH CỨU KHỔ* »: của chùa
Giác Ngạn xuất bản — 6 trang
không đề giá.

Kinh đạo Phật.

5) « *KINH DƯỢC SƯ* »: của Bồ Tát
Tuệ Nhuận — Chùa Dược Sư xuất
bản — 76 trang — khổ 16x25 không
đề giá.

Kinh đạo Phật.

6) « *TRUYỆN ĐỨC CHÚA TRỜI* » :
của Nguyễn Văn Bích viết và xuất
bản — 32 trang khổ 8x15 — giá 3\$.

Sách nói về Đạo Thiên Chúa.

7) « **HUYỀN TRANG** »: của Võ Đình Cường — Hương Đạo xuất bản 90 trang khổ 14x21 — giá 20\$.

Truyện Huyền Trang đi Ấn-Độ lấy kinh Phật.

8) « **KIỆP NHÂN SINH** »: của Nguyễn Trạch Thiện — chùa Hòa Khánh xuất bản — 26 trang khổ 10x18 — không đề giá.

Giấy Phật tử quan niệm nhân sinh.

9) « **ẤN NĂN TỘI CÁCH TRỌN** »: của J. De Driesch, Legio Maria xuất bản — 48 trang khổ 10x18 — giá 5\$.

10) « **TÂN ƯỚC** »: Nhóm hoạt động Văn hóa soạn — Legio Maria xuất bản — 254 trang khổ 14x21 — giá 25\$.

Sách soạn thuật lại theo Kinh Thánh.

11) « **VIẾNG MINH THÁNH CHÚA** »: của Thánh Alphongsô — Cha Trảng Huân dịch — Người Mới xuất bản — 132 trang khổ 11x17 — Giá 10\$.

Sách dạy cách viếng Minh Thánh Chúa.

12) « **KINH DIỆU PHÁT LIÊN HOA** »: của Hòa Thượng Thích Hải Chàng — Phổ Quang Tự xuất bản — 48 trang khổ 15x21 — Không đề giá.

Sách dạy kinh Phật.

TIỂU THUYẾT

1) « **NGƯỜI ANH CẢ** »: của Lê-Văn-Trương — Truyện Hay tái bản — 224 trang khổ 15x20 — Giá 45\$.

Một trong những chuyện hay của Lê-Văn-Trương đã xuất bản hồi tiền chiến, tả sự hy sinh cao cả của một người anh đối với các em.

2) « **TÌNH KHÔNG RANH GIỚI** »: của Dương-Hà — Tác giả tái bản lần thứ nhất — 272 trang khổ 16x21 — Giá 40\$.

Tiểu thuyết tình cảm.

3) « **KỶ HOA TỬ** »: của Nguyễn-Mạnh-Côn — Nguyễn-Đình-Vượng xuất bản — 310 trang khổ 15x20 — Giá 40\$.

Một tập chuyện ngắn gồm có:

— Chờ anh trong nghĩa nặng vợ chồng

— Kỳ hoa tử

— Giá trị tinh thần

— Vay bằng máu trả bằng đời

— Truyện một người đòi trả nợ cho dân tộc

— Một chuyện ngắn không đặt tên

Chuyện có ý nghĩa tố Cộng, được xây dựng với một kỹ thuật khá cao, đã đăng báo của Quân Đội.

4) « **VÀNG VÀ MÁU** »: của Thế-Lữ — Nguyễn-Tế tái bản lần thứ 7 — 165 trang khổ 15x20 — Giá 36\$.

Tiểu thuyết phóng sự đường rừng đã xuất bản hồi tiền chiến.

5) « **HẠNH** »: của Khái-Hưng — Phụng-Công tái bản — 134 trang khổ 14x21 — Giá 40\$.

6) « **HAI NGƯỜI BẠN** »: của Lê-

Văn-Trương — Truyện-Hay xuất bản — 160 trang khổ 14x21 — Giá 30\$

Loại truyện tâm lý lãng mạn, thịnh hành trong thời tiền chiến. Nay xuất bản lại.

THƠ

1) « *MUA GIÓ SÔNG TƯƠNG* » : của bà Tương-Phổ — Bốn Phương xuất bản — 115 trang khổ 21x27 — Giá 80\$.

Những bài thơ tác giả viết trong khoảng từ năm 1915 đến 1949 nói lên tâm tư của người quả phụ thiếu niên.

2) « *ME ĐÃ VỀ* » : của Huy-Hoài — tác giả tự xuất bản — 46 trang khổ 17x25 — Giá 20\$.

Gồm 17 bài thơ mới phần nhiều tả cảnh quê hương của tác giả ở Kiến-Phong.

3) « *THẦN LIÊN THI TẬP* » : của Lê-Văn-Tất — tác giả xuất bản — 12 trang khổ 10x18 — Giá 10\$.

Có 10 bài thơ loại tình cảm.

4) « *SUỐI LÒNG KHUYA* » : của Sa-Minh-Tạ Thúc-Khải — tác giả xuất bản — 36 trang khổ 16x24 — Giá 20\$.

36 bài thơ, gồm các loại cổ như Thơ Đường, miếu, hò Huế v.v...

5) « *HAI CÁNH HOA TÍM* » : của Song-Hồ — tác giả xuất bản — 64 trang khổ 15x24 — Giá 33\$.

Phần nhiều loại thơ tự do, chứa đựng nỗi lòng mang mang, khắc khoải và bất mãn của một thanh niên « thời đại ».

6) « *QUAN ÂM THỊ KÍNH* » : Quốc-Hoa xuất bản — 76 trang khổ 13x20 — Giá 9\$.

Truyện cổ bằng thơ lục bát.

7) « *PHAN TRẦN* » : Quốc-Hoa xuất bản — 72 trang khổ 13x20 — Giá 9\$.

Truyện cổ bằng thơ lục bát.

SÂN KHẤU

1) « *TUYẾT PHỦ CHIỀU ĐÔNG* » : (2 tập) của Hoàng Minh — Soạn giả xuất bản — Mỗi tập 64 trang khổ 13x16 — không đề giá.

Tuồng cải lương do đoàn Ngọc Kiều trình diễn.

1) « *BÀI THƠ TÌNH CỦA VUA MÓC TỬ* » : (2 tập) của Phương Linh — Soạn giả xuất bản — Mỗi tập 64 trang khổ 13x16 — không đề giá.

Tuồng cải lương do đoàn Thanh Minh trình diễn.

3) « *CON TRAI NGƯỜI ĂN MÂY* » : (2 tập) của Phương Linh — Soạn giả xuất bản — Mỗi tập 53 trang, khổ 13x16 — không đề giá.

Tuồng cải lương do đoàn Thanh Minh trình diễn.

4) « *CHÂN ĐỜI* » : của Lê Khanh — Hăng Đĩa hát Nghệ Sĩ xuất bản — 10 trang khổ 13x16.

6 câu vọng cổ.

5) « *TÔI THÂN EM* » : của Quy Sắc — Hăng đĩa hát Hồng Hoa xuất bản — 13 trang khổ 13x16.

6 câu vọng cổ.

6) « *ĐÁU LỜI ĐOAN THỂ* » : của

Viễn Châu — Hăng đĩa hát Hồng
Hoa xuất bản — 14 trang khổ 13x16.

6 câu vọng cổ.

7) « *TÌM MỘT CẢNH HOA* »: của
Viễn Châu — Hăng đĩa hát Lam
Sơn xuất bản — 14 trang khổ 13x16.

6 câu vọng cổ.

8) « *HỒN VƯƠNG SÓNG NƯỚC* »:
của Viễn Châu — Hăng đĩa hát
Hồng Hoa xuất bản — 13 trang
khổ 13x16.

6 câu vọng cổ.

9) « *ÁNH TRĂNG SAU MÀN
TRÚC* »: của Quý Sắc — Hăng đĩa
hát Lam Sơn xuất bản — 14 trang
khổ 13x16.

6 câu vọng cổ.

10) « *ĐÊM CUỐI CÙNG* »: của
Lê-Khanh — Hăng đĩa hát Lam
Sơn xuất bản — 14 trang khổ 13x16.

6 câu vọng cổ.

11) « *DUỚI BÓNG PHẬT ĐÀI* »:
của Viễn Châu — Hăng đĩa hát
Lam Sơn xuất bản — 14 trang khổ
13x16.

6 câu vọng cổ.

12) « *NỖI ĐAU LÒNG* »: của Quý
Sắc — Hăng đĩa hát Hồng Hoa xuất
bản — 14 trang khổ 13x16.

6 câu vọng cổ.

13) « *TÌNH ĐEN BẠC* »: của Quý
Sắc — Hăng đĩa hát Lam Sơn xuất
bản — 14 trang khổ 13x16.

6 câu vọng cổ.

14) « *TỰA BUI CỎ LAN* »: của
Quý Sắc — Hăng đĩa hát Hồng

Hoa xuất bản — 14 trang khổ 13x16.

6 câu vọng cổ.

15) « *DUỚI CỒNG TRƯỜNG
LÀNG* »: của Quý Sắc — Hăng đĩa
hát Lam Sơn xuất bản — 14 trang
khổ 13x16.

6 câu vọng cổ.

16) « *TÂM SỰ CÔ GÁI MÙ* »: của
Viễn Châu — Hăng đĩa hát Lam
Sơn xuất bản — 14 trang khổ 13x16.

6 câu vọng cổ.

17) « *EM LÀ VỢ CHIẾN BINH* »:
của Thái Thủy Phong — Hăng đĩa
hát Lam Sơn xuất bản — 14 trang
khổ 13x16.

6 câu vọng cổ.

18) « *NGƯỜI CHỒNG TỘI LỖI* »:
của Viễn Châu — Hăng đĩa hát Lam
Sơn xuất bản — 14 trang khổ 13x16.

6 câu vọng cổ.

19) « *NGAI VÀNG VÀ TỘI LỖI* »:
của Viễn Châu — Hăng đĩa hát
Lam Sơn xuất bản — 14 trang khổ
13x16.

6 câu vọng cổ.

20) « *NHỚ ÁNH TRĂNG RỪNG* »:
của Viễn Châu — Hăng đĩa hát Lam
Sơn xuất bản — 14 trang khổ 13x16.

6 câu vọng cổ.

21) « *NƯỚC MẮT ANH HÙNG* »:
của Lam Sơn — Hăng đĩa hát Nghệ
Sỹ xuất bản — 14 trang khổ 13x16.

6 câu vọng cổ.

22) « *NẮM XƯƠNG TÀN* »: của
Quý Sắc — tác giả xuất bản — 13
trang khổ 12x18 — không đề giá.

Loại tường cải lương ngắn.

23) « *TÀN CON ÁC MỘNG* »: của Lê-Văn-Đương — tác giả xuất bản — 13 trang khổ 12x18 — không đề giá.

24) « *ĐÊM XUÂN NHỚ MẸ* »: của Viễn Châu — tác giả xuất bản — 12 trang khổ 12x18 — không đề giá.

Loại tường cải lương ngắn.

25) « *HỒN NÚNG TRÍ CAO* »: của Quy Sắc — tác giả xuất bản — 12 trang khổ 12x18 — không đề giá.

Loại tường cải lương ngắn.

26) « *KIỆP HỒNG NHAN* »: của Quy Sắc — tác giả xuất bản — 12 trang khổ 12x18 — không đề giá.

Loại tường cải lương.

27) « *SAU MÙA LY LOẠN* »: của Phong-Anh — tác giả xuất bản — 12 trang khổ 12x18 — không đề giá.

Loại tường cải lương ngắn.

28) « *CÔ GÁI NGHÈO* »: của Thu An — tác giả xuất bản — 12 trang khổ 13x18 — không đề giá.

Loại tường cải lương ngắn.

20) « *ÁO VÁ NGƯỜI VỢ HIỀN* »: của Kiến-Giang — 12 trang khổ 12x18 — không đề giá.

Loại tường cải lương ngắn.

30) « *ĐÊM TÀN HÓN* »: của Viễn Châu — tác giả xuất bản — 12 trang khổ 12x18 — không đề giá.

Loại tường xã hội ngắn.

21) « *EM BÁN BÀI CA* »: của Quy-Sắc — tác giả xuất bản — 12 trang khổ 12x18 — không đề giá.

Loại tường xã hội ngắn.

32) « *AI VỀ ĐỒNG THÁP* »: của Lê-văn-Đương — tác giả xuất bản — 12 trang khổ 12x18 — không đề giá.

Loại tường xã hội ngắn.

33) « *LỖ BƯỚC SANG NGANG* »: của Viễn-Châu — tác giả xuất bản — 12 trang không đề giá.

Loại tường cải lương.

34) « *CẦU TRE LỖ NHỊP* »: của Viễn-Châu — tác giả xuất bản — khổ 12x18 — không đề giá.

Loại tường xã hội cải lương ngắn

35) « *LỖ LÀNG* »: của Quy-Sắc — tác giả xuất bản — 12 trang khổ 12x18 — không đề giá.

Loại tường xã hội cải lương ngắn.

36) « *KHĂN EM MÀU LÁ MẠ* »: của Lê-Văn-Đương — tác giả xuất bản — 12 trang khổ 12x18 — không đề giá.

Loại tường cải lương ngắn.

37) « *TRÊN DÒNG SÔNG HÁT* »: của Lê-Khanh — Hương-Sơn xuất bản — 12 trang khổ 12x17 — không đề giá.

Bài ca vọng cổ.

38) « *ÔNG LÁI ĐÓ* »: của Lê-Khanh soạn và xuất bản — 12 trang khổ 12x17 — không đề giá.

Bài ca vọng cổ.

ÂM NHẠC

1) « *VỀ DƯỚI MÁI NHÀ* »: lời của Y-Vân nhạc Xuân-Tiên — Tỉnh Hoa Miền Nam xuất bản.

Kêu gọi tình quê hương.

2) « **CUNG THÁNH TỔNG HỢP** » : của nhiều nhạc sĩ Công giáo — nhạc đoàn Lê-Bảo-Tĩnh xuất bản — 296 trang khổ 14x21 — Giá 100\$.

Gồm nhiều bản nhạc lễ trong nhà thờ.

3) « **MAI CHI VỀ EM GỬI GÌ KHÔNG** » : của Thanh-Bình phổ nhạc bài thơ (kể) của Võ-Danh — tác giả xuất bản — giá 7\$.

4) « **MÙA THU PARIS** » : nhạc của Phạm-Duy thơ Cung-Trầm-Tường — An-Phú xuất bản — Giá 7\$.

5) « **VỀ MIỀN TRUNG** » : của Phạm-Duy — tác giả xuất bản — Giá 7\$.

6) « **TÌNH QUÊ LƯU LUYẾN** » : của Lê-Dinh — tác giả xuất bản — Giá 7\$.

7) « **CÓ NHỚ KHÔNG ANH** » : của Lê-Dinh — tác giả xuất bản — Giá 7\$.

8) « **CHIỀU ĐẾN THẮM ANH** » : của Phạm-Thế-Mỹ — An-Phú xuất bản — Giá 7\$.

9) « **TIỄN EM** » : nhạc Phạm-Duy thơ Cung-Trầm-Tường — An-Phú xuất bản — Giá 7\$.

10) « **SUỐI THIÊN** » : của nhiều nhạc sĩ Công giáo — Đa-Minh xuất bản — 48 trang khổ 16x24 — Giá 15\$

GIÁO KHOA :

1) « **HÓA HỌC** » : (đệ lục) Bùi-Kim-Bảng — trường Nguyễn Khuyến tái bản lần thứ ba — 55 trang khổ 15x20 — Giá 15\$

2) « **CHÍNH PHỤ NGÂM KHÚC CHÚ GIẢI** » : của nhà xuất bản Văn Hóa biên soạn và xuất bản — 30 trang khổ 15x20 — Giá 3\$.

3) « **LUẬN LỚP TU** » : của Bùi Quang Kim — Sống Mới xuất bản — 38 trang khổ 14x20 — Giá 12\$.

4) « **BẢNG KÊ SỐ** » : (đệ tứ) của Bùi-Kim-Bảng — trường Nguyễn-Khuyến xuất bản — 45 trang 15x21 — Giá 15\$.

5) « **VIỆT SỬ** » : (lớp nhất) Bùi-Quang-Ly — Nam Sơn xuất bản — 125 trang khổ 15x20 — Giá 28\$.

6) « **LUẬN ĐỀ VỀ CUNG OÁN NGÂM KHÚC** » : của Nguyễn-Duy-Diển — Khai Trí xuất bản — 86 trang khổ 14x20 — Giá 20\$.

7) « **LUẬN ĐỀ VỀ TẢN ĐÀ** » : Nguyễn Duy Diển — Khai Trí xuất bản — 110 trang khổ 14x20 — Giá 20\$.

8) « **LUẬN ĐỀ VĂN CHƯƠNG** » của Minh-Văn và Xuân-Tước — Sống Mới xuất bản — 144 trang khổ 14x20 — Giá 20\$

Luyện thi Tú Tài và Trung Học đệ nhất cấp.

9) « **VẬT LÝ HỌC** » : (tú tài) của Phạm-Đình-Ái — tác giả xuất bản lần thứ 2 — 345 trang khổ 15x20 — Giá 105\$.

10) « **HÓA HỌC** » : (đệ ngũ) Bùi-Kim-Bảng — trường Nguyễn Khuyến tái bản lần thứ 3 — trang khổ 15x20 — Giá 15\$.

11) « **VIỆT-NAM THI VĂN HỢP**

TUYỀN»: (đệ nhị) của Phạm-Thế-
Ngũ — Quốc Học Tùng Thư xuất
bản — 294 trang khổ 15x20 —
Giá 70\$.

12) « **TẬP ĐỌC LỚP TƯ** »: của
một nhóm Giáo viên — Nam Sơn
tái bản lần thứ 5 — 157 trang khổ
15x21 — giá 24\$.

13) « **GIẢNG VĂN LỚP ĐỆ
THẤT** »: của Phan-Ngô — Á-Châu
xuất bản — 188 trang khổ 15x21 —
Giá 40\$

14) « **TẬP ĐỌC** » (lớp nhì) của
Đặng-Duy-Chiêu — Sống Mới xuất
bản — 116 trang khổ 15x21 —
Giá 20\$.

15) « **VIỆT NGŨ TOÀN THU** »:
(lớp nhì) của Huỳnh Hữu Thanh
— Nam Sơn xuất bản — 212 trang
khổ 15x21 — Giá 32\$.

16) « **CÁCH TRÍ** »: (lớp nhất) của
Nguyễn-Duy-Côn — Sống Mới xuất
bản — 93 trang khổ 15-21 — Giá 25\$.

17) « **LUẬN ĐỀ ĐỊA LÝ** »: (thi
Trung học đệ nhất cấp) của ông và
bà Tăng-Xuân-An — Tao Đàn xuất
bản — 102 trang khổ 14x20 —
Giá 20\$.

18) « **HÌNH HỌC** » (lớp đệ Thất)
của Nguyễn Biên — Hoa Niên xuất
bản — 70 trang khổ 14x21 — giá 25\$.

19) « **QUỐC VĂN TOÀN BIÊN** »:
(lớp nhất) của Hà Mai Anh — Thăng
Long xuất bản — 208 trang khổ
15x24 — giá 34\$.

20) « **QUỐC VĂN TOÀN BỘ** »:
lớp tư) của Cao-Văn-Thái — Thanh

Đạm xuất bản — 160 trang khổ
15x24 — giá 25\$.

21) « **GIẢNG VĂN LỚP ĐỆ NGŨ** »:
của Xuân Tước và Thầm Thệ Hà
— Sống Mới xuất bản — 134 trang
khổ 14x22 — giá 45\$.

22) « **VIỆT SỬ THẾ GIỚI SỬ**,
(đệ Tứ) Bùi-Quang-Ly — Nam Sơn
xuất bản — 184 trang khổ 14x21 —
giá 40\$.

23) « **CAO BÁ QUÁT VÀ CAO BÁ
NHẠ** »: của Thuần Phong — Đoàn
Văn xuất bản — 60 trang khổ 13x
19 — giá 12\$.

24) « **TRẦN TẾ XƯƠNG** »: của
Thuần Phong — Đoàn Văn xuất bản
— 60 trang khổ 13x19 — giá 12\$.

25) « **CHU MẠNH TRINH** »: của
Thuần Phong — Đoàn Văn xuất
bản — 60 trang khổ 13x19 — giá 12\$.

26) « **LỊCH SỬ VIỆT NAM** »: (đệ
Tứ) của Thanh Giang, Thái Làng
Nghiêm — Bông Lau xuất bản —
106 trang khổ 14x21 giá 28\$.

27) « **TẬP ĐỌC HỌC THUỘC
LÔNG** »: (lớp Năm) của Đặng-Duy-
Chiêu Sống Mới xuất bản — 96
trang khổ 15x24 — giá 18\$.

28) « **ĐỊA LÝ** »: (lớp nhất) của
Nguyễn-Hữu-Hồng — Yên Sơn xuất
bản — 188 trang khổ 15x22 — giá 25\$

29) « **LỊCH SỬ VIỆT-NAM** »: (đệ
Thất) của Nguyễn-Tử-Quang —
Thanh Quang xuất bản — 128 trang
khổ 15x21 — giá 30\$.

30) « **A.B.C. THỰC HÀNH** »: của

Trần-Văn-Minh — tác giả xuất bản — 36 trang khổ 16x25 — giá 10\$.

31) « **CHÁNH TẢ VIỆT NGỮ** » : của Lê-Ngọc-Tru — Trường Thi xuất bản — 190 trang khổ 14x21 — giá 50\$.

32) « **VIỆT NGỮ TOÀN THƯ** » : (lớp Nhất) của Huỳnh-Hữu-Thanh — Thêm-Văn-Đất, Nguyễn-Hữu-Bảng — Nam Sơn xuất bản — 236 trang khổ 15x24 — giá 34\$.

33) « **LUẬN VĂN** » : (lớp Nhì của Bùi-Quang-Rim — Sống Mới xuất bản — 112 trang khổ 14x21 — giá 20\$.

34) « **ĐỊA LÝ** » : (lớp đệ Lục) của ông bà Tăng-Xuân-An — Sống Mới xuất bản — 270 trang khổ 14x21 — giá 45\$.

35) « **PHÁP VĂN** » : (đệ lục) của Ngô-Văn-Minh — A.B.C. xuất bản — 172 trang khổ 15x22 — giá 38\$.

36) « **CÔNG THỨC TOÁN** » : của Lê-Xuân-Mai và Nguyễn-Tri-Vị — Khoa Học xuất bản — 104 trang khổ 12x18 — giá 25\$.

37) « **ĐẠI SỐ HỌC** » : (đệ Nhị khoa học) của Phan-Văn-Lâm, Nguyễn-Phi-Lộc — Sống Mới xuất bản — 184 trang khổ 15x21 — giá 40\$.

38) « **ĐỊA LÝ** » : (đệ thất) của Nguyễn-Hùng — Thái-Dương xuất bản — 216 trang khổ 15x21 — Giá 35\$.

39) « **PHÁP VĂN TOÀN THƯ** » : của Tô-Đáng, Nguyễn-Mạnh-Hồng

— Việt-Hùng xuất bản — 192 trang khổ 14x21 — Giá 42\$.

Dùng cho lớp đệ ngũ.

40) « **VỞ TOÁN LỚP TƯ** » : của Trần-Văn-Chước — Việt-Hùng xuất bản — 34 trang khổ 14x21 — Giá 4\$.

41) « **HÌNH HỌC** » : (đệ thất) của Nguyễn-Ngọc-Huân — Sống-Mới xuất bản — 72 trang khổ 14 x 21 — Giá 22\$.

42) « **HÓA HỌC** » : (đệ nhất ABC) của Dương-Sâm, Nguyễn-Hoài-Minh — Sống-Mới xuất bản — 172 trang khổ 15x21 — Giá 40\$.

43) « **50 BÀI KHẢO SÁT PHÁP VĂN** » : của Trần-Mộng-Hải — Sống-Mới xuất bản — 70 trang khổ 14 x 21 — Giá 20\$.

Dùng cho các lớp từ đệ tứ đến đệ nhất.

44) « **GIẢNG LUẬN VỀ NGUYỄN KHUYẾN** » : của Lam-Giang, Vũ-Ký — Tân-Việt xuất bản — 192 trang khổ 15x21 — Giá 40\$.

Sách luyện thi trung học.

45) « **VIỆT SỬ** » : (lớp đệ tứ) của Tăng-Xuân-An — Tao-Đàn xuất bản — 196 trang khổ 14x21 — Giá 40\$.

46) « **QUỐC VĂN TOÀN BIÊN** » : (lớp nhì) của Hà-Mai-Anh — Thăng-Long xuất bản — 200 trang khổ 15x21 — Giá 34\$.

47) « **QUỐC VĂN TOÀN BỘ** » : (lớp năm) của Cao-Văn-Thái — Thanh-Đạm xuất bản — 162 trang khổ 15x24 — Giá 25\$.

48) « **VỞ TẬP VIẾT** »: (lớp năm) của Văn-Thư — Soạn giả xuất bản — mỗi tập 8 trang khổ 16x25 — Giá 1\$50.

49) « **HOA VIỆT TÂN TỰ ĐIỀN** »: của Châu-Văn-Cẩn — tác giả xuất bản — 2130 trang khổ 14x19 — Giá 300\$.

Một cuốn tự điển chữ Hán. Phiên âm chữ Việt và định nghĩa. Số chữ từ 1 nét tới 33 nét.

Giúp ích cho việc tìm hiểu các danh từ Hán đã Việt hóa. Thí dụ: Kinh tế, Hành văn, Hồ tương v.v..

50) « **QUỐC VĂN TOÀN THƯ LỚP NHÍ** »: của Phạm-Trường-Xuân và một nhóm giáo sư — Việt Hương xuất bản — 106 trang khổ 15x24 — Giá 20\$.

51) « **VĂN PHẠM ANH VĂN ĐỆ NGŨ** »: của Vũ-Thanh-Bình — Thời Đại xuất bản — 134 trang khổ 14x21 — Giá 32\$.

52) « **MỘT TRĂM BÀI GIẢI TOÁN LỚP NHẤT** »: của Nguyễn.Kim-Quang — Nguyễn-Đình-Vượng xuất bản — 100 trang khổ 14x19 — Giá 25\$

53) « **LỊCH SỬ VIỆT-NAM LỚP ĐỆ NGŨ** »: của Thanh-Giang — Bông-Lau xuất bản — 150 trang khổ 14x21 — Giá 34\$.

54) « **CÁCH TRÍ LỚP NĂM** »: của Nguyễn-Quý-Bính — Yên-Sơn xuất bản — 90 trang khổ 14x21 — Giá 20\$.

55) « **GIẢNG VĂN ĐỆ NGŨ** »: của Nguyễn-Quảng-Tuân — Trường-Thi xuất bản — 164 trang khổ 14x21 — Giá 40\$.

56) « **TOÁN ĐẠI SỐ ĐỆ TAM A-B và KỸ THUẬT** »: của Phạm-Kế-Viêm, Nguyễn-Toàn-Nhung và Nguyễn-Phượng-Các — Trường-Thi xuất bản — 298 trang khổ 14x21 — Giá 60\$.

57) « **PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT MỘT BÀI TEXTE** »: của Trần-Thừa-Dụ — Yên-Sơn xuất bản — 96 trang khổ 15x24 — Giá 26\$.

Dùng cho học sinh thi trung học

58) « **PHƯƠNG PHÁP LÀM ANALYSE và PARSE ANH NGŨ** »: của Quốc-Mỹ — Thư-Lâm xuất bản — 66 trang khổ 15x23 — Giá 26\$.

Dùng cho học sinh trung học.

59) « **ĐỊA LÝ LỚP ĐỆ TƯ** »: của Nguyễn-Văn-Mùi — Thăng-Long xuất bản — 232 trang khổ 14x21 — Giá 48\$.

60) « **CÔNG DẪN GIÁO DỤC ĐỆ NGŨ** »: của Nguyễn-Quý-Bính — Anh-Phượng xuất bản — 124 trang khổ 14x21 — Giá 26\$.

61) « **ĐẠI SỐ VÀ SỐ HỌC ĐỆ LỤC** »: của Đào-Văn-Đương và Nguyễn-Đức-Kim — Bông-Lau xuất bản — 72 trang khổ 14x21 — Giá 24\$

62) « **VĂN PHẠM ANH VĂN TOÀN BỘ** »: của Bùi-Xuân-Giao — Việt-Nam Tu-Thư xuất bản — 260 trang khổ 14x21 — Giá 34\$.

63) « **SIÊNG HỌC TẬP 22** »: của Trịnh-Văn-Thanh chủ biên và xuất bản — 34 trang khổ 15x23 — Giá 10\$

Luyện thi Trung học.

LINH TINH:

1) « **NGŨ TUẦN ĐẶC-SAN** »: Đặc san của Hội Tin Lành Việt-Nam — Quay ronéo — 32 trang khổ 21x27.

2) « **SIẾNG HỌC** »: tạp chí giáo khoa của một nhóm giáo sư — 48 trang khổ 15x21 — Giá 10\$.

3) « **PHÉP GIẢI TỎA** »: của Nguyễn-Kim — tác giả xuất bản — 4 trang khổ 15x24 — giá 3\$.

Dạy làm trò ảo thuật.

4) « **HIỆN ĐẠI** »: số 3 Tập san do Nguyễn Sa chủ trương — 112 trang khổ 15x22 — giá 15\$.

5) « **LUẬT LỆ GIAO THÔNG** »: của Đỗ-Đình-Khang — số Cảnh-sát xuất bản — 48 trang khổ 14x21 — không đề giá.

Giải thích luật đi đường.

6) « **TẬP SAN DƯỢC HỌC** »: của Dược Sĩ Đoàn Quốc — 74 trang khổ 22x28 — không đề giá.

Nội san của Dược Sĩ đoàn.

7) « **NIÊN GIÁM QUỐC HỘI V.N.** »: của Nguyễn-Văn-Nam — Phương Nam xuất bản — 202 trang khổ 16x24 — không đề giá.

Niên giám Quốc Hội Lập pháp khóa II.

8) « **CHỮ VIẾT MA** »: số 9 của Nguyễn-Kim — tác giả xuất bản — 4 trang khổ 17x27 — giá 3\$.

Dạy làm trò ảo thuật.

9) « **LUỚI TINH** »: của Trung Nghiên cứu Việt-Nam xuất bản — 32 trang khổ 12x18 — Giá 3\$.

10) « **CHÍ TRAI** »: số 2 Đặc san Thanh Niên của Tráng Đoàn Bạch Đằng ấn hành — 80 trang khổ 15x24 — Giá 10\$.

11) « **CẤP MẬT THẦN** »: của Nguyễn-Kim soạn và xuất bản — 4 trang khổ 16x25 — Giá 3\$.

Dạy làm trò ảo thuật.

12) « **ĐIỀU LỆ HỢP TÁC XÃ CHẤN HUNG NGHỀ DỆT VIỆT-NAM** »: 24 trang — khổ 14x21 — Không đề giá.

13) « **GIAI PHẪM THỂ HỆ** »: của Trần-Tân-Long chủ biên và xuất bản — 98 trang khổ 15x24 — Giá 15\$.

14) « **HIỆN ĐẠI** »: số 4 của Nguyễn-Sa chủ biên và xuất bản — 128 trang khổ 15x24 — Giá 25\$.

15) « **HOA NHÂN ÁI** »: giai phẩm của Viện Bác Ái IIố Nai phát hành — 136 trang khổ 22x28 — Không đề giá.

TÒNG KẾT

Các sách xuất bản trong 7-1960 :

Biên Khảo	8
Dịch Thuật	4
Tôn Giáo	12
Tiểu Thuyết	6
Thơ	7
Sân Khấu	38
Âm Nhạc	10
Giáo Khoa	63
Linh tinh	15

Tổng cộng : 163 tác phẩm

NGUYỄN-CỬU-VỊNH

Hộp thư

Cũng như những lần trước, hôm nay Văn Hữu lại đáp thư bạn đọc có lòng yêu gửi về tòa soạn nêu thắc mắc hoặc tỏ bày cảm tưởng. Đặc biệt trong tháng vừa qua, tòa soạn chúng tôi nhận được rất nhiều thư và tác phẩm của những cây bút mới cũng như của các văn hữu quen thuộc. Chúng tôi chăm chỉ đọc thư và tác phẩm của các bạn và sẽ lần lượt đăng tải trên Văn Hữu ở những số tới. Chúng tôi rất mong các bạn đọc bốn phương tham gia ý kiến xây dựng và liên tục gửi bài về tòa soạn, để chúng tôi nỗ lực hoàn mỹ Văn Hữu mỗi ngày thêm xứng đáng với bạn đọc.

Trân trọng đáp thư bạn :

— Ông CAO-TRƯỜNG-NAM — Hội-An. — Đã nhận được tác phẩm « Nước Đồng » của bạn. Sau đây chúng tôi xin gộp một vài ý kiến xây dựng. Chúng tôi đã đọc kỹ bài ấy ; tuy bạn không ra ngoài đề nhưng nội dung « Nước Đồng » không được lành mạnh lắm. Chỉ có một cuộc tranh chấp nhỏ nhen về nước ruộng mà đến nỗi đối bên phải ấu dả nhau trời chết thì không đẹp tí nào. Đề tài « Đồng Ruộng » của chúng ta cần xây dựng trên cái đẹp, trên lý tưởng chân thành.

Dù được tuyển đăng hay không, chúng tôi vẫn quý trọng cảm tình của tác giả đối với Văn Hữu và mong tác giả sẽ được trúng giải ở những kỳ sau. Cố gắng lên bạn nhé.

— Ông DẠ-NGUYỆT — Saigon. — Hân hạnh được bạn nghĩ đến. Bài thơ « Chuông Quê Nhà » tuy dịch rất sát nghĩa, lưu loát nhưng khung cảnh ấy không gần với chúng ta, nó có vẻ Âu hơn Á, sợ e không hợp với cảm quan của độc giả Việt-Nam. Mong bạn thông cảm và hy vọng bạn gửi cho những tác phẩm khác thích hợp hơn.

— Ông HUY-SON — Saigon. — Đã nhận được truyện dịch « Chuyện của Nàng ». Nội dung và kỹ thuật hành văn của câu chuyện ấy rất hay, đúng là một truyện hay quốc tế. Nhưng rất tiếc, chúng tôi không thể làm khác hơn được vì chuyện ấy đã được dịch từ lâu trên tờ Đời Mới năm 1953, dưới nhan đề là « Tại Sao ». Rất mong bạn thông cảm và sẽ gửi cho chúng tôi những sáng tác mới khác. Đa tạ.

— Ông VĂN-BÌNH-TUY — Banmethuot. — Đa tạ những lời khen ngợi khuyến khích của bạn. Chúng tôi cũng như bạn, mong sao Văn Hữu càng ngày sẽ càng xứng đáng với lòng tin yêu của độc giả bốn phương. Bài « Bài thơ trên đá » rất có hồn, song câu vắn dài và quá táo bạo nên làm cho hơi và ý thơ lạc lõng. Tin rằng bạn sẽ thành công với những bài ngắn, gọn hơn. Thông cảm.

— Ông THÙY-LINH NGUYỄN-HỮU-NGŨ — Nguyễn-Công-Trú — Huế. — Đa tạ những lời phê bình xác đáng của bạn. Tuy nhiên chúng tôi cũng cần đặt vấn đề với bạn là giữa cuộc sống có phần mệt mỏi hiện nay, chúng ta, những người đang tranh đấu cam go — đôi khi

cũng cần có một vài rung cảm nhẹ nhàng ý nhị về cuộc sống đỡ phần khô cạn. Bài thơ « Khởi Điểm » khá, chúng tôi sẽ lựa đăng vào số tới. Đa tạ.

— Ông **MAC-PHONG-THANH** — *Saigon*.— Bài « Tình trạng học sinh ngày nay » có khá, nếu bạn gửi kịp thời, chúng tôi sẽ cho đăng vào Văn Hữu số 6 nói về « Thanh Niên Cao Bồi » đã phát hành trong tháng 6 vừa qua. Có một điều chúng tôi mong bạn chú ý cho là giọng văn nên nhẹ nhàng và bình tĩnh để đạt đến một mục đích duy nhất của chuyện nêu ra. Có lẽ bạn nóng nảy lắm nên chi văn của bạn cũng bị ảnh hưởng ít nhiều. Đa tạ.

— Ông **PHƯƠNG-TỬ** tự **XUÂN-PHỤNG** — *Saigon*.— Tòa soạn Văn Hữu hân hoan được bạn góp phần sáng tác. Chuyện « Một Bản Tình Ca » tuy được bạn dịch lưu loát nhẹ nhàng dễ gây cảm hứng nhưng nó vẫn mang nặng tính chất của một chuyện nhĩ đồng nên rất khó cho Văn Hữu xử dụng. Mong bạn vui lòng gửi cho một chuyện dịch đặc sắc khác dành cho độc giả người lớn. Thông cảm và Đa tạ.

— Ông **VÂN-PHONG** — *Long-An*.— Đa tạ những lời khen ngợi nồng nhiệt của bạn. Chúng tôi thêm phần phấn khởi. Thi phẩm « Không Đẻ » của bạn rất khá. Sẽ đăng trong lần tới.

— Ông **LÊ-THÀNH-NHÂN** — *Tuy-Hóa*.— Cảm tạ những lời khen ngợi nồng hậu của bạn. Ý kiến xây dựng Quỹ Văn hóa Tín Dụng của bạn rất đầy đủ, chúng tôi có thêm tài liệu để tiến tới hoàn thành công tác văn hóa trong đại gia. Chúng tôi đang đọc « Người Nữ Tu và Người Đào Ngủ ». Sẽ có tin riêng cho bạn.

— Ông **LÊ-LỘC** — *100 D Nguyễn-Thống* — *Saigon*.— Cảm tạ thư góp ý phê bình xây dựng của bạn. Nhân đây xin trả lời câu hỏi của bạn :

1) — Chuyện « Chàng nhạc sĩ xứ Vạn-Tượng » do ông **Vị-Hoài** dịch đăng trên Văn Hữu số 5 là tác giả phóng tác chuyện « La Belle au puits et le joueur de Khen » trong quyển « Contes et Légendes d'Indochine » Nguyên tác, không được màu mỡ cho lắm, nên tác giả dịch phóng tác, thêm nhiều tình tiết éo le hơn. Việc cô **Lý-Hồng-Hoa** khen hay chê, đó là quyền cao đẹp của độc giả bốn phương mà Văn Hữu bao giờ cũng tôn trọng và đăng tải trong mục « Bạn Đọc Viết ».

2) — Trong bản thảo, ông **Nhị-Giang** có ghi là: *theo André Maurois* dưới bài « Có Mấy Cách Đọc Sách » nhưng ẩn công bỏ sót. Đây là một lỗi đáng tiếc, tòa soạn Văn Hữu xin có lời cáo lỗi cùng tác giả và quý bạn đọc giả.

Văn Hữu rất mong thư góp ý kiến xây dựng phê bình chỉ trích thẳng thắn, xác đáng của bạn và quý bạn đọc xa gần.

— Ông **ĐẶNG-QUÝ-ĐỒNG** tự **HOÀI-ĐIỆP** — *Chợ-Lớn*.— Đã nhận được 4 bài thơ của bạn. Chúng tôi đã đọc kỹ, riêng bài « Buồn Thu » khá, nhưng tiếc bị quan quá. Mong bạn gửi cho những bài khác. Thông cảm, đa tạ.

TÁC PHẨM ĐÃ NHẬN ĐƯỢC: Phân Kỳ và Tìm nhau của Quang-Đại — Máy bay qua phố của Tuấn-Huy — Bến Lạnh Ngàn Năm (thơ) của Nguyệt-Lăng — Tràng Đêm (thơ) của Chu-Sơn — Người Đào Ngũ của Lê-Thành-Nhân — Khóc, Lòng Người Ly Xứ, Rừng Đêm Suối Bạc, Buồn Thu (thơ) của Hoài-Diệp — Tìm hiểu ý nghĩa khóm trúc trong Quốc ấn của Nguyễn-Hữu-Đức — Còng Đầu Nó Lại của Lộc-Thiên-Hồng — Tình Ca (thơ) của Huy-Lực — Em về phía ấy (thơ) của Tường-Linh — Còng Đầu Hình Bóng Giai Nhân (thơ) của Quang-Hân — Vàng Đỏ (thơ) của Thái-Vân — Yêu Thương (thơ) của Bùi-Giáng — Xõa Tóc (thơ) của Cô Hoàng-Mai — Thơ Ghét Vẫn Thương (thơ) của Cô Huỳnh-Hoa — Mùa Thu Quyển Rũ (thơ) của Tường-Linh.

BÀI DỰ THI TRUYỀN NGẮN VĂN HỮU NHẬN ĐƯỢC: Những Tia Chớp Đầu Núi Xa của Cô Hoàng-Mai — Nhạc Đồng Quê của Chu-Minh-Thụy — Bức Tranh Quê của Minh Đạo — Được Vàng của Nghiêm-Lệ-Quân — Sầu Quê của Hoa-Xuân — Nước Đồng của Cao-Trường-Nam — Nguồn Sống của Ngô-Văn-Ban.

Văn Hữu dành tất cả cảm tình nồng nhiệt cho những đứa con tinh thần của các bạn. Dù đăng hay không chúng tôi vẫn kính yêu những sáng tác phẩm của độc giả bốn phương gửi về tòa soạn.

Sĩ Trung

Các bạn hãy đón đọc Văn Hữu Số 8

Đặc biệt bàn về

Nạn mãi dâm

Gồm có những bài biên khảo giá trị của những cây bút quen thuộc.

Gửi các cây bút mới

TỪ số 7, Văn-Hữu tổ chức mỗi kỳ một cuộc thi chuyện ngắn dành cho các bạn đọc giả nhằm mục đích khuyến khích những cây bút mới.

Thẻ lệ rất giản dị :

1.— Bản thảo không quá 15 trang (21x27) đánh máy cách một dòng, trên một mặt giấy.

2.— Các bài xuất sắc sẽ đăng trên Văn-Hữu và được trả tiền nhuận bút xứng đáng. Tòa Soạn sẽ tặng thêm 10 hoặc 5 kỳ Văn-Hữu.

3.— Đề tài kỳ này : **NHI ĐỒNG**

4.— Thời hạn nộp bài là ngày 15 mỗi tháng.

5.— Ngoài bút hiệu, xin cho biết tên thật và địa chỉ rõ ràng để gửi tiền.

Văn-Hữu ước mong được các bạn bốn phương hưởng ứng cuộc thi văn chương thường xuyên này.

VĂN - HỮU

BÁO MỚI

« **MAI** » là một tạp chí văn nghệ số 1 ra ngày 10-7, do tòa soạn tạp « **Bách Khoa** » chủ trương với sự cộng tác của nhiều nhà văn tên tuổi.

« **Văn Hữu** » xin trân trọng giới thiệu tạp chí « **MAI** » cùng bạn đọc.



TRÁI TIM ĐỨC MẸ. — Nguyệt san tục bản mới ra số 1, là cơ quan tuyên truyền lòng tôn sùng Trái Tim Đức Mẹ trong giới công giáo Việt-Nam.

Quản nhiệm : Cha Minh-Đăng. Tòa soạn Dòng Đồng Công Thủ đức.



UNESCO VIỆT-NAM. — Đó là tập san của Ủy-hội Quốc-gia Việt-Nam xuất bản với sự cộng tác của Unesco, và vừa phát hành số 1, gồm nhiều bài có giá trị như : Thăm định văn hóa Đông Tây của Nguyễn-dăng-Thục ; Sự hiểu biết hồ tương các giá trị văn hóa Đông Tây qua cuộc hội thảo Wellington 1960 của bác sĩ Trần-sĩ-Đôn ; Hải học viện Nha Trang của Việt-Duy v.v...

VĂN - HỮU Á - CHÂU

ĐÃ XUẤT BẢN :

- ★ VIỆT SỬ TÂN BIÊN

Phạm Văn Sơn

- ★ TRIẾT LÝ VĂN HÓA KHÁI LUẬN

Nguyễn Đăng Thục

- ★ HOA ĐĂNG (thơ)

Vũ Hoàng Chương

- ★ NHU ĐẠO TẬP PHƯƠNG

Hồ Cẩm Ngạc

- ★ VIỆT NAM VĂN HỌC TOÀN THƯ

Hoàng Trọng Miên

- ★ PHỤ NỮ VIỆT - NAM QUA CA DAO

Hồ Tánh



SẴP XUẤT BẢN :

- ★ ĐƯỜNG THI TRÍCH DỊCH

*Bùi Khánh Đản
và Đỗ Bằng Đoàn*

TRƯỜNG CỬU- LONG

Hiệu-Trưởng : **Ô. PHAN-HUY-ĐỨC**

(Giấy phép số 166 GD/VP/T ngày 8-1-54)

89-91 NGUYỄN-DU — SAIGON

— CÓ TỪ MẪU GIÁO ĐẾN ĐỆ NHẤT. TRƯỜNG SỞ MẮT MẸ, YÊN TĨNH XỨNG ĐÁNG LÀ MỘT HỌC ĐƯỜNG.

— TRƯỜNG CỦA con nhà trăm anh thế phiệt. Trường đứng đầu 59 trường TRUNG HỌC Thủ Đức. Thứ nhất 10 trường TRUNG HỌC ĐỆ II CẤP.

— CÓ BAN GIÁO SƯ danh tiếng nhất Đô Thành (Cũ: Hiệu làm Hiệu Trưởng T.K. — H.Đ. — X.T.) Mới: Những Hiệu Trưởng tương lai của những trường danh tiếng tương lai).

— Có Thư Viện, Có phòng thí nghiệm, Có Hiệu-Đoàn, Có Bác-Sĩ riêng.

— 1/8/60 Học phí Trung Học như trường **BÁN CÔNG**.

— **BAN GIÁO SƯ CỦA IV-III-II và ĐỆ NHẤT.**

PHÁP : Kiều-Công-Gia, Đào-Quang-Huy, Phan-Huy-Đức.

ANH : Phạm-Ngọc-Hường, Hoàng-Giang, Phạm-Văn-Vinh v. v...

VIỆT : Ma-Xuân-Đạo, Lưu-Trung-Khảo, Bàng-Bá-Lân, Đinh-Văn-Vinh, Vũ-Ký, Lâm-Giang.

SỬ-ĐỊA, CÔNG-DÂN : Thiên-Giang, Trịnh-Chuyết, Huỳnh-Huy v. v...

TOÁN, VẠN-VẬT : Hoàng-Mai, Nguyễn-Đặng-Đại, Trương-Quang-Mục, Phan - Huy - Tùng, Nguyễn-Anh-Trường, Nguyễn-Hữu-Tiến, Bác-Sỹ Lê-Phước-Huy v. v.

Đối Tượng của Trường **CỬU- LONG** là học sinh.

T. H. Đ. N. C. Năm 1959-60 : 27 Học-sinh đầu 17.

TÚ-TÀI phần I thi 42 đầu 13 — TÚ-TÀI II thi 60 đầu 40.

TRƯỜNG chọn THẦY, lọc HỌC SINH.

PHỤ-HUYNH YÊN DẠ GỖI CON HỌC

HÃNG NHẬP CẢNG

STUDIO HOLLYWOOD

69 B Đường Tự-Do — Saigon

Đ. T. : 22353 — SAIGON

Giám-Đốc Chủ-Nhân NGUYỄN-THAO

ĐẠI LÝ HÃNG PHIM :

GUILLÉMINOT

MÁY RƠI LYNXA

Chuyên nhập cảng :

DỤNG CỤ NHIẾP ẢNH VÀ ĐIỆN ẢNH

BÁN BUÔN — BÁN LẺ

XUẤT - NHẬP CẢNG

TAI-HUNG-HANG

49, Đường Lương-Nhữ-Học

Điện thoại : 37.766

CHỢ-LỚN

Đồng được sĩ: **Hoàng-Thắng** kiến chế

LỤC - THAN - KHÚC

Từ thời cảm mạo, phát nóng phát lạnh, nhức đầu nghẹt mũi ỉa mửa đau bụng, Ầy mình chóng mặt. Tiêu hóa bất thường. Sơn lâm chứng khí, uống rượu quá độ mình mảy mệt mỏi. Thủy thổ bất phục khát nước khan tiếng.

Người lớn uống hai chỉ, con nít uống một chỉ, nếu không có bệnh dùng thuốc này thì thông cổ giải khát.

Xin chớ coi rẻ thứ lương được này.

HOÀNG-THẠCH-CÔNG ĐƯỢC HÀNG

139, đường Lương-Nhữ-Học — Cholon

XUẤT NHẬP CẢNG

VIỄN-Á-HÃNG

127, Bến Lê-Quang-Liêm 127

Điện thoại: 37.278

— CHOLON —



IMPRIMERIE

MAN - SANH

OFFSET — LITHO — TYFO

321, Boulevard Đồng-Khánh

Téléphone : 36.957

CHOLON

NHÀ SÁCH và NHÀ IN
CHIN - HOA

245 Đại lộ Đồng-Khánh 245

Điện thoại : 37.298

— CHOLON —

**CÔNG-TY THUY-SẢN
THÁI-BÌNH-DƯƠNG**

S. A. R. L.

10—12 ĐƯỜNG NGUYỄN-VĂN-SÂM

Điện thoại : 181 SG.

TƯ THỰC TIÊU HỌC

THỜI - TẬP

958, TRẦN-HƯNG-ĐẠO — CHOLON

ĐẠI-BỒ NGŨ-TẠNG-TINH

LA-VẠN-LINH

Bổ huyết khỏi tim, tráng
thận ngũ dẻ ăn ngon, rất hợp
cho người ốm yếu mệt nhọc...

(Có bán khắp nơi)

Chìa khóa của Văn-minh Á-Đông

Là bộ: **HÁN-VĂN TỰ-HỌC**

Một kho chữ hoạt - dụng,
một bộ Văn Phạm đầy đủ, một
kho tài liệu danh từ thông
dụng, cách trình bày khoa-
học, dễ nhớ, học trong 6 tháng
thành tài. (học chữ nho một
minh)

Tác giả : NGUYỄN-VĂN-BA

KINH-LÝ VĂN-PHÒNG :

PHẠM - VĂN - LANG

GIÁM-ĐỊNH TRẮC-ĐỊA-SU

(Géomètre - Expert)

110, Đ. I. Nguyễn-Huệ — Đ.T. 23.187
SAIGON

Bán đồ Mỹ-Nghệ nội hóa

ĐỨC-LỢI

165 - 167, Đường Lê-Thánh-Tôn

Phone : 21.668

SAIGON

LỚP NHẠC

Do nhạc sĩ TRỌNG - KHƯƠNG
và LÊ-HÀ hướng dẫn đứng dẫn các
môn :

- Nhạc lý, xướng âm, luyện hát
- Guitare Espagnole — Mandoline
- Guitare Hawaïenne — Accordéon

TRỌNG - KHƯƠNG và LÊ - HÀ
luôn luôn niềm nở tiếp đón sự
hiện diện của quý bạn yêu nhạc tại
số 54/1 Đại lộ Chi-Lăng Gia-Định.

TƯ THỰC

Khải-Minh

72 Nguyễn-dinh-Chiều

Tân-Định — Saigon

Điện thoại số 488

1-8-1950 mở thêm nhiều lớp mới cho niên khóa 1960-1961.

Học đường danh tiếng vào bậc nhất Saigon, đã được rất nhiều các cơ sở văn hóa trong nước và ngoại quốc khen ngợi và khuyến khích.

IMPRIMERIE — PAPETERIE
— **RELIURE**

KWONG - WA

51 — Rue Catinat — 51

Téléphone N° 20.596

R. C. Saigon N° 265
SAIGON

NHÀ IN VÀ XƯỞNG LÀM
HỘP GIẤY

Vĩnh - Lợi - Hăng

163 Đại lộ Đồng-Khánh Chợ lớn

Điện thoại 36.960

Có máy in offset — in nhân
rất tốt — Có máy làm hộp giấy
Giao hàng mau lẹ — Giá
phải chăng.

ETABLISSEMENT

Hòa-Thành

271 Đường Lê-Thánh-Tôn

SAIGON

Nhà kỹ nghệ sản xuất
TRỤC PHÍM phụ tùng và
các loại đàn mỹ thuật, bền
bỉ, đáng so sánh với hàng
ngoại quốc.

KOREA
GINSENG - WINE
RƯỢU BỒ

NHÂN-SÂM CAO-LY

- Rượu NHÂN-SÂM CAO-LY là một thứ rượu thần-diệu, dưỡng thân-thể.
- Rượu NHÂN-SÂM CAO-LY đã được khoa-học thế-giới công nhận rượu đại-bồ nhất.
- Khi mệt yếu, uống vào sẽ thấy trong người khoẻ khoắn ngay.
- Danh tiếng khắp thế-giới, mọi người đều ưa thích dùng Rượu NHÂN-SÂM CAO-LY,
- Trong chai có một NHÂN-SÂM CAO-LY.

BỒ THẬN, TIÊU HÓA, TRẮNG KIẾN, KHỎE MẠNH
TỔNG ĐẠI LÝ TẠI VIỆT-NAM:

DI - NAM - HUNG

34, TRIỀU - QUANG - PHỤC
CHOLON

ĐIỆN-THOẠI : 37.370

Hãng TRƯỜNG

11, ĐƯỜNG PASTEUR

S A I G O N



Điện thoại : 20.432

Điện tín : ETRUNIMEX SAIGON

SANH - XƯƠNG Co.

IMPORT & EXPORT

MARCHAND PORCELAINE & DIVERS

TÔNG PHÁT HÀNH

Đồ sứ dùng thường bữa và mỹ thuật, vật liệu cất nhà.
Vật dụng chất email, Bình thủy, Gạch sứ v. v...
Giá thật rẻ, không đâu bằng.

97, 98. Bến Lê-Quang-Liêm Cholon
Điện-thoại: 37.096

CABLE ADD: SAXUCO CHOLON



廠簿西華文



號五十七道大子孔岸堤南越

發紙文兼西各專
客料具辦部種造

Nhà Buôn VĂN - HOA

75, ĐẠI-LỘ KHÔNG-TỬ CHOLON

ĐIỆN THOẠI: 37.217

Xưởng sản xuất chế tạo các thứ sổ, tập vở, bán đủ giấy
mực văn phòng và dụng cụ học sinh v. v...

Hiệu: — XE LỬA — CON GÀ — TÌM TÒI

Giao hàng nhanh chóng, Xưởng đã được nhiều tin nhiệm
của các giới đồng bào.

Khắp các tỉnh đều có hàng của bồn xưởng bán.

NHA IN [̣]VIÊN-XƯƠNG

92, ĐƯỜNG PHÙNG-HÙNG (PARIS CŨ) — CHOLON

Điện-thoại: 37.267



- Lảnh in các loại sổ sách văn kiện Hán-Việt
- Cung cấp mọi thứ ấn loát cho công và tư sở
- Công việc nhanh chóng, giao hàng đúng hẹn
- Giá tính phải chăng, được nhiều tín nhiệm.

XUỞNG CHẾ TẠO CAO-SU HÓA-HỌC « PLASTIC »

VI-QUANG

60, Đại-lộ Hồng-Bàng CHOLON

Xưởng chuyên sản-xuất các loại bằng chất nhựa hóa học như: Bốp — Túi — Giấy Nịch

Thẻ đựng bằng lái xe — Thẻ học sinh
Bao tập vở học-sinh và vật dụng hằng ngày v.v.

HÀNG TỐT VÀ RẺ HƠN MỌI NƠI.

TRUNG-HỌC TƯ-THỰC

THÁI - ĐỨC

98.100, Đường TRỊNH-MINH-THỂ — KHÁNH-HỘI

Giấy phép số 2481 /GD của B.Q.G.G.D.

Hiệu-Trưởng : NGUYỄN-THÀNH-VINH

GIÁO-SƯ TRIẾT-HỌC

TỐT-NGHIỆP ĐẠI-HỌC ĐƯỜNG LAVAL

Ngày 15-8-1960

Mở thêm các lớp từ Đệ Thất đến Đệ Nhất

NIÊN-KHÓA 1960-1961

BANK OF CHINA

Siège Social : TAIPEI-TAIWAN

Capital : 6.000.000 Dollars Argent

RESPONSABILITÉ DES MEMBRES LIMITÉE

Traite toutes les affaires de Banque

Agence Correspondants dans toutes

les Grandes Villes du Monde

SUCCURSALE DE SAIGON

11, Bến Chương-Dương (ex Quai de Belgique)

Téléphones : 21.632 - 21.683

AGENCE À CHOLON

754-756 Bến Hàm-Tử (ex. Bd. Gaudot)

Téléphone : 36.266

AGENCE de la

CHINA INSURANCE COMPANY, LTD.

Maritimes — Incendie — Automobiles et Divers

KOREAN GINSENG TONIC

KOREAN PHARMACEUTICAL CO., LTD. Seoul Korea

CAO-LY NHÂN-SÂM CƯỜNG TRẮNG TINH



Công Hiệu : Cường thận bổ huyết, tăng tiến tinh lực, tăng thêm trọng lượng của thân thể, xúc tiến huyết tuần hoàn, phòng ngừa già yếu, ích thọ diên niên.

Chủ Trị : Ngươn khí không đủ. Lúc bệnh và sau khi bệnh suy yếu, dinh dưỡng không đủ, tinh cơ năng giảm bớt, xuất tinh sớm, chứng cảm lạnh, thiếu máu, ăn không biết ngon, đau tim, bệnh đái đường, thần kinh suy yếu, ruột hoặc bao tử đau, mất ngủ, nhức đầu, tiểu hóa không tốt, tâm thần và thân thể không yên giấc. Cái trong huyết thanh giảm ít, bản thân mệt mỏi ngày càng ồm yếu.

Trong chai có một nhân sâm cao ly đem sắc ra uống rất bổ.

Khắp các tiệm thuốc Việt Hoa đều có bán.

XƯỞNG SẢN XUẤT BÀN BI-DA

KIM - QUAN

ĐƯỢC TÍN NHIỆM NHẤT TẠI THỦ ĐÔ

- ★ Cung cấp bàn Bi - Da và mọi dụng cụ thể thao lành mạnh cho các nhà giải trí, câu-lạc-bộ, hội thể thao v.v...
- ★ Bàn làm bằng vật liệu tốt, có bảo đảm
- ★ Mọi dụng cụ chơi Bi-Da rất vừa ý

BỀN — ĐẸP — RẺ

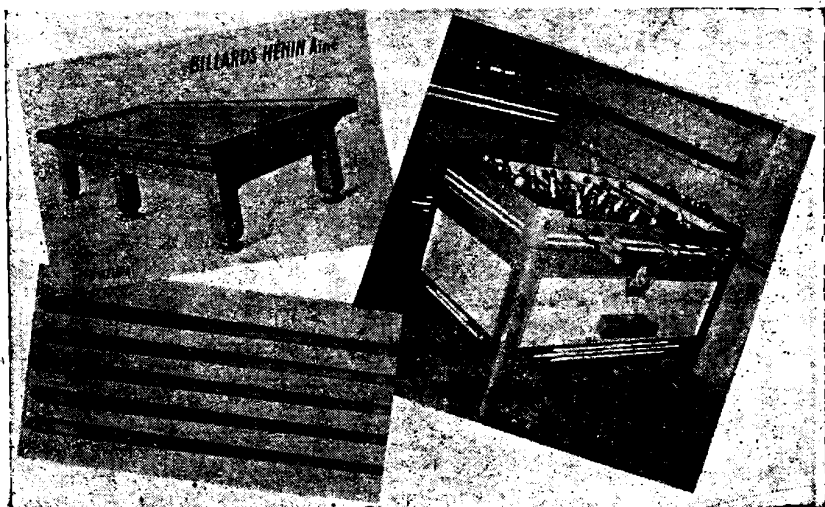
Kính mời Quý vị đến viếng một lần sẽ được hài lòng.

Nơi trưng bày :

119/2, đường Bác-sĩ Yersin
(Kế rạp chóp bóng Diên-Hồng)
Sài-gòn

xưởng làm :

19/5, đường Phát-Diệm
Sài-gòn



ABC

Viết đầu đạn



ĐẶC-ĐIỂM:
MỰC CHẢY ĐỀU
MÀU SẮC TƯƠI ĐẸP

Viết đầu đạn

LÀ THỨ VIẾT ĐÁNG
TIN CẬY NHẤT TẠI NƯỚC
VIỆT-NAM

ABC



PHÒNG-DU <https://tiengun.hopto.org>



QUÍ NGÀI NÊN ĐÁP VỎ TẠI HÀNG

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG CÔNG-TY

VỎ ĐÁP = Tiết - kiệm
V.N.C.T. = Chắc Chắn

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG CÔNG-TY, 134, NGUYỄN-BIỂU, CHOLON

XUỞNG MÁY

PHAN - THANH - TÔNG

Đường Lê-Quang-Hiền, số 197, Chợ lớn mới

Xưởng sản xuất các loại:

MÁY DỆT LAMTO

Đường Phú-Định, số 445, Phú-Lâm (Cholon)

Xưởng sản xuất các loại:

**MÁY DỆT — MÁY MẮC — MÁY VẮT NƯỚC — MÁY CHẢI TƠ — MÁY
HỒ TƠ — ĐÀU BÔNG — MÁY CƯA — MÁY GẠO v.v...**

— Xưởng máy **PHAN-THANH-TÔNG** đã phát minh nhiều loại **MÁY** tối tân, cung ứng cho các Công, Kỹ-Nghệ toàn quốc.

— Sản xuất với đặc điểm:

TINH VI — BỀN BỈ — RẺ TIỀN — BẢO ĐẢM

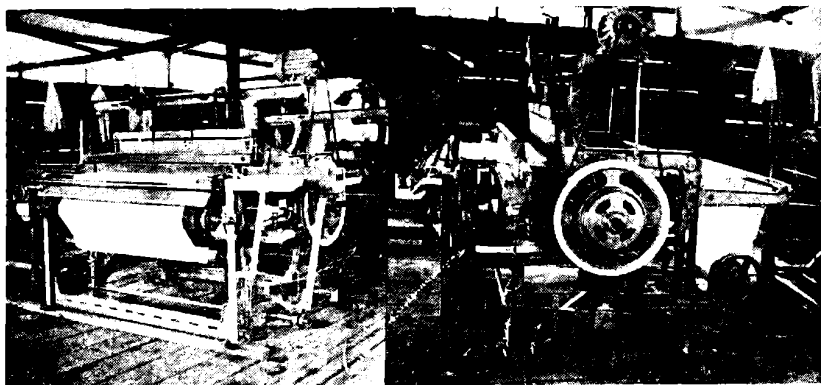
— Ngoài ra Xưởng đã từng lãnh sửa chữa đủ các loại máy móc, kể cả những loại phức tạp, khó khăn nhất.

— Đã được Quý Vị thân chủ tín nhiệm.

— Do Chủ Nhân đích thân điều khiển.

Chủ Nhơn

PHAN-THANH-TÔNG



MÁY DỆT HIỆU LAMTO DO XƯỞNG PHAN-THANH-TÔNG SẢN XUẤT

ĐÓN ĐỌC VĂN HỮU SỐ 8

ĐẶC BIỆT VỀ

Nạn mãi dâm